

# VIET NAM'S PROVINCIAL OPEN BUDGET INDEX REPORT 2022

Nguyễn Đức Thành, Vũ Sỹ Cường  
Phạm Văn Long, Ngô Minh Hương, Nguyễn Quang Thương



## CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH

Đo lường mức độ công khai  
thông tin ngân sách địa phương

**LIÊN MINH MINH BẠCH NGÂN SÁCH (BTAP)**

**CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH**

**POBI 2022**

**ĐO LƯỜNG MỨC ĐỘ CÔNG KHAI THÔNG TIN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**

## **ĐƠN VỊ THỰC HIỆN**

**LIÊN MINH MINH BẠCH NGÂN SÁCH (BTAP)** được thành lập năm 2014. Mục tiêu của BTAP là tìm kiếm, thử nghiệm và thúc đẩy việc áp dụng các giải pháp hiệu quả hướng tới công khai minh bạch, trách nhiệm giải trình và sự tham gia của người dân trong quy trình ngân sách nhà nước tại Việt Nam, góp phần tạo ra những thay đổi tích cực vì sự phát triển của đất nước. Website của Liên minh Minh bạch Ngân sách: [www.ngansachvietnam.net](http://www.ngansachvietnam.net)

**TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN VÀ HỘI NHẬP (CDI)** là một tổ chức khoa học và công nghệ, hoạt động phi lợi nhuận được thành lập năm 2005. CDI đóng góp cho tiến trình công khai minh bạch ở Việt Nam thông qua đó người dân và xã hội có thể tham gia vào xây dựng và giám sát chính sách và ngân sách. CDI là đối tác của Tổ chức Đối tác Ngân sách Quốc tế (IBP) thực hiện khảo sát Chỉ số công khai ngân sách quốc gia (OBI), hợp tác cùng Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chiến lược Việt Nam (VESS) thực hiện khảo sát Chỉ số công khai ngân sách tỉnh (POBI) và Chỉ số công khai ngân sách Bộ, cơ quan Trung ương (MOBI) tại Việt Nam. CDI hiện đang là tổ chức điều phối Liên minh Minh bạch Ngân sách (BTAP).

**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ VÀ CHIẾN LƯỢC VIỆT NAM (VESS)** được thành lập vào tháng 9 năm 2020. VESS có tư cách pháp nhân, được đăng ký dưới hình thức một doanh nghiệp xã hội hoạt động phi lợi nhuận theo pháp luật Việt Nam, có trụ sở chính Hà Nội. Là một trung tâm nghiên cứu độc lập không-vì-lợi-nhuận, mục tiêu của VESS là thực hiện các phân tích kinh tế và chiến lược nhằm giúp các cơ quan hoạch định chính sách, các doanh nghiệp, các tổ chức quốc tế và các nhóm lợi ích nâng cao chất lượng quyết định, dựa trên sự thấu hiểu bản chất của những vận động kinh tế và quan hệ quốc tế.

## LỜI CẢM ƠN

*Chỉ số Công khai ngân sách tỉnh năm 2022 (POBI 2022)* do Liên minh Minh bạch Ngân sách (BTAP) chủ trì đã hoàn thành với sự thực hiện của Trung tâm Phát triển và Hội Nhập (CDI) và Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chiến lược Việt Nam (VESS).

Chúng tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến ông Nguyễn Minh Tân, Phó Vụ trưởng Vụ tài chính ngân sách, Ủy ban Tài chính ngân sách, Văn phòng Quốc hội, Bà Đinh Thị Mai Anh, Phó trưởng phòng Phân tích, dự báo và thống kê ngân sách, Vụ Ngân sách Nhà nước, Bộ Tài chính vì những đóng góp quý báu cho nhóm nghiên cứu về phương pháp, công cụ và báo cáo khảo sát.

Chúng tôi chân thành ghi nhận và trân trọng cảm ơn Ủy ban Nhân dân và Sở Tài chính của các tỉnh, thành phố trên cả nước đã tham gia đóng góp ý kiến và phản hồi về khảo sát. Chúng tôi trân trọng ghi nhận sự hỗ trợ của các tổ chức xã hội đã giúp cho nhóm nghiên cứu hoàn thiện báo cáo này.

Thành viên nhóm nghiên cứu bao gồm PGS.TS. Nguyễn Đức Thành (trưởng nhóm), PGS.TS. Vũ Sỹ Cường (nhà nghiên cứu chính), cùng các thành viên: ThS. Phạm Văn Long, ThS. Lê Hà Phương, ThS. Hà Thị Dịu, Hoàng Long, Vũ Thị Phương Thanh, Tăng Thế Anh thuộc Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chiến lược Việt Nam (VESS), TS. Ngô Minh Hương, ThS. Nguyễn Quang Thương, Lê Út Tình, Mai Yến Nhi, Nguyễn Phương Uyên, Đào Thanh Dung, Nguyễn Minh Trường thuộc Trung tâm Phát triển và Hội nhập (CDI). Các thành viên hỗ trợ gồm: Lê Thị Minh Hiền và Đỗ Thị Lê. Sự tận tâm, nhiệt tình và kiên nhẫn của các thành viên góp phần quan trọng trong việc hoàn thiện cuốn sách này.

Những nỗ lực của các chuyên gia và cộng sự, cùng với sự hợp tác nhiệt thành của các bộ ngành, các tỉnh thành phố đã giúp chúng tôi hoàn thiện việc thực hiện khảo sát, phản hồi và báo cáo trong thời gian cho phép. Tuy nhiên, cuốn sách hẳn không tránh khỏi được những hạn chế và thiếu sót. Chúng tôi rất mong nhận được sự đóng góp của độc giả để nhóm tác giả có cơ hội được học hỏi và hoàn thiện hơn trong những công trình tiếp theo.

Hà Nội, ngày 25/12/2023

**PGS.TS. Nguyễn Đức Thành**

Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chiến lược Việt Nam (VESS)

# MỤC LỤC

|  |             |
|--|-------------|
| <b>ĐƠN VỊ THỰC HIỆN.....</b>   | <b>ii</b>   |
| <b>LỜI CẢM ƠN .....</b>  | <b>iii</b>  |
| <b>DANH MỤC BẢNG .....</b>   | <b>vii</b>  |
| <b>DANH MỤC HÌNH .....</b>   | <b>viii</b> |
| <b>DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT .....</b>  | <b>x</b>    |
| <b>GIỚI THIỆU CHUNG .....</b>  | <b>xi</b>   |
| <b>PHẦN I TÓM TẮT TỔNG QUAN.....</b>   | <b>1</b>    |
| I. KẾT QUẢ XẾP HẠNG VỀ MINH BẠCH NGÂN SÁCH .....   | 1           |
| II. XẾP HẠNG VỀ SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN .....  | 10          |
| III. XẾP HẠNG VỀ GIÁM SÁT VÀ TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH.....   | 11          |
| IV. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ.....   | 11          |
| <b>PHẦN 2 KẾT QUẢ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH POBI 2022.....</b>  | <b>16</b>   |
| I. XẾP HẠNG CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH .....  | 16          |
| 1. Xếp hạng chỉ số công khai ngân sách tỉnh 2022.....  | 16          |
| 2. Xếp hạng chỉ số công khai ngân sách tỉnh theo vùng địa lý.....                                    | 20          |
| II. XẾP HẠNG VỀ SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN VÀO QUY TRÌNH<br>NGÂN SÁCH .....                           | 22          |
| III. XẾP HẠNG VỀ GIÁM SÁT VÀ TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH.....   | 24          |
| IV. TÌNH HÌNH CÔNG KHAI CÁC TÀI LIỆU NGÂN SÁCH .....   | 26          |
| 1. Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình hội đồng nhân dân tỉnh.....                         | 26          |
| 2. Dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được hội đồng nhân dân tỉnh quyết định ...                     | 30          |
| 3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022.....  | 34          |
| 4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022 .....                             | 37          |
| 5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022 .....                                 | 40          |
| 6. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022 .....                                      | 43          |
| 7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn....                        | 46          |
| 8. Báo cáo ngân sách dành cho công dân năm 2023 .....  | 51          |
| 9. Kế hoạch đầu tư công năm 2023 .....   | 52          |
| 10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023 .....                                      | 52          |
| 11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của kiểm toán nhà nước năm 2019,<br>2020 hoặc 2021 ..... | 52          |
| 12. Các tài liệu không chấm điểm POBI 2022 .....   | 52          |

|  |           |
|--|-----------|
| <b>PHẦN 3 KẾT QUẢ CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH CỦA 63 TỈNH, THÀNH PHỐ TRÊN CẢ NƯỚC .....</b> | <b>54</b> |
| 1. TỈNH AN GIANG.....  | 54        |
| 2. TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU.....   | 60        |
| 3. TỈNH BẮC KẠN .....  | 66        |
| 4. TỈNH BẮC GIANG .....  | 72        |
| 5. TỈNH BẠC LIÊU .....   | 78        |
| 6. TỈNH BẮC NINH .....   | 83        |
| 7. TỈNH BẾN TRE.....   | 89        |
| 8. TỈNH BÌNH ĐỊNH .....  | 96        |
| 9. TỈNH BÌNH DƯƠNG.....  | 103       |
| 10. TỈNH BÌNH PHƯỚC.....   | 108       |
| 11. TỈNH BÌNH THUẬN .....  | 113       |
| 12. TỈNH CÀ MAU .....  | 119       |
| 13. THÀNH PHỐ CẦN THƠ .....  | 125       |
| 14. TỈNH CAO BẰNG .....  | 131       |
| 15. THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG .....  | 137       |
| 16. TỈNH ĐẮK LẮK .....   | 143       |
| 17. TỈNH ĐẮK NÔNG.....   | 148       |
| 18. TỈNH ĐIỆN BIÊN .....   | 154       |
| 19. TỈNH ĐỒNG NAI.....   | 161       |
| 20. TỈNH ĐỒNG THÁP.....  | 167       |
| 21. TỈNH GIA LAI .....   | 173       |
| 22. TỈNH HÀ GIANG.....   | 179       |
| 23. TỈNH HÀ NAM .....  | 185       |
| 24. THÀNH PHỐ HÀ NỘI.....  | 191       |
| 25. TỈNH HÀ TĨNH.....  | 197       |
| 26. TỈNH HẢI DƯƠNG .....   | 202       |
| 27. THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG.....   | 209       |
| 28. TỈNH HẬU GIANG.....  | 216       |
| 29. THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH .....  | 222       |
| 30. TỈNH HÒA BÌNH.....   | 228       |
| 31. TỈNH HƯNG YÊN .....  | 234       |
| 32. TỈNH KHÁNH HÒA .....   | 239       |
| 33. TỈNH KIÊN GIANG.....   | 245       |

|  |            |
|--|------------|
| 34. TỈNH KON TUM.....  | 250        |
| 35. TỈNH LAI CHÂU .....  | 257        |
| 36. TỈNH LÂM ĐỒNG.....   | 263        |
| 37. TỈNH LẠNG SƠN .....  | 267        |
| 38. TỈNH LÀO CAI .....   | 272        |
| 39. TỈNH LONG AN .....   | 279        |
| 40. TỈNH NAM ĐỊNH.....   | 285        |
| 41. TỈNH NGHỆ AN .....   | 291        |
| 42. TỈNH NINH BÌNH .....                                       | 297        |
| 43. TỈNH NINH THUẬN .....                                      | 302        |
| 44. TỈNH PHÚ THỌ .....   | 308        |
| 45. TỈNH PHÚ YÊN .....   | 314        |
| 46. TỈNH QUẢNG BÌNH.....                                       | 319        |
| 47. TỈNH QUẢNG NAM .....                                       | 325        |
| 48. TỈNH QUẢNG NGÃI.....                                       | 331        |
| 49. TỈNH QUẢNG NINH.....                                       | 337        |
| 50. TỈNH QUẢNG TRỊ .....                                       | 342        |
| 51. TỈNH SÓC TRĂNG.....  | 347        |
| 52. TỈNH SƠN LA.....   | 352        |
| 53. TỈNH TÂY NINH .....  | 359        |
| 54. TỈNH THÁI BÌNH.....  | 365        |
| 55. TỈNH THÁI NGUYÊN.....                                      | 371        |
| 56. TỈNH THANH HÓA.....  | 377        |
| 57. TỈNH THỪA THIÊN HUẾ.....                                   | 381        |
| 58. TỈNH TIỀN GIANG .....                                      | 386        |
| 59. TỈNH TRÀ VINH .....  | 392        |
| 60. TỈNH TUYÊN QUANG .....                                     | 399        |
| 61. TỈNH VĨNH LONG .....                                       | 405        |
| 62. TỈNH VĨNH PHÚC.....  | 411        |
| 63. TỈNH YÊN BÁI .....   | 418        |
| <b>PHẦN 4 PHỤ LỤC .....</b>                                    | <b>424</b> |
| PHỤ LỤC 1: Khung pháp lý về công khai ngân sách nhà nước ..... | 424        |
| PHỤ LỤC 2: Phương pháp khảo sát POBI 2022 .....                | 426        |

## DANH MỤC BẢNG

|                |   |    |
|----------------|---|----|
| <b>Bảng 1:</b> | Số lượng tỉnh công khai ngân sách phân theo mức độ công khai, 2017-2022.....  | 1  |
| <b>Bảng 2:</b> | Số lượng và tỷ lệ các tỉnh công khai các tài liệu ngân sách 2018-2022 .....   | 2  |
| <b>Bảng 3:</b> | Số tỉnh công khai kịp thời các tài liệu ngân sách 2018-2022 .....   | 3  |
| <b>Bảng 4:</b> | Số lượng/tỷ lệ các tỉnh công khai đầy đủ các biểu mẫu của các tài liệu ngân sách được công khai 2018-2022 .....   | 4  |
| <b>Bảng 5:</b> | So sánh % thay đổi giữa dự toán 2023 và dự toán 2022 của chi thường xuyên ngân sách tỉnh cho GDĐT, Y tế và Dân số với % thay đổi giữa dự toán 2023 và dự toán 2022 của tổng chi thường xuyên (số tỉnh, tỉ lệ % số tỉnh) ..... | 7  |
| <b>Bảng 6:</b> | Chênh lệch giữa số dự toán và quyết toán ngân sách 2021 (số tỉnh, tỉ lệ % số tỉnh) .....  | 8  |
| <b>Bảng 7:</b> | Mức độ liên tục của các tài liệu ngân sách (số tỉnh, tỉ lệ % số tỉnh).....  | 9  |
| <b>Bảng 8:</b> | Xếp hạng công khai ngân sách tỉnh POBI 2022 theo 7 vùng địa lý .....  | 20 |



## DANH MỤC HÌNH

|                 |   |    |
|-----------------|---|----|
| <b>Hình 1:</b>  | Định dạng của các tài liệu chấm điểm POBI 2022 được các tỉnh công bố, (số tỉnh).....  | 6  |
| <b>Hình 2:</b>  | Điểm trung bình khảo sát POBI qua các năm, 2017-2022 .....  | 16 |
| <b>Hình 3:</b>  | Kết quả xếp hạng chỉ số công khai ngân sách tỉnh POBI 2022 .....  | 18 |
| <b>Hình 4:</b>  | Phân loại xếp hạng chỉ số công khai ngân sách tỉnh POBI 2022.....   | 19 |
| <b>Hình 5:</b>  | Kết quả chấm POBI trung bình theo 7 vùng địa lý, 2017-2022 .....  | 21 |
| <b>Hình 6:</b>  | Xếp hạng về sự tham gia của người dân, 2022 .....   | 23 |
| <b>Hình 7:</b>  | Xếp hạng về giám sát và trách nhiệm giải trình, 2022.....   | 25 |
| <b>Hình 8:</b>  | Xếp hạng các tỉnh công khai tài liệu Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh .....  | 27 |
| <b>Hình 9:</b>  | Số tỉnh công bố tài liệu Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, phân theo thời gian công khai .....                     | 28 |
| <b>Hình 10:</b> | Số tỉnh công bố tài liệu Dự thảo toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh phân theo mức độ đầy đủ số lượng các bảng biểu.....         | 29 |
| <b>Hình 11:</b> | Xếp hạng các tỉnh có công khai Dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định.....  | 31 |
| <b>Hình 12:</b> | Số tỉnh công bố tài liệu Dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định phân theo thời gian công khai.....                  | 32 |
| <b>Hình 13:</b> | Số tỉnh công bố tài liệu Dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định phân theo mức độ đầy đủ số lượng các bảng biểu..... | 33 |
| <b>Hình 14:</b> | Xếp hạng các tỉnh có công bố tài liệu báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022 theo điểm POBI 2022 .....                     | 35 |
| <b>Hình 15:</b> | Số tỉnh công bố Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022 phân theo thời gian công khai.....                                  | 36 |
| <b>Hình 16:</b> | Số tỉnh công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022 phân theo mức độ đầy đủ số lượng các bảng biểu.....                 | 37 |
| <b>Hình 17:</b> | Xếp hạng các tỉnh có công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng 2022 theo điểm POBI 2022.....                             | 38 |

|  |    |
|--|----|
| <b>Hình 18:</b> Số tỉnh công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng 2022 phân theo thời gian công khai .....                  | 39 |
| <b>Hình 19:</b> Số tỉnh công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng 2022 phân theo mức độ đầy đủ số lượng các bảng biểu ..... | 39 |
| <b>Hình 20:</b> Xếp hạng các tỉnh có công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng 2022 theo điểm POBI 2022.....                | 41 |
| <b>Hình 21:</b> Số tỉnh công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng 2022 phân theo thời gian công khai .....                  | 42 |
| <b>Hình 22:</b> Số tỉnh công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng 2022 phân theo mức độ đầy đủ số lượng các bảng biểu ..... | 43 |
| <b>Hình 23:</b> Xếp hạng các tỉnh có công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022 theo điểm POBI 2022.....                 | 44 |
| <b>Hình 24:</b> Số tỉnh công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022 phân theo thời gian công khai .....                      | 45 |
| <b>Hình 25:</b> Số tỉnh công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022 phân theo mức độ đầy đủ số lượng các bảng biểu .....     | 46 |
| <b>Hình 26:</b> Xếp hạng các tỉnh có công bố Quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 theo điểm POBI 2022.....                                     | 47 |
| <b>Hình 27:</b> Số tỉnh công bố tài liệu Quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 phân theo thời gian công khai .....                              | 48 |
| <b>Hình 28:</b> Số tỉnh công bố tài liệu quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 phân theo mức độ đầy đủ số lượng các bảng biểu .....             | 49 |

## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

|       |                                 |
|-------|---------------------------------|
| ASXH  | An sinh xã hội                  |
| ĐBSCL | Đồng bằng Sông Cửu Long         |
| GDĐT  | Giáo dục và Đào tạo             |
| HĐND  | Hội đồng Nhân dân               |
| MTTQ  | Mặt trận Tổ quốc                |
| NSNN  | Ngân sách nhà nước              |
| POBI  | Chỉ số Công khai Ngân sách tỉnh |
| TTĐT  | Thông tin điện tử               |
| UBND  | Ủy ban Nhân dân                 |

## GIỚI THIỆU CHUNG

Tiếp nối các thành công của Khảo sát Công khai Ngân sách tỉnh (POBIS - Provincial Open Budget Index Survey) năm 2017, 2018, 2019, 2020 và 2021, Trung tâm Phát triển và Hội nhập (CDI) và Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chiến lược Việt Nam (VESS) tiếp tục thực hiện khảo sát POBI 2022. Chỉ số Công khai ngân sách POBI được áp dụng chu trình ngân sách 2022 của Việt Nam ở cấp tỉnh từ khâu (i) Lập Ngân sách, (ii) Phê duyệt Ngân sách, (iii) Thực hiện Ngân sách và (iv) Quyết toán Ngân sách theo Luật Ngân sách hiện hành của Việt Nam và thông lệ tốt của quốc tế về công khai, minh bạch ngân sách. Khảo sát POBI 2022 bao gồm ba trụ cột về minh bạch ngân sách, sự tham gia của người dân trong chu trình ngân sách và trách nhiệm giải trình.

- *Trụ cột thứ nhất, về minh bạch ngân sách (tính là chỉ số công khai ngân sách POBI 2022)*, xây dựng thông qua việc đánh giá tính sẵn có, kịp thời, thuận tiện, đầy đủ, tin cậy và liên tục của 11 loại tài liệu ngân sách. Trong số 11 tài liệu này, có 8 loại tài liệu ngân sách bắt buộc phải công khai theo Luật NSNN 2015; 2 tài liệu phải công khai theo Luật đầu tư công và Luật Quản lý nợ công; và 1 tài liệu ngân sách cần công khai theo như thông lệ tốt của quốc tế (xem Bảng 2). Chỉ số công khai ngân sách POBI 2022 là kết quả của 87 câu hỏi trong trụ cột này được quy về thang điểm 100.
- *Trụ cột thứ hai, về sự tham gia của người dân*, gồm có 6 câu hỏi tính điểm, được xây dựng thông qua khảo sát mức độ UBND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh tạo điều kiện cho người dân tham gia vào quy trình ngân sách tại tỉnh và trách nhiệm phản hồi của các cơ quan này đối với các câu hỏi của công dân liên quan tới ngân sách nhà nước.
- *Trụ cột thứ ba, về trách nhiệm giải trình*, đây là **trụ cột mới** bao gồm 8 câu hỏi tính điểm cho biết thực tế công khai về giám sát và trách nhiệm giải trình của HĐND và UBND với hoạt động quản lý ngân sách nhà nước. Trách nhiệm giải trình được đánh giá thông qua việc công khai các tài liệu có liên quan tới quá trình thẩm định, thảo luận và phê duyệt ngân sách của HĐND tỉnh. Các tài liệu này cần được công khai theo như Luật Tiếp cận Thông tin.

**Khảo sát POBI 2022** được áp dụng cho năm ngân sách 2022 với các tài liệu ngân sách được công khai trước thời điểm **31/01/2023**. Các tài liệu được thay đổi hoặc bổ sung sau ngày 31/1/2023 không được coi là có công khai trong khảo sát POBI 2022 (xem Phụ lục 1). Các câu hỏi khảo sát POBI 2022 được thiết kế dựa trên (i) các quy định của pháp luật Việt Nam gồm có: Luật Ngân sách 2015, Luật đầu tư công, Luật Tiếp cận thông tin, Luật Quản lý nợ công và (ii) thông lệ tốt của quốc tế về công khai, minh bạch.

Thời điểm thực hiện khảo sát và thu thập bằng chứng về công khai tài liệu ngân sách trên cổng Thông tin điện tử (TTĐT) của tỉnh là từ ngày 01 đến ngày 04 tháng 2 năm 2023. Khảo sát POBI chỉ đánh giá “Có” hoặc “Không” công khai các tài liệu/nội dung/biểu mẫu của tài liệu tại thời điểm khảo sát trên cổng TTĐT/trang thông tin điện tử của các đơn vị. Khảo sát POBI không đánh giá lý do tại sao các tài liệu/nội dung/bảng biểu không được công khai hoặc công khai chậm.

Xếp hạng POBI 2022 về kết quả công khai minh bạch ngân sách của địa phương được thực hiện theo thang điểm với 4 mức. Mức **A**: Từ 75 - 100 điểm quy đổi, được hiểu là mức độ công khai **ĐẦY ĐỦ**. Mức **B**: Từ 50 - dưới 75 điểm quy đổi, được hiểu là mức độ công khai **TƯƠNG ĐỐI**. Mức **C**: Từ 25 - dưới 50 điểm quy đổi, được hiểu là mức độ công khai **CHƯA ĐẦY ĐỦ**. Mức **D**: Từ 0 - dưới 25 điểm quy đổi, được hiểu là mức độ công khai **ÍT** (xem Phụ lục 2).

# PHẦN I

## TÓM TẮT TỔNG QUAN

### I. KẾT QUẢ XẾP HẠNG VỀ MINH BẠCH NGÂN SÁCH

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy điểm chỉ số trung bình về công khai ngân sách tỉnh đạt **69,42** điểm trên tổng số 100 điểm quy đổi xếp hạng. So với kết quả năm 2021, điểm trung bình chỉ số POBI 2022 giảm nhẹ **0,11** điểm. Năm 2022, có 33 tỉnh công khai ĐẦY ĐỦ tài liệu và thông tin về ngân sách nhà nước, tăng 2 tỉnh so với năm 2021. Số tỉnh công khai TƯƠNG ĐỐI đầy đủ là 21 tỉnh. Số tỉnh công khai CHƯA ĐẦY ĐỦ và công khai ÍT lần lượt là 4 và 5 tỉnh. Chi tiết kết quả xếp hạng công khai ngân sách của các tỉnh như bảng dưới đây:

**Bảng 1: Số lượng tỉnh công khai ngân sách phân theo mức độ công khai, 2017-2022**

| Năm  | ĐẦY ĐỦ<br>75 - 100 điểm | TƯƠNG ĐỐI<br>50 - dưới 75 điểm | CHƯA ĐẦY ĐỦ<br>25 - dưới 50 điểm | ÍT<br>0 - dưới 25 điểm |
|------|-------------------------|--------------------------------|----------------------------------|------------------------|
| 2022 | 33/63 tỉnh              | 21/63 tỉnh                     | 4/63 tỉnh                        | 5/63 tỉnh              |
| 2021 | 31/63 tỉnh              | 24/63 tỉnh                     | 6/63 tỉnh                        | 2/63 tỉnh              |
| 2020 | 27/63 tỉnh              | 29/63 tỉnh                     | 5/63 tỉnh                        | 2/63 tỉnh              |
| 2019 | 24/63 tỉnh              | 27/63 tỉnh                     | 9/63 tỉnh                        | 3/63 tỉnh              |
| 2018 | 6/63 tỉnh               | 27/63 tỉnh                     | 21/63 tỉnh                       | 9/63 tỉnh              |
| 2017 | 0/63 tỉnh               | 12/63 tỉnh                     | 26/63 tỉnh                       | 25/63 tỉnh             |

*Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2017-2022*

Trong xếp hạng công khai ngân sách POBI 2022, **Bà Rịa - Vũng Tàu** là tỉnh **đứng đầu** bảng xếp hạng, đạt 94,83 điểm. Đây là năm thứ hai liên tiếp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đứng đầu bảng xếp hạng. Đà Nẵng xếp thứ hai với 93,41 điểm và Trà Vinh xếp thứ ba với 92,69 điểm. Cả ba tỉnh trên đều thuộc nhóm công khai ĐẦY ĐỦ trong khảo sát POBI 2021. Năm 2022, Thanh Hóa và Lâm Đồng là hai tỉnh đứng cuối bảng xếp hạng với 8,44 điểm. Ngoài Thanh Hóa và Lâm Đồng, nhóm cuối bảng xếp hạng còn có Đắk Lắk, Bình Phước và Hà Tĩnh. Đây đã là năm thứ ba liên tiếp tỉnh Bình Phước và năm thứ hai liên tiếp tỉnh Hà Tĩnh thuộc nhóm cuối của bảng xếp hạng công khai ngân sách. Riêng trường hợp tỉnh Bình Phước, năm 2022, một số tài liệu ngân sách đã được công khai nhưng không theo biểu mẫu được hướng dẫn của Thông tư 343/2016/TT-BTC mà lại công khai các biểu mẫu theo hướng dẫn của Nghị định 31/2017/NĐ-CP (đối với tài liệu dự toán) và Thông tư 342/2016/TT-BTC (đối với tài liệu quyết toán) nên không được tính điểm cho các tài liệu này.

Ninh Bình, Lào Cai và Tây Ninh là ba tỉnh có sự tiến bộ vượt bậc trong kết quả xếp hạng POBI 2022 so với năm 2021. Cụ thể, Ninh Bình đã tăng 41 bậc, Lào Cai tăng 39 bậc và Tây Ninh tăng 37 bậc trên bảng xếp hạng POBI 2022. Trong khi đó, An Giang, Thái Nguyên và Quảng Ninh lại là ba tỉnh có sự sụt giảm về thứ bậc trên bảng xếp hạng tương đối mạnh. Trong đó, An Giang giảm 37 bậc, Thái Nguyên giảm 35 bậc và Quảng Ninh giảm 33 bậc so với năm 2021.

Kết quả khảo sát POBI 2021 theo sáu tiêu chí về tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính thuận tiện, tính tin cậy và tính liên tục được tóm tắt như dưới đây:

### Tính sẵn có của các tài liệu ngân sách

Kết quả POBI 2022 cho thấy không có sự cải thiện đáng kể trong việc công khai các tài liệu ngân sách so với năm 2021. Trong số 11 tài liệu ngân sách được khảo sát trong POBI 2021, có sáu tài liệu tăng về số lượng tỉnh có công khai và năm tài liệu giảm về số lượng tỉnh có công khai. Các báo cáo tình hình thực hiện ngân sách quý 1, báo cáo 6 tháng và báo cáo 9 tháng có sự cải thiện về số lượng tỉnh có công khai so với POBI 2021 và tương đương với POBI 2020. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 là tài liệu có sự sụt giảm về số lượng tỉnh công khai nhiều nhất, chỉ có 52 tỉnh có công khai trong POBI 2022, thấp nhất trong vòng 5 năm trở lại đây.

**Bảng 2: Số lượng và tỷ lệ các tỉnh công khai các tài liệu ngân sách 2018-2022**

| Tài liệu  | POBI 2018      | POBI 2019       | POBI 2020      | POBI 2021      | POBI 2022      |
|---|----------------|-----------------|----------------|----------------|----------------|
| Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh      | 47<br>(74,6%)  | 54<br>(85,71 %) | 54<br>(85,71%) | 53<br>(84,13%) | 52<br>(82,54%) |
| Dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh quyết định | 59<br>(93,65%) | 58<br>(92,06 %) | 60<br>(95,24%) | 57<br>(90,48%) | 54<br>(85,71%) |
| Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1    | 46<br>(73,02%) | 58<br>(92,06 %) | 61<br>(96,83%) | 57<br>(90,48%) | 60<br>(95,24%) |
| Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng  | 53<br>(84,13%) | 58<br>(92,06 %) | 60<br>(95,24%) | 57<br>(90,48%) | 61<br>(96,83%) |
| Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng  | 46<br>(73,02%) | 55<br>(87,3 %)  | 58<br>(92,06%) | 55<br>(87,3%)  | 59<br>(93,65%) |
| Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm   | 35<br>(55,56%) | 53<br>(84,13 %) | 49<br>(77,78%) | 49<br>(77,78%) | 49<br>(77,78%) |
| Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh                   | 54<br>(85,71%) | 57<br>(90,48 %) | 59<br>(93,65%) | 59<br>(93,65%) | 52<br>(82,54%) |
| Báo cáo ngân sách nhà nước dành cho công dân        | 1<br>(1,59%)   | 14<br>(22,22 %) | 22<br>(34,92%) | 20<br>(31,75%) | 26<br>(41,27%) |
| Danh mục dự án đầu tư công của tỉnh                 | 46<br>(73,02%) | 50<br>(79,37 %) | 51<br>(80,85%) | 60<br>(95,24%) | 53<br>(84,13%) |

|   |               |                 |                |                |                |
|---|---------------|-----------------|----------------|----------------|----------------|
| Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh  | Không áp dụng | 31<br>(49,21 %) | 30<br>(47,62%) | 30<br>(47,62%) | 29<br>(46,03%) |
| Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước một trong ba năm gần nhất trước đó | Không áp dụng | Không áp dụng   | 20<br>(31,75%) | 25<br>(39,68%) | 26<br>(41,27%) |

*Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2018-2022*

### Tính kịp thời của các tài liệu ngân sách

Khảo sát POBI 2022 xác định tính kịp thời của tám tài liệu ngân sách dựa trên thời gian đăng tải các tài liệu này trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh theo quy định của Thông tư 343/2016/TT-BTC. Kết quả POBI 2022 cho thấy chỉ có ba trên tổng số tám tài liệu là có sự cải thiện về số lượng tình công khai kịp thời so với POBI 2021. Trong đó, báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng có số tình công khai kịp thời nhiều nhất, đạt 50 tình, tăng bốn tình so với POBI 2021 và cao nhất trong năm năm trở lại đây. Chi tiết về tính kịp thời của các tài liệu ngân sách được công khai xem thêm Bảng 3.

**Bảng 3: Số tình công khai kịp thời các tài liệu ngân sách 2018-2022**

| Tài liệu  | POBI 2018      | POBI 2019       | POBI 2020      | POBI 2021      | POBI 2022      |
|---|----------------|-----------------|----------------|----------------|----------------|
| Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh      | 29<br>(46,03%) | 36<br>(57,14 %) | 47<br>(74,60%) | 39<br>(61,9%)  | 39<br>(61,9%)  |
| Dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh quyết định | 39<br>(61,9%)  | 35<br>(55,56 %) | 49<br>(77,78%) | 54<br>(85,7%)  | 49<br>(77,78%) |
| Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1    | 19<br>(30,16%) | 27<br>(42,86 %) | 48<br>(76,19%) | 48<br>(76,19%) | 45<br>(71,43%) |
| Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng  | 27<br>(42,86%) | 34<br>(53,97 %) | 51<br>(80,95%) | 47<br>(76,6%)  | 49<br>(77,78%) |
| Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng  | 23<br>(36,51%) | 32<br>(50,79 %) | 47<br>(74,60%) | 46<br>(73%)    | 50<br>(79,37%) |
| Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm      | 15<br>(23,81%) | 28<br>(44,44 %) | 32<br>(50,79%) | 35<br>(55,55%) | 34<br>(53,97%) |
| Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh                   | 31<br>(49,21%) | 40<br>(63,49 %) | 50<br>(79,37%) | 55<br>(87,3%)  | 48<br>(76,19%) |
| Báo cáo ngân sách nhà nước dành cho công dân        | Không áp dụng  | 10<br>(15,87 %) | 16<br>(25,39%) | 18<br>(28,57%) | 23<br>(36,5%)  |

*Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2018-2022*

### Tính đầy đủ của các tài liệu ngân sách

Khảo sát POBI 2022 xác định tính đầy đủ của các tài liệu ngân sách được công khai dựa trên hướng dẫn của Thông tư 343/2016/TT- BTC. Để được coi là đầy đủ, các tài liệu



ngân sách phải đảm bảo (i) đầy đủ các biểu mẫu và (ii) đầy đủ nội dung của một số bảng biểu như quy định của Thông tư 343 và nguyên tắc thống nhất trong tính toán và nguyên tắc có thể so sánh được giữa các năm đã được quy định tại Khoản 1, Điều 5 của Luật Thống kê 2015.

**Bảng 4: Số lượng/tỷ lệ các tỉnh công khai đầy đủ các biểu mẫu của các tài liệu ngân sách được công khai 2018-2022**

| Tài liệu   | POBI 2018     | POBI 2019       | POBI 2020      | POBI 2021      | POBI 2022      |
|--|---------------|-----------------|----------------|----------------|----------------|
| Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh công khai đầy đủ 13 biểu mẫu      | 10<br>(15,9%) | 18<br>(28,57 %) | 26<br>(41,27%) | 31<br>(49,2%)  | 39<br>(61,9%)  |
| Dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh quyết định công khai đầy đủ 13 biểu mẫu | 16<br>(25,4%) | 27<br>(42,86 %) | 28<br>(44,44%) | 38<br>(60,32%) | 39<br>(61,9%)  |
| Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 có công khai đủ 3 biểu mẫu      | 37<br>(58,7%) | 53<br>(84,13 %) | 58<br>(92,06%) | 56<br>(88,89%) | 57<br>(90,48%) |
| Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng có công bố đầy đủ 3 biểu mẫu  | 41<br>(65,1%) | 52<br>(82,54 %) | 57<br>(90,48%) | 55<br>(87,3%)  | 59<br>(93,65%) |
| Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng có công bố đầy đủ 3 biểu mẫu  | 41<br>(65,1%) | 53<br>(84,13 %) | 56<br>(88,89%) | 52<br>(82,54%) | 56<br>(88,89%) |
| Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm có công bố đầy đủ 3 biểu mẫu      | 25<br>(39,7%) | 42<br>(66,67 %) | 42<br>(66,67%) | 45<br>(71,43%) | 44<br>(69,84%) |
| Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh có công bố đầy đủ 7 biểu mẫu                   | 38<br>(60,3%) | 46<br>(73,02 %) | 50<br>(79,37%) | 56<br>(88,89%) | 50<br>(79,37%) |

*Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2018-2022*

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy tính đầy đủ của các tài liệu ngân sách tiếp tục được cải thiện so với năm 2021. Các báo cáo tình hình thực hiện ngân sách hàng quý và báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh vẫn là những tài liệu được công khai đầy đủ các biểu mẫu nhất theo quy định. Mặc dù có sự cải thiện về số lượng tỉnh công bố đầy đủ biểu mẫu nhưng tương tự như các năm trước đây, tài liệu dự thảo dự toán và dự toán đã được quyết định vẫn có số lượng các tỉnh công bố đầy đủ thấp hơn hẳn so với các tài liệu khác (chỉ có 39 tỉnh công bố đầy đủ các biểu mẫu của hai tài liệu này).

Đối với tài liệu dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, biểu số 33 có 46 tỉnh trong tổng số 63 tỉnh phản ánh đầy đủ cả năm mục lớn và chi tiết các mục nhỏ theo quy định (giảm một tỉnh so với POBI 2021). Biểu số 35 có 35 tỉnh phản

ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (gồm 18 mục nhỏ) và chi tiết theo từng loại thuế (tăng 17 tỉnh so với POBI 2021). Biểu số 39 có 43 tỉnh có phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho các lĩnh vực theo quy định (tăng 11 tỉnh so với POBI 2021).

Đối với tài liệu dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định, biểu số 46 - Biểu cân đối ngân sách địa phương có 49 trong tổng số 63 tỉnh phản ánh đầy đủ cả năm mục lớn và chi tiết các mục nhỏ theo quy định (giảm bốn tỉnh so với khảo sát POBI 2021). Biểu số 48 - Dự toán thu NSNN có 36 tỉnh phản ánh đầy đủ các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa bao gồm 18 mục nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế (tăng 18 tỉnh so với khảo sát POBI 2021). Biểu số 52 - Dự toán chi đầu tư phát triển của ngân sách cấp tỉnh cho từng cơ quan tổ chức theo lĩnh vực có 44 tỉnh phản ánh dự toán cụ thể cho 12 lĩnh vực chi đầu tư (tăng một tỉnh so với khảo sát POBI 2021). Đây là kết quả đáng khích lệ vì lập dự toán chi đầu tư đúng hạn luôn là vấn đề hạn chế từ nhiều năm nay không chỉ với ngân sách địa phương.

Đối với báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022, kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy 81% số tỉnh (tương đương 51 tỉnh) phản ánh đầy đủ cả 4 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của biểu số 59, tăng hai tỉnh so với POBI 2021. Đối với báo cáo 6 tháng đầu năm 2022, có 53 tỉnh (tương đương 84,1% số tỉnh, tăng bốn tỉnh so với POBI 2021); báo cáo 9 tháng đầu năm 2022 có 54 tỉnh (tương đương 85,7% số tỉnh, tăng sáu tỉnh so với POBI 2021); và báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022 có 42 tỉnh (tương đương 66,67% số tỉnh, tăng một tỉnh so với POBI 2021) phản ánh đầy đủ cả 4 mục lớn và các mục nhỏ của biểu số 59 theo quy định.

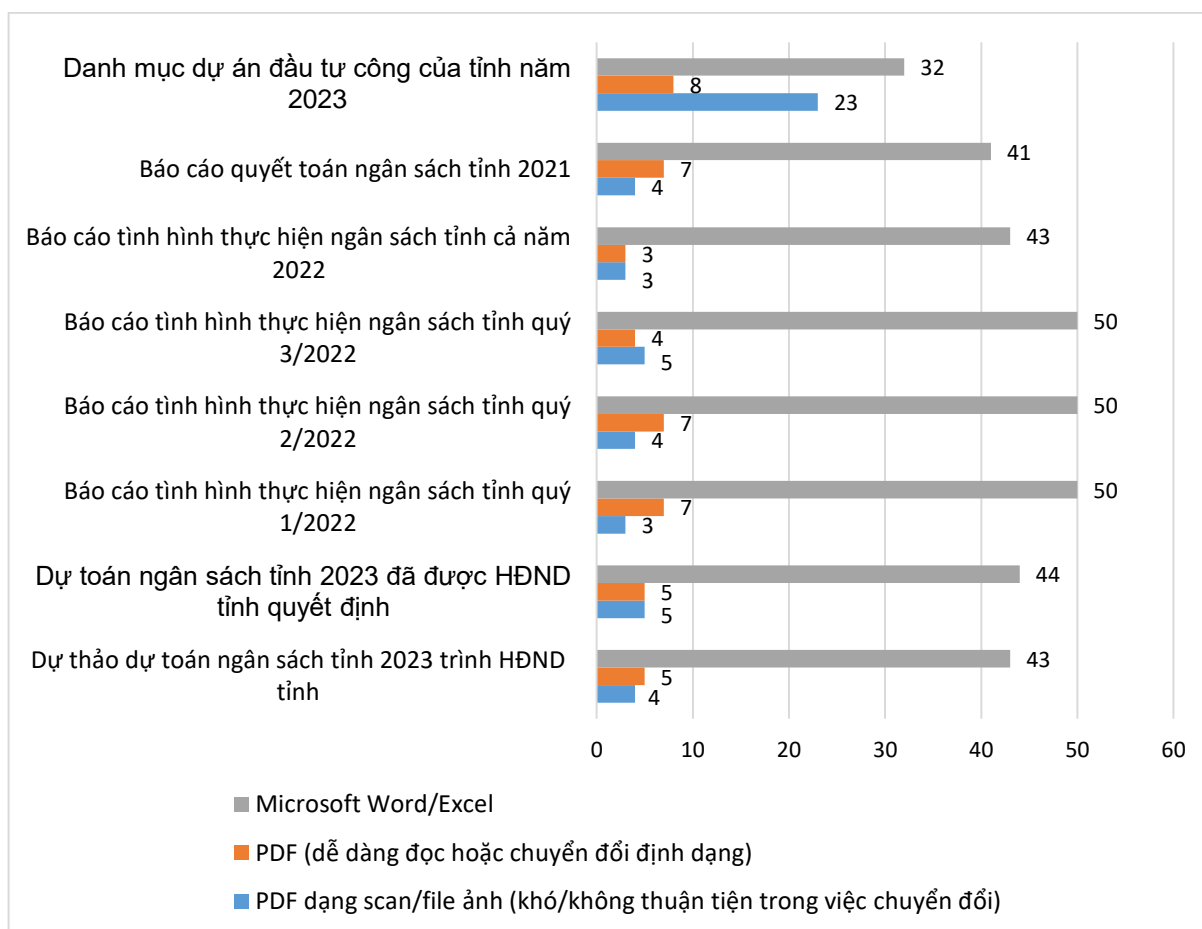
Đối với tài liệu quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021, biểu số 62 - Biểu Cân đối ngân sách địa phương năm 2021 có 47 tỉnh (tương đương 74,6%) phản ánh đầy đủ cả 6 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định, giảm năm tỉnh so với khảo sát POBI 2021. Biểu số 63 - Biểu Quyết toán thu NSNN năm 2021 có 40 tỉnh (tương đương 63,5%) phản ánh cụ thể các nguồn thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 mục nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế, tăng bốn tỉnh so với khảo sát POBI năm 2021. Biểu số 65 - Biểu Quyết toán chi ngân sách cấp tỉnh theo từng lĩnh vực năm 2021 có 48 tỉnh (tương đương 76,2%, giảm năm tỉnh so với POBI 2021) phản ánh đầy đủ 3 mục lớn và các mục nhỏ.

### **Tính thuận tiện của các tài liệu ngân sách**

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy 100% công TTĐT của Sở Tài chính các tỉnh đều có thư mục riêng về công khai ngân sách. Kết quả này tương tự với kết quả khảo sát POBI 2020 và POBI 2021. Đối với các tỉnh có thư mục riêng về công khai ngân sách,

có 61 tỉnh phân chia cụ thể thư mục riêng về công khai ngân sách theo tài liệu hoặc theo năm và có nội dung cập nhật, tăng hai tỉnh so với khảo sát POBI 2021. Hai tỉnh có phân chia nội dung trong thư mục riêng về công khai ngân sách theo tài liệu hoặc theo năm nhưng chưa cập nhật nội dung, đó là Long An và Kiên Giang. Hầu hết các tài liệu đều được công bố dưới dạng file word hoặc excel dễ dàng trong việc sử dụng. Riêng chỉ có danh mục dự án đầu tư công của tỉnh năm 2023 vẫn có tới 23 tỉnh công khai dưới dạng file ảnh hoặc PDF dạng scan gây khó khăn trong việc sử dụng các tài liệu này.

**Hình 1: Định dạng của các tài liệu chấm điểm POBI 2022 được các tỉnh công bố, (số tỉnh)**



*Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2022*

### Tính tin cậy của các tài liệu ngân sách

Đây là năm thứ tư khảo sát POBI tiến hành chấm điểm về tính tin cậy của các tài liệu ngân sách. Tính tin cậy của khảo sát POBI 2022 dựa trên so sánh chênh lệch giữa quyết toán và dự toán ngân sách năm 2021 và so sánh phần trăm thay đổi của chi thường xuyên trong dự toán năm 2023 với dự toán năm 2022 của ngân sách cấp tỉnh cho lĩnh vực GDĐT và lĩnh vực y tế, dân số so với phần trăm thay đổi của tổng chi thường xuyên trong dự toán ngân sách cấp tỉnh năm 2023 với năm 2022.

Việc đánh giá tính tin cậy trước hết là nhằm đo lường việc lập dự toán NSNN có chính xác hay không (thể hiện ở mức độ chênh lệch giữa quyết toán NSNN và dự toán NSNN đã được HĐND tỉnh phê duyệt). Chi thường xuyên NSNN cho giáo dục và y tế là những khoản chi quan trọng trong ngân sách địa phương, đồng thời đảm bảo thực hiện chủ trương của Việt nam về công bằng xã hội. Việc thay đổi các khoản chi này phần nào cho biết liệu các địa phương có thực sự quan tâm đến y tế và giáo dục hay không?

Các câu hỏi về tính tin cậy của khảo sát POBI 2022 không nhằm đánh giá quá trình điều hành ngân sách tại địa phương mà chủ yếu đánh giá mức độ phù hợp của việc lập dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách với thực tiễn kinh tế xã hội những năm gần đây. Kết quả khảo sát POBI 2022 sẽ cung cấp bức tranh về việc thay đổi chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh trong hai lĩnh vực này so với thay đổi của tổng chi thường xuyên trong năm 2023 và 2022. Cụ thể như sau:

### **Tài liệu dự toán đã được HĐND tỉnh quyết định**

Đối với tài liệu dự toán năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định, có 26 tỉnh (41,27%), giảm chín tỉnh, có phần trăm thay đổi giữa dự toán 2023 và dự toán 2022 của chi thường xuyên ngân sách tỉnh cho GDĐT tăng nhanh hoặc giảm ít hơn phần trăm thay đổi giữa dự toán 2023 và dự toán 2022 của tổng chi thường xuyên. Có 20 tỉnh (31,7%), giảm ba tỉnh, có phần trăm thay đổi giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên cho Y tế, dân số năm 2023 tăng nhanh hơn hoặc giảm ít hơn phần trăm thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2022.

**Bảng 5: So sánh % thay đổi giữa dự toán 2023 và dự toán 2022 của chi thường xuyên ngân sách tỉnh cho GDĐT, Y tế và Dân số với % thay đổi giữa dự toán 2023 và dự toán 2022 của tổng chi thường xuyên (số tỉnh, tỉ lệ % số tỉnh)**

|  | <b>Giáo dục đào tạo</b> | <b>Y tế và Dân số</b> |
|--|-------------------------|-----------------------|
| Mức tăng nhanh (hoặc giảm ít hơn)      | 26 (41,27%)             | 20 (31,75%)           |
| Không thay đổi                         | 0 (0,00%)               | 0 (0,00%)             |
| Mức tăng thấp hơn (hoặc giảm mạnh hơn) | 25 (39,68%)             | 30 (47,6%)            |
| Không có số liệu chi tiết              | 3 (4,76%)               | 4 (6,35%)             |

*Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2022*

### **Chênh lệch giữa dự toán và quyết toán 2021**

Nhóm nghiên cứu so sánh mức độ chênh lệch giữa số dự toán và quyết toán năm 2021 đối với các khoản mục (i) Quyết toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp của tỉnh (ii) Quyết toán chi cân đối ngân sách địa phương (iii) Quyết toán chi đầu tư phát triển; và (iv) Quyết toán chi thường xuyên. Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy

việc lập dự toán ngân sách của các tỉnh năm 2021 chưa đảm bảo tin cậy cho quá trình thực hiện thực tế. Đặc biệt là đối với dự toán thu ngân sách, không có tỉnh nào có mức chênh lệch giữa số dự toán và số quyết toán dưới 5% trong khi có tới 50 tỉnh có mức chênh lệch trên 15%. Trong khi đó, việc lập dự toán chi thường xuyên và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương có số tỉnh có mức tin cậy cao, lần lượt có 21 (33,33%) và 20 (31,74%) có chênh lệch giữa quyết toán và dự toán dưới 5%. Chi tiết xem tại Bảng 6:

**Bảng 6: Chênh lệch giữa số dự toán và quyết toán ngân sách 2021  
(số tỉnh, tỉ lệ % số tỉnh)**

| Nội dung  | Chênh lệch     |                |              |                |
|---|----------------|----------------|--------------|----------------|
|   | Dưới 5%        | Từ 5-10%       | Từ 10-15%    | Hơn 15%        |
| Dự toán tổng thu ngân sách                                | 0<br>(0,00%)   | 0<br>(0,00%)   | 2<br>(3,17%) | 50<br>(79,36%) |
| Dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp | 13<br>(20,63%) | 10<br>(15,87%) | 4<br>(6,35%) | 25<br>(39,68%) |
| Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương                  | 20<br>(31,74%) | 10<br>(15,87%) | 4<br>(6,35%) | 18<br>(28,57%) |
| Dự toán chi đầu tư phát triển                             | 11<br>(17,46%) | 6<br>(9,52%)   | 4<br>(6,35%) | 31<br>(49,2%)  |
| Dự toán chi thường xuyên                                  | 21<br>(33,33%) | 15<br>(23,8%)  | 8<br>(12,7%) | 8<br>(12,7%)   |

*Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2022*

### **Tính liên tục của các tài liệu ngân sách**

POBI 2022 là năm thứ ba nhóm nghiên cứu thực hiện việc chấm điểm tính liên tục của các tài liệu được công khai bao gồm dự thảo dự toán trình HĐND tỉnh, dự toán đã được duyệt và quyết toán ngân sách. Tuy nhiên, giai đoạn công khai liên tục đã được nói rộng ra thành năm năm thay vì ba năm như các khảo sát trước đây. Tỉnh sẽ được điểm tối đa nếu công khai liên tục các tài liệu dự thảo trình, dự toán được duyệt trong năm năm liên tiếp từ 2019 đến 2023, đối với tài liệu quyết toán là từ năm 2017 đến 2021. Kết quả khảo sát cho thấy có 38 tỉnh (60,32%) công bố tài liệu dự thảo trình liên tục trong năm năm, 42 tỉnh (66,67%) công bố tài liệu dự toán đã được duyệt liên tục trong năm năm và 43 tỉnh (68,25%) công bố báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh liên tục trong năm năm. Tiền Giang và Đồng Tháp là hai tỉnh không công bố tài liệu dự thảo trình trong năm năm liên tiếp.

**Bảng 7: Mức độ liên tục của các tài liệu ngân sách (số tỉnh, tỉ lệ % số tỉnh)**

| Nội dung  | Mức độ liên tục                 |                                 |                                |                                       |
|---|---------------------------------|---------------------------------|--------------------------------|---------------------------------------|
|   | Công khai liên tục trong 05 năm | Công khai liên tục trong 03 năm | Công khai trong ít nhất 01 năm | Không công khai trong 05 năm gần nhất |
| Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh      | 38<br>(60,32%)                  | 9<br>(14,29%)                   | 14<br>(22,22%)                 | 2<br>(3,17%)                          |
| Dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh quyết định | 42<br>(66,67%)                  | 10<br>(15,87%)                  | 11<br>(17,46%)                 | 0<br>(0,00%)                          |
| Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh                   | 43<br>(68,25%)                  | 7<br>(11,11%)                   | 13<br>(20,63%)                 | 0<br>(0,00%)                          |

*Ghi chú: Đối với tài liệu Dự thảo và Dự toán, tính liên tục được xét trong 05 năm từ năm 2019 đến 2023, riêng tài liệu Quyết toán, tính liên tục được xét trong 05 năm từ 2017 đến 2021.*

*Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2022*

### **Các tài liệu ngân sách không tính điểm**

Có 05 tài liệu ngân sách không tính điểm trong POBI 2022 nhưng khuyến khích các tỉnh công khai gồm có: (i) Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2023, (ii) Kết quả kiểm toán ngân sách nhà nước năm 2020, 2021 hoặc 2022, (iii) Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2021 hoặc 2022, (iv) Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2023-2025, và (v) Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

Tổng điểm cho các tài liệu khuyến khích công khai trong POBI 2022 là 500 điểm. Hải Phòng là địa phương duy nhất đạt điểm tối đa đối với nhóm tài liệu khuyến khích công khai. Có 20 tỉnh không công khai bất kỳ một tài liệu khuyến khích nào gồm: Bình Phước, Lâm Đồng, Sóc Trăng, Bắc Giang, Bình Dương, Đắk Lắk, Hòa Bình, Quảng Bình, Thừa Thiên Huế, Tiền Giang, Đắk Nông, Phú Thọ, Hậu Giang, Đồng Tháp, Trà Vinh, TP. Hồ Chí Minh, An Giang, Bình Thuận, Cần Thơ và Thái Nguyên.

Trong số các tài liệu không tính điểm, tài liệu được các tỉnh công khai nhiều nhất đó là Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2023-2025 với 34 tỉnh có công bố. Tài liệu Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2023 có 26 tỉnh công bố, 23 tỉnh có công bố Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025, 22 tỉnh có công bố Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2021 hoặc 2022 và chỉ có sáu tỉnh có công bố Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước trong ít nhất một năm 2019, 2020 hoặc 2021.



## II. XẾP HẠNG VỀ SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN

Kết quả khảo sát POBI 2022 về mức độ tham gia của người dân cho thấy nhìn chung các tỉnh vẫn **ÍT** tạo điều kiện để người dân tham gia vào quy trình ngân sách. Số điểm quy đổi trung bình của 63 tỉnh thành phố là 45,24 điểm, tăng 4,06 điểm so với POBI 2021. Như vậy có thể thấy sự cải thiện về điểm số của trụ cột sự tham gia trong thời gian qua vẫn còn hạn chế. Bà Rịa - Vũng Tàu là địa phương đạt điểm số cao nhất với 91,67 điểm quy đổi. 15 địa phương có điểm số về mức độ tham gia của người dân thấp, đứng cuối bảng xếp hạng với 16,67 điểm quy đổi gồm có: Tuyên Quang, Hà Giang, Nam Định, Thái Bình, Hà Nam, Đắk Lắk, Phú Yên, Yên Bái, Vĩnh Phúc, Bạc Liêu, Phú Thọ, Trà Vinh, TP. Hồ Chí Minh, Bình Thuận và Kiên Giang.

Theo Điểm m khoản 1 Điều 17 Luật Tiếp cận Thông tin và Điểm a khoản 1 điều 27 Luật Công nghệ Thông tin 2017 thì địa chỉ email được công khai trên cổng TTĐT của Sở Tài chính được sử dụng để trao đổi, cung cấp thông tin với cá nhân và tổ chức. Có 11 trong số 63 tỉnh/thành phố phản hồi các câu hỏi yêu cầu cung cấp thông tin của nhóm nghiên cứu gửi qua email liên hệ được công khai trên cổng tin điện tử của Sở Tài chính (giảm 3 tỉnh so với năm 2020). Trong đó, có 7 phản hồi được nhận trong vòng 15 ngày kể từ ngày gửi và 4 phản hồi được nhận trong vòng 16 đến 30 ngày kể từ ngày gửi.

Trong số 63 tỉnh, thành phố, có 51 Sở Tài chính tỉnh không phản hồi hoặc phản hồi chậm sau 30 ngày. Chỉ có sáu tỉnh phản hồi kịp thời trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhóm nghiên cứu gửi email và sáu tỉnh khác phản hồi trong vòng từ ngày thứ 16 đến ngày thứ 30 kể từ ngày nhóm nghiên cứu gửi email.

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy 26 tỉnh/thành phố có cổng TTĐT của Sở Tài chính, UBND hay HĐND có các liên kết với các kênh mạng xã hội như Facebook, Zalo của tỉnh, tăng chín tỉnh so với khảo sát POBI 2021.

Khảo sát POBI 2022 cũng tiến hành chấm điểm đối với các tài liệu phục vụ kỳ họp Hội đồng Nhân dân (HĐND) trên cổng TTĐT của tỉnh. Kết quả cho thấy, trên cổng TTĐT của 27 HĐND tỉnh có công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2022 (tương tự so với POBI 2021) và HĐND của 38 tỉnh có công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2022 (tăng một tỉnh so với POBI 2021). Ngoài ra, theo kết quả phản hồi từ email của các Sở Tài chính, UBND và HĐND tỉnh thì chỉ có 11 tỉnh có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2023 trình HĐND tỉnh (tăng bốn tỉnh so với POBI 2021).

### III. XẾP HẠNG VỀ GIÁM SÁT VÀ TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH

Khảo sát POBI 2022 tiếp tục khảo sát các câu hỏi liên quan đến việc giám sát và trách nhiệm giải trình của các tỉnh liên quan đến các thông tin về ngân sách. Điểm bình quân của trụ cột này là 40,18 điểm, giảm 8,02 điểm so với khảo sát POBI 2021. Đà Nẵng, Bà Rịa - Vũng Tàu, Nghệ An, Lào Cai và Vĩnh Long là năm tỉnh có điểm số về trách nhiệm giải trình cao nhất, đạt 75 điểm. Thừa Thiên Huế và Kiên Giang là hai tỉnh không đạt bất kỳ một tiêu chí nào liên quan đến trách nhiệm giải trình trong POBI 2022 và cùng đứng cuối bảng xếp hạng. Ngoài ra, kết quả cho thấy có 32 tỉnh (50,79%) có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề, giảm chín tỉnh so với POBI 2021. Có 12 HĐND các tỉnh (19,05%) có công khai báo cáo giám sát về ngân sách, giảm hai tỉnh so với POBI 2021. Có 18 tỉnh (28,57%) có công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2023 trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh, giảm ba tỉnh so với POBI 2021. Có 32 tỉnh (50,79%) công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh, giảm sáu tỉnh so với POBI 2021.

Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh, có 18 tỉnh có thư mục hỏi đáp và có lịch sử hoạt động, 23 tỉnh có thư mục hỏi đáp nhưng không có lịch sử hoạt động và 22 tỉnh không có thư mục hỏi đáp. Trên cổng TTĐT của Sở Tài chính có 33 tỉnh có thư mục hỏi đáp và có lịch sử hoạt động, 22 tỉnh có thư mục hỏi đáp nhưng không có lịch sử hoạt động và tám tỉnh không có thư mục hỏi đáp. Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2023 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2022 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh còn sử dụng các kênh truyền thông khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2023 tới người dân. Cụ thể, có hai tỉnh sử dụng từ ba kênh truyền thông trở lên, 14 tỉnh sử dụng từ một đến hai kênh truyền thông và số còn lại không sử dụng thêm các kênh truyền thông khác.

### IV. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy không có sự cải thiện về điểm bình quân so với POBI 2021. Điểm bình quân POBI 2022 là **69,42** điểm (giảm **0,11** điểm so với POBI 2021). Mặc dù vậy, điểm thay đổi tích cực của POBI 2022 đó là tỉ lệ các tỉnh công bố ĐẦY ĐỦ thông tin đã tăng lên so với các năm trước đây, đạt trên 50% số tỉnh. Tuy nhiên, số tỉnh ÍT công khai thông tin (công khai ở mức thấp nhất) lại có xu hướng tăng lên. Dựa trên kết quả xếp hạng POBI 2022, nhóm nghiên cứu đưa ra một số kết luận và khuyến nghị chính sách cụ thể như sau:

#### *Về tính sẵn có*

Kết quả POBI 2022 cho thấy có sự cải thiện về số lượng các tỉnh có công khai các báo cáo tình hình thực hiện ngân sách quý 1, báo cáo 6 tháng, báo cáo 9 tháng và báo



cáo ngân sách dành cho công dân. Các tài liệu còn lại không có sự cải thiện trong việc công khai so với POBI 2021. Thậm chí mức độ sẵn có của một số tài liệu còn có xu hướng giảm. Do đó, các tỉnh cần khắc phục và công khai ngay các tài liệu bắt buộc phải công bố theo đúng quy định của Luật Ngân sách năm 2015 và Luật Tiếp cận Thông tin năm 2016.

### ***Về tính kịp thời***

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy tính kịp thời của các tài liệu ngân sách chưa được cải thiện, thậm chí các tỉnh còn chậm công khai các tài liệu ngân sách hơn so với các năm trước đây. Cụ thể, chỉ có ba trên tổng số tám tài liệu là có sự cải thiện về số lượng tỉnh công khai kịp thời so với POBI 2021. Trong đó, báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022 có số tỉnh công khai kịp thời nhiều nhất, đạt 50 tỉnh, tăng bốn tỉnh so với POBI 2021 và cao nhất trong năm năm trở lại đây.

### ***Về tính đầy đủ***

POBI 2022 đã là năm thứ sáu nhóm nghiên cứu thực hiện việc chấm điểm công khai theo hướng dẫn của Thông tư 343, nhưng vẫn còn có địa phương công khai theo biểu mẫu được hướng dẫn bởi các Thông tư hay Nghị định khác (tỉnh Bình Phước). Nhìn chung, tính đầy đủ của các tài liệu ngân sách trong POBI 2022 tiếp tục được cải thiện so với POBI 2021. Các báo cáo tình hình thực hiện ngân sách hàng quý và báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh vẫn là những tài liệu được công khai đầy đủ các biểu mẫu nhất theo quy định. Mặc dù có sự cải thiện về số lượng tỉnh công bố đầy đủ biểu mẫu nhưng tương tự như các năm trước đây, tài liệu dự thảo dự toán và dự toán đã được quyết định vẫn có số lượng các tỉnh công bố đầy đủ thấp hơn hẳn so với các tài liệu khác (chỉ có 39 tỉnh công bố đầy đủ các biểu mẫu của hai tài liệu này).

### ***Về tính thuận tiện***

Toàn bộ các tỉnh đều đã có thư mục công khai ngân sách. Có 61 trong tổng số 63 tỉnh có thư mục công khai ngân sách được chia theo các loại tài liệu hoặc theo năm và được cập nhật nội dung. Long An và Kiên Giang là hai tỉnh có thư mục công khai ngân sách trên cổng thông tin của Sở Tài chính nhưng không có nội dung được cập nhật (các tài liệu chấm điểm được lấy trên cổng TTĐT của UBND tỉnh). Hầu hết các tài liệu đều được công bố dưới dạng file word hoặc excel dễ dàng trong việc sử dụng. Riêng chỉ có danh mục dự án đầu tư công của tỉnh năm 2023 vẫn có tới 23 tỉnh công khai dưới dạng file ảnh hoặc PDF dạng scan gây khó khăn trong việc chuyển đổi để sử dụng.

### ***Về tính tin cậy***

Kết quả chấm POBI 2022 cho thấy vẫn chưa có sự cải thiện trong việc phân bổ ngân sách cho lĩnh vực GDĐT, Y tế và Dân số (tăng ít hơn hoặc giảm nhiều hơn so với

chi thường xuyên). Ngoài ra, kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy việc lập dự toán ngân sách của các tỉnh năm 2021 chưa đảm bảo tin cậy cho quá trình thực hiện thực tế. Đặc biệt là đối với dự toán thu ngân sách, không có tỉnh nào có mức chênh lệch giữa số dự toán và số quyết toán dưới 5% trong khi có tới 50 tỉnh có mức chênh lệch trên 15%. Trong khi đó, việc lập dự toán chi thường xuyên và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương có số tỉnh có mức chênh lệch dưới 5% cao hơn so với các chỉ tiêu khác, điều này đồng nghĩa với độ tin cậy của hai chỉ tiêu này là cao hơn. Do đó, việc lên kế hoạch lập dự toán cần được tính toán và xem xét một cách kỹ lưỡng và cẩn trọng để đảm bảo mức chênh lệch giữa số dự toán và số quyết toán không nhiều hơn quá 5%.

### *Về tính liên tục*

Đây là năm thứ ba nhóm nghiên cứu thực hiện khảo sát về tính liên tục của các tài liệu được công khai. Tuy nhiên, khoảng thời gian công khai liên tiếp đã được nới rộng từ ba năm lên thành năm năm. Kết quả thu được khá tích cực. Tuy nhiên, vẫn còn có tỉnh trong năm năm liên tiếp không công khai tài liệu dự thảo dự toán trình HĐND như Tiền Giang và Đồng Tháp (không loại trừ trường hợp hai tỉnh này các năm trước có công khai nhưng tại thời điểm nhóm nghiên cứu khảo sát POBI 2022, các tài liệu đã không còn trên các cổng TTĐT của tỉnh).

### *Về sự tham gia*

Sự tham gia của người dân đóng vai trò rất quan trọng trong tiến trình ngân sách. Nhìn chung các tỉnh vẫn **ÍT** tạo điều kiện để người dân tham gia vào quy trình ngân sách. Số điểm quy đổi trung bình của 63 tỉnh thành phố trong POBI 2022 là 45,24 điểm, tăng 4,06 điểm so với POBI 2021. Như vậy có thể thấy sự cải thiện về điểm số của trụ cột sự tham gia trong thời gian qua vẫn còn hạn chế. Do đó các tỉnh cần chủ động hơn trong việc tiếp nhận và phản hồi các câu hỏi, thắc mắc của người dân. Đặc biệt, các tỉnh cần có sự rà soát lại việc cung cấp địa chỉ email liên hệ, cập nhật thư mục hỏi đáp để người dân có thể dễ dàng tham gia đóng góp ý kiến.

### *Về giám sát và trách nhiệm giải trình*

POBI 2022 là năm thứ hai nhóm nghiên cứu tiến hành tách và chấm điểm trụ cột liên quan đến trách nhiệm giám sát và giải trình của HĐND các tỉnh. Kết quả cho thấy điểm số trung bình của trụ cột này là 40,18 điểm, giảm 8,02 điểm so với POBI 2021. Do đó, cần cải thiện rất nhiều trong thời gian sắp tới về trách nhiệm giám sát và giải trình của HĐND các tỉnh. Hội đồng nhân dân tỉnh cần tăng cường thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong vai trò của cơ quan dân cử. Ngoài việc công khai các kế hoạch giám sát thì kết quả giám sát cũng cần được công khai đầy đủ và cụ thể. Đặc biệt các tỉnh cần có sự rà soát lại việc cung cấp địa chỉ email liên hệ, cập nhật thư mục hỏi đáp

để người dân có thể tăng được hiệu quả của sự giám sát của người dân và tăng trách nhiệm giải trình với người dân.

**Một số khuyến nghị cụ thể cho các đơn vị liên quan như sau:**

- **Khuyến nghị đối với Quốc hội**

Luật NSNN năm 2015 chưa quy định chế tài xử lý khi các đơn vị sử dụng ngân sách không thực hiện công khai ngân sách như quy định tại Điều 15 của Luật. Do vậy, Quốc hội cần xem xét bổ sung chế tài xử lý các vi phạm về thực hiện công khai ngân sách theo quy định của pháp luật.

- **Khuyến nghị đối với Chính phủ**

Chính phủ chỉ đạo Bộ Tài chính thúc đẩy các địa phương thực hiện công khai ngân sách theo quy định của pháp luật. Chính phủ cần áp dụng biện pháp đánh giá tình hình thi hành pháp luật về công khai ngân sách và báo cáo với Quốc hội, Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước theo quy định pháp luật.

- **Khuyến nghị đối với Bộ Tài chính**

Bộ Tài chính cần đốc thúc Sở Tài chính các tỉnh công khai các tài liệu ngân sách kịp thời theo quy định. Đồng thời, Bộ Tài chính cần rà soát lại các biểu mẫu trong Thông tư 343/2016/TT-BTC, dựa trên đề xuất của các địa phương trong trường hợp cần thiết có thể điều chỉnh để phù hợp với tình hình thực tế. Ngoài việc yêu cầu các địa phương công khai các tài liệu ngân sách trên cổng công khai ngân sách của Bộ Tài chính thì Bộ Tài chính cũng cần nhắc Sở Tài chính các tỉnh công khai các tài liệu ngân sách trên cổng TTĐT của các đơn vị, đảm bảo việc tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật. Dựa trên kết quả công khai ngân sách của các tỉnh mà Bộ Tài chính có thể đề xuất cơ chế thưởng/phạt trong quá trình lập dự toán, phân bổ ngân sách cho các địa phương trong các năm tiếp theo.

Ngoài ra, Bộ Tài chính cũng cần rà soát lại các Thông tư và Nghị định hướng dẫn về việc công khai ngân sách bởi hiện nay các địa phương đang thực hiện việc lập dự toán, quyết toán và công khai các tài liệu ngân sách theo hướng dẫn tại nhiều Thông tư và Nghị định khác nhau. Điều này gây ra sự lãng phí, tốn kém về nguồn lực và gia tăng thêm áp lực trong việc lập và công khai các tài liệu ngân sách tại các địa phương.

- **Khuyến nghị đối với HĐND các tỉnh**

HĐND các tỉnh cần tăng cường thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong vai trò của cơ quan dân cử. Ngoài việc công khai các kế hoạch giám sát thì kết quả giám sát cũng cần được công khai đầy đủ và cụ thể. HĐND các tỉnh cần tăng cường hơn nữa công tác giám sát việc tuân thủ công khai ngân sách của các cơ quan liên quan tại địa

phương mình, cụ thể là Sở Tài chính và UBND các tỉnh. Cần đưa vấn đề về giám sát công khai ngân sách và đánh giá tình hình thực hiện công khai ngân sách ra thảo luận tại các phiên họp thường kỳ của HĐND các tỉnh.

- **Khuyến nghị đối với UBND các tỉnh**

Bên cạnh việc thực hiện công khai các tài liệu ngân sách theo đúng trách nhiệm của mình, UBND các tỉnh cần thực hiện tốt vai trò là cơ quan cấp trên chỉ đạo trực tiếp các Sở Tài chính trong việc công khai các tài liệu ngân sách. Đồng thời, cần có sự phối hợp giữa các phòng ban phụ trách việc công khai ngân sách của UBND với các đơn vị chuyên môn khác tại Sở Tài chính nhằm đảm bảo sự đồng bộ và kịp thời trong việc công khai các tài liệu ngân sách.

- **Khuyến nghị đối với các Sở Tài chính**

Sở Tài chính các tỉnh cần chủ động hơn nữa trong việc công khai các tài liệu ngân sách. Đặc biệt, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị trong Sở Tài chính như bộ phận tin học (phụ trách Cổng TTĐT) và bộ phận tài chính, ngân sách (phụ trách việc lập dự toán, quyết toán và tổng hợp kết quả tình hình thực hiện ngân sách) trong việc công khai đầy đủ và kịp thời các tài liệu ngân sách. Ngoài ra, các phòng, ban chuyên môn của các Sở Tài chính các địa phương trong quá trình lập, tổng hợp các tài liệu ngân sách nếu có vướng mắc gì liên quan đến biểu mẫu cần kiến nghị lên Bộ Tài chính để có những điều chỉnh kịp thời. Tiến hành rà soát lại hệ thống email, thông tin liên hệ trên cổng TTĐT của đơn vị mình nhằm đảm bảo tính chính xác cũng như tăng khả năng tiếp cận của người dân với các thông tin ngân sách.

## PHẦN 2

# KẾT QUẢ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH POBI 2022

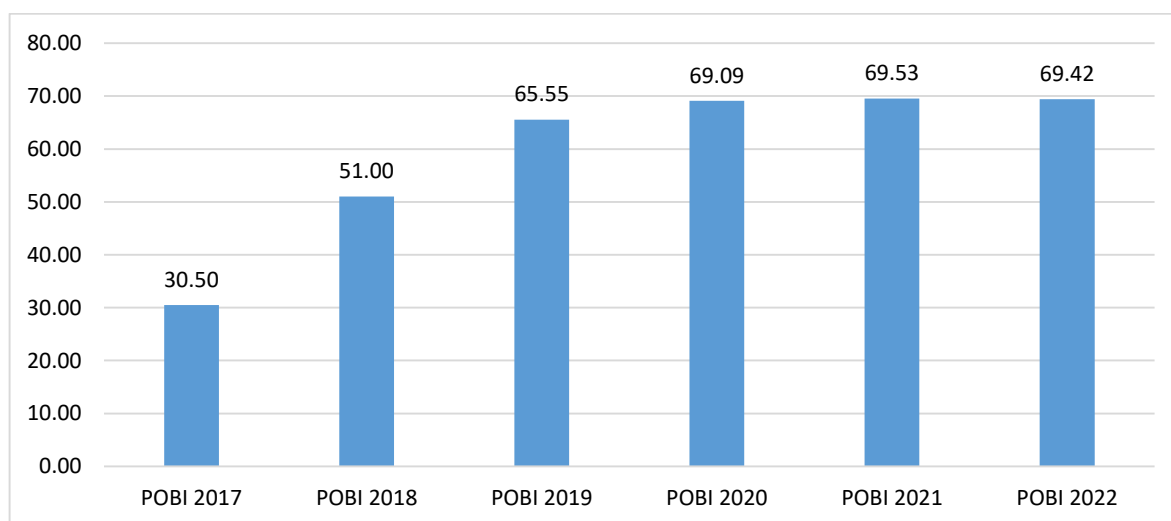
### I. XẾP HẠNG CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH

Chương này sẽ trình bày tổng hợp kết quả khảo sát POBI 2022 theo xếp hạng từ số điểm đạt được của các tỉnh. Các xếp hạng được thực hiện theo mức độ công khai gồm **ĐẦY ĐỦ, TƯƠNG ĐỐI, CHƯA ĐẦY ĐỦ** và **ÍT**. Ngoài ra, xếp hạng các tỉnh theo vùng địa lý cũng sẽ được thực hiện để thấy được sự khác nhau giữa các vùng miền. Nội dung này sẽ cung cấp bức tranh chung về thực trạng công khai ngân sách của 63 tỉnh, thành phố của Việt Nam trong năm 2022.

#### 1. XẾP HẠNG CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH 2022

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy điểm chỉ số trung bình về công khai ngân sách tỉnh đạt **69,42 điểm** trên tổng số 100 điểm quy đổi xếp hạng. So với kết quả năm 2021, điểm trung bình chỉ số POBI 2022 giảm nhẹ **0,11 điểm**.

**Hình 2: Điểm trung bình khảo sát POBI qua các năm, 2017-2022**



*Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2017-2022*

Kết quả xếp hạng về chỉ số công khai ngân sách tỉnh năm 2022 cho thấy có 33 tỉnh được xếp vào nhóm A (tăng 2 tỉnh so với POBI 2021), nhóm những tỉnh có mức điểm chấm POBI cao nhất từ 75 - 100 điểm và 21 tỉnh thuộc nhóm B. Như vậy là có 54 tỉnh đứng trên xếp hạng trung bình (trên 50 điểm) - **TƯƠNG ĐỐI** công khai minh bạch, giảm một tỉnh so với khảo sát POBI 2021. Kết quả cụ thể như sau:

Nhóm A - công khai **ĐẦY ĐỦ**, nhóm những tỉnh có mức điểm cao nhất từ 75 - 100 điểm, có 33 tỉnh bao gồm: Bà Rịa - Vũng Tàu, Đà Nẵng, Trà Vinh, Vĩnh Long, Cao Bằng, Ninh Bình, Yên Bái, Tây Ninh, Quảng Trị, Lai Châu, Hải Dương,

Bình Dương, Hà Nội, Bến Tre, Nghệ An, Quảng Ngãi, Hòa Bình, Điện Biên, Bắc Ninh, Cà Mau, Bắc Giang, Lào Cai, Hà Giang, Phú Thọ, Bình Định, Hà Nam, Tuyên Quang, Sơn La, Lạng Sơn, Vĩnh Phúc, Hưng Yên, Quảng Bình và Khánh Hòa.

Nhóm B - công khai **TƯƠNG ĐỐI**, bao gồm 21 tỉnh, là những tỉnh có điểm POBI quy đổi từ 50 - dưới 75 điểm. Nhóm này bao gồm: Gia Lai, Đồng Nai, Kon Tum, Ninh Thuận, Quảng Nam, Thái Bình, Bắc Kạn, Quảng Ninh, Hải Phòng, Long An, TP. Hồ Chí Minh, Bạc Liêu, Nam Định, Bình Thuận, Đắk Nông, Phú Yên, Hậu Giang, An Giang, Đồng Tháp, Thừa Thiên Huế và Tiền Giang.

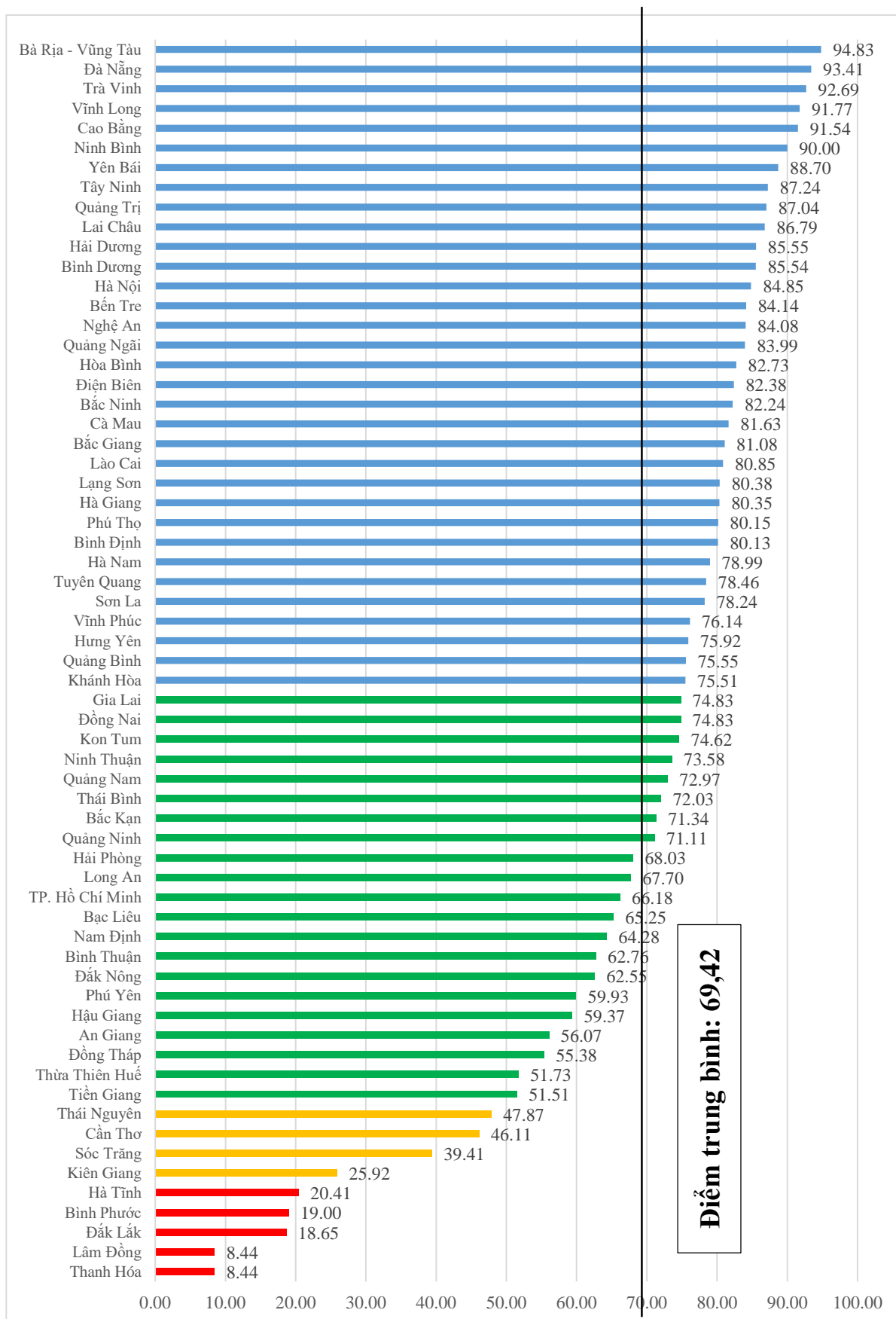
Nhóm C - công khai **CHƯA ĐẦY ĐỦ**, bao gồm bốn tỉnh, là những tỉnh có điểm POBI quy đổi từ 25 - dưới 50 điểm. Nhóm này bao gồm: Thái Nguyên, Cần Thơ, Sóc Trăng và Kiên Giang.

Nhóm cuối cùng là nhóm D - **ÍT** công khai, gồm năm tỉnh, là những tỉnh có điểm POBI quy đổi từ 0 - dưới 25 điểm, bao gồm: Hà Tĩnh, Bình Phước, Đắk Lắk, Lâm Đồng và Thanh Hóa.

Trong xếp hạng công khai ngân sách POBI 2022, **Bà Rịa - Vũng Tàu** tiếp tục là tỉnh **đứng đầu** bảng xếp hạng, đạt 94,83 điểm. Đà Nẵng xếp thứ hai với 93,41 điểm và Trà Vinh xếp thứ ba với 92,69 điểm. Cả ba tỉnh trên đều thuộc nhóm công khai **ĐẦY ĐỦ** trong khảo sát POBI 2021. Năm 2022, Thanh Hóa và Lâm Đồng là hai tỉnh đứng cuối bảng xếp hạng với 8,44 điểm. Ngoài Thanh Hóa và Lâm Đồng, nhóm cuối bảng xếp hạng còn có Đắk Lắk, Bình Phước và Hà Tĩnh. Đây đã là năm thứ ba liên tiếp tỉnh Bình Phước và năm thứ hai liên tiếp tỉnh Hà Tĩnh thuộc nhóm cuối của bảng xếp hạng công khai ngân sách. Riêng trường hợp tỉnh Bình Phước, năm 2022, một số tài liệu ngân sách đã được công khai nhưng không theo biểu mẫu được hướng dẫn của Thông tư 343/2016/TT-BTC mà lại công khai các biểu mẫu theo hướng dẫn của Nghị định 31/2017/NĐ-CP (đối với tài liệu dự toán) và Thông tư 342/2016/TT-BTC (đối với tài liệu quyết toán) nên không được tính điểm cho các tài liệu này.

Ninh Bình, Lào Cai và Tây Ninh là ba tỉnh có sự tiến bộ vượt bậc trong kết quả xếp hạng POBI 2022 so với năm 2021. Cụ thể, Ninh Bình đã tăng 41 bậc, Lào Cai tăng 39 bậc và Tây Ninh tăng 37 bậc trên bảng xếp hạng POBI 2022. Trong khi đó, An Giang, Thái Nguyên và Quảng Ninh lại là ba tỉnh có sự sụt giảm về thứ bậc trên bảng xếp hạng tương đối mạnh. Trong đó, An Giang giảm 37 bậc, Thái Nguyên giảm 35 bậc và Quảng Ninh giảm 33 bậc so với năm 2021.

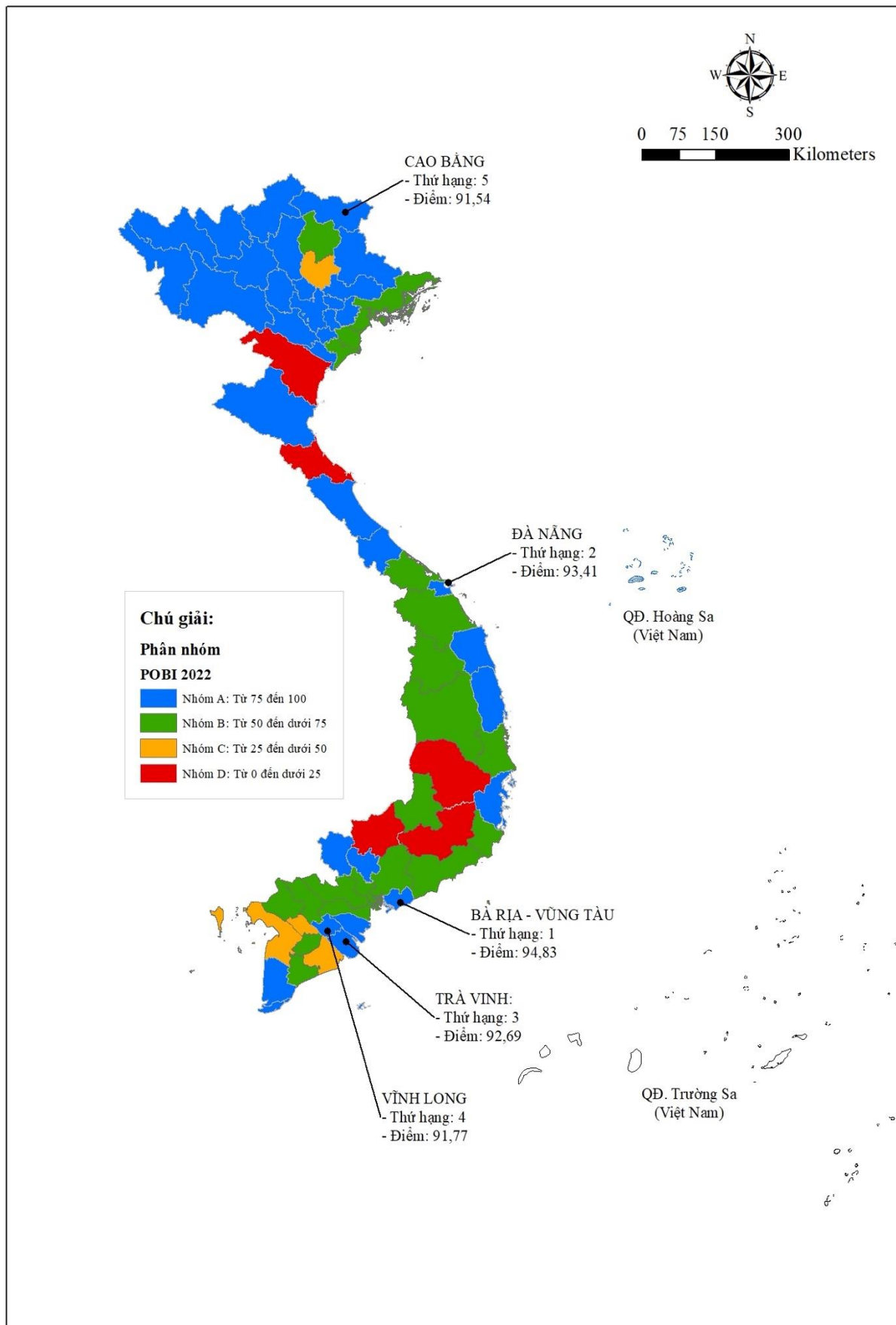
**Hình 3: Kết quả xếp hạng chỉ số công khai ngân sách tỉnh POBI 2022**



Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2022



**Hình 4: Phân loại xếp hạng chỉ số công khai ngân sách tỉnh POBI 2022**



*Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2022*



## 2. XẾP HẠNG CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH THEO VÙNG ĐỊA LÝ

Xếp theo 7 vùng địa lý trên cả nước, Cao Bằng (91,54 điểm), Ninh Bình (90 điểm), Quảng Trị (87,04 điểm), Đà Nẵng (93,41 điểm), Gia Lai (74,83 điểm), Bà Rịa - Vũng Tàu (94,83 điểm), và Trà Vinh (92,69 điểm) là các tỉnh có số điểm POBI đứng đầu mỗi vùng.

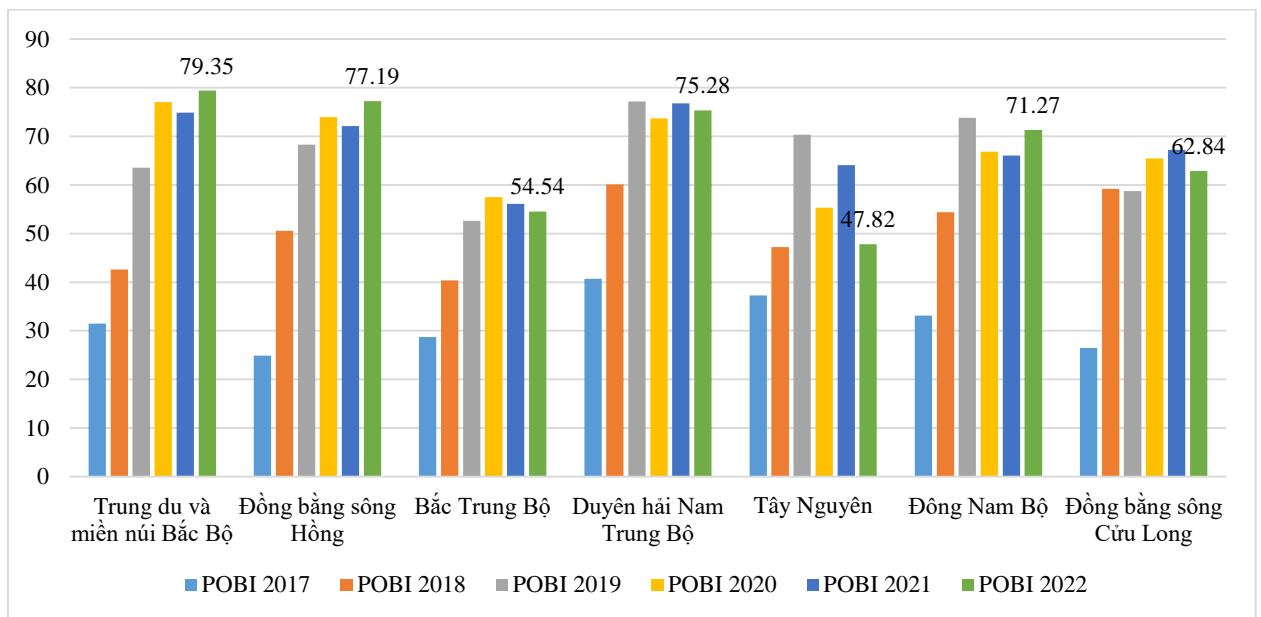
**Bảng 8: Xếp hạng công khai ngân sách tỉnh POBI 2022 theo 7 vùng địa lý**

| Vùng | Trung du và miền núi Bắc bộ |       | ĐBSH              |       | Bắc Trung bộ   |            | Duyên hải Nam trung bộ |       |  |
|------|-----------------------------|-------|-------------------|-------|----------------|------------|------------------------|-------|--|
| STT  | Tỉnh                        | Điểm  | Tỉnh              | Điểm  | Tỉnh           | Điểm       | Tỉnh                   | Điểm  |  |
| 1    | Cao Bằng                    | 91,54 | Ninh Bình         | 90,00 | Quảng Trị      | 87,04      | Đà Nẵng                | 93,41 |  |
| 2    | Yên Bái                     | 88,70 | Hải Dương         | 85,55 | Nghệ An        | 84,08      | Quảng Ngãi             | 83,99 |  |
| 3    | Lai Châu                    | 86,79 | Hà Nội            | 84,85 | Quảng Bình     | 75,55      | Bình Định              | 80,13 |  |
| 4    | Hòa Bình                    | 82,73 | Bắc Ninh          | 82,24 | Thừa Thiên Huế | 51,73      | Khánh Hòa              | 75,51 |  |
| 5    | Điện Biên                   | 82,38 | Hà Nam            | 78,99 | Hà Tĩnh        | 20,41      | Ninh Thuận             | 73,58 |  |
| 6    | Bắc Giang                   | 81,08 | Vĩnh Phúc         | 76,14 | Thanh Hóa      | 8,44       | Quảng Nam              | 72,97 |  |
| 7    | Lào Cai                     | 80,85 | Hung Yên          | 75,92 |                | Bình Thuận | 62,76                  |       |  |
| 8    | Lạng Sơn                    | 80,38 | Thái Bình         | 72,03 |                | Phú Yên    | 59,93                  |       |  |
| 9    | Hà Giang                    | 80,35 | Quảng Ninh        | 71,11 |                |            |                        |       |  |
| 10   | Phú Thọ                     | 80,15 | Hải Phòng         | 68,03 |                |            |                        |       |  |
| 11   | Tuyên Quang                 | 78,46 | Nam Định          | 64,28 |                |            |                        |       |  |
| 12   | Sơn La                      | 78,24 |                   |       |                |            |                        |       |  |
| 13   | Bắc Kạn                     | 71,34 |                   |       |                |            |                        |       |  |
| 14   | Thái Nguyên                 | 47,87 |                   |       |                |            |                        |       |  |
| Vùng | Tây Nguyên                  |       | Đông Nam Bộ       |       |                | ĐBSCL      |                        |       |  |
| STT  | Tỉnh                        | Điểm  | Tỉnh              | Điểm  |                | Tỉnh       | Điểm                   |       |  |
| 1    | Gia Lai                     | 74,83 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 94,83 |                | Trà Vinh   | 92,69                  |       |  |
| 2    | Kon Tum                     | 74,62 | Tây Ninh          | 87,24 |                | Vĩnh Long  | 91,77                  |       |  |
| 3    | Đắk Nông                    | 62,55 | Bình Dương        | 85,54 |                | Bến Tre    | 84,14                  |       |  |
| 4    | Đắk Lắk                     | 18,65 | Đồng Nai          | 74,83 |                | Cà Mau     | 81,63                  |       |  |
| 5    | Lâm Đồng                    | 8,44  | TP, Hồ Chí Minh   | 66,18 | Long An        | 67,70      |                        |       |  |
| 6    |                             |       | Bình Phước        | 19,00 | Bạc Liêu       | 65,25      |                        |       |  |
| 7    |                             |       |                   |       | Hậu Giang      | 59,37      |                        |       |  |
| 8    |                             |       |                   |       | An Giang       | 56,07      |                        |       |  |
| 9    |                             |       |                   |       | Đồng Tháp      | 55,38      |                        |       |  |
| 10   |                             |       |                   |       | Tiền Giang     | 51,51      |                        |       |  |
| 11   |                             |       |                   |       | Cần Thơ        | 46,11      |                        |       |  |
| 12   |                             |       |                   |       | Sóc Trăng      | 39,41      |                        |       |  |
| 13   |                             |       |                   |       | Kiên Giang     | 25,92      |                        |       |  |

Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2022

Trung du và miền núi Bắc Bộ là vùng có điểm POBI trung bình cao nhất cả nước năm 2022 (79,35 điểm). Nếu như trong POBI 2021, Tây Nguyên là vùng có sự cải thiện về điểm trung bình cao nhất so với các vùng còn lại thì kết quả POBI 2022 cho thấy có sự sụt giảm mạnh về điểm trung bình của các tỉnh khu vực Tây Nguyên, thậm chí sụt giảm thấp hơn so với cả mức trung bình của POBI 2020. Năm 2022, điểm trung bình các tỉnh vùng Tây Nguyên là 47,82 điểm, giảm 16,2 điểm so với POBI 2021 và thấp hơn 7,5 điểm so với POBI 2020. Các vùng có điểm POBI trung bình năm 2022 giảm so với năm 2021 gồm có Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ và ĐBSCL. Như vậy có thể thấy, kết quả chấm POBI 2021 cho thấy sự vươn lên mạnh mẽ của các tỉnh khu vực miền núi phía Bắc, ĐBSH và Đông Nam Bộ (ngược lại so với năm 2021).

**Hình 5: Kết quả chấm POBI trung bình theo 7 vùng địa lý, 2017-2022**



*Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2017-2022*

## II. XẾP HẠNG VỀ SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN VÀO QUY TRÌNH NGÂN SÁCH

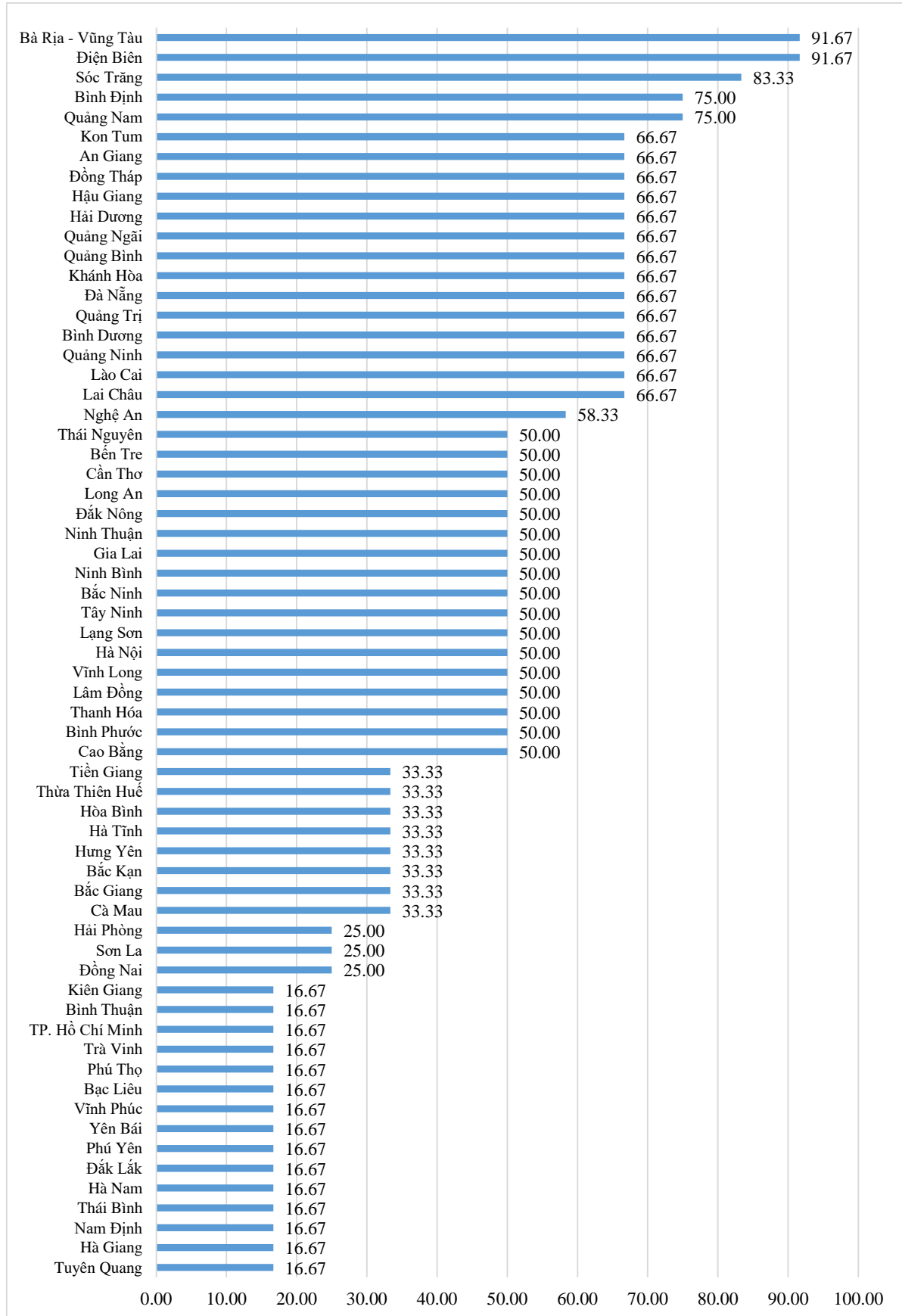
Đây là năm thứ năm khảo sát POBI đưa tiêu chí về sự tham gia của người dân trong chu trình ngân sách địa phương vào nội dung khảo sát. Các nội dung đánh giá bao gồm việc Sở Tài chính các tỉnh có phương thức giao tiếp, trao đổi với người dân trên cổng thông tin điện tử về vấn đề ngân sách hay không và thời gian phản hồi. Đồng thời POBI cũng tiến hành đánh giá việc các ý kiến, kiến nghị của cử tri về vấn đề ngân sách có được HĐND, MTTQ tỉnh tổng hợp và công khai trên cổng thông tin điện tử của HĐND các tỉnh hay không. Kết quả khảo sát POBI 2022 về mức độ tham gia của người dân cho thấy nhìn chung các tỉnh vẫn **ÍT** tạo điều kiện để người dân tham gia vào quy trình ngân sách. Số điểm quy đổi trung bình của 63 tỉnh thành phố là 45,24 điểm, chỉ tăng 4,06 điểm so với POBI 2021. Không có địa phương nào đạt điểm tối đa cho trụ cột sự tham gia. Bà Rịa - Vũng Tàu và Điện Biên là hai địa phương đạt điểm cao nhất với 91,67 điểm. Có 15 địa phương thuộc nhóm có điểm số thấp nhất trong trụ cột sự tham gia gồm: Tuyên Quang, Hà Giang, Nam Định, Thái Bình, Hà Nam, Đắk Lắk, Phú Yên, Yên Bái, Vĩnh Phúc, Bạc Liêu, Phú Thọ, Trà Vinh, TP. Hồ Chí Minh, Bình Thuận và Kiên Giang, đều chỉ đạt 16,67 điểm.

Chỉ có 12 trong số 63 tỉnh/thành phố phản hồi các câu hỏi yêu cầu cung cấp thông tin của nhóm nghiên cứu gửi qua email liên hệ được công khai trên cổng tin điện tử của Sở Tài chính. Trong đó, có sáu phản hồi được nhận trong vòng 15 ngày kể từ ngày gửi và sáu phản hồi được nhận trong vòng 16 đến 30 ngày kể từ ngày gửi.

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy 26 tỉnh/thành phố có cổng TTĐT của Sở Tài chính, UBND hay HĐND có các liên kết với các kênh mạng xã hội như Facebook, Zalo của tỉnh, tăng chín tỉnh so với khảo sát POBI 2021.

Khảo sát POBI 2022 cũng tiến hành chấm điểm đối với các tài liệu phục vụ kỳ họp HĐND trên cổng TTĐT của tỉnh. Kết quả cho thấy, trên cổng TTĐT của 27 HĐND tỉnh có công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2022 (tương tự so với POBI 2021) và HĐND của 38 tỉnh có công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2022 (tăng một tỉnh so với POBI 2021). Ngoài ra, theo kết quả phản hồi từ email của các Sở Tài chính, UBND và HĐND tỉnh thì chỉ có 11 tỉnh có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2023 trình HĐND tỉnh (tăng bốn tỉnh so với POBI 2021).

**Hình 6: Xếp hạng về sự tham gia của người dân, 2022**



*Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2022*

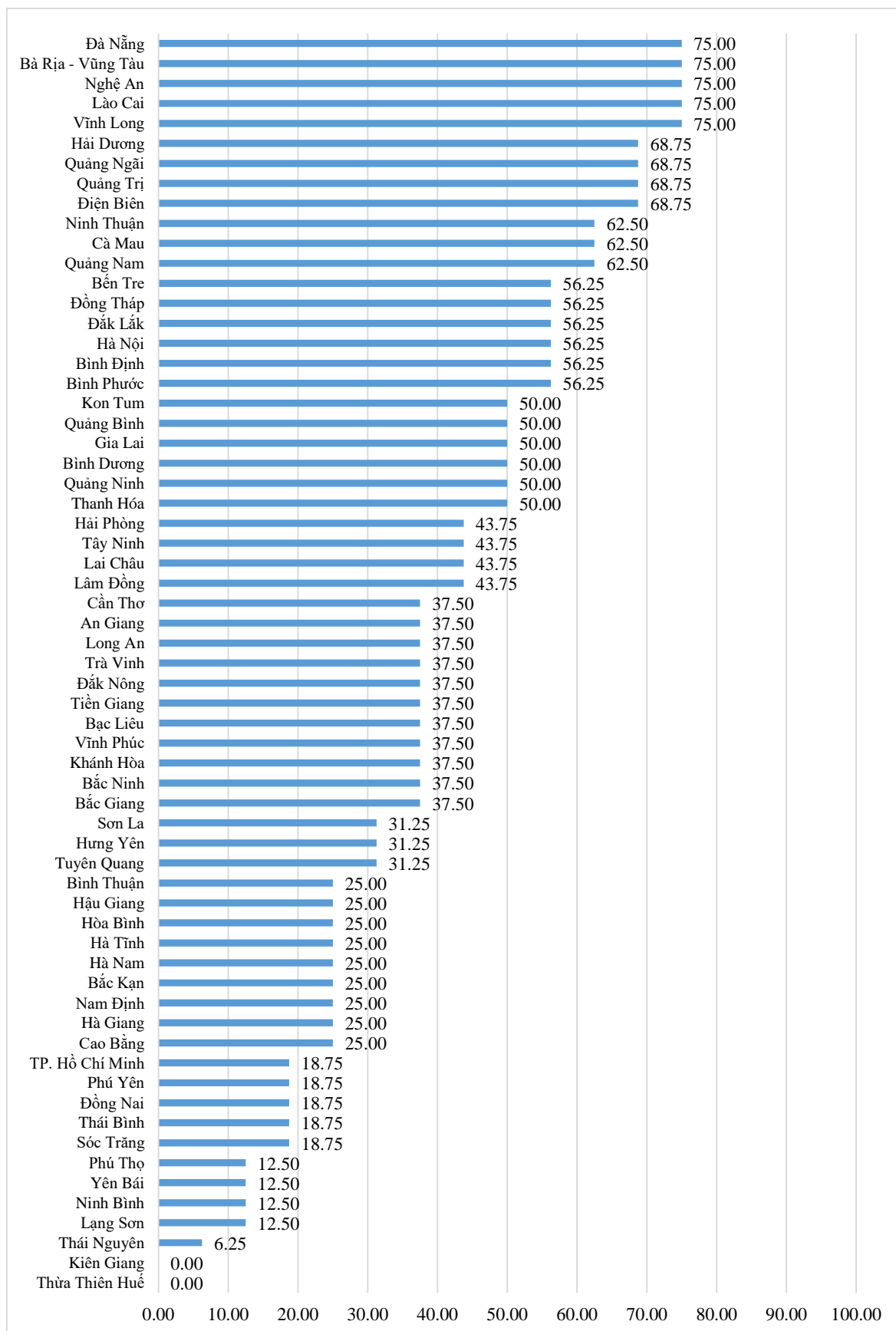
### III. XẾP HẠNG VỀ GIÁM SÁT VÀ TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH

POBI 2022 là năm thứ hai nhóm nghiên cứu tiến hành chấm điểm trụ cột giám sát và trách nhiệm giải trình. Điểm bình quân của trụ cột này trong POBI 2022 là 40,18 điểm, giảm 8,02 điểm so với POBI 2021. Đà Nẵng, Bà Rịa - Vũng Tàu, Nghệ An, Lào Cai và Vĩnh Long là năm tỉnh có điểm số về trách nhiệm giải trình cao nhất, đạt 75 điểm. Thừa Thiên Huế và Kiên Giang là hai tỉnh không đạt bất kì một tiêu chí nào liên quan đến trách nhiệm giải trình trong POBI 2022 và cùng đứng cuối bảng xếp hạng.

Ngoài ra, kết quả cho thấy có 32 tỉnh (50,79%) có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề, giảm chín tỉnh so với POBI 2021. Có 12 HĐND các tỉnh (19,05%) có công khai báo cáo giám sát về ngân sách, giảm hai tỉnh so với POBI 2021. Có 18 tỉnh (28,57%) có công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2023 trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh, giảm ba tỉnh so với POBI 2021. Có 32 tỉnh (50,79%) công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh, giảm sáu tỉnh so với POBI 2021.

Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh, có 18 tỉnh có thư mục hỏi đáp và có lịch sử hoạt động, 23 tỉnh có thư mục hỏi đáp nhưng không có lịch sử hoạt động và 22 tỉnh không có thư mục hỏi đáp. Trên cổng TTĐT của Sở Tài chính có 33 tỉnh có thư mục hỏi đáp và có lịch sử hoạt động, 22 tỉnh có thư mục hỏi đáp nhưng không có lịch sử hoạt động và tám tỉnh không có thư mục hỏi đáp. Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2023 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2022 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh còn sử dụng các kênh truyền thông khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2023 tới người dân. Cụ thể, có hai tỉnh sử dụng từ ba kênh truyền thông trở lên, 14 tỉnh sử dụng từ một đến hai kênh truyền thông và số còn lại không sử dụng thêm các kênh truyền thông khác.

**Hình 7: Xếp hạng về giám sát và trách nhiệm giải trình, 2022**



*Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2022*

#### **IV. TÌNH HÌNH CÔNG KHAI CÁC TÀI LIỆU NGÂN SÁCH**

Chương này trình bày kết quả tình hình công khai theo các tài liệu ngân sách theo khảo sát POBI 2021. Nội dung của chương này cho biết mức độ sẵn có, tính kịp thời và tính đầy đủ của từng loại tài liệu ngân sách bắt buộc phải công bố và các tài liệu khuyến khích công bố bao gồm:

1. Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022
6. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn
8. Báo cáo ngân sách dành cho công dân năm 2023
9. Danh mục dự án đầu tư công của tỉnh năm 2023
10. Báo cáo Tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021
12. Các tài liệu không chấm điểm POBI 2022

Đối với các tài liệu khuyến khích công khai (tài liệu không chấm điểm POBI 2022), mặc dù hiện tại các tài liệu này theo Luật NSNN 2015 chưa phải là tài liệu bắt buộc công khai, tuy nhiên đây là những thông lệ quốc tế tốt mà các tỉnh nên thực hiện. Việc công khai các tài liệu này giúp người dân có hiểu biết tốt hơn về tình hình quản lý ngân sách tại địa phương. Các tài liệu này gồm có: (i) Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2023, (ii) Kết quả kiểm toán ngân sách nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021, (iii) Báo cáo tài chính của tỉnh, (iv) Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2023-2025, và (v) Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

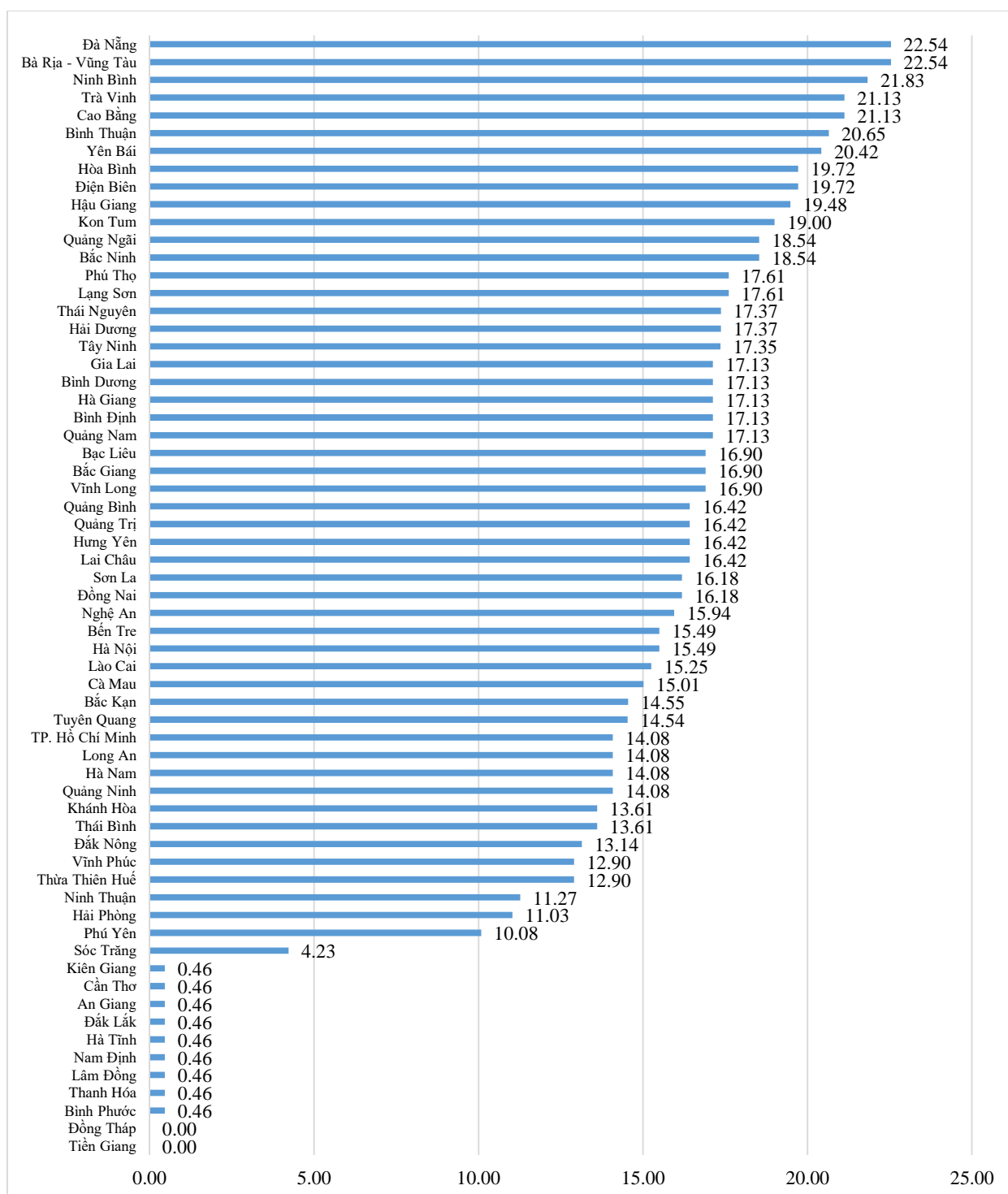
##### **1. DỰ THẢO DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2023 TRÌNH HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH**

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy có 52 tỉnh/thành phố có công khai tài liệu Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh, giảm một tỉnh so với khảo sát POBI 2021. Tổng điểm quy đổi cho tài liệu Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh năm 2023 là 22,54 điểm trong tổng số 100 điểm quy đổi POBI 2022.

Bà Rịa - Vũng Tàu và Đà Nẵng là hai tỉnh đứng đầu bảng xếp hạng về công khai tài liệu Dự thảo dự toán và đều đạt tối đa 22,54 điểm qui đổi.

Có 11 tỉnh không công khai tài liệu Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh bao gồm: Tiền Giang, Đồng Tháp, Bình Phước, Thanh Hóa, Lâm Đồng, Nam Định, Hà Tĩnh, Đắk Lắk, An Giang, Cần Thơ và Kiên Giang.

**Hình 8: Xếp hạng các tỉnh công khai tài liệu Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh**



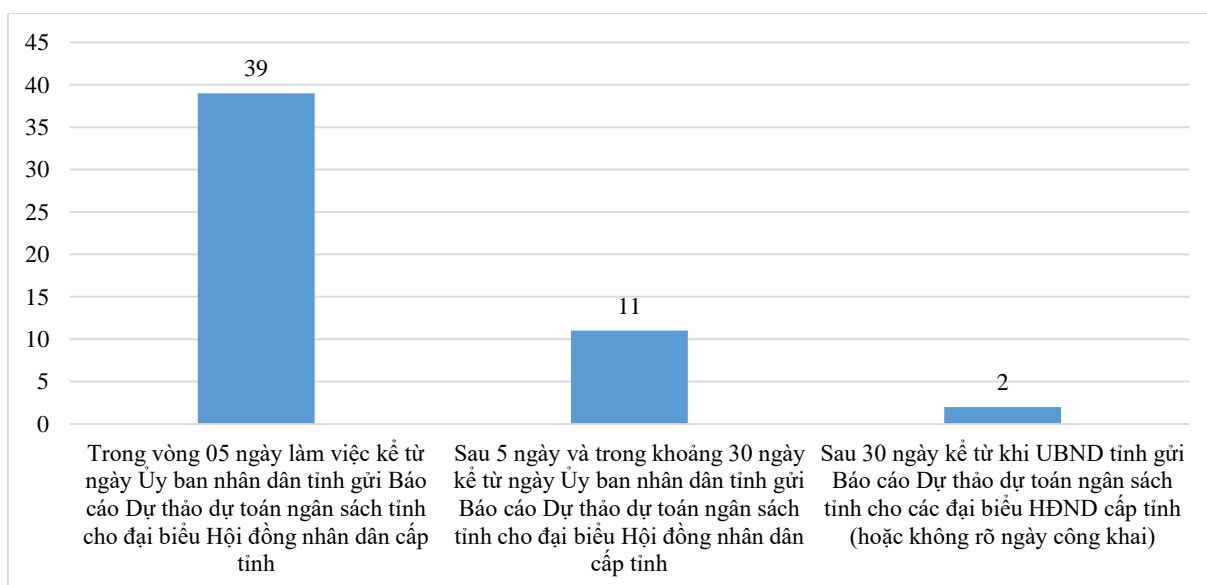
Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2022



Trong số 52 tỉnh có công bố tài liệu dự thảo dự toán trình HĐND, có 47 tỉnh (90,38%) công bố kèm theo tài liệu thuyết minh. Đây là một trong những tài liệu quan trọng để người dân từ đó có thể hiểu được chi tiết về các số liệu ngân sách trong các bảng biểu. Các tỉnh có công bố tài liệu dự thảo nhưng không công bố báo cáo thuyết minh bao gồm: Long An, Trà Vinh, Bạc Liêu, Tiền Giang, Sơn La, Yên Bái, Đắk Lắk, Hà Nam, Phú Thọ, Ninh Bình và Tuyên Quang. Trong số 47 tỉnh có công bố báo cáo thuyết minh, có 21 tỉnh về ưu tiên cho ít nhất một chính sách chi cụ thể của địa phương và có kèm theo số liệu thuyết minh, 12 tỉnh có đề cập đến việc ưu tiên chi ngân sách nhưng không kèm theo số liệu thuyết minh, 14 tỉnh không đề cập đến việc ưu tiên cho ít nhất một chính sách chi cụ thể. Trong đó có 14 tỉnh có đề cập đến việc ưu tiên chi ngân sách cho lĩnh vực y tế (10 tỉnh có số liệu kèm theo), 24 tỉnh có đề cập đến việc ưu tiên chi ngân sách cho an sinh xã hội/trợ cấp xã hội (15 tỉnh có số liệu kèm theo).

Về thời điểm công khai Dự thảo dự toán ngân sách năm 2023 trình HĐND, trong số 52 tỉnh có công khai tài liệu này, 39 tỉnh công bố công khai đúng thời gian quy định là trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày UBND tỉnh gửi báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 cho đại biểu HĐND tỉnh (tương đương với POBI 2021). Có 11 tỉnh công bố sau 05 ngày và trong khoảng 30 ngày và hai tỉnh công bố sau 30 ngày hoặc không xác định được chính xác thời điểm công bố.

**Hình 9: Số tỉnh công bố tài liệu Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, phân theo thời gian công khai**

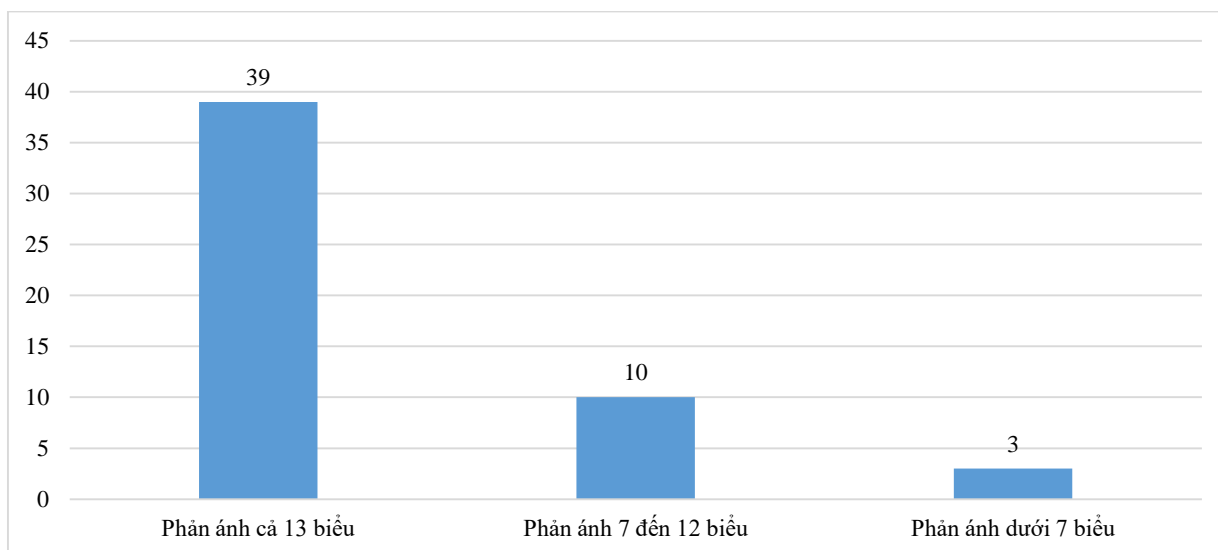


*Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2022*

Theo quy định tại Thông tư 343, tài liệu Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh phải được công khai kèm theo đầy đủ phụ lục 13 bảng biểu bao gồm các biểu từ biểu số 33 đến biểu số 45. Trong số 52 tỉnh có công bố Dự thảo dự toán ngân sách

tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, có 39 tỉnh công bố đầy đủ 13 bảng biểu theo quy định của Thông tư 343 (tăng tám tỉnh so với khảo sát POBI 2021), 10 tỉnh phản ánh 7 đến 12 biểu và ba tỉnh phản ánh dưới 7 biểu hoặc không có phụ lục bảng biểu kèm theo.

**Hình 10: Số tỉnh công bố tài liệu Dự thảo toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh phân theo mức độ đầy đủ số lượng các bảng biểu**



*Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2022*

Trong khảo sát POBI 2022, nhóm nghiên cứu tiếp tục chấm điểm đầy đủ trong việc công khai nội dung các bảng biểu số 33 - Cân đối ngân sách, biểu số 35 - Dự toán thu NSNN và biểu số 39 - Dự toán chi đầu tư phát triển của ngân sách cấp tỉnh cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực.

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy, đối với biểu số 33, có 46 tỉnh trong tổng số 52 tỉnh có công bố phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ theo quy định (giảm một tỉnh so với POBI 2021), 3 tỉnh có phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn nhưng không chi tiết các mục nhỏ theo quy định, 3 tỉnh không phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn theo quy định hoặc không phản ánh biểu số 33 trong tài liệu.

Đối với biểu số 35, chỉ có 35 tỉnh phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (gồm 18 mục nhỏ) và chi tiết theo từng loại thuế (tăng 17 tỉnh so với POBI 2021). Có 13 tỉnh phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa nhưng không chi tiết theo sắc thuế. Có ba tỉnh phản ánh các nguồn thu trong thu nội địa nhưng ít hơn 18 mục thu theo quy định và có một tỉnh không phản ánh nguồn thu cụ thể nào trong nguồn thu nội địa (hoặc không có biểu số 35).

Đối với biểu số 39, có 43 tỉnh có phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho các lĩnh vực theo quy định (tăng 11 tỉnh so với POBI 2021). Có một tỉnh phản ánh từ 9 đến 11 lĩnh vực, hai tỉnh chỉ phản ánh dưới từ 5 đến 8 lĩnh vực chi đầu tư

và sáu tỉnh không phản ánh cụ thể dự toán chi đầu tư cho bất kỳ lĩnh vực nào (hoặc không có biểu số 39).

Đối với biểu số 44, có 40 tỉnh có công khai chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo đơn vị sử dụng ngân sách tỉnh và huyện.

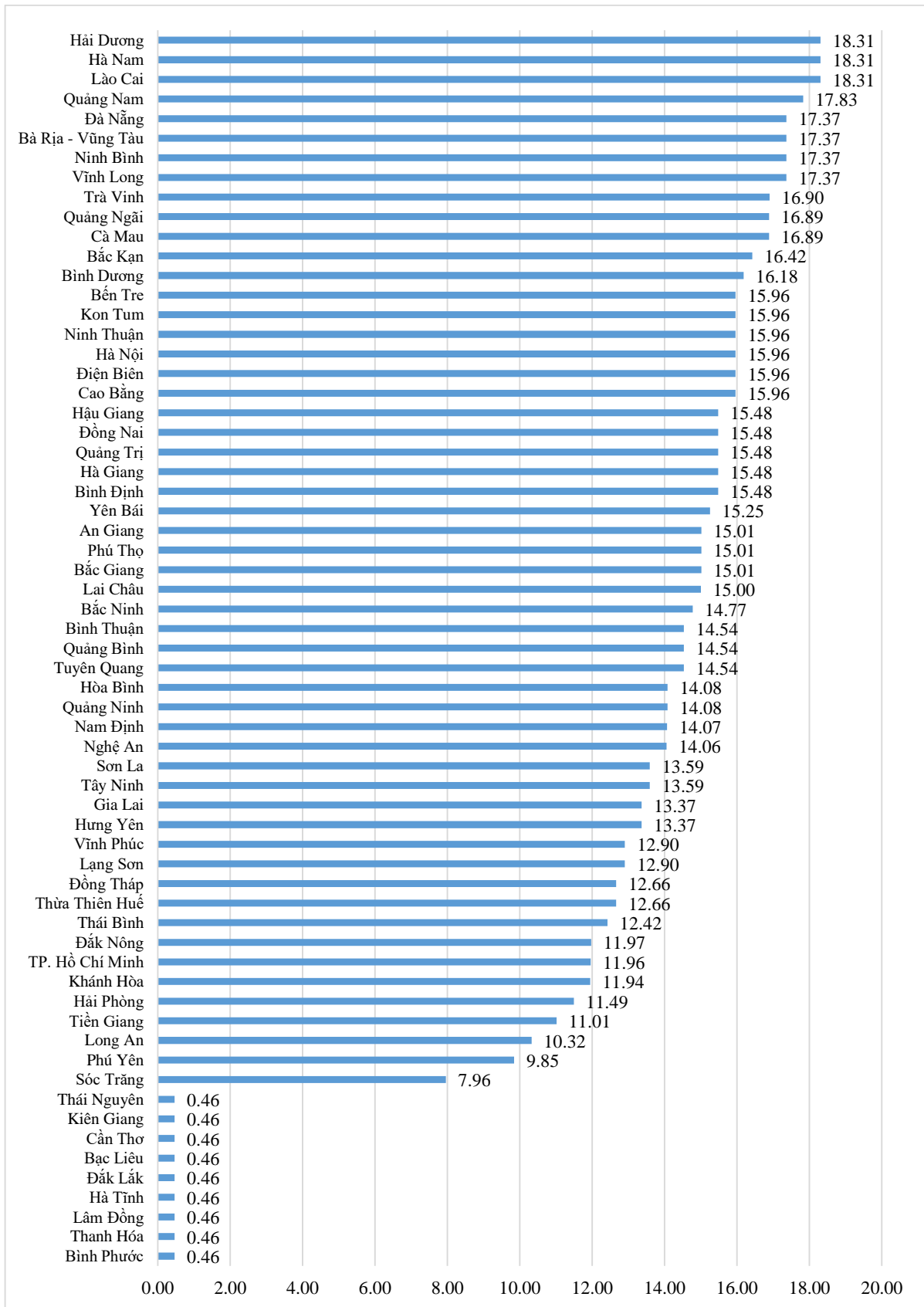
Đối với việc công khai thông tin liên quan đến các quỹ ngoài ngân sách, kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy Dự thảo dự toán trình HĐND tỉnh quyết định chỉ có 15 tỉnh (tăng hai tỉnh so với POBI 2021) có công khai thông tin về dự toán cho các khoản thu chi các Quỹ Tài chính nhà nước ngoài ngân sách của địa phương.

## **2. DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2023 ĐÃ ĐƯỢC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUYẾT ĐỊNH**

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy có 54 tỉnh có công khai tài liệu Dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định, giảm ba tỉnh so với khảo sát POBI năm 2021.

Tổng điểm quy đổi cho tài liệu Dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định là 18,31 điểm. Kết quả chấm POBI năm 2022 cho thấy Hải Dương, Hà Nam và Lào Cai là ba tỉnh đạt điểm tối đa cho tài liệu này. Chín tỉnh không công khai tài liệu dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định gồm: Bình Phước, Thanh Hóa, Lâm Đồng, Hà Tĩnh, Đắk Lắk, Bạc Liêu, Cần Thơ, Kiên Giang và Thái Nguyên.

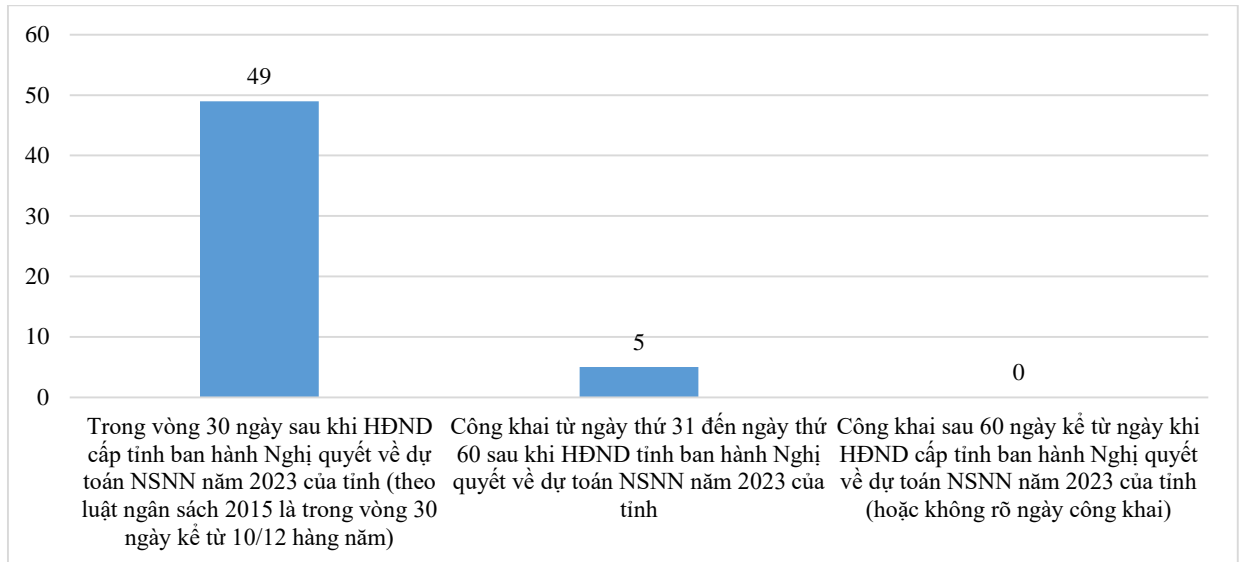
**Hình 11: Xếp hạng các tỉnh có công khai Dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định**



Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2022

Trong số 54 tỉnh có công khai tài liệu Dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định, có 49 tỉnh công khai đúng thời hạn quy định (giảm năm tỉnh so với kết quả khảo sát POBI 2021). Có năm tỉnh công khai chậm - tức là trong khoảng từ ngày thứ 31 đến ngày thứ 60.

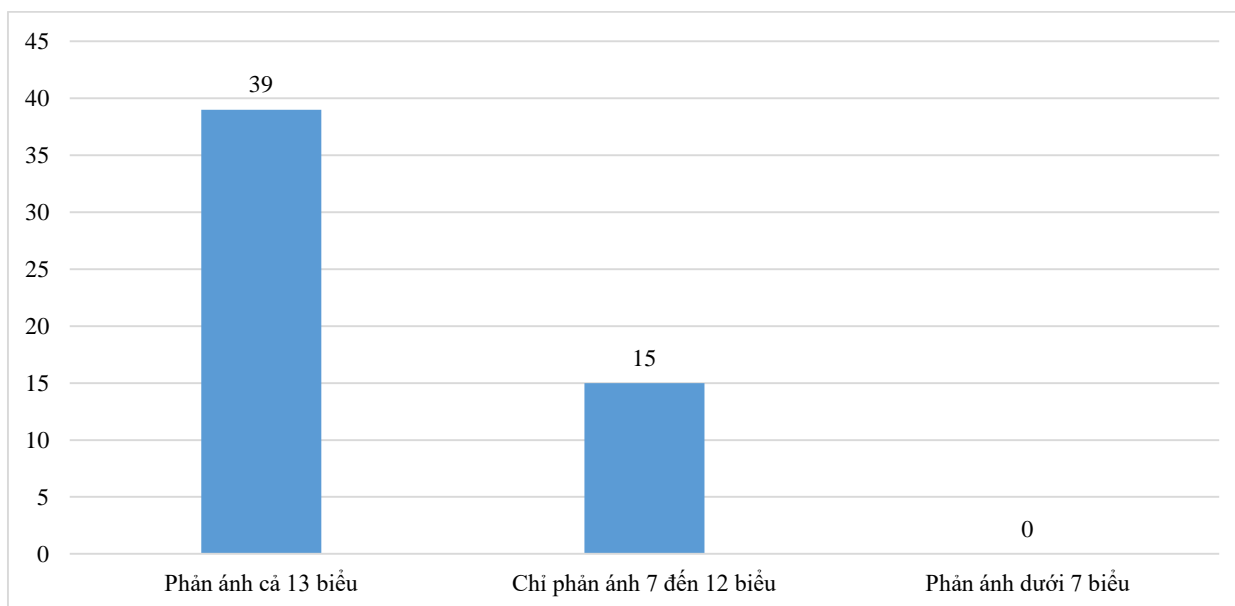
**Hình 12: Số tỉnh công bố tài liệu Dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định phân theo thời gian công khai**



*Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2022*

Trong số 54 tỉnh có công khai Dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định, có 39 tỉnh phản ánh đầy đủ cả 13 biểu theo quy định của Thông tư 343 (tăng một tỉnh so với khảo sát POBI 2021). Có 15 tỉnh phản ánh từ 7 đến 12 biểu và không có tỉnh nào phản ánh dưới 7 biểu hoặc không công khai bảng biểu cùng với Dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được phê duyệt.

**Hình 13: Số tỉnh công bố tài liệu Dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định phân theo mức độ đầy đủ số lượng các bảng biểu**



*Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2022*

Theo quy định của Thông tư 343, tài liệu Dự toán ngân sách tỉnh gồm 13 biểu mẫu kèm theo (từ biểu số 46 đến biểu số 58). Trong khảo sát POBI 2022, nhóm nghiên cứu tiếp tục chăm điểm đầy đủ trong việc công khai nội dung các bảng biểu số 46 - Cân đối ngân sách địa phương, biểu số 48 - Dự toán thu NSNN và biểu số 52 - Dự toán chi đầu tư phát triển của ngân sách cấp tỉnh cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực.

Đối với biểu số 46 - Biểu cân đối ngân sách địa phương, có 49 trong tổng số 54 tỉnh có công bố phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ theo quy định (giảm bốn tỉnh so với khảo sát POBI 2021), hai tỉnh có phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn nhưng không chi tiết các mục nhỏ theo quy định, ba tỉnh không phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn theo quy định hoặc không phản ánh biểu số 46 trong tài liệu. Tương tự như các khảo sát trước, đối với các tỉnh có phản ánh biểu 46 nhưng không đầy đủ chủ yếu chỉ phản ánh hai khoản mục chính là mục A - Tổng nguồn thu ngân sách địa phương (NSDP) và mục B - Tổng chi NSDP, thiếu các khoản mục như mục C - Bội chi/Bội thu NSDP, mục D - Chi trả nợ gốc của NSDP và mục Đ - Tổng mức vay của NSDP.

Đối với biểu số 48 - Dự toán thu NSNN, chỉ có 36 tỉnh phản ánh đầy đủ các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa bao gồm 18 mục nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế (tăng 18 tỉnh so với khảo sát POBI 2021). Có 15 tỉnh phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa và không chi tiết theo loại thuế. Có hai tỉnh phản ánh các nguồn thu trong thu nội địa nhưng ít hơn 18 mục thu theo quy định và một tỉnh không phản ánh các nguồn thu cụ thể trong thu nội địa.

Đối với biểu số 52 - Dự toán chi đầu tư phát triển của ngân sách cấp tỉnh cho từng cơ quan tổ chức theo lĩnh vực, trong số 54 tỉnh có công khai tài liệu này, có 44 tỉnh phản ánh dự toán cụ thể cho 12 lĩnh vực chi đầu tư (tăng một tỉnh so với khảo sát POBI 2021). Có hai tỉnh phản ánh cụ thể dự toán cho 9 đến 11 lĩnh vực chi đầu tư. Có một tỉnh phản ánh cụ thể dự toán chi đầu tư cho 5 đến 8 lĩnh vực chi đầu tư. Bảy tỉnh còn lại chỉ phản ánh dự toán chi đầu tư cho 0 đến 4 lĩnh vực chi đầu tư hoặc không công khai tài liệu này.

Đối với biểu số 57, có 44 tỉnh có công khai chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo đơn vị sử dụng ngân sách tỉnh và huyện.

Đối với việc công khai thông tin liên quan đến các quỹ ngoài ngân sách, kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy trong Dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định chỉ có 13 tỉnh (tăng bốn tỉnh so với POBI 2021) có công khai thông tin về dự toán cho các khoản thu chi các Quỹ Tài chính nhà nước ngoài ngân sách của địa phương.

POBI 2022 là năm thứ ba nhóm nghiên cứu bổ sung thêm nội dung đó là so sánh phần trăm thay đổi của chi thường xuyên hàng năm của ngân sách tỉnh cho GDĐT, Y tế và Dân số so với phần trăm thay đổi của tổng chi thường xuyên trong Dự toán ngân sách tỉnh được quyết định năm 2023 với Dự toán được quyết định năm 2022. Dự toán được phê duyệt năm 2023 chỉ đạt tính tin cậy khi chi thường xuyên cho GDĐT, Y tế và Dân số tăng nhanh hơn hoặc giảm ít hơn mức tăng hoặc mức giảm trong tài liệu dự toán được duyệt năm 2022. Kết quả chỉ có 26 tỉnh (41,27%), giảm tám tỉnh so với POBI 2021, có mức chi thường xuyên cho GDĐT và 20 tỉnh (31,75%), giảm ba tỉnh so với POBI 2021, có mức chi thường xuyên cho y tế, dân số tăng nhanh (hoặc giảm ít hơn) so với mức tăng/giảm tổng chi thường xuyên trong dự toán được duyệt năm 2022.

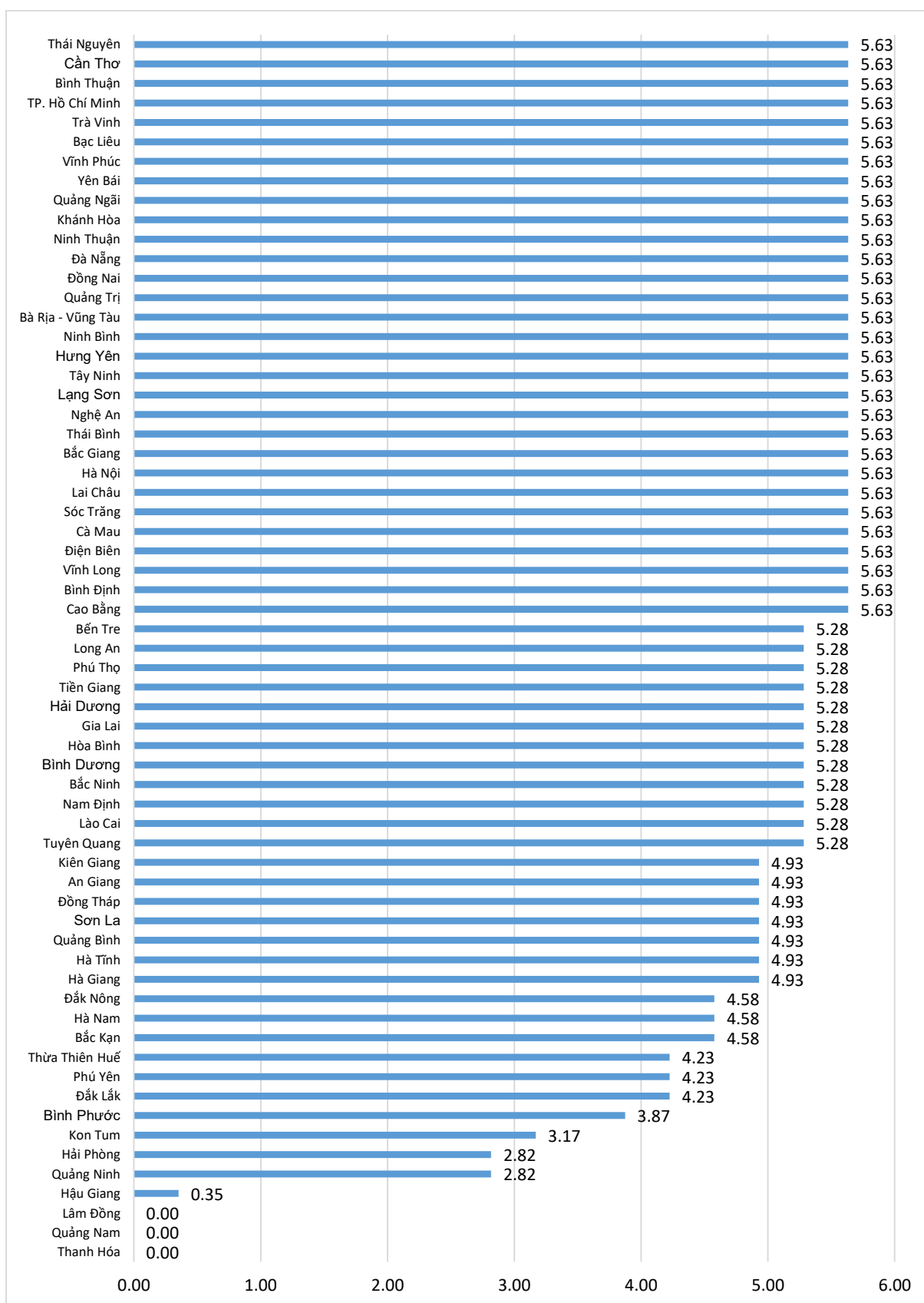
### **3. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGÂN SÁCH TỈNH QUÝ 1/2022**

Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2022 là một trong những tài liệu bắt buộc phải công bố công khai có tỉ lệ số tỉnh công bố tương đối cao trong các loại tài liệu, cụ thể 60/63 tỉnh (tương đương 95,24%) có công khai loại tài liệu này, tăng ba tỉnh so với khảo sát POBI 2021. Trong đó, 50/60 tỉnh công bố kèm báo cáo thuyết minh, 57/60 tỉnh có thông tin so sánh với dự toán được duyệt và 56/60 tỉnh có thông tin so sánh với tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

Tổng điểm quy đổi cho tài liệu báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2022 là 5,63 điểm. Kết quả chấm POBI 2022 cho thấy có 30 tỉnh đạt điểm tối đa, giảm bốn tỉnh so với khảo sát POBI 2021. Ba tỉnh không công khai tài liệu này gồm: Thanh Hóa, Quảng Nam và Lâm Đồng.



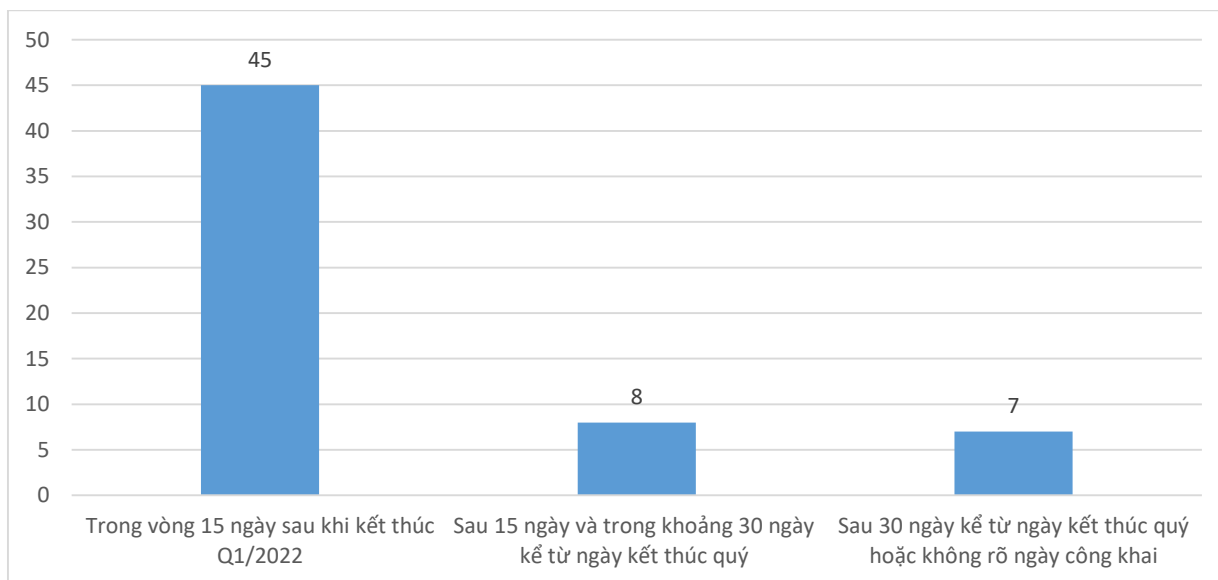
**Hình 14: Xếp hạng các tỉnh có công bố tài liệu báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022 theo điểm POBI 2022**



*Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2022*

Trong số 60 tỉnh có công bố tài liệu này, 45 tỉnh công bố đúng hạn trong vòng 15 ngày sau khi kết thúc quý 1 năm 2022 (giảm ba tỉnh so với khảo sát POBI 2021). Có tám tỉnh công bố muộn sau 15 ngày và trong khoảng 30 ngày và bảy tỉnh công bố sau 30 ngày hoặc không xác định được thời điểm công bố.

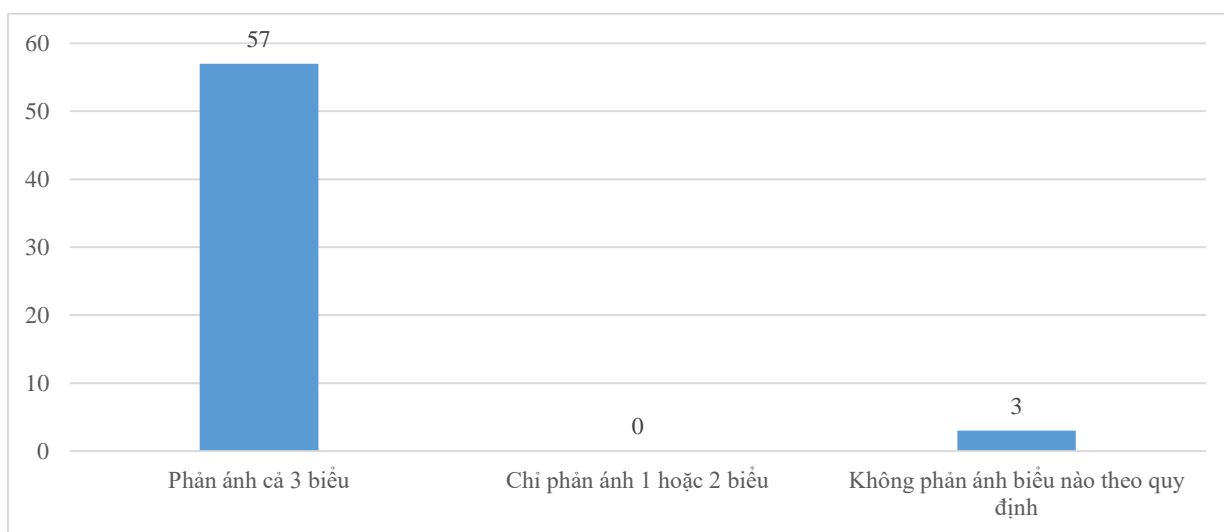
**Hình 15: Số tỉnh công bố Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022 phân theo thời gian công khai**



*Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2022*

Có 57/60 tỉnh có công khai báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2022 phản ánh đầy đủ cả 03 biểu theo quy định của Thông tư 343 (tăng một tỉnh so với khảo sát POBI 2021). Không có tỉnh nào phản ánh 1 hoặc 2 biểu và có ba tỉnh không công khai hoặc không phản ánh bất kỳ biểu nào theo quy định của Thông tư 343 (Hải Phòng, Hậu Giang và Kon Tum, chỉ có quyết định/thuyết minh, không kèm bảng biểu, số liệu).

**Hình 16: Số tỉnh công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022 phân theo mức độ đầy đủ số lượng các bảng biểu**



*Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2022*

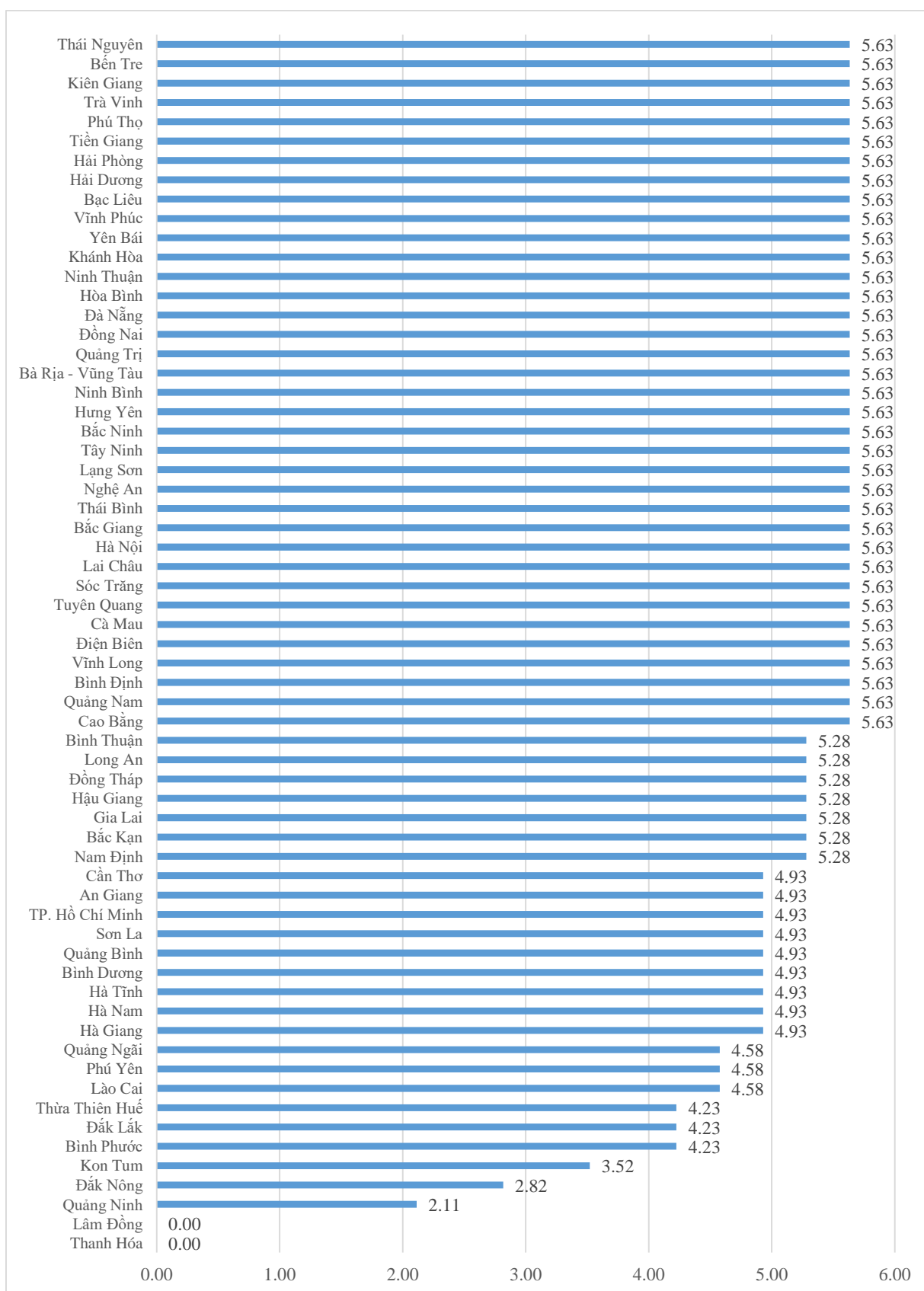
Các biểu bắt buộc phải công bố công khai theo Thông tư 343 trong tài liệu về tình hình thực hiện ngân sách quý của tỉnh bao gồm biểu số 59 - Cân đối ngân sách địa phương quý, biểu số 60 - Ước thực hiện thu NSNN quý và biểu số 61 - Ước thực hiện chi ngân sách địa phương quý. Khảo sát POBI 2022 chỉ tiến hành chấm điểm đầy đủ nội dung của biểu số 59. Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy trong số 60 tỉnh có công khai báo cáo quý 1, có 51 tỉnh phản ánh đầy đủ cả 4 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của biểu số 59 (tăng hai tỉnh so với POBI 2021). Có bốn tỉnh phản ánh đầy đủ cả 4 mục lớn nhưng không chi tiết các mục nhỏ và năm tỉnh không phản ánh đầy đủ 4 mục lớn theo quy định.

#### **4. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGÂN SÁCH TỈNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022**

Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng năm 2022 là một trong những tài liệu bắt buộc phải công bố công khai có tỉ lệ số tỉnh công bố cao nhất, cụ thể 61/63 tỉnh (tương đương 96,83%) có công khai loại tài liệu này, tăng bốn tỉnh so với khảo sát POBI năm 2021. Trong đó, 52/61 tỉnh công bố kèm báo cáo thuyết minh, 60/61 tỉnh có thông tin so sánh với dự toán được duyệt và 59/61 tỉnh có thông tin so sánh với tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

Tổng điểm quy đổi cho tài liệu báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng năm 2022 là 5,63 điểm. Kết quả chấm POBI 2022 cho thấy có 36 tỉnh đạt điểm tối đa, tương đương so với khảo sát POBI 2021. Hai tỉnh không công khai tài liệu này gồm: Thanh Hóa và Lâm Đồng.

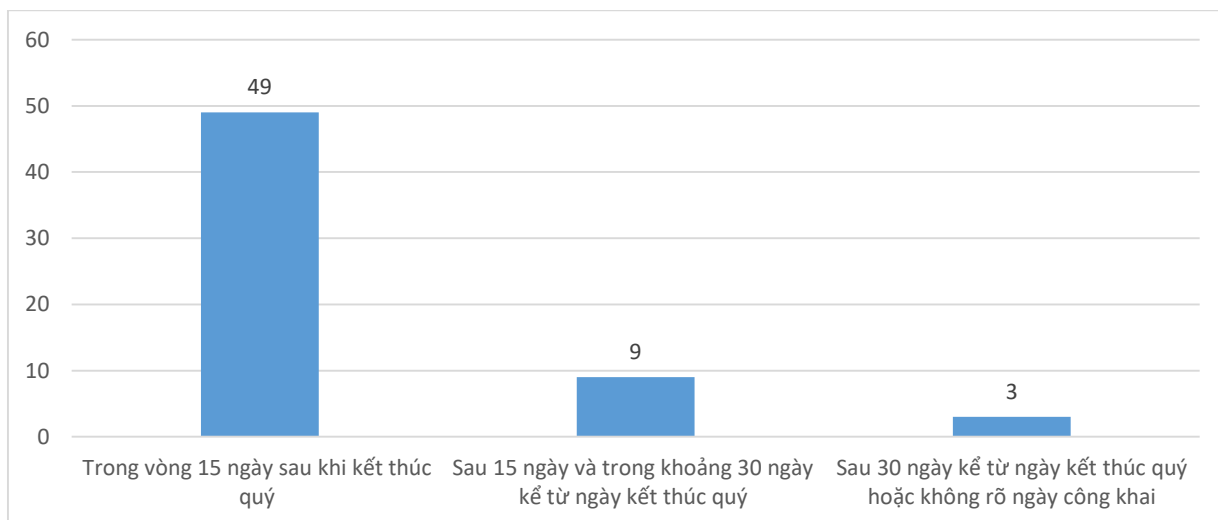
**Hình 17: Xếp hạng các tỉnh có công bố báo cáo  
Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng 2022 theo điểm POBI 2022**



Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2022

Trong số 61 tỉnh có công bố tài liệu này, 49 tỉnh công bố đúng hạn trong vòng 15 ngày sau khi kết thúc 6 tháng năm 2022 (tăng hai tỉnh so với khảo sát POBI 2021). Có chín tỉnh công bố muộn sau 15 ngày và trong khoảng 30 ngày và ba tỉnh công bố sau 30 ngày hoặc không xác định được thời điểm công bố.

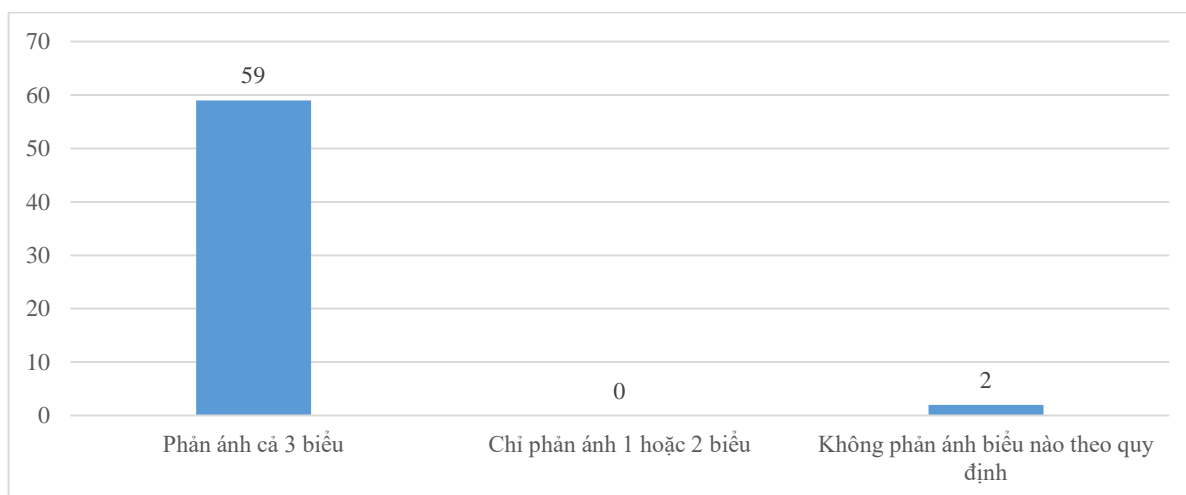
**Hình 18: Số tỉnh công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng 2022 phân theo thời gian công khai**



*Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2022*

Có tới 59 trong số 61 tỉnh có công khai báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng năm 2022 phản ánh đầy đủ cả 03 biểu theo quy định của Thông tư 343, tăng bốn tỉnh so với kết quả khảo sát POBI 2021. Không có tỉnh nào phản ánh 1 hoặc 2 biểu và có hai tỉnh (Đắk Nông và Kon Tum) không phản ánh biểu nào theo như quy định trong Thông tư 343.

**Hình 19: Số tỉnh công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng 2022 phân theo mức độ đầy đủ số lượng các bảng biểu**



*Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2022*

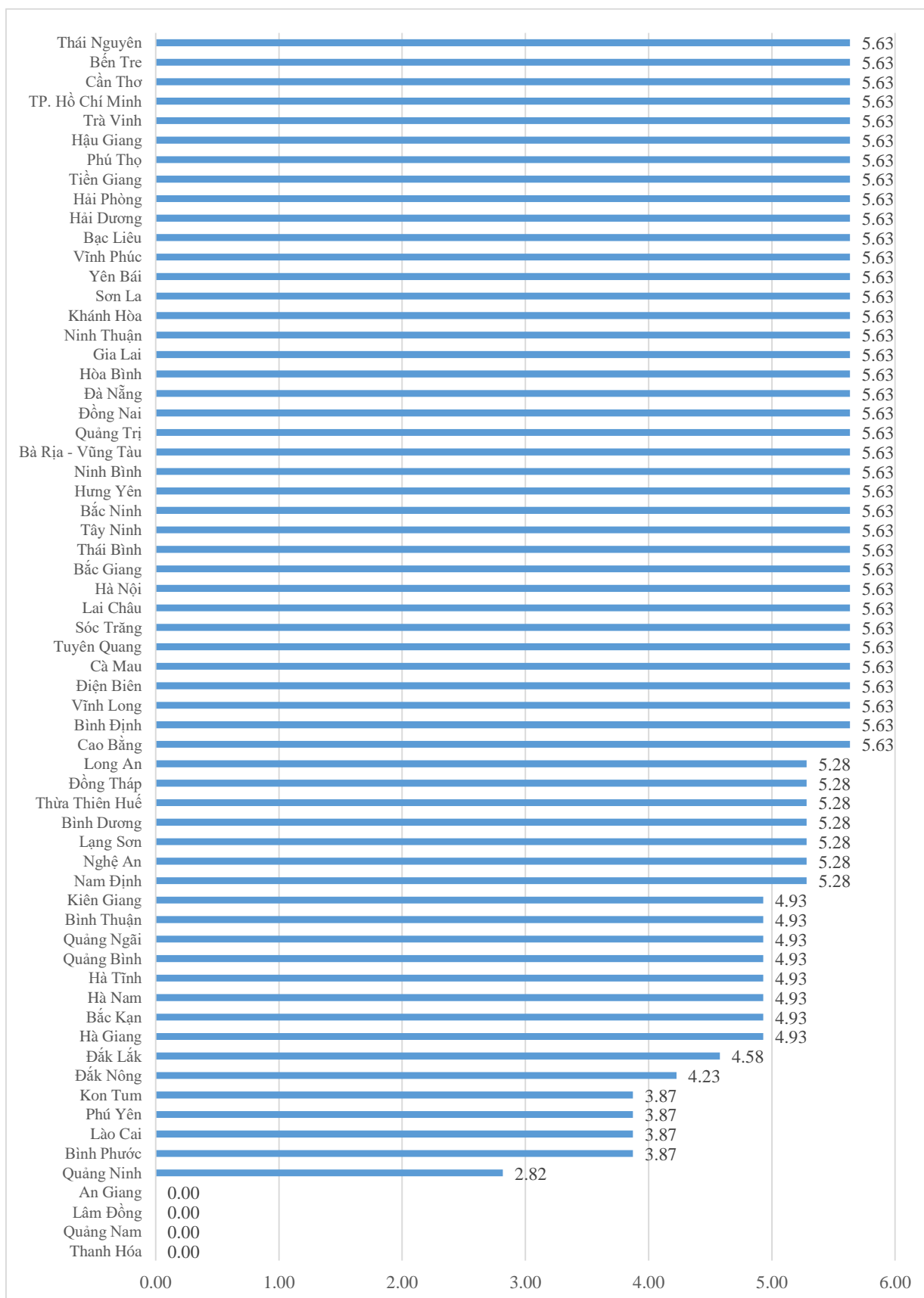
Các biểu bắt buộc phải công bố công khai theo Thông tư 343 trong tài liệu về tình hình thực hiện ngân sách quý (6 tháng) của tỉnh bao gồm biểu số 59 - Cân đối ngân sách địa phương quý, biểu số 60 - Ước thực hiện thu NSNN quý và biểu số 61 - Ước thực hiện chi ngân sách địa phương quý. Khảo sát POBI 2022 chỉ tiến hành chấm điểm đầy đủ nội dung của biểu số 59. Theo đó, 53 tỉnh phản ánh đầy đủ cả 4 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định (tăng bốn tỉnh so với POBI 2021), bốn tỉnh phản ánh đầy đủ cả 4 mục lớn nhưng không chi tiết các mục nhỏ và bốn tỉnh không phản ánh đầy đủ 4 mục lớn theo quy định.

## **5. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGÂN SÁCH TỈNH 9 THÁNG NĂM 2022**

Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022 là một trong những tài liệu bắt buộc phải công khai có tỉ lệ số tỉnh công bố ở mức tương đối cao, cụ thể 59/63 tỉnh (tương đương 93,65%) có công khai loại tài liệu này, tăng bốn tỉnh so với khảo sát POBI 2021. Trong đó, 52/59 tỉnh công bố kèm báo cáo thuyết minh, 58/59 tỉnh có thông tin so sánh với dự toán được duyệt và 57/59 tỉnh có thông tin so sánh với tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

Tổng điểm quy đổi cho tài liệu báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022 là 5,63 điểm. Kết quả chấm POBI 2022 cho thấy có 37 tỉnh đạt điểm tối đa, tăng tám tỉnh so với khảo sát POBI 2021. Bốn tỉnh không công khai tài liệu này gồm: Thanh Hóa, Quảng Nam, Lâm Đồng và An Giang.

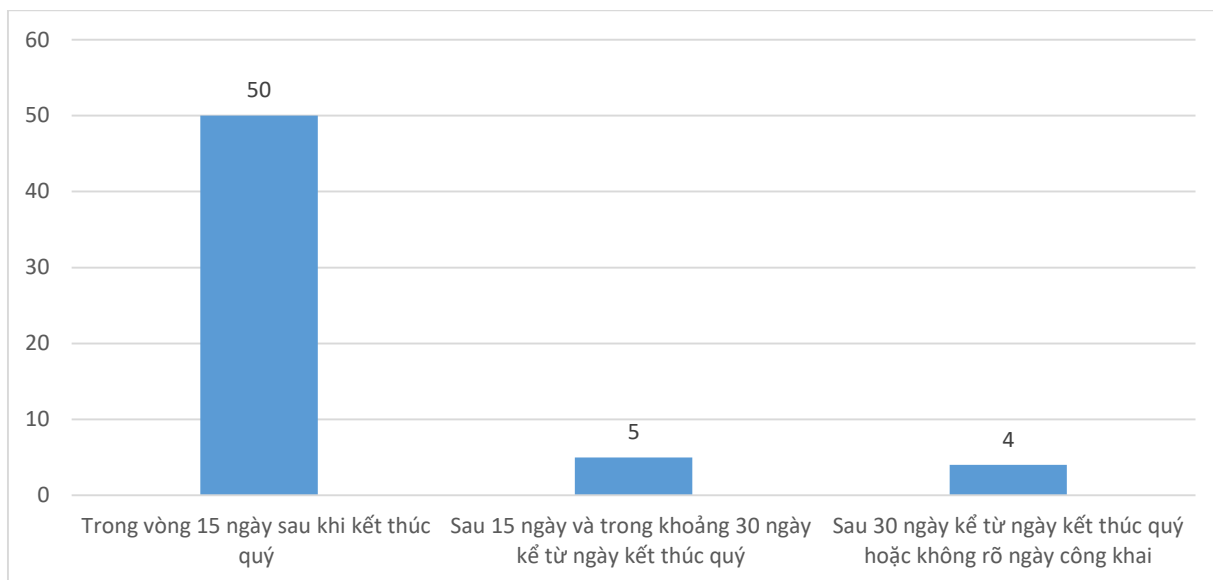
**Hình 20: Xếp hạng các tỉnh có công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng 2022 theo điểm POBI 2022**



Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2022

Trong số 59 tỉnh có công bố tài liệu này, 50 tỉnh công bố đúng hạn trong vòng 15 ngày sau khi kết thúc 9 tháng (quý 3) năm 2022 (tăng bốn tỉnh so với khảo sát POBI 2021). Có năm tỉnh công bố muộn sau 15 ngày và trong khoảng 30 ngày và bốn tỉnh công bố sau 30 ngày hoặc không xác định được thời điểm công bố.

**Hình 21: Số tỉnh công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng 2022 phân theo thời gian công khai**

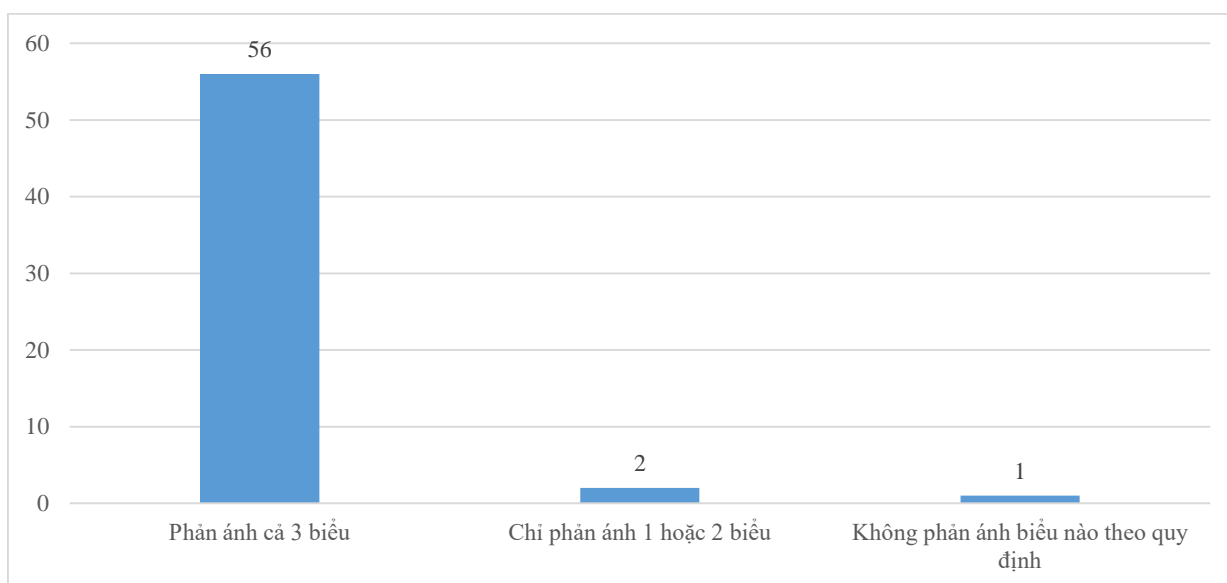


*Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2022*

Có tới 56 trong số 59 tỉnh có công khai báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022 phản ánh đầy đủ cả 03 biểu theo quy định của Thông tư 343 (tăng 4 tỉnh so với khảo sát POBI 2021). Có hai tỉnh phản ánh 1 hoặc 2 biểu và một tỉnh (Kon Tum) không công khai hoặc không phản ánh bất kỳ biểu nào theo quy định của Thông tư 343.



**Hình 22: Số tỉnh công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng 2022 phân theo mức độ đầy đủ số lượng các bảng biểu**



*Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2022*

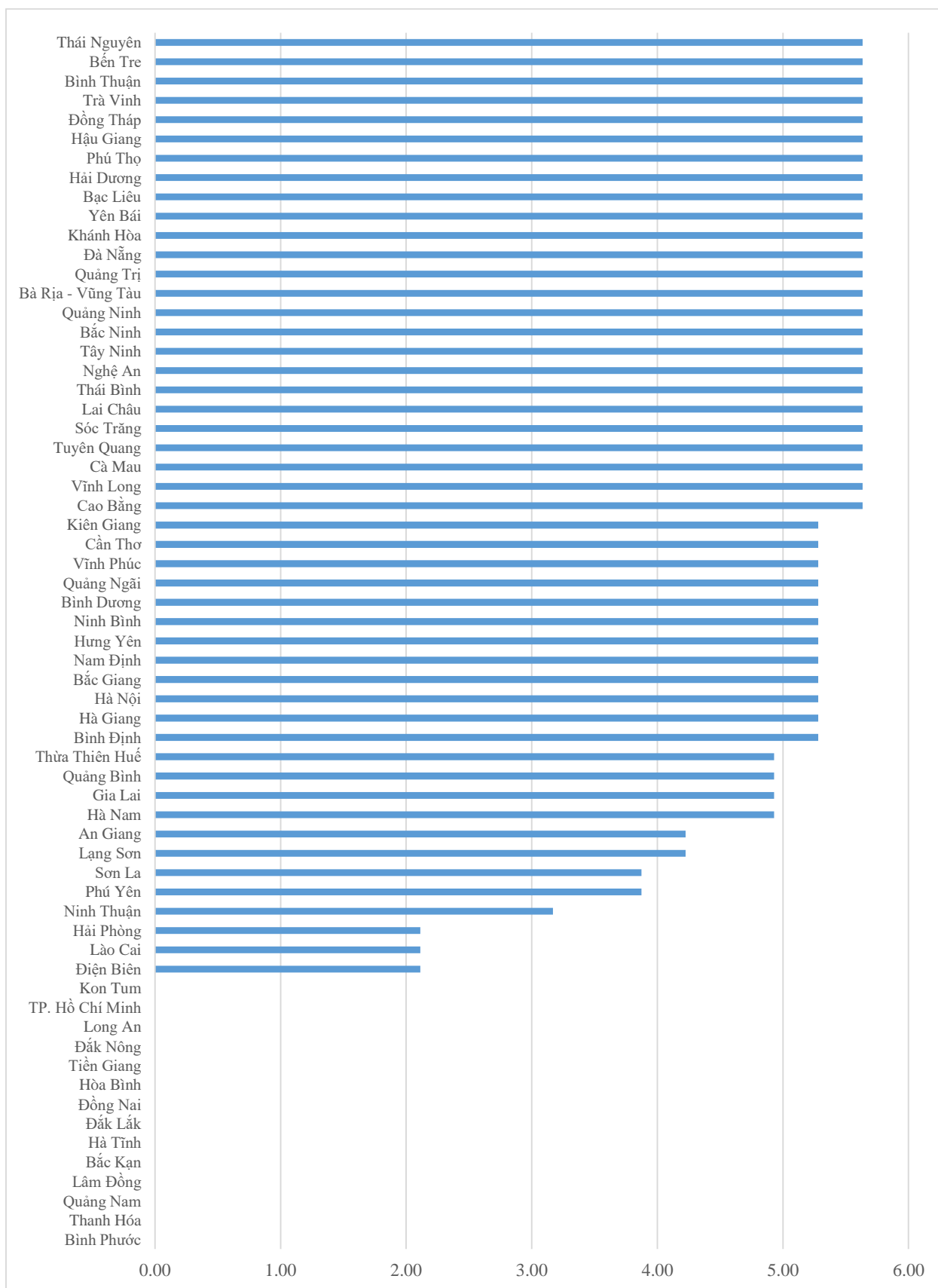
Các biểu bắt buộc phải công bố công khai theo Thông tư 343 trong tài liệu về tình hình thực hiện ngân sách quý 3 (9 tháng) của tỉnh bao gồm biểu số 59 - Cân đối ngân sách địa phương quý, biểu số 60 - Ước thực hiện thu NSNN quý và biểu số 61 - Ước thực hiện chi ngân sách địa phương quý. Khảo sát POBI 2022 chỉ tiến hành chấm điểm đầy đủ nội dung của biểu số 59. Theo đó, 54 tỉnh phản ánh đầy đủ cả 4 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định (tăng sáu tỉnh so với POBI 2021), ba tỉnh phản ánh đầy đủ cả 4 mục lớn nhưng không chi tiết các mục nhỏ và hai tỉnh không phản ánh đầy đủ 4 mục lớn theo quy định.

## **6. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGÂN SÁCH TỈNH CẢ NĂM 2022**

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy chỉ có 49/63 tỉnh/thành phố có công khai tài liệu báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022, tương đương với kết quả khảo sát POBI 2021. Trong đó, 45/49 tỉnh công bố kèm báo cáo thuyết minh, 46/49 tỉnh có thông tin so sánh với dự toán được duyệt và 43/49 tỉnh có thông tin so sánh với tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

Tổng điểm quy đổi cho tài liệu báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022 là 5,63 điểm. Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy có 25 tỉnh đạt điểm tối đa, tăng hai tỉnh so với khảo sát POBI 2021. Có 14 tỉnh không công khai tài liệu này bao gồm: Bình Phước, Thanh Hóa, Quảng Nam, Lâm Đồng, Bắc Kạn, Hà Tĩnh, Đắk Lắk, Đồng Nai, Hòa Bình, Tiền Giang, Đắk Nông, Long An, TP. Hồ Chí Minh và Kon Tum.

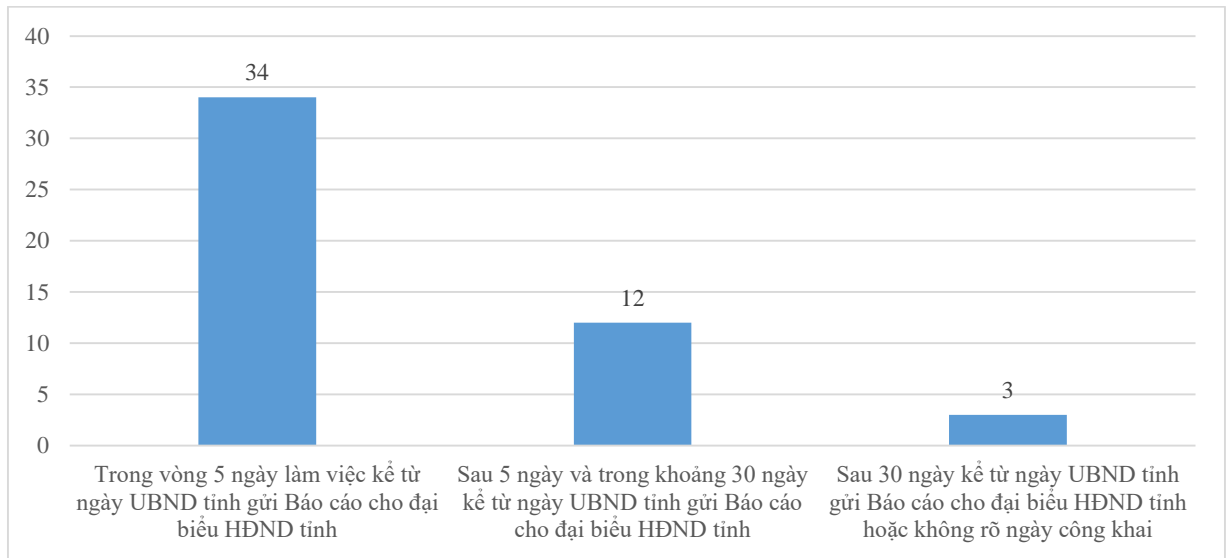
**Hình 23: Xếp hạng các tỉnh có công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022 theo điểm POBI 2022**



Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2022

Trong số 49 tỉnh có công bố Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022, có 34 tỉnh công bố đúng thời hạn trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày UBND tỉnh gửi Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 2022 cho đại biểu HĐND cấp tỉnh (giảm một tỉnh so với khảo sát POBI 2021). Có 12 tỉnh công khai sau 5 ngày và trong khoảng 30 ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 2022 cho đại biểu HĐND cấp tỉnh. Ba tỉnh công khai sau 30 ngày kể từ ngày UBND tỉnh gửi Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 2022 cho đại biểu HĐND cấp tỉnh hoặc không rõ ngày công khai.

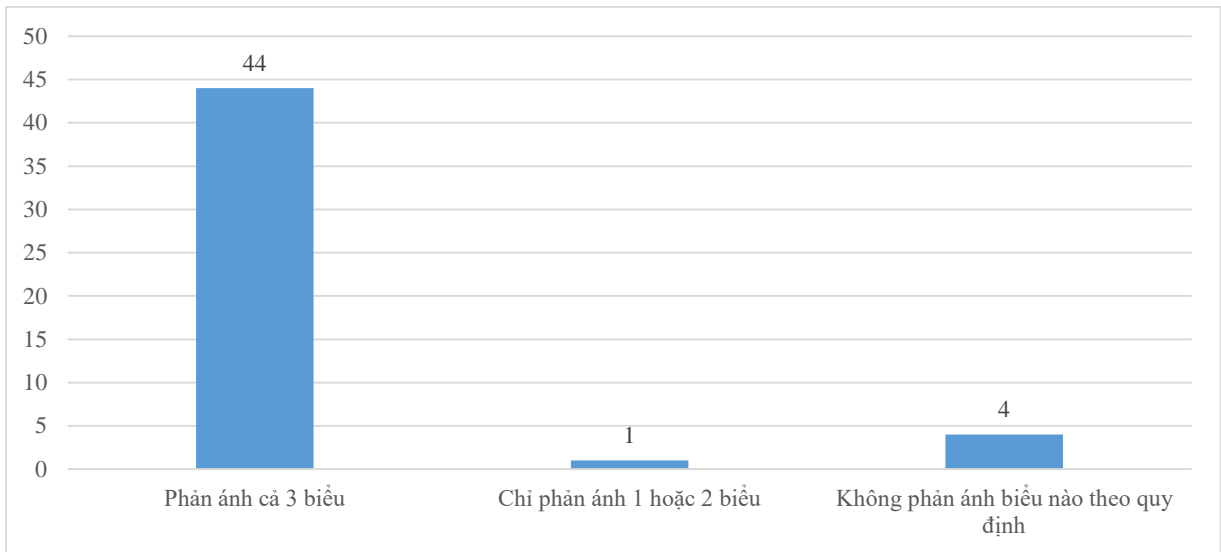
**Hình 24: Số tỉnh công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022 phân theo thời gian công khai**



*Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2022*

Trong số 49 tỉnh có công bố công khai tài liệu Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022, có 44 tỉnh phản ánh đầy đủ cả ba biểu theo quy định của Thông tư 343 (giảm một tỉnh so với khảo sát POBI 2021), một tỉnh phản ánh một hoặc hai biểu và có bốn tỉnh (Điện Biên, Lào Cai, Ninh Thuận và Hải Phòng) không phản ánh bằng biểu nào theo quy định.

**Hình 25: Số tỉnh công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022 phân theo mức độ đầy đủ số lượng các bảng biểu**



*Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2022*

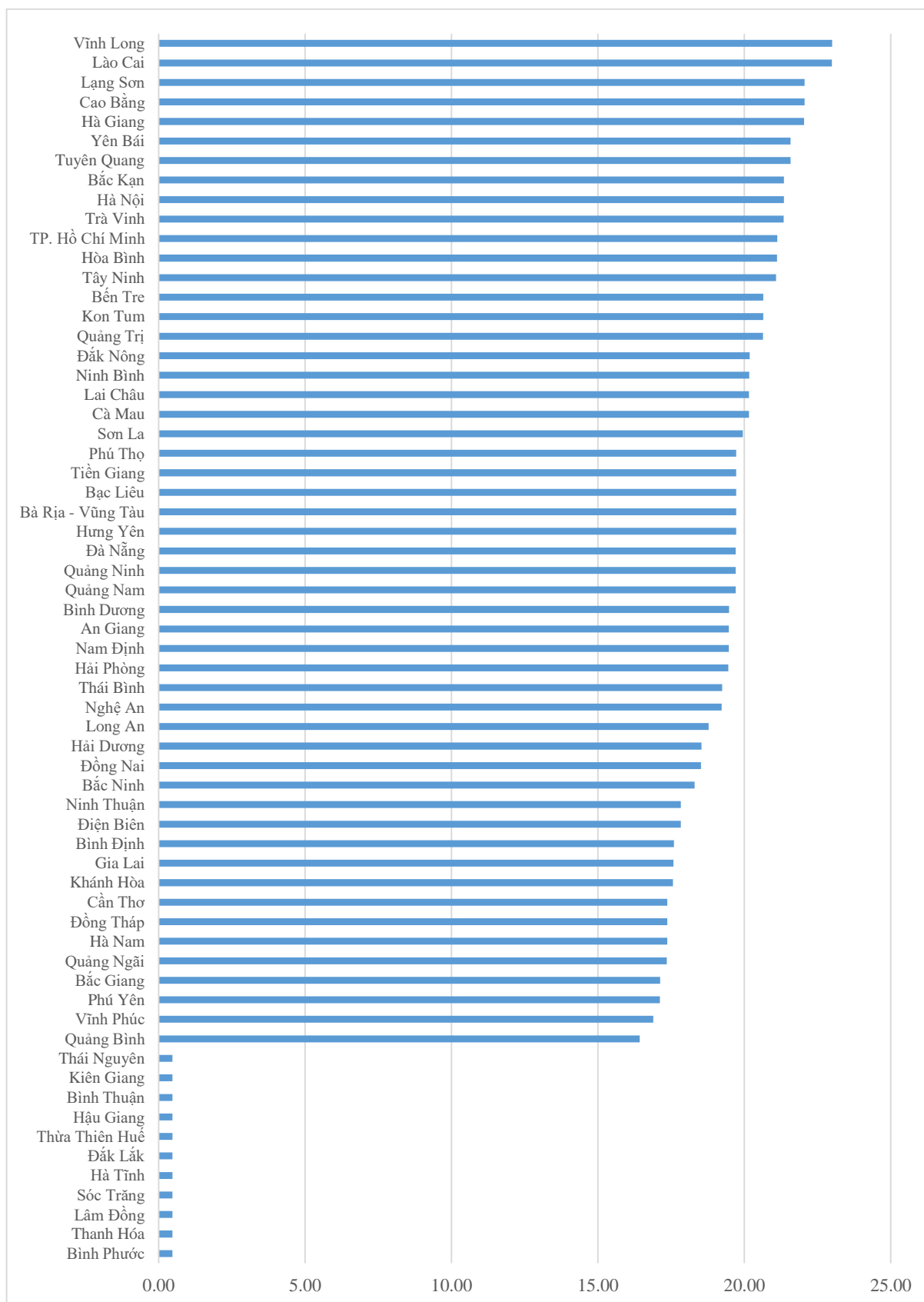
Các biểu bắt buộc phải công bố công khai theo Thông tư 343 trong tài liệu về Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách năm 2022 của tỉnh bao gồm biểu số 59 - Cân đối ngân sách địa phương năm 2022, biểu số 60 - Ước thực hiện thu NSNN năm và biểu số 61 - Ước thực hiện chi ngân sách địa phương năm. Khảo sát POBI 2022 chỉ tiến hành chấm điểm đầy đủ nội dung của biểu số 59 - Cân đối ngân sách địa phương năm 2022. Theo đó, 42 tỉnh (tăng một tỉnh so với khảo sát POBI 2021) phản ánh đầy đủ cả 4 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định, một tỉnh phản ánh đầy đủ cả 4 mục lớn nhưng không chi tiết các mục nhỏ và sáu tỉnh không phản ánh đầy đủ 8 mục lớn theo quy định.

## **7. BÁO CÁO QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2021 ĐÃ ĐƯỢC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÊ CHUẨN**

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy có 52/63 tỉnh thành (82,54%) có công bố công khai tài liệu quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021, giảm bảy tỉnh so với kết quả khảo sát POBI 2021 đối với quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020. Trong đó, chỉ có 34/52 tỉnh công bố kèm theo báo cáo thuyết minh.

Tổng điểm quy đổi cho tài liệu Quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 là 25,35 điểm. Kết quả POBI 2022 cho thấy chưa có tỉnh nào đạt số điểm tối đa đối với tài liệu Quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021. Vĩnh Long vẫn là tỉnh có số điểm cao nhất với 23,0 điểm. Bình Phước, Thanh Hóa, Lâm Đồng, Sóc Trăng, Hà Tĩnh, Đắk Lắk, Thừa Thiên Huế, Hậu Giang, Bình Thuận, Kiên Giang và Thái Nguyên là các tỉnh không công khai tài liệu này.

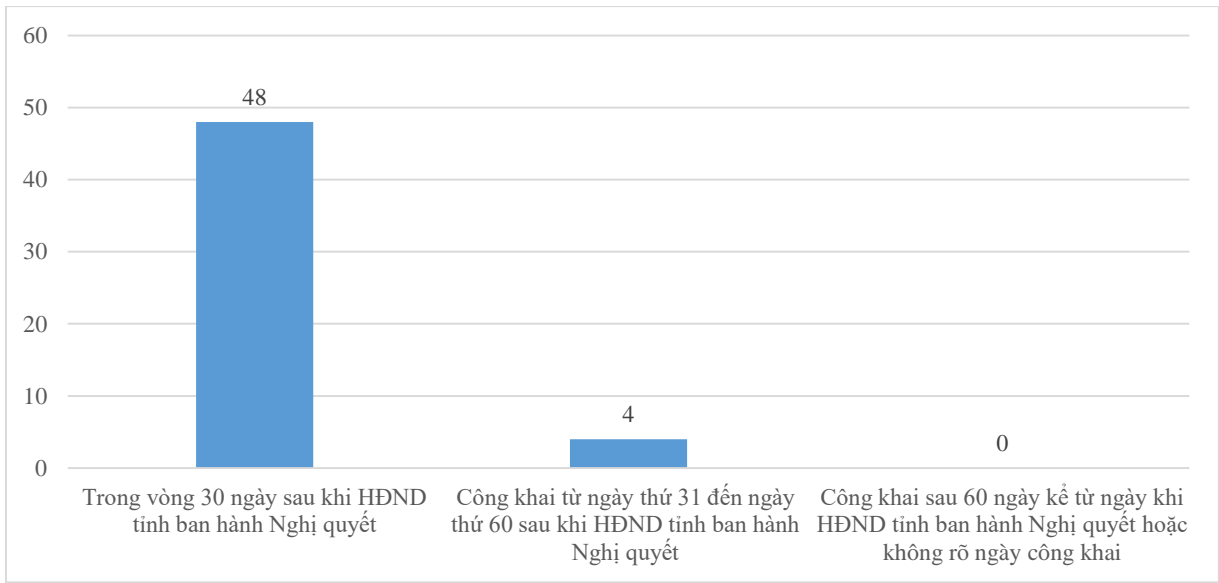
**Hình 26: Xếp hạng các tỉnh có công bố Quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 theo điểm POBI 2022**



Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2022

Trong số 52 tỉnh có công khai quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021, có 48 tỉnh công bố đúng hạn là trong vòng 30 ngày sau khi HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết phê chuẩn, giảm bảy tỉnh so với kết quả khảo sát POBI 2021. Có bốn tỉnh công khai chậm kể từ ngày thứ 31 đến ngày thứ 60, và không tỉnh nào công khai chậm hơn 60 ngày hoặc không xác định được chính xác thời điểm công khai.

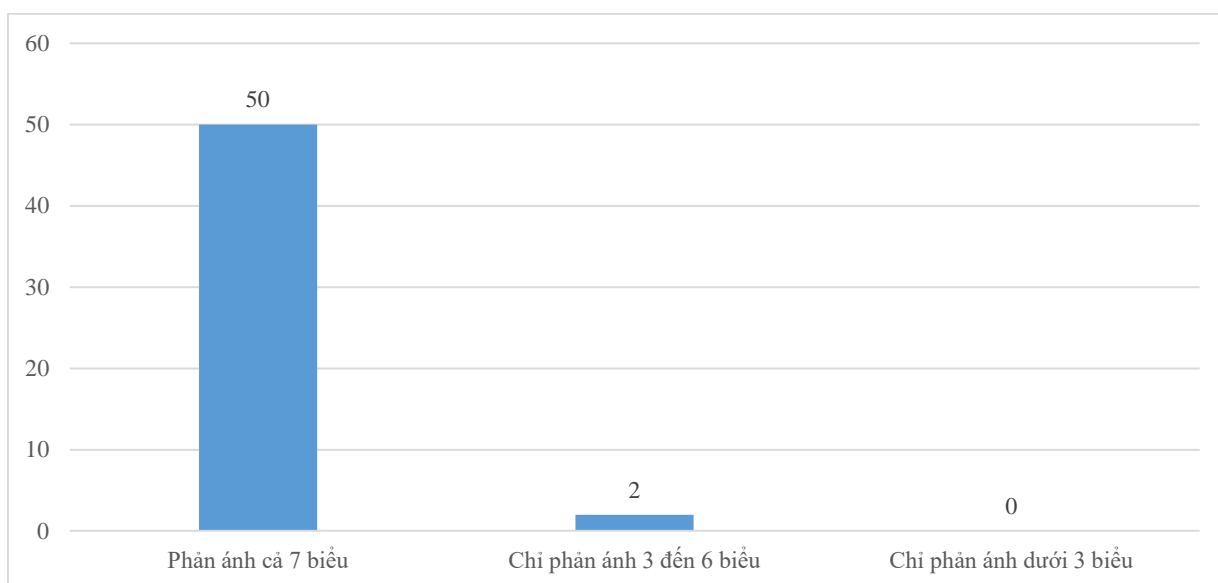
**Hình 27: Số tỉnh công bố tài liệu Quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 phân theo thời gian công khai**



*Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2022*

Trong số 52 tỉnh công bố Quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021, có 50 tỉnh phản ánh đầy đủ 07 bảng biểu theo quy định của Thông tư 343, giảm 6 tỉnh so với khảo sát POBI năm 2021. Có hai tỉnh phản ánh từ 03 đến 05 biểu và không có tỉnh nào phản ánh dưới 03 biểu.

**Hình 28: Số tỉnh công bố tài liệu quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 phân theo mức độ đầy đủ số lượng các bảng biểu**



*Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2022*

Tài liệu Quyết toán ngân sách tỉnh theo quy định của Thông tư 343 gồm 07 bảng biểu, từ biểu số 62 đến biểu số 68. Khảo sát POBI 2022 tiến hành chấm điểm đầy đủ trong việc công khai nội dung của các bảng biểu số 62 - Cân đối ngân sách địa phương năm 2020, biểu số 63 - Quyết toán thu NSNN năm 2021 và biểu số 65 - Quyết toán chi ngân sách cấp tỉnh theo từng lĩnh vực năm 2021.

Đối với biểu số 62 - Biểu Cân đối ngân sách địa phương năm 2021, trong số 52 tỉnh có công khai quyết toán 2021, có 47 tỉnh phản ánh đầy đủ cả 6 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định, giảm năm tỉnh so với khảo sát POBI 2021. Có năm tỉnh phản ánh đầy đủ cả 6 mục lớn nhưng không chi tiết các mục nhỏ và không có tỉnh nào không phản ánh đầy đủ cả 6 mục lớn theo quy định.

Đối với biểu số 63 - Biểu Quyết toán thu NSNN năm 2021, trong số 52 tỉnh có công khai quyết toán 2021, có 40 tỉnh phản ánh cụ thể các nguồn thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 mục nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế, tăng bốn tỉnh so với khảo sát POBI năm 2021. Có 11 tỉnh phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và không chi tiết theo từng loại thuế. Có một tỉnh phản ánh các nguồn thu nội địa cụ thể song ít hơn 18 mục nhỏ theo quy định.

Đối với biểu số 65 - Biểu Quyết toán chi ngân sách cấp tỉnh theo từng lĩnh vực năm 2021, trong số 52 tỉnh có công khai quyết toán 2021, có 48 tỉnh phản ánh đầy đủ 3 mục lớn và các mục nhỏ (giảm năm tỉnh so với khảo sát POBI 2021). Có ba tỉnh phản ánh đầy đủ 3 mục lớn, nhưng không chi tiết các mục nhỏ và một tỉnh có phản ánh nhưng không đầy đủ theo quy định.

POBI 2022 là năm thứ tư chấm điểm tiêu chí về mức độ tin cậy về các khoản chênh lệch giữa dự toán và quyết toán thu/chi ngân sách đối với cả 4 mục lớn: (i) Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp, phản ánh trong Mục A.1 Biểu 62 Thông tư 343; (ii) Chi cân đối ngân sách địa phương năm 2018, phản ánh trong Mục B.I Biểu 62 Thông tư 343; (iii) Chi đầu tư phát triển, phản ánh trong Mục B.I.1 Biểu 62 Thông tư 343; (iv) Chi thường xuyên, phản ánh trong Mục B.I.2 Biểu 62 Thông tư 343. Ngoài ra, POBI 2022 còn tiến hành chấm điểm tiêu chí mức độ tin cậy đối với dự toán Tổng thu ngân sách của địa phương (Mục A Biểu 62 Thông tư 343). Kết quả cụ thể như sau:

- Đối với dự toán tổng thu ngân sách địa phương: Không có tỉnh nào lập dự toán tương đối chính xác về tổng thu ngân sách tỉnh năm 2021 (giảm một tỉnh so với POBI 2021), tức chênh lệch giữa dự toán được duyệt với quyết toán ngân sách 2021 chỉ nằm trong khoảng 5%. Cũng không có tỉnh phản ánh số thu dự toán chênh lệch từ 5% đến dưới 10% so với tổng quyết toán thu NSĐP. Có hai tỉnh phản ánh số thu dự toán chênh lệch từ 10% đến dưới 15% so với tổng quyết toán thu NSĐP. Có tới 50 tỉnh phản ánh số thu dự toán chênh lệch 15% trở lên so với tổng quyết toán thu NSĐP hoặc con số trùng khớp tuyệt đối nên không đáng tin cậy.
- Đối với dự toán thu ngân sách được hưởng theo phân cấp: Có 13 tỉnh lập dự toán tương đối chính xác về thu ngân sách tỉnh được hưởng theo phân cấp năm 2021 (tăng 2 tỉnh so với POBI 2021), tức chênh lệch giữa dự toán được duyệt với quyết toán ngân sách 2020 chỉ nằm trong khoảng 5%. Có 10 tỉnh phản ánh số thu dự toán chênh lệch từ 5% đến dưới 10% so với tổng quyết toán thu NSĐP. Có bốn tỉnh phản ánh số thu dự toán chênh lệch từ 10% đến dưới 15% so với tổng quyết toán thu NSĐP. Có 25 tỉnh phản ánh số thu dự toán chênh lệch 15% trở lên so với tổng quyết toán thu NSĐP hoặc con số trùng khớp tuyệt đối nên không đáng tin cậy.
- Đối với dự toán chi cân đối ngân sách địa phương: Có 20 tỉnh lập dự toán tương đối chính xác về khoản chi cân đối ngân sách địa phương (giảm 3 tỉnh), tức chênh lệch giữa dự toán được duyệt với quyết toán ngân sách 2021 chỉ nằm trong khoảng 5%. Có 10 tỉnh phản ánh số chi dự toán chênh lệch từ 5% đến dưới 10% so với quyết toán chi cân đối ngân sách địa phương. Có bốn tỉnh phản ánh số chi dự toán chênh lệch từ 10% đến dưới 15% so với quyết toán chi cân đối ngân sách địa phương. Có 18 tỉnh phản ánh số chi dự toán chênh lệch 15% trở lên so với quyết toán chi cân đối ngân sách địa phương hoặc con số trùng khớp tuyệt đối nên không đáng tin cậy.



- Đối với dự toán chi đầu tư phát triển: Có 11 tỉnh lập dự toán tương đối chính xác về khoản chi đầu tư phát triển (tăng một tỉnh so với POBI 2021), tức chênh lệch giữa dự toán được duyệt với quyết toán ngân sách 2020 chỉ nằm trong khoảng 5%. Có sáu tỉnh phản ánh số chi dự toán chênh lệch từ 5% đến dưới 10% so với quyết toán chi đầu tư phát triển. Có 4 tỉnh phản ánh số chi dự toán chênh lệch từ 10% đến dưới 15% so với quyết toán chi đầu tư phát triển. Có 31 tỉnh phản ánh số chi dự toán chênh lệch 15% trở lên so với quyết toán chi đầu tư phát triển hoặc con số trùng khớp tuyệt đối với dự toán (điều này rất khó có thể xảy ra trên thực tế).
- Đối với dự toán chi thường xuyên: Có 21 tỉnh lập dự toán tương đối chính xác về khoản chi thường xuyên (giảm 13 tỉnh so với POBI 2021), tức chênh lệch giữa dự toán được duyệt với quyết toán ngân sách 2020 chỉ nằm trong khoảng 5%. Có 15 tỉnh phản ánh số chi dự toán chênh lệch từ 5% đến dưới 10% so với quyết toán chi ngân sách từ chi thường xuyên. Có tám tỉnh phản ánh số chi dự toán chênh lệch từ 10% đến dưới 15% so với quyết toán chi thường xuyên. Có tám tỉnh phản ánh số chi dự toán chênh lệch 15% trở lên so với quyết toán chi thường xuyên hoặc số liệu dự toán và quyết toán trùng khớp tuyệt đối nên không đáng tin cậy.
- Kết quả khảo sát cũng cho thấy trong số 52 tỉnh có công khai tài liệu quyết toán năm 2021, có 41 tỉnh có phần trăm (%) thay đổi giữa quyết toán chi thường xuyên cho y tế và dân số so với dự toán chi thường xuyên cho y tế và dân số năm 2021 tăng nhanh hơn hoặc giảm ít hơn so với phần trăm (%) thay đổi của quyết toán tổng chi thường xuyên ngân sách tỉnh năm 2021 so với dự toán tổng chi thường xuyên năm 2021.

## **8. BÁO CÁO NGÂN SÁCH DÀNH CHO CÔNG DÂN NĂM 2023**

Báo cáo ngân sách công dân là tài liệu không bắt buộc công khai theo Luật NSNN 2015, nhưng cần phải công khai theo thông lệ tốt của quốc tế. Số lượng các tỉnh công bố báo cáo ngân sách công dân tăng từ 1 tỉnh trong kỳ khảo sát 2018 lên 14 tỉnh trong POBI 2019, năm 2020, số tỉnh có công bố báo cáo ngân sách dành cho công dân là 22 tỉnh, năm 2021 là 20 tỉnh. Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy có 26 tỉnh có công bố báo cáo ngân sách dành cho công dân (áp dụng cho dự thảo hoặc dự toán đã được phê duyệt), tăng sáu tỉnh so với khảo sát POBI 2021. Kết quả này cho thấy, mặc dù đã được cải thiện về việc công khai báo cáo ngân sách công dân, nhưng các tỉnh vẫn cần nỗ lực hơn nữa trong việc duy trì công bố các thông tin theo thông lệ tốt của quốc tế.

Trong số các tỉnh có công khai báo cáo ngân sách dành cho công dân, có 23 tỉnh công khai trong vòng 30 ngày sau khi HĐND cấp tỉnh ban hành Nghị quyết (tăng năm tỉnh so với POBI 2021). Có hai tỉnh công khai trong khoảng từ 31 đến 60 ngày và có một tỉnh không xác định được rõ ngày công khai tài liệu.

## **9. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023**

Có 53 tỉnh có công khai Kế hoạch đầu tư công năm 2023 hay còn gọi là Danh mục dự án đầu tư sử dụng ngân sách nhà nước năm 2023, giảm bảy tỉnh so với khảo sát POBI năm 2021. Trong số đó, có 32 tỉnh công khai ở định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng. Có tám đơn vị công bố tài liệu ở định dạng PDF nhưng có thể chuyển đổi sang word/excel. Có 23 đơn vị công bố tài liệu ở định dạng PDF scan, không thuận tiện cho việc sử dụng.

## **10. BÁO CÁO TÌNH HÌNH NỢ CÔNG CỦA TỈNH NĂM 2022 HOẶC 2023**

POBI 2022 cũng chấm điểm về việc công khai Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh trong năm 2022 hoặc 2023. Có 29 tỉnh (tương đương 46,03%) công bố tài liệu này, giảm một tỉnh so với khảo sát POBI 2021. Trong số đó có 25 tỉnh (tương đương 39,68%), giảm hai tỉnh so với POBI 2021, công bố tài liệu và chi tiết (i) Số dư nợ đầu năm (chi tiết theo từng nguồn vay); (ii) Số vay trong năm (chi tiết vay trả nợ gốc, vay để bù đắp bội chi); (iii) Số trả nợ trong năm (chi trả nợ lãi, phí và các chi phí khác liên quan đến các khoản vay của chính quyền địa phương; chi trả nợ gốc); và (iv) Số dư nợ cuối năm (chi tiết theo từng nguồn vay).

## **11. BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC KIẾN NGHỊ CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC NĂM 2019, 2020 HOẶC 2021**

POBI 2022 là năm thứ ba tiến hành chấm điểm công khai tài liệu Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, áp dụng cho một trong các năm 2019, 2020 hoặc 2021. Kết quả cho thấy có 26 trên tổng số 63 tỉnh có công bố tài liệu này trên các trang TTĐT của tỉnh, tăng một tỉnh so với khảo sát POBI 2021.

## **12. CÁC TÀI LIỆU KHÔNG CHẤM ĐIỂM POBI 2022**

Có 05 tài liệu ngân sách không tính điểm trong POBI 2022 nhưng khuyến khích các tỉnh công khai gồm có: (i) Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2023, (ii) Kết quả kiểm toán ngân sách nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021, (iii) Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2021 hoặc 2022, (iv) Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2023-2025, và (v) Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

Tổng điểm cho các tài liệu khuyến khích công khai trong POBI 2021 là 500 điểm. Hải Phòng là địa phương duy nhất đạt điểm tối đa đối với nhóm tài liệu khuyến khích công khai. Trong số các tài liệu không tính điểm, tài liệu được các tỉnh công khai nhiều

nhất đó là Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2023-2025 với 34 tỉnh có công bố. Tài liệu Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2023 có 26 tỉnh công bố, 23 tỉnh có công bố Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025, 22 tỉnh có công bố Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2021 hoặc 2022 và chỉ có sáu tỉnh có công bố Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước trong ít nhất một năm 2019, 2020 hoặc 2021.

## PHẦN 3

# KẾT QUẢ CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH CỦA 63 TỈNH, THÀNH PHỐ TRÊN CẢ NƯỚC

### 1. TỈNH AN GIANG

| KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH AN GIANG NĂM 2022 |  |                               |                              |
|---|--|-------------------------------|------------------------------|
| MỨC ĐỘ MINH BẠCH<br>(CHỈ SỐ POBI 2022)                      |  | SỰ THAM GIA<br>CỦA NGƯỜI DÂN  | TRÁCH NHIỆM<br>GIẢI TRÌNH    |
| XẾP HẠNG<br><b>51</b>                                       | <b>6/11</b><br>Tài liệu bắt buộc được công bố  | XẾP HẠNG<br><b>6</b>          | XẾP HẠNG<br><b>29</b>        |
| ĐIỂM XẾP HẠNG<br><b>56,07</b>                               | <b>3</b><br>Tài liệu được công bố đúng hạn   | ĐIỂM XẾP HẠNG<br><b>66,67</b> | ĐIỂM XẾP HẠNG<br><b>37,5</b> |
| <b>MỨC ĐỘ CÔNG KHAI TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ</b>                    | <b>1</b> tài liệu công bố chậm,<br><b>1</b> tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai |                               |                              |

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2022, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

#### Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy tỉnh An Giang đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh An Giang đạt **56,07** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **51** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2022, **giảm 37 hạng** so với kết quả chấm POBI 2021.

#### Kết quả chấm POBI 2022 tỉnh An Giang phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

| Mục   | Điểm POBI chưa quy đổi <sup>1</sup> | Điểm POBI 2022 quy đổi |
|---|-------------------------------------|------------------------|
| <b>A. Trụ cột sự tham gia</b>   | <b>400</b>                          | <b>5,63</b>            |
| <b>B. Trụ cột trách nhiệm giải trình</b>  | <b>300</b>                          | <b>4,23</b>            |
| <b>C. Trụ cột minh bạch ngân sách - điểm POBI 2022</b>                          | <b>3981</b>                         | <b>56,07</b>           |
| <b>Theo loại tài liệu</b>   |                                     |                        |
| 1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh | 33                                  | 0,46                   |
| 2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được                              | 1066                                | 15,01                  |

<sup>1</sup> Đã tính trọng số

|   |      |       |
|---|------|-------|
| HĐND tỉnh phê duyệt   |      |       |
| 3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022                                    | 350  | 4,93  |
| 4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022                          | 350  | 4,93  |
| 5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022                              | 0    | 0,00  |
| 6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022               | 300  | 4,23  |
| 7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt                   | 1382 | 19,46 |
| 8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán đã được phê duyệt)                      | 0    | 0,00  |
| 9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2023  | 200  | 2,82  |
| 10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023                                   | 0    | 0,00  |
| 11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 | 0    | 0,00  |
| <b>Theo tiêu chí đánh giá</b>   |      |       |
| 1. Tính sẵn có  | 450  | 6,34  |
| 2. Tính kịp thời  | 250  | 3,52  |
| 3. Tính thuận tiện  | 750  | 10,56 |
| 4. Tính đầy đủ  | 1900 | 26,76 |
| 5. Tính tin cậy   | 398  | 5,61  |
| 6. Tính liên tục  | 233  | 3,28  |

Kết quả khảo sát POBI 2022 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

### **Tính thuận tiện của tài liệu công khai**

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh An Giang nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Thư mục công khai ngân sách: Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu và có cập nhật nội dung.
- Định dạng của tài liệu: Trên trang TTĐT của Sở Tài chính có 5 loại tài liệu được chấm điểm về định dạng tài liệu được công khai ở dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022;

Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022; Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt. Một tài liệu được công khai dưới định dạng pdf dễ dàng đọc hoặc chuyển sang định dạng word/excel là Kế hoạch Đầu tư công năm 2023.

### **Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai**

- Sở Tài chính tỉnh An Giang đã công khai 6/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022; Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Kế hoạch Đầu tư công năm 2023.
- 5/11 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022; Báo cáo ngân sách công dân năm 2023; Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023; Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.

### **Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai**

Trong số 5 tài liệu ngân sách được công khai, có 3 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 3 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022.
- 1 tài liệu không được công khai kịp thời là: Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt.
- 1 tài liệu được công khai quá muộn là: Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022.

### **Tính đầy đủ của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh: Không được công khai.
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh 13/13 biểu (từ Biểu 46 tới Biểu 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/ CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN

phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và không chi tiết theo loại thuế. Báo cáo không phản ánh dự toán cho các khoản thu chi của các Quỹ Tài chính ngoài cân đối ngân sách của địa phương.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343 (từ biểu 59 đến biểu 61). Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343 (từ biểu 59 đến biểu 61). Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022: Không được công khai.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343 (từ biểu 59 đến biểu 61). Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai kèm với báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ biểu số 62 đến biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ (Biểu 63/CK-NSNN). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách của tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN)

#### **Tính tin cậy của các tài liệu được công khai**

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 40,88%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa



phương được hưởng theo phân cấp năm 2021 của tỉnh là 6,39%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 14,52%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2021 của tỉnh là 344,91%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2021 của tỉnh là 9,03%.

- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2021 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 23,9% (giảm 23,9%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này giảm thấp hơn so với mức giảm của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2021 (giảm 24,1%).
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định là 6,2%. Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này giảm cao hơn so với mức giảm của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023 so với năm 2022 (3,1%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho y tế và dân số năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định là 0,8%. Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này giảm thấp đi so với mức giảm của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023 so với năm 2022 (3,1%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

#### **Tính liên tục của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh chỉ được công khai trong 1 năm 2019.
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh (2017, 2018, 2019, 2020 và 2021) được công khai liên tục trong 5 năm liên tiếp 2019, 2020, 2021, 2022 và 2023.

#### **Công khai các tài liệu được khuyến khích**

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: không có tài liệu.
- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2023, Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2020, 2021 hoặc 2022, Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2021 hoặc 2022; Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 3 năm 2023-2025 và Kế hoạch tài chính tỉnh 5 năm từ 2021-2025.



## **Sự tham gia của người dân**

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin và email này có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên công thông tin điện tử của Sở Tài chính, tuy nhiên nhóm không nhận được phản hồi.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh.
- Cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo).
- Cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2022 và có công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2022.

## **Trách nhiệm giải trình**

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo giám sát về ngân sách.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2023 (kỳ họp tháng 12/2021).
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng).
- Trên cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng).
- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2023 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2022 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh không còn sử dụng các kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2023 tới người dân.
- Trên cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không công khai báo cáo kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

## 2. TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

| KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU<br>NĂM 2022 |  |                                  |                               |
|---|--|----------------------------------|-------------------------------|
| MỨC ĐỘ MINH BẠCH<br>(CHỈ SỐ POBI 2022)                                  |  | SỰ THAM GIA<br>CỦA NGƯỜI DÂN     | TRÁCH NHIỆM<br>GIẢI TRÌNH     |
| XẾP HẠNG<br><b>1</b>  | <b>11/11</b><br>Tài liệu bắt buộc được<br>công bố  | XẾP HẠNG<br><b>1</b>             | XẾP HẠNG<br><b>1</b>          |
| ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>94,83</b>  | <b>8</b><br>Tài liệu được công bố<br>đúng hạn  | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>91,67</b> | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>75</b> |
| <b>MỨC ĐỘ<br/>CÔNG KHAI<br/>ĐẦY ĐỦ</b>                                  | <b>0</b> tài liệu công bố<br>chậm, <b>0</b> tài liệu công bố<br>quá muộn hoặc không<br>rõ ngày công khai |                                  |                               |

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2022, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

### Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đạt **94,83** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **1** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2022, **không thay đổi về hạng** so với kết quả chấm POBI 2021.

### Kết quả chấm POBI 2022 tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

| Mục   | Điểm POBI<br>chưa quy đổi <sup>2</sup> | Điểm POBI<br>2022 quy đổi |
|---|--|---------------------------|
| <b>A. Trụ cột sự tham gia</b>   | <b>550</b>                             | <b>7,75</b>               |
| <b>B. Trụ cột trách nhiệm giải trình</b>  | <b>600</b>                             | <b>8,45</b>               |
| <b>C. Trụ cột minh bạch ngân sách - điểm POBI 2022</b>                          | <b>6733</b>                            | <b>94,83</b>              |
| <b>Theo loại tài liệu</b>   |  |                           |
| 1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh | 1600                                   | 22,54                     |
| 2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt          | 1233                                   | 17,37                     |
| 3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022                        | 400                                    | 5,63                      |

<sup>2</sup> Đã tính trọng số

|   |      |       |
|---|------|-------|
| 4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022                          | 400  | 5,63  |
| 5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022                              | 400  | 5,63  |
| 6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022               | 400  | 5,63  |
| 7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt                   | 1400 | 19,72 |
| 8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán đã được phê duyệt)                      | 200  | 2,82  |
| 9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2023  | 200  | 2,82  |
| 10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023                                   | 100  | 1,41  |
| 11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 | 100  | 1,41  |
| <b>Theo tiêu chí đánh giá</b>   |      |       |
| 1. Tính sẵn có  | 900  | 12,68 |
| 2. Tính kịp thời  | 600  | 8,45  |
| 3. Tính thuận tiện  | 900  | 12,68 |
| 4. Tính đầy đủ  | 3700 | 52,11 |
| 5. Tính tin cậy   | 333  | 4,69  |
| 6. Tính liên tục  | 300  | 4,23  |

Kết quả khảo sát POBI 2022 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

#### **Tính thuận tiện của tài liệu công khai**

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính, HĐND và UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo loại tài liệu và được cập nhật.
- Trang TTĐT của HĐND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có thư mục riêng về công khai tài liệu kỳ họp HĐND.
- Các tài liệu được công khai đều có định dạng excel, thuận tiện cho việc sử dụng.

#### **Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai**

- Sở Tài chính tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã công khai 11/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh,

Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo ngân sách công dân năm 2023, Kế hoạch Đầu tư công năm 2023, Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022, và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2020.

### **Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai**

Trong số 8 tài liệu ngân sách tính điểm kịp thời được công khai, cả 8 tài liệu đều được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 8 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo ngân sách công dân năm 2023.

### **Tính đầy đủ của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh có kèm thuyết minh, phản ánh đầy đủ 13 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Thuyết minh báo cáo có giải thích về ưu tiên cho ít nhất một chính sách chi cụ thể của địa phương kèm số liệu thuyết minh; có ưu tiên chi ngân sách cho y tế và an sinh xã hội/trợ cấp xã hội, và đều có kèm số liệu thuyết minh.
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt phản ánh đầy đủ 13 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022 có kèm theo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 3 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 4 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dữ toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022 có kèm theo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 3 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 4 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dữ toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022 có kèm theo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 3 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 4 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022 có kèm theo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 3 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 4 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt có kèm thuyết minh, phản ánh đầy đủ 7 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 63 phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo loại thuế.

#### **Tính tin cậy của các tài liệu được công khai**

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 61,4%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2021 của tỉnh là 21,2%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 15,3%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2021 của tỉnh là 22,1%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2021 của tỉnh là 1,1%.
- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2021 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là -20,4% (giảm 20,4%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này giảm thấp hơn so với mức giảm của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2021 (giảm 29,4%).
- Thay đổi giữa dự toán năm 2023 và dự toán năm 2022 của chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo là -2,04% (giảm 2,04%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này giảm mạnh hơn so với mức giảm của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023 so với năm 2022 (giảm 1,36%).
- Thay đổi giữa dự toán năm 2023 và dự toán năm 2022 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 2,74% (tăng 2,74%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng trong khi thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023 so với năm 2022 là -1,36% (giảm 1,36%).

### **Tính liên tục của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh và Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt được công khai liên tục trong 5 năm 2019, 2020, 2021, 2022 và 2023.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt được công khai liên tục trong 5 năm 2017, 2018, 2019, 2020 và 2021.

### **Công khai các tài liệu được khuyến khích**

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2023, Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2021 và Kế hoạch tài chính tỉnh 5 năm 2021-2025.
- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021, và Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 3 năm 2023-2025.

### **Sự tham gia của người dân**

- Trên trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin và email này có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua email vào ngày 11/01/2023 và nhận được phản hồi email của Sở sau 28 ngày (ngày 07/02/2023).
- UBND, HĐND và Sở Tài chính tỉnh có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2023 trình HĐND tỉnh.
- Trên trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có đường dẫn tới các loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook).
- Trên trang TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo góp ý/tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2022 và báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2022.

### **Trách nhiệm giải trình**

- HĐND tỉnh có công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2023 và kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề, báo cáo giám sát về ngân sách và báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.
- Trên trang TTĐT của HĐND tỉnh có thư mục hỏi đáp. Trên trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có thư mục hỏi đáp và có lịch sử hỏi đáp.

- Ngoài việc công khai dự toán ngân sách nhà nước của tỉnh năm 2023 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2022 thì UBND và Sở Tài chính tỉnh sử dụng 1 kênh truyền thông khác (trang TTĐT của UBND và Sở Tài chính tỉnh) để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách năm 2023 tới người dân.
- Trên trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có công khai Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2020.

### 3. TỈNH BẮC KẠN

| KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH BẮC KẠN NĂM 2022 |   |                                  |                               |
|--|---|----------------------------------|-------------------------------|
| MỨC ĐỘ MINH BẠCH<br>(CHỈ SỐ POBI 2022)                     |   | SỰ THAM GIA<br>CỦA NGƯỜI DÂN     | TRÁCH NHIỆM<br>GIẢI TRÌNH     |
| XẾP HẠNG<br><b>40</b>                                      | <b>06/11</b><br>Tài liệu bắt buộc được<br>công bố   | XẾP HẠNG<br><b>38</b>            | XẾP HẠNG<br><b>43</b>         |
| ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>71,34</b>                           | <b>04</b><br>Tài liệu được công bố<br>đúng hạn  | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>33,33</b> | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>25</b> |
| <b>MỨC ĐỘ<br/>CÔNG KHAI<br/>TƯƠNG ĐỐI<br/>ĐẦY ĐỦ</b>       | <b>02</b> tài liệu công bố<br>chậm, <b>0</b> tài liệu công bố<br>quá muộn hoặc không<br>rõ ngày công khai |                                  |                               |

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2022, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

#### Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy tỉnh Bắc Kạn đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Bắc Kạn đạt **71,34** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **40** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2022, **tăng 6 hạng** so với kết quả chấm POBI 2021.

#### Kết quả chấm POBI 2022 tỉnh Bắc Kạn phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

| Mục   | Điểm POBI<br>chưa quy đổi <sup>3</sup> | Điểm POBI<br>2022 quy đổi |
|---|--|---------------------------|
| <b>A. Trụ cột sự tham gia</b>   | <b>200</b>                             | <b>2,82</b>               |
| <b>B. Trụ cột trách nhiệm giải trình</b>  | <b>200</b>                             | <b>2,82</b>               |
| <b>C. Trụ cột minh bạch ngân sách - điểm POBI 2022</b>                          | <b>5065</b>                            | <b>71,34</b>              |
| <b>Theo loại tài liệu</b>   |  |                           |
| 1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh | 1033                                   | 14,55                     |
| 2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt          | 1166                                   | 16,42                     |
| 3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022                        | 325                                    | 4,58                      |
| 4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022              | 375                                    | 5,28                      |

<sup>3</sup> Đã tính trọng số



|   |      |       |
|---|------|-------|
| 5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022                              | 350  | 4,93  |
| 6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022               | 0    | 0,00  |
| 7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt                   | 1516 | 21,35 |
| 8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán đã được phê duyệt)                      | 0    | 0,00  |
| 9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2023  | 0    | 0,00  |
| 10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023                                   | 0    | 0,00  |
| 11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 | 0    | 0,00  |
| <b>Theo tiêu chí đánh giá</b>   |      |       |
| 1. Tính sẵn có  | 450  | 6,34  |
| 2. Tính kịp thời  | 400  | 5,63  |
| 3. Tính thuận tiện  | 550  | 7,75  |
| 4. Tính đầy đủ  | 2800 | 39,44 |
| 5. Tính tin cậy   | 666  | 9,38  |
| 6. Tính liên tục  | 199  | 2,80  |

Kết quả khảo sát POBI 2022 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

#### **Tính thuận tiện của tài liệu công khai**

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Bắc Kạn, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Thư mục công khai ngân sách: Công TTĐT của Sở Tài chính có thư mục riêng về công khai ngân sách. Các tài liệu được phân chia cụ thể theo tài liệu hoặc theo năm và có nội dung mới được cập nhật. Website của HĐND tỉnh có thư mục riêng về tài liệu kỳ họp của HĐND tỉnh.
- Định dạng của tài liệu: Các tài liệu phân lớn đều được công khai dưới dạng Microsoft word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng.

#### **Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai**

- Sở Tài chính tỉnh Bắc Kạn đã công khai 06/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách

tính 6 tháng đầu năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022 và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn.

- 05 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022; Báo cáo ngân sách công dân năm 2023; Kế hoạch Đầu tư công của tỉnh năm 2023; Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2023; và Báo cáo kết quả thực hiện các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2021.

### **Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai**

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có 04 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 04 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh; Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022 và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn.
- 02 tài liệu không được công khai kịp thời là: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2022 và Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022.

### **Tính đầy đủ của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm thuyết minh. Báo cáo này phản ánh 13/13 biểu (từ Biểu 33 tới Biểu 45) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo các loại thuế. Biểu 39/CK-NSNN phản ánh toàn bộ các nội dung của các lĩnh vực chi đầu tư (12 lĩnh vực). Báo cáo không phản ánh dự toán cho các khoản chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu (từ biểu 46 đến biểu 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18

mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Báo cáo không phản ánh thông tin các quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước do địa phương quản lý.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022: Báo cáo được công khai không kèm theo báo cáo thuyết minh, nhưng phản ánh đầy đủ 03 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được phê duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được phê duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được phê duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai không kèm theo báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ Biểu số 62 đến Biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế (Biểu số 63/CK-NSNN). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo phản ánh đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện, trong đó phản ánh chi tiết về quyết toán số vốn trong nước và số vốn ngoài nước cho từng chương trình mục tiêu (Biểu số 68/CK-NSNN).

#### **Tính tin cậy của các tài liệu được công khai**

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 29%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2021 của tỉnh là 8,6%, chênh lệch giữa quyết

toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 4,95%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2021 của tỉnh là 0,20%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2021 của tỉnh là 0%.

- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2021 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 2,5% (tăng 2,5%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức giảm của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2021 (giảm 0,21%).

### **Tính liên tục của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh quyết định được công khai trong vòng 3 năm. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh (2019, 2020 và 2021) được công khai trong năm năm liên tiếp.

### **Công khai các tài liệu được khuyến khích**

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 và Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2023-2025.
- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Kết quả kiểm toán ngân sách nhà nước năm 2019| 2020 hoặc 2021; Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2021 hoặc 2022 và Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

### **Sự tham gia của người dân**

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục hỏi đáp, có email và có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng TTĐT của Sở Tài chính vào ngày 11/01/2023, tuy nhiên nhóm không nhận được phản hồi.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh.
- Cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo).
- Cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND, nhưng có công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2022.

## **Trách nhiệm giải trình**

- HĐND tỉnh không có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề; không công khai báo cáo giám sát về ngân sách trên cổng TTĐT của HĐND và cũng không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2023 (kỳ họp tháng 12/2022).
- Cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.
- Trên cổng TTĐT của Sở Tài chính có công khai thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng), nhưng trên trang HĐND tỉnh không công khai.
- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2023 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2022 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh không còn sử dụng các kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2023 tới người dân.
- Trang web của Sở Tài chính không có công khai báo cáo kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc năm 2021.

#### 4. TỈNH BẮC GIANG

| KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH BẮC GIANG NĂM 2022 |  |                               |                              |
|--|--|-------------------------------|------------------------------|
| MỨC ĐỘ MINH BẠCH<br>(CHỈ SỐ POBI 2022)                       |  | SỰ THAM GIA<br>CỦA NGƯỜI DÂN  | TRÁCH NHIỆM<br>GIẢI TRÌNH    |
| XẾP HẠNG<br><b>21</b>  | <b>10/11</b><br>Tài liệu bắt buộc được công bố   | XẾP HẠNG<br><b>38</b>         | XẾP HẠNG<br><b>29</b>        |
| ĐIỂM XẾP HẠNG<br><b>81,08</b>                                | <b>5</b><br>Tài liệu được công bố đúng hạn   | ĐIỂM XẾP HẠNG<br><b>33,33</b> | ĐIỂM XẾP HẠNG<br><b>37,5</b> |
| <b>MỨC ĐỘ CÔNG KHAI TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ</b>                     | <b>02</b> tài liệu công bố chậm, <b>0</b> tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai |                               |                              |

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2022, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

#### Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy tỉnh Bắc Giang đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Bắc Giang đạt **81,08** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **21** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2022, giảm **9** hạng so với kết quả chấm POBI 2021.

#### Kết quả chấm POBI 2022 tỉnh Bắc Giang phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

| Mục   | Điểm POBI chưa quy đổi <sup>4</sup> | Điểm POBI 2022 quy đổi |
|---|-------------------------------------|------------------------|
| <b>A. Trụ cột sự tham gia</b>   | <b>200</b>                          | <b>2,82</b>            |
| <b>B. Trụ cột trách nhiệm giải trình</b>  | <b>300</b>                          | <b>4,23</b>            |
| <b>C. Trụ cột minh bạch ngân sách - điểm POBI 2022</b>                          | <b>5757</b>                         | <b>81,08</b>           |
| <b>Theo loại tài liệu</b>   |                                     |                        |
| 1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh | 1200                                | 16,90                  |
| 2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt          | 1066                                | 15,01                  |
| 3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022                        | 400                                 | 5,63                   |
| 4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022              | 400                                 | 5,63                   |

<sup>4</sup> Đã tính trọng số

|   |      |       |
|---|------|-------|
| 5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022                              | 400  | 5,63  |
| 6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022               | 375  | 5,28  |
| 7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt                   | 1216 | 17,13 |
| 8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán đã được phê duyệt)                      | 0    | 0,00  |
| 9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2023  | 200  | 2,82  |
| 10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023                                   | 100  | 1,41  |
| 11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 | 100  | 1,41  |
| <b>Theo tiêu chí đánh giá</b>   |      |       |
| 1. Tính sẵn có  | 800  | 11,27 |
| 2. Tính kịp thời  | 425  | 5,99  |
| 3. Tính thuận tiện  | 850  | 11,97 |
| 4. Tính đầy đủ  | 3250 | 45,77 |
| 5. Tính tin cậy   | 166  | 2,34  |
| 6. Tính liên tục  | 266  | 3,75  |

Kết quả khảo sát POBI 2022 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

#### **Tính thuận tiện của tài liệu công khai**

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Bắc Giang, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Thư mục công khai ngân sách: Cổng TTĐT của Sở Tài chính có thư mục riêng về công khai ngân sách. Các tài liệu được phân chia cụ thể theo tài liệu hoặc theo năm và có nội dung mới được cập nhật. Website của HĐND tỉnh có thư mục riêng về tài liệu kỳ họp của HĐND tỉnh.
- Định dạng của tài liệu: Các tài liệu phân lớn đều được công khai dưới dạng Microsoft word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng.

#### **Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai**

- Sở Tài chính tỉnh Bắc Giang đã công khai 10/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách



tính 6 tháng đầu năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn; Kế hoạch Đầu tư công của tỉnh năm 2023; Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2023; và Báo cáo kết quả thực hiện các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2021.

- 01 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo ngân sách công dân năm 2023.

### **Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai**

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có 05 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 05 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022 và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn.
- 02 tài liệu không được công khai kịp thời là: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh và Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022.

### **Tính đầy đủ của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm thuyết minh. Báo cáo này phản ánh 13/13 biểu (từ Biểu 33 tới Biểu 45) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo các loại thuế. Biểu 39/CK-NSNN phản ánh toàn bộ các nội dung của các lĩnh vực chi đầu tư (12 lĩnh vực). Báo cáo không phản ánh dự toán cho các khoản chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo này phản ánh 13/13 biểu (từ Biểu 46 tới Biểu 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18



mục nhỏ) và chi tiết theo các loại thuế. Báo cáo không phản ánh dự toán cho các khoản chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022: Báo cáo được công khai có kèm theo báo cáo thuyết minh, nhưng phản ánh đầy đủ 03 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được phê duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022: Báo cáo được công khai có kèm theo báo cáo thuyết minh, nhưng phản ánh đầy đủ 03 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được phê duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022: Báo cáo được công khai có kèm theo báo cáo thuyết minh, nhưng phản ánh đầy đủ 03 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được phê duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022: Báo cáo được công khai không có kèm theo báo cáo thuyết minh, nhưng phản ánh đầy đủ 03 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được phê duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai có kèm theo báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ Biểu số 62 đến Biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế (Biểu số 63/CK-NSNN). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo phản ánh đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện, trong

đó phản ánh chi tiết về quyết toán số vốn trong nước và số vốn ngoài nước cho từng chương trình mục tiêu (Biểu số 68/CK-NSNN).

### **Tính tin cậy của các tài liệu được công khai**

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 106%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2021 của tỉnh là 132,4%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 33,1%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2021 của tỉnh là 64,1%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2021 của tỉnh là 18,6%.
- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2021 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 63% (tăng 63%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2021 (tăng 14%).
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên hàng năm cho giáo dục và đào tạo năm 2023 so với 2022 là 10% (tăng 10%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng chậm hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023 so với 2022 (tăng 17%).
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên hàng năm cho y tế và dân số năm 2023 so với 2022 là -16,9% (giảm 16,9%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này giảm hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023 so với 2022 (tăng 17%).

### **Tính liên tục của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh (2019, 2020 và 2021) đều được công khai trong năm năm liên tiếp.

### **Công khai các tài liệu được khuyến khích**

- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2023; Kết quả kiểm toán ngân sách nhà nước năm 2019| 2020 hoặc 2021; Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2021 hoặc 2022; Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2023-2025 và Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

## **Sự tham gia của người dân**

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục hỏi đáp, có email và có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng TTĐT của Sở Tài chính vào ngày 11/01/2023, tuy nhiên nhóm không nhận được phản hồi.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh.
- Cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo).
- Cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND, nhưng có công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2022.

## **Trách nhiệm giải trình**

- HĐND tỉnh không công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề; không công khai báo cáo giám sát về ngân sách trên cổng TTĐT của HĐND và cũng không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2023 (kỳ họp tháng 12/2022).
- Cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.
- Trên cổng TTĐT của Sở Tài chính đều có công khai thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng), nhưng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai.
- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2023 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2022 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh không còn sử dụng các kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2023 tới người dân.
- Trang web của Sở Tài chính có công khai báo cáo kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc năm 2021.

## 5. TỈNH BẠC LIÊU

| KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH BẠC LIÊU NĂM 2022 |  |                              |                              |
|---|--|------------------------------|------------------------------|
| MỨC ĐỘ MINH BẠCH<br>(CHỈ SỐ POBI 2022)                      |  | SỰ THAM GIA<br>CỦA NGƯỜI DÂN | TRÁCH<br>NHIỆM GIẢI<br>TRÌNH |
| XẾP HẠNG<br>45  | 7<br>tài liệu bắt buộc được<br>công bố   | XẾP HẠNG<br>49               | XẾP HẠNG<br>29               |
| ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br>65,25                                   | 6<br>tài liệu được công bố<br>đúng hạn   | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br>16,67    | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br>37,5     |
| MỨC ĐỘ<br>CÔNG KHAI<br>CHƯA ĐẦY<br>ĐỦ                       | 0 tài liệu công bố chậm,<br>0 tài liệu công bố quá<br>muộn hoặc không rõ<br>ngày công khai |                              |                              |

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2022, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

### Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy tỉnh Bạc Liêu đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Bạc Liêu đạt **65,25** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **45** trong tổng 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2022, **giảm 20 hạng** so với kết quả chấm POBI 2021.

### Kết quả chấm POBI 2022 tỉnh Bạc Liêu phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

| Mục   | Điểm POBI<br>chưa quy đổi <sup>5</sup> | Điểm POBI<br>2022 quy đổi |
|---|--|---------------------------|
| <b>A. Trụ cột sự tham gia</b>   | <b>100</b>                             | <b>1,41</b>               |
| <b>B. Trụ cột trách nhiệm giải trình</b>  | <b>300</b>                             | <b>4,23</b>               |
| <b>C. Trụ cột minh bạch ngân sách - điểm POBI 2022</b>                          | <b>4633</b>                            | <b>65,25</b>              |
| <b>Theo loại tài liệu</b>   |  |                           |
| 1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh | 1200                                   | 16,90                     |
| 2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt          | 33                                     | 0,46                      |
| 3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022                        | 400                                    | 5,63                      |
| 4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022              | 400                                    | 5,63                      |

<sup>5</sup> Đã tính trọng số

|   |      |       |
|---|------|-------|
| 5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022                              | 400  | 5,63  |
| 6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022               | 400  | 5,63  |
| 7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt                   | 1400 | 19,72 |
| 8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán đã được phê duyệt)                      | 0    | 0,00  |
| 9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2023  | 0    | 0,00  |
| 10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023                                   | 0    | 0,00  |
| 11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 | 100  | 1,41  |
| <b>Theo tiêu chí đánh giá</b>   |      |       |
| 1. Tính sẵn có  | 500  | 7,04  |
| 2. Tính kịp thời  | 400  | 5,63  |
| 3. Tính thuận tiện  | 700  | 9,86  |
| 4. Tính đầy đủ  | 2600 | 36,62 |
| 5. Tính tin cậy   | 200  | 2,82  |
| 6. Tính liên tục  | 233  | 3,28  |

Kết quả khảo sát POBI 2022 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

### **Tính thuận tiện của tài liệu công khai**

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Bạc Liêu, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Bạc Liêu có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu và có cập nhật nội dung.
- Trong số các tài liệu được công khai, 05 tài liệu được công bố bằng định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 2 (6 tháng đầu năm) năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 3 (9 tháng đầu năm) năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022. Có 01 tài liệu được công bố bằng định dạng PDF dạng scan/file ảnh, không thuận tiện trong việc chuyển định dạng word/excel bao gồm: Báo cáo kết quả thực hiện các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2020.

### **Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai**

- Sở Tài chính tỉnh Bạc Liêu đã công khai 07/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 2 (6 tháng đầu năm) năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 3 (9 tháng đầu năm) năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021, Báo cáo kết quả thực hiện các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2020.
- 04 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo ngân sách nhà nước dành cho công dân năm 2023, Danh mục dự án đầu tư công năm 2023, Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023,

### **Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai**

Trong số 06 tài liệu ngân sách công khai được chấm điểm kịp thời, có 06 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 06 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh (07/12/2022), Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2022 (12/4/2022), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 2 (6 tháng đầu năm) năm 2022 (12/7/2022), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 3 (9 tháng đầu năm) năm 2022 (14/10/2022), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022 (02/12/2022), Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021.

### **Tính đầy đủ của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh: Báo cáo công khai đầy đủ báo cáo thuyết minh và 13 biểu theo quy định của TT 343 (từ biểu 33 đến biểu 45). Báo cáo thuyết minh có nêu căn cứ dựa trên kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh (2023-2025). Các biểu số đều phản ánh đầy đủ các mục nhỏ.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022: Báo cáo có được công khai kèm thuyết minh và 3 biểu theo quy định của TT 343 (Biểu số 59 đến biểu 61). Các biểu có bao gồm thông tin so sánh với dự toán được duyệt cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022: Báo cáo có được công khai kèm thuyết minh và 3 biểu theo quy định của TT 343 (Biểu số 59 đến biểu 61). Các biểu có bao gồm thông tin so sánh với dự toán được duyệt

cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59 có phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022: Báo cáo có được công khai kèm thuyết minh và 3 biểu theo quy định của TT 343 (Biểu số 59 đến biểu 61). Các biểu có bao gồm thông tin so sánh với dự toán được duyệt cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59 có phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022: Báo cáo có được công khai kèm thuyết minh và 3 biểu theo quy định của TT 343 (Biểu số 59 đến biểu 61). Các biểu có bao gồm thông tin so sánh với dự toán được duyệt cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59 có phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt có kèm theo thuyết minh, phản ánh phản ánh đầy đủ 7 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343.

#### **Tính tin cậy của các tài liệu được công khai**

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 57%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2021 của tỉnh là 121%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 3%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2021 của tỉnh là -41%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2021 của tỉnh là 59%.
- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2021 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 548% (tăng 548%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng trong khi thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2021 là -36% (giảm 36%).

#### **Tính liên tục của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh được công khai liên tục trong ba năm trên trang TTĐT của tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt được công khai ít nhất một năm bất kỳ và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh không được công khai liên tục trong ba năm, không được công khai năm 2020, 2021.



### **Công khai các tài liệu được khuyến khích**

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2023, Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh năm 2019, 2020 hoặc 2021, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 3 năm (2023-2025), Kế hoạch tài chính tỉnh 5 năm (2021-2025).
- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2021 hoặc 2022.

### **Sự tham gia của người dân**

- Trên trang TTĐT của Sở tài chính tỉnh có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin nhưng không có phản hồi.
- Trên trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở tài chính tỉnh không có đường dẫn tới các công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh.
- Đồng thời, tỉnh không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về sự toán và phân bổ ngân sách tỉnh năm 2021, báo cáo thẩm tra ngân sách của HĐND tỉnh và báo cáo góp ý, báo cáo tiếp nhận ý kiến của cử tri MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh.
- Báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2022 không được công khai.

### **Trách nhiệm giải trình**

- Trên trang TTĐT của HĐND tỉnh không công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề.
- Trên trang TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo giám sát về ngân sách.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2023 (Kỳ họp tháng 12/2022).
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh (bao gồm báo cáo thẩm tra quyết toán năm 2021 hoặc dự thảo dự toán năm 2023).
- Trên trang TTĐT của HĐND tỉnh, Sở tài chính tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng).
- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2023 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2022 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh không sử dụng các kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2023 tới người dân.
- Trang web của UBND, HĐND, Sở Tài chính tỉnh có công khai báo cáo kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2020.



## 6. TỈNH BẮC NINH

| KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH BẮC NINH NĂM 2022 |  |                               |                                 |
|---|--|-------------------------------|---------------------------------|
| MỨC ĐỘ MINH BẠCH<br>(CHỈ SỐ POBI 2022)                      |  | SỰ THAM GIA<br>CỦA NGƯỜI DÂN  | TRÁCH NHIỆM<br>GIẢI TRÌNH       |
| XẾP HẠNG<br><b>19</b>                                       | <b>09/11</b><br>Tài liệu bắt buộc được<br>công bố  | XẾP HẠNG<br><b>21</b>         | XẾP HẠNG<br><b>29</b>           |
| ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>82,24</b>                            | <b>07</b><br>Tài liệu được công bố<br>đúng hạn   | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>50</b> | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>37,5</b> |
| <b>MỨC ĐỘ<br/>CÔNG KHAI<br/>ĐẦY ĐỦ</b>                      | <b>0</b> tài liệu công bố<br>chậm, <b>0</b> tài liệu công bố<br>quá muộn hoặc không<br>rõ ngày công khai |                               |                                 |

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2022, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

### Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy tỉnh Bắc Ninh đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Bắc Ninh đạt **82,24** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **19** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2022, tăng **14** hạng so với kết quả chấm POBI 2021.

### Kết quả chấm POBI 2022 tỉnh Bắc Ninh phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

| Mục   | Điểm POBI<br>chưa quy đổi <sup>6</sup> | Điểm POBI<br>2022 quy đổi |
|---|--|---------------------------|
| <b>A. Trụ cột sự tham gia</b>   | <b>300</b>                             | <b>4,23</b>               |
| <b>B. Trụ cột trách nhiệm giải trình</b>  | <b>300</b>                             | <b>4,23</b>               |
| <b>C. Trụ cột minh bạch ngân sách - điểm POBI 2022</b>                          | <b>5839</b>                            | <b>82,24</b>              |
| <b>Theo loại tài liệu</b>   |  |                           |
| 1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh | 1316                                   | 18,54                     |
| 2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt          | 1049                                   | 14,77                     |
| 3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022                        | 375                                    | 5,28                      |
| 4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022              | 400                                    | 5,63                      |

<sup>6</sup> Đã tính trọng số

|   |      |       |
|---|------|-------|
| 5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022                              | 400  | 5,63  |
| 6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022               | 400  | 5,63  |
| 7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt                   | 1299 | 18,30 |
| 8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán đã được phê duyệt)                      | 0    | 0,00  |
| 9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2023  | 200  | 2,82  |
| 10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023                                   | 100  | 1,41  |
| 11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 | 0    | 0,00  |
| <b>Theo tiêu chí đánh giá</b>   |      |       |
| 1. Tính sẵn có  | 700  | 9,86  |
| 2. Tính kịp thời  | 500  | 7,04  |
| 3. Tính thuận tiện  | 875  | 12,32 |
| 4. Tính đầy đủ  | 3132 | 44,11 |
| 5. Tính tin cậy   | 332  | 4,68  |
| 6. Tính liên tục  | 300  | 4,23  |

Kết quả khảo sát POBI 2022 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

#### **Tính thuận tiện của tài liệu công khai**

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Bắc Ninh, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Thư mục công khai ngân sách: Cổng TTĐT của Sở Tài chính có thư mục riêng về công khai ngân sách. Các tài liệu được phân chia cụ thể theo tài liệu hoặc theo năm và có nội dung mới được cập nhật. Website của HĐND tỉnh có thư mục riêng về tài liệu kỳ họp của HĐND tỉnh.
- Định dạng của tài liệu: Các tài liệu phân lớn đều được công khai dưới dạng Microsoft word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng.

#### **Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai**

- Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh đã công khai 09/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách

tính 6 tháng đầu năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn; Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2023 và Kế hoạch Đầu tư công của tỉnh năm 2023.

- 02 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 và Báo cáo kết quả thực hiện các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2021.

### **Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai**

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có 07 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 07 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022 và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn.

### **Tính đầy đủ của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm thuyết minh. Báo cáo này phản ánh 09/13 biểu (bao gồm Biểu 33, 34, 35, 37, 38, 39, 40, 42 và 43). Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo các loại thuế. Báo cáo không phản ánh dự toán cho các khoản chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh và phản ánh đầy đủ 03 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được phê duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh và phản ánh đầy đủ 03 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo

bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được phê duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh và phản ánh đầy đủ 03 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được phê duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách cả năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh và phản ánh đầy đủ 03 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được phê duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai không kèm theo báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ Biểu số 62 đến Biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế (Biểu số 63/CK-NSNN). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo phản ánh đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện, trong đó phản ánh chi tiết về quyết toán số vốn trong nước và số vốn ngoài nước cho từng chương trình mục tiêu (Biểu số 68/CK-NSNN).

### **Tính tin cậy của các tài liệu được công khai**

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 74%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2021 của tỉnh là 15%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 5%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2021 của tỉnh là 59%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2021 của tỉnh là 17%.

- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2021 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 24,5% (tăng 24,5%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức giảm của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2021 (giảm 37,4%).

### **Tính liên tục của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm trình HĐND, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm đã được HĐND tỉnh quyết định, Quyết toán ngân sách tỉnh năm đã được HĐND phê duyệt đều được công khai trong năm năm liên tiếp.

### **Công khai các tài liệu được khuyến khích**

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2023, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2023-2025 và Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.
- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Kết quả kiểm toán ngân sách nhà nước năm 2019| 2020 hoặc 2021; Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2021 hoặc 2022.

### **Sự tham gia của người dân**

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục hỏi đáp, có email và có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng TTĐT của Sở Tài chính vào ngày 11/01/2023, tuy nhiên nhóm không nhận được phản hồi.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh.
- Cổng TTĐT của UBND tỉnh có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook).
- Cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND, nhưng có công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2022.

### **Trách nhiệm giải trình**

- HĐND tỉnh không có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề; không công khai báo cáo giám sát về ngân sách trên cổng TTĐT của HĐND và cũng không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2023 (kỳ họp tháng 12/2022).

- Cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh và Sở Tài chính đều có công khai thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng).
- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2023 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2022 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh không còn sử dụng các kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2023 tới người dân.
- Trang web của Sở Tài chính không có công khai báo cáo kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc năm 2021.

## 7. TỈNH BẾN TRE

| KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH BẾN TRE NĂM 2022 |  |                               |                                  |
|--|--|-------------------------------|----------------------------------|
| MỨC ĐỘ MINH BẠCH<br>(CHỈ SỐ POBI 2022)                     |  | SỰ THAM GIA<br>CỦA NGƯỜI DÂN  | TRÁCH NHIỆM<br>GIẢI TRÌNH        |
| XẾP HẠNG<br><b>14</b>                                      | <b>9/11</b><br>Tài liệu bắt buộc được<br>công bố   | XẾP HẠNG<br><b>21</b>         | XẾP HẠNG<br><b>13</b>            |
| ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>84,14</b>                           | <b>7</b><br>Tài liệu được công bố<br>đúng hạn  | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>50</b> | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>56,25</b> |
| <b>MỨC ĐỘ<br/>CÔNG KHAI<br/>ĐẦY ĐỦ</b>                     | <b>1</b> tài liệu công bố<br>chậm, <b>0</b> tài liệu công bố<br>quá muộn hoặc không<br>rõ ngày công khai |                               |                                  |

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2022, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

### Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy tỉnh Bến Tre đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Bến Tre đạt **84,14** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **14** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2022, **giảm 4 hạng** so với kết quả chấm POBI 2021.

### Kết quả chấm POBI 2022 tỉnh Bến Tre phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

| Mục   | Điểm POBI<br>chưa quy đổi <sup>7</sup> | Điểm POBI<br>2022 quy đổi |
|---|--|---------------------------|
| <b>A. Trụ cột sự tham gia</b>   | <b>300</b>                             | <b>4,23</b>               |
| <b>B. Trụ cột trách nhiệm giải trình</b>  | <b>450</b>                             | <b>6,34</b>               |
| <b>C. Trụ cột minh bạch ngân sách - điểm POBI 2022</b>                          | <b>5974</b>                            | <b>84,14</b>              |
| <b>Theo loại tài liệu</b>   |  |                           |
| 1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh | 1100                                   | 15,49                     |
| 2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt          | 1133                                   | 15,96                     |
| 3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022                        | 375                                    | 5,28                      |
| 4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022              | 400                                    | 5,63                      |

<sup>7</sup> Đã tính trọng số

|   |      |       |
|---|------|-------|
| 5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022                              | 400  | 5,63  |
| 6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022               | 400  | 5,63  |
| 7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt                   | 1466 | 20,65 |
| 8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán đã được phê duyệt)                      | 200  | 2,82  |
| 9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2023  | 200  | 2,82  |
| 10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023                                   | 0    | 0,00  |
| 11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 | 0    | 0,00  |
| <b>Theo tiêu chí đánh giá</b>   |      |       |
| 1. Tính sẵn có  | 700  | 9,86  |
| 2. Tính kịp thời  | 575  | 8,10  |
| 3. Tính thuận tiện  | 900  | 12,68 |
| 4. Tính đầy đủ  | 3100 | 43,66 |
| 5. Tính tin cậy   | 399  | 5,62  |
| 6. Tính liên tục  | 300  | 4,23  |

Kết quả khảo sát POBI 2022 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

### **Tính thuận tiện của tài liệu công khai**

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Bến Tre nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Thư mục công khai ngân sách: Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu và có cập nhật nội dung.
- Định dạng của tài liệu: Trên trang TTĐT của Sở Tài chính có 9 loại tài liệu được chấm điểm về định dạng tài liệu được công khai ở dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022; Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh



năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo ngân sách công dân năm 2023; Kế hoạch Đầu tư công năm 2023.

### **Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai**

- Sở Tài chính tỉnh Trà Vinh đã công khai 9/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022; Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo ngân sách công dân năm 2023; Kế hoạch Đầu tư công năm 2023.
- 2/11 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023; Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.

### **Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai**

Trong số 8 tài liệu ngân sách công khai được chấm điểm kịp thời, có 7 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 7 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022; Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo ngân sách công dân năm 2023.
- 1 tài liệu không được công khai kịp thời là: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022.

### **Tính đầy đủ của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm thuyết minh. Báo cáo này phản ánh 13/13 biểu (từ Biểu 33 tới Biểu 45) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Biểu 39/CK-NSNN phản ánh toàn bộ

các nội dung của các lĩnh vực chi đầu tư (12 lĩnh vực). Báo cáo không phản ảnh dự toán cho các khoản thu chi của các Quỹ Tài chính ngoài cân đối ngân sách của địa phương.

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ảnh 13/13 biểu (từ Biểu 46 tới Biểu 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/ CK-NSNN) phản ảnh đầy đủ cả 5 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ảnh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ảnh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và không chi tiết theo loại thuế. Báo cáo không phản ảnh dự toán cho các khoản thu chi của các Quỹ Tài chính ngoài cân đối ngân sách của địa phương.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ảnh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343 (từ biểu 59 đến biểu 61). Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ảnh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ảnh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343 (từ biểu 59 đến biểu 61). Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ảnh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ảnh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 34 (từ biểu 59 đến biểu 61). Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ảnh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ảnh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343 (từ biểu 59 đến biểu 61). Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ảnh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai kèm với báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ biểu số 62 đến biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/ CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ (Biểu 63/CK-NSNN). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách của tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN)

### **Tính tin cậy của các tài liệu được công khai**

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 52,1%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2021 của tỉnh là 3%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 15,6%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2021 của tỉnh là 50,9%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2021 của tỉnh là 7,7%.
- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2021 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 111,8% (tăng 111,8%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2021 (giảm 9,5%).
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định là 5,8%. Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này giảm thấp đi so với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023 so với năm 2022 (6,3%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho y tế và dân số năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định là 8%. Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023 so với năm 2022 (6,3%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

### **Tính liên tục của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt được công khai liên tục trong 5 năm liên tiếp 2019, 2020, 2021, 2022 và 2023.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh được công khai liên tục trong 5 năm liên tiếp 2017, 2018, 2019, 2020 và 2021.

### **Công khai các tài liệu được khuyến khích**

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2021 hoặc 2022; Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 3 năm 2023-2025.
- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2023, Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2020, 2021 hoặc 2022 và Kế hoạch tài chính tỉnh 5 năm từ 2021-2025.

### **Sự tham gia của người dân**

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin và email này có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên công thông tin điện tử của Sở Tài chính và nhận được phản hồi trong vòng 15 ngày kể từ ngày gửi.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh.
- Cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo).
- Cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2022 và không công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2022.

### **Trách nhiệm giải trình**

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo giám sát về ngân sách.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2023 (kỳ họp tháng 12/2021).
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không có thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng).

- Trên cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng).
- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2023 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2022 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh còn sử dụng 1 - 2 kênh truyền thông khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2023 tới người dân.
- Trên cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không công khai báo cáo kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

## 8. TỈNH BÌNH ĐỊNH

| KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH BÌNH ĐỊNH NĂM 2022 |  |                              |                           |
|--|--|------------------------------|---------------------------|
| MỨC ĐỘ MINH BẠCH<br>(CHỈ SỐ POBI 2022)                       |  | SỰ THAM GIA<br>CỦA NGƯỜI DÂN | TRÁCH NHIỆM<br>GIẢI TRÌNH |
| XẾP HẠNG<br>26   | 10/11<br>Tài liệu bắt buộc được<br>công bố   | XẾP HẠNG<br>4                | XẾP HẠNG<br>13            |
| ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br>80,13                                    | 6<br>Tài liệu được công bố<br>đúng hạn   | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br>75       | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br>56,25 |
| MỨC ĐỘ<br>CÔNG KHAI<br>ĐẦY ĐỦ                                | 1 tài liệu công bố<br>chậm, 0 tài liệu công bố<br>quá muộn hoặc không<br>rõ ngày công khai |                              |                           |

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2022, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

### Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy tỉnh Bình Định đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Bình Định đạt **80,13** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **26** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2022, **giảm 2 hạng** so với kết quả chấm POBI 2021.

### Kết quả chấm POBI 2022 tỉnh Bình Định phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

| Mục   | Điểm POBI<br>chưa quy đổi <sup>8</sup> | Điểm POBI<br>2022 quy đổi |
|---|--|---------------------------|
| <b>A. Trụ cột sự tham gia</b>   | <b>450</b>                             | <b>6,34</b>               |
| <b>B. Trụ cột trách nhiệm giải trình</b>  | <b>450</b>                             | <b>6,34</b>               |
| <b>C. Trụ cột minh bạch ngân sách - điểm POBI 2022</b>                          | <b>5689</b>                            | <b>80,13</b>              |
| <b>Theo loại tài liệu</b>   |  |                           |
| 1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh | 1216                                   | 17,13                     |
| 2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt          | 1099                                   | 15,48                     |
| 3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022                        | 400                                    | 5,63                      |
| 4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022              | 400                                    | 5,63                      |

<sup>8</sup> Đã tính trọng số

|   |      |       |
|---|------|-------|
| 5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022                              | 400  | 5,63  |
| 6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022               | 375  | 5,28  |
| 7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt                   | 1249 | 17,59 |
| 8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán đã được phê duyệt)                      | 0    | 0,00  |
| 9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2023  | 200  | 2,82  |
| 10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023                                   | 50   | 0,70  |
| 11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 | 100  | 1,41  |
| <b>Theo tiêu chí đánh giá</b>   |      |       |
| 1. Tính sẵn có  | 750  | 10,56 |
| 2. Tính kịp thời  | 475  | 6,69  |
| 3. Tính thuận tiện  | 750  | 10,56 |
| 4. Tính đầy đủ  | 3148 | 44,34 |
| 5. Tính tin cậy   | 266  | 3,75  |
| 6. Tính liên tục  | 300  | 4,23  |

Kết quả khảo sát POBI 2022 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

### **Tính thuận tiện của tài liệu công khai**

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Bình Định, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Thư mục công khai ngân sách: Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu và có cập nhật nội dung
- Định dạng của tài liệu: Trên website của Sở Tài chính tỉnh có 7/8 loại tài liệu được chấm điểm về định dạng tài liệu được công khai ở dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022; và Kế hoạch Đầu tư công năm 2023. 1/8 tài liệu được công khai ở dạng pdf nhưng dễ dàng đọc và chuyển sang định dạng



word/excel bao gồm: Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

### **Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai**

- Sở Tài chính tỉnh Bình Định đã công khai 10/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Kế hoạch Đầu tư công năm 2023; Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc năm 2023 và Báo cáo kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.
- 01/11 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo ngân sách công dân năm 2023.

### **Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai**

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có 6/7 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 6 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022; và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt.
- 1 tài liệu không được công khai kịp thời là: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022 (báo cáo được công khai ngày 15/12/2022).

### **Tính đầy đủ của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 39/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) nhưng thu từ khu vực DNNN do Trung ương



quản lý, thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý, thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh, thu từ hoạt động xổ số kiến thiết chưa chi tiết theo sắc thuế. Báo cáo cũng phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 44/CK-NSNN).

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) nhưng thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý, thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý, thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh, thu từ hoạt động xổ số kiến thiết chưa chi tiết theo sắc thuế.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm

trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ Biểu số 62 đến Biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ nhưng thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý, thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý, thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh, thu từ hoạt động xổ số kiến thiết chưa chi tiết theo sắc thuế (Biểu số 63/CK-NSNN). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN).

#### **Tính tin cậy của các tài liệu được công khai**

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 71,8%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2021 của tỉnh là 49%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 25%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2021 của tỉnh là 61,7%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2021 của tỉnh là 4,7%.
- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2021 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 12,8% (giảm 12,8%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2021 của chi thường xuyên cho y tế và dân số giảm trong khi mức thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2021 tăng (tăng 25,1%).
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên hàng năm cho giáo dục và đào tạo năm 2023 so với 2022 là 10,9% (tăng 10,9%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023 so với 2022 (tăng 8,3%).
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên hàng năm cho y tế và dân số năm 2023 so với 2022 là 4,3% (tăng 4,3%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng thấp hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023 so với 2022 (tăng 8,3%).

### **Tính liên tục của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh (năm 2019, 2020, 2021, 2022, và 2023); Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt (năm 2019, 2020, 2021, 2022, và 2023) và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh (2017, 2018, 2019, 2020 và 2021) đều được công khai trong năm năm liên tiếp.

### **Công khai các tài liệu được khuyến khích**

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm (03/05 tài liệu): Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2022 của tỉnh; Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2023-2025 và Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.
- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm (02/5 tài liệu): Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020, 2021 của tỉnh và Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2021 hoặc 2022.

### **Sự tham gia của người dân**

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục hỏi đáp, có email và có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính vào ngày 11/01/2023 và nhận được phản hồi vào ngày 10/02/2023.
- UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở tài chính tỉnh có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2022 trình HĐND tỉnh.
- Trên cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh (Facebook, Zalo) để trao đổi với người dân. Ngoài ra, UBND tỉnh có ứng dụng Cổng TTĐT tỉnh Bình Định để kết nối thông tin với nhân dân.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2022, tuy nhiên có công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri.

### **Trách nhiệm giải trình**

- HĐND có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề nhưng không công khai báo cáo giám sát về ngân sách.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2023.
- Trên cổng TTĐT của HĐND và cổng TTĐT của Sở tài chính tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp và có lịch sử hoạt động.
- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2022 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2022 tới người dân bằng cách đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của UBND và Sở Tài chính.
- Trên web của UBND, HĐND, Sở Tài chính tỉnh có công khai kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.

## 9. TỈNH BÌNH DƯƠNG

| KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH BÌNH DƯƠNG NĂM 2022 |  |                                  |                               |
|---|--|----------------------------------|-------------------------------|
| MỨC ĐỘ MINH BẠCH<br>(CHỈ SỐ POBI 2022)                        |  | SỰ THAM GIA<br>CỦA NGƯỜI DÂN     | TRÁCH NHIỆM<br>GIẢI TRÌNH     |
| XẾP HẠNG<br><b>12</b>   | <b>11/11</b><br>Tài liệu bắt buộc được<br>công bố  | XẾP HẠNG<br><b>6</b>             | XẾP HẠNG<br><b>19</b>         |
| ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>85,54</b>                              | <b>8</b><br>Tài liệu được công bố<br>đúng hạn  | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>66,67</b> | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>50</b> |
| <b>MỨC ĐỘ<br/>CÔNG KHAI<br/>ĐẦY ĐỦ</b>                        | <b>0</b> tài liệu công bố<br>chậm, <b>0</b> tài liệu công bố<br>quá muộn hoặc không<br>rõ ngày công khai |                                  |                               |

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2022, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

### Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy tỉnh Bình Dương đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Bình Dương đạt **85,54** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **12** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2022, **tăng 9 hạng** so với kết quả chấm POBI 2021.

### Kết quả chấm POBI 2022 tỉnh Bình Dương phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

| Mục   | Điểm POBI<br>chưa quy đổi <sup>9</sup> | Điểm POBI<br>2022 quy đổi |
|---|--|---------------------------|
| <b>A. Trụ cột sự tham gia</b>   | <b>400</b>                             | <b>5,63</b>               |
| <b>B. Trụ cột trách nhiệm giải trình</b>  | <b>400</b>                             | <b>5,63</b>               |
| <b>C. Trụ cột minh bạch ngân sách - điểm POBI 2022</b>                          | <b>6073</b>                            | <b>85,54</b>              |
| <b>Theo loại tài liệu</b>   |  |                           |
| 1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh | 1216                                   | 17,13                     |
| 2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt          | 1149                                   | 16,18                     |
| 3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022                        | 375                                    | 5,28                      |
| 4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022              | 350                                    | 4,93                      |

<sup>9</sup> Đã tính trọng số

|   |      |       |
|---|------|-------|
| 5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022                              | 375  | 5,28  |
| 6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022               | 375  | 5,28  |
| 7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt                   | 1383 | 19,48 |
| 8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán đã được phê duyệt)                      | 200  | 2,82  |
| 9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2023  | 150  | 2,11  |
| 10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023                                   | 100  | 1,41  |
| 11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 | 100  | 1,41  |
| <b>Theo tiêu chí đánh giá</b>   |      |       |
| 1. Tính sẵn có  | 900  | 12,68 |
| 2. Tính kịp thời  | 600  | 8,45  |
| 3. Tính thuận tiện  | 600  | 8,45  |
| 4. Tính đầy đủ  | 3307 | 46,58 |
| 5. Tính tin cậy   | 366  | 5,15  |
| 6. Tính liên tục  | 300  | 4,23  |

Kết quả khảo sát POBI 2022 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

### **Tính thuận tiện của tài liệu công khai**

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính, HĐND và UBND tỉnh Bình Dương, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Bình Dương có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo loại tài liệu và theo năm, được cập nhật thường xuyên.
- Trang TTĐT của HĐND tỉnh Bình Dương có thư mục riêng về công khai tài liệu kỳ họp HĐND.
- Các tài liệu được công khai đều có định dạng PDF dễ dàng đọc hoặc chuyển sang định dạng word/excel.

### **Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai**

- Sở Tài chính tỉnh Bình Dương đã công khai 11/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình

thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo ngân sách công dân năm 2023, Kế hoạch Đầu tư công năm 2023, Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022, và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2020.

### **Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai**

- Trong số 8 tài liệu ngân sách công khai được chấm điểm kịp thời, tất cả các tài liệu đều được công khai kịp thời.

### **Tính đầy đủ của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh có kèm theo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 13 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Thuyết minh báo cáo không giải thích về ưu tiên cho ít nhất một chính sách chi cụ thể của địa phương, không ưu tiên chi ngân sách cho y tế và an sinh xã hội/trợ cấp xã hội. Biểu số 35 trong báo cáo phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa nhưng không chi tiết theo loại thuế.
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt phản ánh 12/13 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343 (thiếu Biểu số 51). Biểu số 48 trong báo cáo phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa nhưng không chi tiết theo loại thuế.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022 có kèm theo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 3 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 4 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022 có kèm theo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 3 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 4 mục lớn nhưng không chi tiết các mục nhỏ theo quy định (mục A.I thiếu mục nhỏ thu viện trợ). Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022 có kèm theo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 3 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 4 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.



- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022 có kèm theo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 3 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 4 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt có kèm theo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 7 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343.

#### **Tính tin cậy của các tài liệu được công khai**

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 86%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2021 của tỉnh là 13%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 3%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2021 của tỉnh là 16%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2021 của tỉnh là 22%.
- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2021 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 548% (tăng 548%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng trong khi thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2021 là -36% (giảm 36%).
- Thay đổi giữa dự toán năm 2023 và dự toán năm 2022 của chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo là -26,08% (giảm 26,08%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này giảm mạnh hơn so với mức giảm của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023 so với năm 2022 (giảm 12,65%).
- Thay đổi giữa dự toán năm 2023 và dự toán năm 2022 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là -0,66% (giảm 0,66%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này giảm ít hơn so với mức giảm của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023 so với năm 2022 (giảm 12,65%).

#### **Tính liên tục của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh được công khai trong 4 năm 2019, 2020, 2022 và 2023.
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt được công khai liên tục trong 5 năm 2019, 2020, 2021, 2022 và 2023.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt được công khai liên tục trong 5 năm 2017, 2018, 2019, 2020 và 2021.



## **Công khai các tài liệu được khuyến khích**

- Trong số các tài liệu khuyến khích công khai, tất cả các tài liệu đều không được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2023, Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021, Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2021 hoặc 2022, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 3 năm 2023-2025 và Kế hoạch tài chính tỉnh 5 năm 2021-2025.

## **Sự tham gia của người dân**

- Trên trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin và email này có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua email vào ngày 11/01/2023 và nhận được phản hồi email của Sở sau 5 ngày (ngày 16/01/2023).
- UBND, HĐND và Sở Tài chính tỉnh không thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2023 trình HĐND tỉnh.
- Trên trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có đường dẫn tới các loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo, Viber).
- Trên trang TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2022, nhưng không công khai báo cáo góp ý/tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2022.

## **Trách nhiệm giải trình**

- HĐND tỉnh có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề và báo cáo giám sát về ngân sách, nhưng không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2023 và báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.
- Trên trang TTĐT của HĐND tỉnh không có thư mục hỏi đáp. Trên trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có thư mục hỏi đáp nhưng không thể sử dụng được vì yêu cầu đăng nhập.
- Ngoài việc công khai dự toán ngân sách nhà nước của tỉnh năm 2023 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2022 thì UBND và Sở Tài chính tỉnh sử dụng 1 kênh truyền thông khác (trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh) để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách năm 2023 tới người dân.
- Trên trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có công khai Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2020.

## 10. TỈNH BÌNH PHƯỚC

| KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH BÌNH PHƯỚC NĂM 2022 |  |                               |                                  |
|---|--|-------------------------------|----------------------------------|
| MỨC ĐỘ MINH BẠCH<br>(CHỈ SỐ POBI 2022)                        |  | SỰ THAM GIA<br>CỦA NGƯỜI DÂN  | TRÁCH NHIỆM<br>GIẢI TRÌNH        |
| XẾP HẠNG<br><b>60</b>   | <b>4</b><br>tài liệu bắt buộc được<br>công bố  | XẾP HẠNG<br><b>21</b>         | XẾP HẠNG<br><b>13</b>            |
| ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>19</b>                                 | <b>0</b><br>tài liệu được công bố<br>đúng hạn  | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>50</b> | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>56,25</b> |
| <b>MỨC ĐỘ<br/>CÔNG KHAI<br/>ÍT</b>                            | <b>1</b> tài liệu công bố chậm,<br><b>2</b> tài liệu công bố quá<br>muộn hoặc không rõ<br>ngày công khai |                               |                                  |

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2022, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

### Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy tỉnh Bình Phước đã công bố **ÍT** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Bình Phước đạt **19 điểm** quy đổi, xếp hạng thứ **60** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2022, **tăng 3 hạng** so với kết quả chấm POBI 2021.

### Kết quả chấm POBI 2022 tỉnh Bình Phước phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

| Mục   | Điểm POBI<br>chưa quy đổi <sup>10</sup> | Điểm POBI<br>2022 quy đổi |
|---|---|---------------------------|
| <b>A. Trụ cột sự tham gia</b>   | <b>300</b>                              | <b>4,23</b>               |
| <b>B. Trụ cột trách nhiệm giải trình</b>  | <b>450</b>                              | <b>6,34</b>               |
| <b>C. Trụ cột minh bạch ngân sách - điểm POBI 2022</b>                          | <b>1349</b>                             | <b>19,00</b>              |
| <b>Theo loại tài liệu</b>   |   |                           |
| 1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh | 33                                      | 0,46                      |
| 2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt          | 33                                      | 0,46                      |
| 3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022                        | 275                                     | 3,87                      |
| 4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022              | 300                                     | 4,23                      |

<sup>10</sup> Đã tính trọng số

|   |     |      |
|---|-----|------|
| 5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022                              | 275 | 3,87 |
| 6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022               | 0   | 0,00 |
| 7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt                   | 33  | 0,46 |
| 8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán đã được phê duyệt)                      | 0   | 0,00 |
| 9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2023  | 100 | 1,41 |
| 10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023                                   | 0   | 0,00 |
| 11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 | 0   | 0,00 |
| <b>Theo tiêu chí đánh giá</b>   |     |      |
| 1. Tính sẵn có  | 250 | 3,52 |
| 2. Tính kịp thời  | 25  | 0,35 |
| 3. Tính thuận tiện  | 300 | 4,23 |
| 4. Tính đầy đủ  | 675 | 9,51 |
| 5. Tính tin cậy   | 0   | 0,00 |
| 6. Tính liên tục  | 99  | 1,39 |

Kết quả khảo sát POBI 2022 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

#### **Tính thuận tiện của tài liệu công khai**

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Bình Phước, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Thư mục công khai ngân sách: có thư mục riêng, có được phân chia cụ thể theo tài liệu hoặc theo năm và có nội dung cập nhật.
- Định dạng của tài liệu: dạng Microsoft word/excel nhằm tạo thuận tiện cho việc sử dụng.

#### **Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai**

- Sở Tài chính tỉnh Bình Phước đã công khai 4/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022, Kế hoạch Đầu tư công của tỉnh năm 2023.
- 7 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã

được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt), Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023, Báo cáo kết quả thực hiện các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.

### **Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai**

Trong số 3 tài liệu ngân sách công khai được tính điểm kịp thời, không có tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 3 tài liệu không được công khai kịp thời là: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022.

### **Tính đầy đủ của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt công khai trên trang WEB nhưng biểu mẫu báo cáo công bố theo nghị định số 31/2017/NĐ-CP, không công bố theo Thông tư 343 nên không được tính điểm. Tài liệu do hội đồng nhân dân công khai.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022: Báo cáo công khai kèm thuyết minh. Có phản ánh đầy đủ 3 biểu từ biểu 59 đến biểu 61 theo hướng dẫn của Thông tư 343. Báo cáo có bao gồm thông tin so sánh với dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn nhưng không chi tiết các mục nhỏ theo quy định, thiếu chi trả nợ lãi.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022: Báo cáo công khai kèm thuyết minh. Có phản ánh đầy đủ 3 biểu từ biểu 59 đến biểu 61 theo hướng dẫn của Thông tư 343. Báo cáo có bao gồm thông tin so sánh với dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn nhưng không chi tiết các mục nhỏ theo quy định, thiếu chi trả nợ lãi.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022: Báo cáo công khai kèm thuyết minh. Có phản ánh đầy đủ 3 biểu từ biểu 59 đến biểu 61 theo hướng dẫn của Thông tư 343. Báo cáo có bao gồm thông tin so sánh với dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn nhưng không chi tiết các mục nhỏ theo quy định, thiếu chi trả nợ lãi.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt công khai trên trang WEB nhưng biểu mẫu báo cáo công bố theo nghị định số 31/2017/ND-CP, không công bố theo Thông tư 343 nên không được tính điểm. Tài liệu do hội đồng nhân dân công khai.

#### **Tính liên tục của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh (2019, 2020 và 2021) không được công khai trong ba năm liên tiếp.

#### **Công khai các tài liệu được khuyến khích (các câu từ 14.1 đến 14.5)**

- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2023 của tỉnh, Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020, 2021, Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2021 hoặc 2022, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 3 năm 2023-2025, Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

#### **Sự tham gia của người dân**

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục hỏi đáp, có email và có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng TTĐT của Sở Tài chính và sau 30 ngày có nhận được phản hồi
- UBND, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2023 trình HĐND tỉnh. Tỉnh chưa ghi nhận quy định nên không công khai.
- Trên cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo).
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2022.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị cử tri kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 /2022.

#### **Trách nhiệm giải trình (các câu từ 2.7 đến 2.13 và câu số 13)**

- HĐND có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề nhưng không công khai báo cáo giám sát về ngân sách.

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2023, báo cáo thẩm tra ngân sách Ban Kinh tế - Ngân Sách (bao gồm báo cáo thẩm tra quyết toán năm 2021 hoặc dự thảo dự toán năm 2023).
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh có thư mục hỏi đáp nhưng không có lịch sử hoạt động.
- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2023 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2022 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh còn sử dụng 1 kênh truyền thông khác (trang web của Sở Tài chính) để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2023 tới người dân.
- Trang web của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không công khai báo cáo kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.

## 11. TỈNH BÌNH THUẬN

| KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH BÌNH THUẬN NĂM 2022 |  |                                  |                               |
|---|--|----------------------------------|-------------------------------|
| MỨC ĐỘ MINH BẠCH<br>(CHỈ SỐ POBI 2022)                        |  | SỰ THAM GIA<br>CỦA NGƯỜI DÂN     | TRÁCH NHIỆM<br>GIẢI TRÌNH     |
| XẾP HẠNG<br><b>47</b>   | <b>7/11</b><br>Tài liệu bắt buộc được<br>công bố   | XẾP HẠNG<br><b>49</b>            | XẾP HẠNG<br><b>43</b>         |
| ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>62,76</b>                              | <b>4</b><br>Tài liệu được công bố<br>đúng hạn  | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>16,67</b> | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>25</b> |
| <b>MỨC ĐỘ<br/>CÔNG KHAI<br/>TƯƠNG ĐỐI<br/>ĐẦY ĐỦ</b>          | <b>1</b> tài liệu công bố<br>chậm, <b>1</b> tài liệu công bố<br>quá muộn hoặc không<br>rõ ngày công khai |                                  |                               |

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2022, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

### Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy tỉnh Bình Thuận đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Bình Thuận đạt **62,76** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **47** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2022, **giảm 20 hạng** so với kết quả chấm POBI 2021.

### Kết quả chấm POBI 2022 tỉnh Bình Thuận phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

| Mục   | Điểm POBI<br>chưa quy đổi <sup>11</sup> | Điểm POBI<br>2022 quy đổi |
|---|---|---------------------------|
| <b>A. Trụ cột sự tham gia</b>   | <b>100</b>                              | <b>1,41</b>               |
| <b>B. Trụ cột trách nhiệm giải trình</b>  | <b>200</b>                              | <b>2,82</b>               |
| <b>C. Trụ cột minh bạch ngân sách - điểm POBI 2022</b>                          | <b>4456</b>                             | <b>62,76</b>              |
| <b>Theo loại tài liệu</b>   |   |                           |
| 1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh | 1466                                    | 20,65                     |
| 2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt          | 1032                                    | 14,54                     |
| 3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022                        | 400                                     | 5,63                      |
| 4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022              | 375                                     | 5,28                      |

<sup>11</sup> Đã tính trọng số

|   |      |       |
|---|------|-------|
| 5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022                              | 350  | 4,93  |
| 6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022               | 400  | 5,63  |
| 7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt                   | 33   | 0,46  |
| 8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán đã được phê duyệt)                      | 0    | 0,00  |
| 9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2023  | 200  | 2,82  |
| 10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023                                   | 0    | 0,00  |
| 11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 | 0    | 0,00  |
| <b>Theo tiêu chí đánh giá</b>   |      |       |
| 1. Tính sẵn có  | 500  | 7,04  |
| 2. Tính kịp thời  | 325  | 4,58  |
| 3. Tính thuận tiện  | 700  | 9,86  |
| 4. Tính đầy đủ  | 2700 | 38,03 |
| 5. Tính tin cậy   | 66   | 0,93  |
| 6. Tính liên tục  | 165  | 2,32  |

Kết quả khảo sát POBI 2022 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

### **Tính thuận tiện của tài liệu công khai**

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Bình Thuận nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Thư mục công khai ngân sách: Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu và có cập nhật nội dung.
- Định dạng của tài liệu: Trên trang TTĐT của Sở Tài chính có 7 loại tài liệu được chấm điểm về định dạng tài liệu được công khai ở dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022; Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022; Kế hoạch Đầu tư công năm 2023.



### **Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai**

- Sở Tài chính tỉnh Trà Vinh đã công khai 7/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022; Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022; Kế hoạch Đầu tư công năm 2023.
- 4/11 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo ngân sách công dân năm 2023; Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023; Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.

### **Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai**

Trong số 6 tài liệu ngân sách công khai được tính điểm kịp thời, có 4 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 4 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022; Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022.
- 1 tài liệu không được công khai kịp thời là: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022.
- 1 tài liệu được công khai quá muộn là: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022.

### **Tính đầy đủ của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm thuyết minh. Báo cáo này phản ánh 13/13 biểu (từ Biểu 33 tới Biểu 45) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Biểu 39/CK-NSNN phản ánh toàn bộ các nội dung của các lĩnh vực chi đầu tư (12 lĩnh vực). Báo cáo không phản ánh dự toán cho các khoản thu chi của các Quỹ Tài chính ngoài cân đối ngân sách của địa phương.

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh 13/13 biểu (từ Biểu 46 tới Biểu 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/ CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và không chi tiết theo loại thuế. Báo cáo không phản ánh dự toán cho các khoản thu chi của các Quỹ Tài chính ngoài cân đối ngân sách của địa phương.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343 (từ biểu 59 đến biểu 61). Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343 (từ biểu 59 đến biểu 61). Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 34 (từ biểu 59 đến biểu 61). Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343 (từ biểu 59 đến biểu 61). Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai kèm với báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ biểu số 62 đến biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/ CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và

các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ (Biểu 63/CK-NSNN). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách của tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN)

### **Tính tin cậy của các tài liệu được công khai**

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định là 9,2%. Thay đổi này chưa là chưa phù hợp. Mức thay đổi này giảm thấp đi so với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023 so với năm 2022 (14,4%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho y tế và dân số năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định là 3,6%. Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này giảm thấp đi so với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023 so với năm 2022 (14,4%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

### **Tính liên tục của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh 23 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt được công khai liên tục trong 3 năm liên tiếp 2021, 2022 và 2023
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh chỉ được công khai cho 1 năm 2020.

### **Công khai các tài liệu được khuyến khích**

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: không có tài liệu.
- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2023, Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2020, 2021 hoặc 2022, Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2021 hoặc 2022; Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 3 năm 2023-2025 và Kế hoạch tài chính tỉnh 5 năm từ 2021-2025.

### **Sự tham gia của người dân**

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin và email này có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên công thông tin điện tử của Sở Tài chính, tuy nhiên nhóm không nhận được phản hồi.

- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh.
- Cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo).
- Cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2022 và không công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2022.

### **Trách nhiệm giải trình**

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo giám sát về ngân sách.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2023 (kỳ họp tháng 12/2021).
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng).
- Trên cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng).
- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2023 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2022 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh không còn sử dụng các kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2023 tới người dân.
- Trên cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không công khai báo cáo kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

## 12. TỈNH CÀ MAU

| KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH CÀ MAU NĂM 2022 |  |                                  |                                 |
|---|--|----------------------------------|---------------------------------|
| MỨC ĐỘ MINH BẠCH<br>(CHỈ SỐ POBI 2022)                    |  | SỰ THAM GIA<br>CỦA NGƯỜI DÂN     | TRÁCH NHIỆM<br>GIẢI TRÌNH       |
| XẾP HẠNG<br><b>20</b>                                     | <b>8</b><br>tài liệu bắt buộc được<br>công bố  | XẾP HẠNG<br><b>38</b>            | XẾP HẠNG<br><b>10</b>           |
| ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>81,63</b>                          | <b>7</b><br>tài liệu được công bố<br>đúng hạn  | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>33,33</b> | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>62,5</b> |
| <b>MỨC ĐỘ<br/>CÔNG KHAI<br/>ĐẦY ĐỦ</b>                    | <b>0</b> tài liệu công bố chậm,<br><b>0</b> tài liệu công bố quá<br>muộn hoặc không rõ<br>ngày công khai |                                  |                                 |

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2022, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

### Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy tỉnh Cà Mau đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Cà Mau đạt **81,63 điểm** quy đổi, xếp hạng thứ **20** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2022, **giảm 3 hạng** so với kết quả chấm POBI 2021.

### Kết quả chấm POBI 2022 tỉnh Cà Mau phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

| Mục   | Điểm POBI<br>chưa quy đổi <sup>12</sup> | Điểm POBI<br>2022 quy đổi |
|---|---|---------------------------|
| <b>A. Trụ cột sự tham gia</b>   | <b>200</b>                              | <b>2,82</b>               |
| <b>B. Trụ cột trách nhiệm giải trình</b>  | <b>500</b>                              | <b>7,04</b>               |
| <b>C. Trụ cột minh bạch ngân sách - điểm POBI 2022</b>                          | <b>5796</b>                             | <b>81,63</b>              |
| <b>Theo loại tài liệu</b>   |   |                           |
| 1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh | 1066                                    | 15,01                     |
| 2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt          | 1199                                    | 16,89                     |
| 3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022                        | 400                                     | 5,63                      |
| 4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022              | 400                                     | 5,63                      |

<sup>12</sup> Đã tính trọng số

|   |      |       |
|---|------|-------|
| 5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022                              | 400  | 5,63  |
| 6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022               | 400  | 5,63  |
| 7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt                   | 1431 | 20,15 |
| 8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán đã được phê duyệt)                      | 0    | 0,00  |
| 9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2023  | 200  | 2,82  |
| 10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023                                   | 0    | 0,00  |
| 11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 | 0    | 0,00  |
| <b>Theo tiêu chí đánh giá</b>   |      |       |
| 1. Tính sẵn có  | 600  | 8,45  |
| 2. Tính kịp thời  | 500  | 7,04  |
| 3. Tính thuận tiện  | 900  | 12,68 |
| 4. Tính đầy đủ  | 2998 | 42,23 |
| 5. Tính tin cậy   | 498  | 7,01  |
| 6. Tính liên tục  | 300  | 4,23  |

Kết quả khảo sát POBI 2022 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

#### **Tính thuận tiện của tài liệu công khai**

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Cà Mau, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Thư mục công khai ngân sách: có thư mục riêng, được phân chia cụ thể theo tài liệu hoặc theo năm và có nội dung cập nhập.
- Định dạng của tài liệu: Định dạng Microsoft word/excel.

#### **Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai**

- Sở Tài chính tỉnh Cà Mau đã công khai 8/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022, Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm

2022, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn, Kế hoạch Đầu tư công của tỉnh năm 2023.

- 3 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt), Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023, Báo cáo kết quả thực hiện các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.

### **Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai**

Trong số 7 tài liệu ngân sách được công khai, có 7 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 7 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022, Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn.

### **Tính đầy đủ của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh: Báo cáo có kèm thuyết minh. Phản ánh đủ 13 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343 (từ biểu 33 đến biểu 45). Biểu Cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) trong báo cáo Dự toán NSNN trình HĐND tỉnh năm 2023 có phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343/2016/TT - BTC. Biểu 39/CK NSNN có phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho tất cả các lĩnh vực theo quy định (12 lĩnh vực chi đầu tư) theo quy định. Biểu 35/CK NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa, nhưng không chi tiết theo sắc thuế. Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh có đầy đủ ba biểu chi tiết về ngân sách cấp tỉnh (biểu số 38, 39 và 40/CK-NSNN). Báo cáo có chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo đơn vị sử dụng ngân sách tỉnh và huyện (biểu 44/CK-NSNN). Dự thảo không phản ánh dự toán cho các khoản thu chi các Quỹ Tài chính nhà nước ngoài ngân sách của địa phương.
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo có kèm thuyết minh. Báo cáo phản ánh bao nhiêu trên tổng số 13 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343 (từ biểu 46 đến biểu 58). Biểu Cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) trong báo cáo Dự toán NSNN tỉnh năm 2023 được HĐND quyết định có phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn và các mục nhỏ quy định của Thông tư



343/2016/TT - BTC. Biểu 52/CK - NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho tất cả các lĩnh vực theo quy định (12 lĩnh vực chi đầu tư). Biểu 48/CK - NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 được HĐND tỉnh quyết định có đầy đủ ba biểu chi tiết về ngân sách cấp tỉnh (biểu số 51, 52 và 53/CK-NSNN). Biểu 57/CK-NSNN có chi tiết các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia cho ngân sách tỉnh và huyện. Báo cáo Dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định có phản ánh dự toán cho các Quỹ TCNN ngoài ngân sách của địa phương

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022: Báo cáo có được công khai kèm thuyết minh. Báo cáo có phản ánh đầy đủ 3 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Báo cáo có bao gồm thông tin so sánh với dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59 có phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022: Báo cáo có được công khai kèm thuyết minh. Báo cáo có phản ánh đầy đủ 3 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Báo cáo có bao gồm thông tin so sánh với dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59 có phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022: Báo cáo có được công khai kèm thuyết minh. Báo cáo có phản ánh đầy đủ 3 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Báo cáo có bao gồm thông tin so sánh với dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59 có phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022: Báo cáo có được công khai kèm thuyết minh. Báo cáo có phản ánh đầy đủ 3 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Báo cáo có bao gồm thông tin so sánh với dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59 có phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo không kèm thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 7 biểu (từ biểu 62 đến biểu 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu Quyết toán cân đối ngân sách (biểu 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 6 mục lớn và các mục nhỏ. Biểu 63 CK NSNN phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế. Báo cáo quyết toán NSNN năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn có phản ánh đầy đủ các biểu quyết toán chi theo quy



định gồm 5 biểu (Biểu 64 đến biểu 68/CK-NSNN). Báo cáo phản ánh đầy đủ cả 3 biểu số 64, 65 và 66/CK-NSNN. Biểu 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 3 mục lớn và các mục nhỏ. Biểu số 68/CK-NSNN có đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện.

### **Tính tin cậy của các tài liệu được công khai**

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 34,5%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2021 của tỉnh là 2,6%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 7%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2021 của tỉnh là 10,2%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2021 của tỉnh là 8,3%.
- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2021 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 19,5% ( tăng 19,5%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2021 (giảm 15,3%).
- Thay đổi chi thường xuyên hằng năm cho GDDT 2023 so với 2022 là 8,3% ( tăng 8,3%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của thay đổi của tổng chi thường xuyên ngân sách tỉnh năm 2023 so với năm 2022 (tăng 2,2%).
- Thay đổi của dự toán chi thường xuyên hằng năm cho Y tế và dân số năm 2023 so với năm 2022 là -1,02% (giảm 1,02%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này giảm nhiều hơn so với mức thay đổi của tổng chi thường xuyên ngân sách tỉnh năm 2023 so với năm 2022 (tăng 2,2%).

### **Tính liên tục của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh (2019, 2020 và 2021) có được công khai trong ba năm liên tiếp.

### **Công khai các tài liệu được khuyến khích**

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Kết quả kiểm toán ngân sách nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2023-2025, Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2023, Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2021 hoặc 2022.

### **Sự tham gia của người dân**

- Trên cổng TTĐT của Sở Tài chính có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin, có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng TTĐT của Sở Tài chính nhưng không nhận được phản hồi.
- UBND, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2023 trình HĐND tỉnh.
- Trên cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo).
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2022.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị cử tri kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2022.

### **Trách nhiệm giải trình**

- HĐND có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề, công khai báo cáo giám sát về ngân sách.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2023, báo cáo thẩm tra ngân sách Ban Kinh tế - Ngân Sách (bao gồm báo cáo thẩm tra quyết toán năm 2021 hoặc dự thảo dự toán năm 2023).
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh có thư mục hỏi đáp nhưng không có lịch sử hoạt động.
- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2023 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2022 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh còn sử dụng 1 kênh truyền thông khác (trang web của Sở Tài chính) để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2023 tới người dân.
- Trang web của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không công khai báo cáo kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.

### 13. THÀNH PHỐ CẦN THƠ

| KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ CẦN THƠ NĂM 2022 |   |                              |                              |
|---|---|------------------------------|------------------------------|
| MỨC ĐỘ MINH BẠCH<br>(CHỈ SỐ POBI 2022)                          |   | SỰ THAM GIA<br>CỦA NGƯỜI DÂN | TRÁCH NHIỆM<br>GIẢI TRÌNH    |
| XẾP HẠNG<br><b>56</b>   | <b>6/11</b><br>Tài liệu bắt buộc được công bố   | XẾP HẠNG<br><b>21</b>        | XẾP HẠNG<br><b>29</b>        |
| ĐIỂM XẾP HẠNG<br><b>46,11</b>                                   | <b>3</b><br>Tài liệu được công bố đúng hạn  | ĐIỂM XẾP HẠNG<br><b>50</b>   | ĐIỂM XẾP HẠNG<br><b>37,5</b> |
| <b>MỨC ĐỘ CÔNG KHAI CHƯA ĐẦY ĐỦ</b>                             | <b>2</b> tài liệu công bố chậm, <b>0</b> tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai |                              |                              |

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2022, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

#### Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy thành phố Cần Thơ đã công bố **CHƯA ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của thành phố Cần Thơ đạt **46,11** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **56** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2022, **giảm 3 hạng** so với kết quả chấm POBI 2021.

#### Kết quả chấm POBI 2022 thành phố Cần Thơ phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

| Mục   | Điểm POBI chưa quy đổi <sup>13</sup> | Điểm POBI 2022 quy đổi |
|---|--------------------------------------|------------------------|
| <b>A. Trụ cột sự tham gia</b>   | <b>300</b>                           | <b>4,23</b>            |
| <b>B. Trụ cột trách nhiệm giải trình</b>  | <b>300</b>                           | <b>4,23</b>            |
| <b>C. Trụ cột minh bạch ngân sách - điểm POBI 2022</b>                                    | <b>3274</b>                          | <b>46,11</b>           |
| <b>Theo loại tài liệu</b>   |                                      |                        |
| 1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách thành phố năm 2023 trình Hội đồng nhân dân thành phố | 33                                   | 0,46                   |
| 2. Báo cáo dự toán ngân sách thành phố năm 2023 đã được HĐND thành phố phê duyệt          | 33                                   | 0,46                   |
| 3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố quý 1/2022                             | 400                                  | 5,63                   |
| 4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 6 tháng đầu năm 2022                   | 350                                  | 4,93                   |

<sup>13</sup> Đã tính trọng số

|   |      |       |
|---|------|-------|
| 5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 9 tháng năm 2022                         | 400  | 5,63  |
| 6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách thành phố năm 2022          | 375  | 5,28  |
| 7. Báo cáo quyết toán ngân sách thành phố năm 2021 đã được HĐND thành phố phê duyệt         | 1233 | 17,37 |
| 8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán đã được phê duyệt)                      | 0    | 0,00  |
| 9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2023  | 150  | 2,11  |
| 10. Báo cáo tình hình nợ công của thành phố năm 2022 hoặc 2023                              | 0    | 0,00  |
| 11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 | 0    | 0,00  |
| <b>Theo tiêu chí đánh giá</b>   |      |       |
| 1. Tính sẵn có  | 400  | 5,63  |
| 2. Tính kịp thời  | 250  | 3,52  |
| 3. Tính thuận tiện  | 625  | 8,80  |
| 4. Tính đầy đủ  | 1800 | 25,35 |
| 5. Tính tin cậy   | 33   | 0,46  |
| 6. Tính liên tục  | 166  | 2,34  |

Kết quả khảo sát POBI 2022 của thành phố theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

### **Tính thuận tiện của tài liệu công khai**

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND thành phố Cần Thơ nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Thư mục công khai ngân sách: Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu và có cập nhật nội dung.
- Định dạng của tài liệu: Trên trang TTĐT của Sở Tài chính có 5 loại tài liệu được chấm điểm về định dạng tài liệu được công khai ở dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố quý 1/2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 6 tháng đầu năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 9 tháng năm 2022; Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách thành phố năm 2022; Báo cáo quyết toán ngân sách thành phố năm 2021 đã được HĐND thành phố phê duyệt.

1 tài liệu được công khai ở dạng pdf dễ dàng đọc hoặc chuyển qua định dạng word/excel là Kế hoạch Đầu tư công năm 2023.

### **Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai**

- Sở Tài chính thành phố Cần Thơ đã công khai 6/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố quý 1/2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 6 tháng đầu năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 9 tháng năm 2022; Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách thành phố năm 2022; Báo cáo quyết toán ngân sách thành phố năm 2021 đã được HĐND thành phố phê duyệt; Kế hoạch Đầu tư công năm 2023.
- 5/11 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách thành phố năm 2023 trình Hội đồng nhân dân thành phố; Báo cáo dự toán ngân sách thành phố năm 2023 đã được HĐND thành phố phê duyệt; Báo cáo ngân sách công dân năm 2023; Báo cáo tình hình nợ công của thành phố năm 2022 hoặc 2023; Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.

### **Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai**

Trong số 5 tài liệu ngân sách được công khai, có 5 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 3 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố quý 1/2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 9 tháng năm 2022; Báo cáo quyết toán ngân sách thành phố năm 2021 đã được HĐND thành phố phê duyệt.
- 2 tài liệu không được công khai kịp thời là: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 6 tháng đầu năm 2022; Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách thành phố năm 2022.

### **Tính đầy đủ của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách thành phố năm 2023 trình HĐND thành phố: Không được công khai.
- Báo cáo dự toán ngân sách thành phố năm 2023 đã được HĐND thành phố phê duyệt: Không được công khai.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố quý 1/2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343 (từ biểu 59 đến biểu 61). Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình

hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 6 tháng đầu năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343 (từ biểu 59 đến biểu 61). Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 9 tháng năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 34 (từ biểu 59 đến biểu 61). Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố cả năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343 (từ biểu 59 đến biểu 61). Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo quyết toán ngân sách thành phố năm 2021 đã được HĐND thành phố phê duyệt: Báo cáo được công khai kèm với báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ biểu số 62 đến biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ (Biểu 63/CK-NSNN). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách của thành phố và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN)

### **Tính tin cậy của các tài liệu được công khai**

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2021 của thành phố là 60,67%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2021 của thành phố là 15,82%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2021 của

thành phố là 23,18%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2021 của thành phố là 34,45%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của thành phố năm 2021 của thành phố là 15,22%.

- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2021 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 44,4% (tăng 44,4%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này giảm thấp đi so với mức giảm của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2021 (giảm 54,5%).
- Không có số liệu dự toán năm 2023 và 2022 để so sánh

#### **Tính liên tục của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách thành phố trình HĐND thành phố, Báo cáo dự toán ngân sách thành phố đã được HĐND thành phố phê duyệt chỉ được công khai cho 1 năm 2021.
- Báo cáo quyết toán ngân sách thành phố được công khai liên tục cho 5 năm liên tiếp 2017, 2018, 2019, 2020 và 2021.

#### **Công khai các tài liệu được khuyến khích**

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: không có tài liệu.
- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách thành phố năm 2023, Kết quả kiểm toán ngân sách thành phố của Kiểm toán nhà nước năm 2020, 2021 hoặc 2022, Báo cáo tài chính của thành phố năm 2021 hoặc 2022; Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách thành phố 3 năm 2023-2025 và Kế hoạch tài chính thành phố 5 năm từ 2021-2025.

#### **Sự tham gia của người dân**

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin và email này có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên công thông tin điện tử của Sở Tài chính, tuy nhiên nhóm không nhận được phản hồi.
- Trang TTĐT của UBND thành phố, HĐND thành phố và Sở Tài chính không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách thành phố năm 2022 trình HĐND thành phố.
- Cổng TTĐT của UBND thành phố, HĐND thành phố và Sở Tài chính thành phố không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của thành phố để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo).



- Công TTĐT của HĐND thành phố có công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ thành phố trình kỳ họp HĐND thành phố tháng 12/2022 và có công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND thành phố tháng 12 năm 2022.

### **Trách nhiệm giải trình**

- Trên cổng TTĐT của HĐND thành phố không công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề.
- Trên cổng TTĐT của HĐND thành phố không công khai báo cáo giám sát về ngân sách.
- Trên cổng TTĐT của HĐND thành phố không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của thành phố năm 2023 (kỳ họp tháng 12/2021).
- Trên cổng TTĐT của HĐND thành phố có công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND thành phố.
- Trên cổng TTĐT của HĐND thành phố có thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng).
- Trên cổng TTĐT của Sở Tài chính thành phố có thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng).
- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của thành phố năm 2023 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2022 thì UBND thành phố, Sở Tài chính thành phố không còn sử dụng các kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2023 tới người dân.
- Trên cổng TTĐT của UBND thành phố, HĐND thành phố và Sở Tài chính thành phố không công khai báo cáo kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.



## 14. TỈNH CAO BẰNG

| KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH CAO BẰNG NĂM 2022 |  |                              |                           |
|---|--|------------------------------|---------------------------|
| MỨC ĐỘ MINH BẠCH<br>(CHỈ SỐ POBI 2022)                      |  | SỰ THAM GIA<br>CỦA NGƯỜI DÂN | TRÁCH NHIỆM<br>GIẢI TRÌNH |
| XẾP HẠNG<br>5   | 10/11<br>Tài liệu bắt buộc được<br>công bố   | XẾP HẠNG<br>21               | XẾP HẠNG<br>43            |
| ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br>91,54                                   | 8<br>Tài liệu được công bố<br>đúng hạn   | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br>50       | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br>25    |
| MỨC ĐỘ<br>CÔNG KHAI<br>ĐẦY ĐỦ                               | 0 tài liệu công bố<br>chậm, 0 tài liệu công bố<br>quá muộn hoặc không<br>rõ ngày công khai |                              |                           |

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2022, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

### Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy tỉnh Cao Bằng đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Cao Bằng đạt **91,54** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **5** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2022, **không thay đổi về hạng** so với kết quả chấm POBI 2021.

### Kết quả chấm POBI 2022 tỉnh Cao Bằng phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

| Mục   | Điểm POBI<br>chưa quy đổi <sup>14</sup> | Điểm POBI<br>2022 quy đổi |
|---|---|---------------------------|
| <b>A. Trụ cột sự tham gia</b>   | <b>300</b>                              | <b>4,23</b>               |
| <b>B. Trụ cột trách nhiệm giải trình</b>  | <b>200</b>                              | <b>2,82</b>               |
| <b>C. Trụ cột minh bạch ngân sách - điểm POBI 2022</b>                          | <b>6499</b>                             | <b>91,54</b>              |
| <b>Theo loại tài liệu</b>   |   |                           |
| 1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh | 1500                                    | 21,13                     |
| 2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt          | 1133                                    | 15,96                     |
| 3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022                        | 400                                     | 5,63                      |
| 4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022              | 400                                     | 5,63                      |

<sup>14</sup> Đã tính trọng số

|   |      |       |
|---|------|-------|
| 5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022                              | 400  | 5,63  |
| 6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022               | 400  | 5,63  |
| 7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt                   | 1566 | 22,06 |
| 8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán đã được phê duyệt)                      | 200  | 2,82  |
| 9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2023  | 200  | 2,82  |
| 10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023                                   | 100  | 1,41  |
| 11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 | 0    | 0,00  |
| <b>Theo tiêu chí đánh giá</b>   |      |       |
| 1. Tính sẵn có  | 800  | 11,27 |
| 2. Tính kịp thời  | 600  | 8,45  |
| 3. Tính thuận tiện  | 800  | 11,27 |
| 4. Tính đầy đủ  | 3500 | 49,30 |
| 5. Tính tin cậy   | 499  | 7,03  |
| 6. Tính liên tục  | 300  | 4,23  |

Kết quả khảo sát POBI 2022 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

#### **Tính thuận tiện của tài liệu công khai**

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Cao Bằng, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT sở Tài chính tỉnh Cao Bằng có thư mục riêng về công khai ngân sách. Các mục được chia rõ ràng, sắp xếp theo từng năm và có nội dung cập nhật nhằm tạo thuận lợi cho việc truy cập và tìm kiếm các loại tài liệu.
- Các tài liệu được công bố trên TTĐT của sở Tài chính tỉnh Cao Bằng đều có định dạng word hoặc excel nhằm tạo thuận tiện cho việc sử dụng.

#### **Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai**

- Sở Tài chính tỉnh Cao Bằng đã công khai 10/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 của UBND tỉnh gửi các đại biểu HĐND cấp tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q1/2022 của tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách 06 tháng đầu năm 2022 của tỉnh, Báo cáo

tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q3/2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022, Báo cáo quyết toán NSNN năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn, Báo cáo NSNN dành cho công dân năm 2023 của tỉnh, Danh mục dự án đầu tư công đã được quyết định đầu tư trên địa bàn tỉnh năm 2023 và Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh.

- 1 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo kết quả thực hiện kết luận của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.

### **Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai**

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có 8 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 8 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 của UBND tỉnh gửi các đại biểu HĐND cấp tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q1/2022 của tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách 06 tháng đầu năm 2022 của tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q3/2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022, Báo cáo quyết toán NSNN năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn và Báo cáo NSNN dành cho công dân năm 2023 của tỉnh.

### **Tính đầy đủ của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh 13/13 biểu (từ biểu 33 đến biểu 45) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 39/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo các loại thuế. Báo cáo có phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo đơn vị sử dụng ngân sách tỉnh và huyện (biểu số 44/CK-NSNN). Báo cáo có phản ánh dự toán cho các khoản thu chi các Quỹ Tài chính nhà nước ngoài ngân sách địa phương.
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu (từ biểu 46 đến biểu 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-

NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Báo cáo có phản ánh chi tiết các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia cho ngân sách tỉnh và huyện (Biểu số 57/CK-NSNN).

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Báo cáo gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Báo cáo gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Báo cáo gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Báo cáo gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ biểu 62 đến biểu 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 06 mục lớn và các mục nhỏ. Biểu số 63/CK-NSNN phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế. Biểu số 65/CK-NSNN có phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản

ánh đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN).

### **Tính tin cậy của các tài liệu được công khai**

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 25%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2021 của tỉnh là -17%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 3%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2021 của tỉnh là -6%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2021 của tỉnh là 4%.
- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2021 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 36% (tăng 36%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của thay đổi giữa quyết toán và dự toán của tổng chi thường xuyên năm 2021 (giảm 10%).
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2023 được HĐND tỉnh quyết định so với năm 2022 là -32,4% (giảm 32,4%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng thấp hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên được HĐND tỉnh quyết định năm 2023 so với năm 2022 (tăng 10,7%)
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số của tỉnh năm 2023 được HĐND tỉnh quyết định so với năm 2022 là 25,6% (tăng 25,6%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên được HĐND tỉnh quyết định năm 2023 so với năm 2022 (tăng 10,7%).

### **Tính liên tục của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh (2019, 2020, 2021) được công khai trong năm năm liên tiếp.

### **Công khai các tài liệu được khuyến khích**

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2023 của tỉnh và Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 3 năm 2023 - 2025.
- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 của tỉnh, Báo

cáo tài chính của tỉnh năm 2021 hoặc 2022 và Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021 - 2025.

### **Sự tham gia của người dân:**

- Trên cổng TTĐT của sở Tài chính tỉnh có email để người dân liên hệ cung cấp thông tin và email này có thể sử dụng được.
- Thời gian phản hồi/ trả lời email của sở Tài chính tỉnh là trong vòng 15 ngày kể từ ngày gửi
- UBND tỉnh, HĐND tỉnh và sở Tài chính tỉnh có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2023 trình HĐND tỉnh. Sở Tài Chính có sử dụng từ 1-2 kênh truyền thông.
- Trên cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không có công khai báo cáo góp ý/báo cáo tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2022.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không có công khai báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2022.

### **Trách nhiệm giải trình**

- HĐND tỉnh không công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề.
- HĐND tỉnh không công khai báo cáo giám sát về ngân sách.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2023.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách của HĐND tỉnh.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp nhưng không có lịch sử hoạt động.
- Trên cổng TTĐT của sở Tài chính tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp và có lịch sử hoạt động.
- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2023 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2022, sở Tài chính tỉnh không sử dụng kênh truyền thông khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán NSNN năm 2022 tới người dân.
- Trên cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và sở Tài chính tỉnh không công khai báo cáo kết quả thực hiện kết luận của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.

## 15. THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

| KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG<br>NĂM 2022 |  |                                  |                               |
|--|--|----------------------------------|-------------------------------|
| MỨC ĐỘ MINH BẠCH<br>(CHỈ SỐ POBI 2022)                             |  | SỰ THAM GIA<br>CỦA NGƯỜI DÂN     | TRÁCH NHIỆM<br>GIẢI TRÌNH     |
| XẾP HẠNG<br><b>2</b>   | <b>10/11</b><br>Tài liệu bắt buộc được<br>công bố  | XẾP HẠNG<br><b>6</b>             | XẾP HẠNG<br><b>1</b>          |
| ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>93,41</b>                                   | <b>8</b><br>Tài liệu được công bố<br>đúng hạn  | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>66,67</b> | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>75</b> |
| <b>MỨC ĐỘ<br/>CÔNG KHAI<br/>ĐẦY ĐỦ</b>                             | <b>0</b> tài liệu công bố<br>chậm, <b>0</b> tài liệu công bố<br>quá muộn hoặc không<br>rõ ngày công khai |                                  |                               |

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2022, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

### Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy thành phố Đà Nẵng đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của thành phố Đà Nẵng đạt **93,41** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **2** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2022, **tăng 4 hạng** so với kết quả chấm POBI 2021.

### Kết quả chấm POBI 2022 thành phố Đà Nẵng phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

| Mục   | Điểm POBI<br>chưa quy đổi <sup>15</sup> | Điểm POBI<br>2022 quy đổi |
|---|---|---------------------------|
| <b>A. Trụ cột sự tham gia</b>   | <b>400</b>                              | <b>5,63</b>               |
| <b>B. Trụ cột trách nhiệm giải trình</b>  | <b>600</b>                              | <b>8,45</b>               |
| <b>C. Trụ cột minh bạch ngân sách - điểm POBI 2022</b>                                    | <b>6632</b>                             | <b>93,41</b>              |
| <b>Theo loại tài liệu</b>   |   |                           |
| 1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách thành phố năm 2023 trình Hội đồng nhân dân thành phố | 1600                                    | 22,54                     |
| 2. Báo cáo dự toán ngân sách thành phố năm 2023 đã được HĐND thành phố phê duyệt          | 1233                                    | 17,37                     |
| 3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố quý 1/2022                             | 400                                     | 5,63                      |
| 4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 6 tháng đầu năm 2022                   | 400                                     | 5,63                      |

<sup>15</sup> Đã tính trọng số



|   |      |       |
|---|------|-------|
| 5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 9 tháng năm 2022                         | 400  | 5,63  |
| 6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách thành phố năm 2022          | 400  | 5,63  |
| 7. Báo cáo quyết toán ngân sách thành phố năm 2021 đã được HĐND thành phố phê duyệt         | 1399 | 19,70 |
| 8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán đã được phê duyệt)                      | 200  | 2,82  |
| 9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2023  | 200  | 2,82  |
| 10. Báo cáo tình hình nợ công của thành phố năm 2022 hoặc 2023                              | 100  | 1,41  |
| 11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 | 0    | 0,00  |
| <b>Theo tiêu chí đánh giá</b>   |      |       |
| 1. Tính sẵn có  | 800  | 11,27 |
| 2. Tính kịp thời  | 600  | 8,45  |
| 3. Tính thuận tiện  | 900  | 12,68 |
| 4. Tính đầy đủ  | 3600 | 50,70 |
| 5. Tính tin cậy   | 432  | 6,08  |
| 6. Tính liên tục  | 300  | 4,23  |

Kết quả khảo sát POBI 2022 của thành phố theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

### **Tính thuận tiện của tài liệu công khai**

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND thành phố Đà Nẵng, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Thư mục công khai ngân sách: Trang TTĐT của Sở Tài chính thành phố có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu, theo từng năm và có cập nhật nội dung.
- Trang TTĐT của HĐND thành phố Đà Nẵng có thư mục riêng về công khai tài liệu kỳ họp HĐND.
- Định dạng của tài liệu: Các tài liệu phần lớn đều được công khai ở định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng. Tuy vậy, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố Quý 1 năm 2022 ở định dạng pdf (dễ dàng đọc hoặc chuyển sang định dạng word/excel)



### **Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai**

- Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng đã công khai 10/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách thành phố năm 2023 trình HĐND thành phố, Báo cáo dự toán ngân sách thành phố năm 2023 đã được HĐND thành phố phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố Quý 1 năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 6 tháng đầu năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 9 tháng đầu năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố năm 2022, Báo cáo quyết toán ngân sách thành phố năm 2021 đã được HĐND thành phố phê duyệt, Báo cáo ngân sách công dân năm 2023, Kế hoạch Đầu tư công năm 2023 và Báo cáo tình hình nợ công của thành phố năm 2022 hoặc 2023.
- 01 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.

### **Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai**

Trong số 08 tài liệu ngân sách công khai được tính điểm kịp thời, có 08 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 08 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách thành phố năm 2023 trình HĐND thành phố, Báo cáo dự toán ngân sách thành phố năm 2023 đã được HĐND thành phố phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố Quý 1 năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 6 tháng đầu năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 9 tháng đầu năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố năm 2022, Báo cáo quyết toán ngân sách thành phố năm 2021 đã được HĐND thành phố phê duyệt, Báo cáo ngân sách công dân năm 2023.

### **Tính đầy đủ của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách thành phố năm 2023 trình HĐND thành phố: có kèm thuyết minh, phản ánh 13/13 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Thuyết minh báo cáo có giải thích về ưu tiên cho ít nhất một chính sách cụ thể của địa phương và kèm theo số liệu thuyết minh, ưu tiên chi ngân sách cho y tế và an sinh xã hội/trợ cấp xã hội kèm số liệu thuyết minh.
- Báo cáo dự toán ngân sách thành phố năm 2023 đã được HĐND thành phố phê duyệt: phản ánh đầy đủ 13/13 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố quý 1/2022: có kèm thuyết minh, phản ánh 03/03 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản

ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm tuy vậy không có so sánh tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 6 tháng đầu năm 2022: có kèm thuyết minh, phản ánh 03/03 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 9 tháng năm 2022: có kèm thuyết minh, phản ánh 03/03 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố cả năm 2022: có kèm thuyết minh, phản ánh 03/03 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo quyết toán ngân sách thành phố năm 2021 đã được HĐND thành phố phê duyệt: không kèm thuyết minh, phản ánh 07/07 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343.

### **Tính tin cậy của các tài liệu được công khai**

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2021 của thành phố là 94%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2021 của thành phố là 1%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2021 của thành phố là 12%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2021 của thành phố là 12%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của thành phố năm 2021 của thành phố là 15%.
- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2021 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 116% (tăng 116%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2021 (tăng 18.5%).
- Thay đổi giữa dự toán năm 2022 và dự toán năm 2023 của chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo là 3,9% (tăng 3,9%). Thay đổi này là không phù hợp. Mức

thay đổi này tăng thấp hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023 so với năm 2022 (tăng 12%).

- Thay đổi giữa dự toán năm 2022 và dự toán năm 2023 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 15,5% (tăng 15,5%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng nhanh hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023 so với năm 2022 (tăng 12%).

#### **Tính liên tục của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách thành phố năm trình HĐND thành phố, Báo cáo dự toán ngân sách thành phố năm đã được HĐND thành phố phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách thành phố được công khai trong 05 năm liên tiếp 2018, 2019, 2020, 2021, 2022

#### **Công khai các tài liệu được khuyến khích**

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2023 của thành phố, Báo cáo tài chính của thành phố năm 2021 hoặc năm 2022, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách thành phố 03 năm 2023-2025, Kế hoạch tài chính thành phố 05 năm 2021-2025.
- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Kết quả kiểm toán ngân sách thành phố của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020, 2021 của thành phố.

#### **Sự tham gia của người dân**

- Trên cổng TTĐT của Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin. Email này có thể sử dụng được, tuy nhiên không có phản hồi.
- UBND thành phố, HĐND thành phố và Sở tài chính thành phố không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2023 trình HĐND thành phố.
- Trên cổng TTĐT của UBND thành phố, HĐND thành phố và Sở Tài chính thành phố có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo).
- Trên cổng TTĐT của HĐND thành phố công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND thành phố tháng 12/2022 và báo cáo/góp ý báo cáo công hợp ý kiến cử tri của MTTQ thành phố trình kỳ họp HĐND thành phố tháng 12/2022

## **Trách nhiệm giải trình**

- HĐND thành phố Đà Nẵng công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của thành phố năm 2023 (kỳ họp tháng 12/2022), Kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề, và báo cáo giám sát về ngân sách.
- Trên cổng TTĐT của HĐND thành phố có công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND thành phố (bao gồm báo cáo thẩm tra quyết toán năm 2021 hoặc dự thảo dự toán năm 2023).
- Trên cổng TTĐT của HĐND thành phố, của Sở tài chính thành phố Đà Nẵng đều có thư mục hỏi đáp và đều có lịch sử hoạt động.
- Sở Tài chính không phản hồi câu hỏi về việc sử dụng các kênh truyền thông khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2023 tới nhân dân.

## 16. TỈNH ĐẮK LẮK

| KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH ĐẮK LẮK NĂM 2022 |  |                                  |                                  |
|--|--|----------------------------------|----------------------------------|
| MỨC ĐỘ MINH BẠCH<br>(CHỈ SỐ POBI 2022)                     |  | SỰ THAM GIA<br>CỦA NGƯỜI DÂN     | TRÁCH NHIỆM<br>GIẢI TRÌNH        |
| XẾP HẠNG<br><b>61</b>                                      | <b>3/11</b><br>Tài liệu bắt buộc được<br>công bố   | XẾP HẠNG<br><b>49</b>            | XẾP HẠNG<br><b>13</b>            |
| ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>18,65</b>                           | <b>0</b><br>Tài liệu được công bố<br>đúng hạn  | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>16,67</b> | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>56,25</b> |
| <b>MỨC ĐỘ<br/>CÔNG KHAI<br/>ÍT</b>                         | <b>1</b> tài liệu công bố<br>chậm, <b>2</b> tài liệu công bố<br>quá muộn hoặc không<br>rõ ngày công khai |                                  |                                  |

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2022, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

### Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy tỉnh Đắk Lắk đã công bố **ÍT** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Đắk Lắk đạt **18,65** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **61** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2022, **giảm 23 hạng** so với kết quả chấm POBI 2021.

### Kết quả chấm POBI 2022 tỉnh Đắk Lắk phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

| Mục   | Điểm POBI<br>chưa quy đổi <sup>16</sup> | Điểm POBI<br>2022 quy đổi |
|---|---|---------------------------|
| <b>A. Trụ cột sự tham gia</b>   | <b>100</b>                              | <b>1,41</b>               |
| <b>B. Trụ cột trách nhiệm giải trình</b>  | <b>450</b>                              | <b>6,34</b>               |
| <b>C. Trụ cột minh bạch ngân sách - điểm POBI 2022</b>                          | <b>1324</b>                             | <b>18,65</b>              |
| <b>Theo loại tài liệu</b>   |   |                           |
| 1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh | 33                                      | 0,46                      |
| 2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt          | 33                                      | 0,46                      |
| 3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022                        | 300                                     | 4,23                      |
| 4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022              | 300                                     | 4,23                      |

<sup>16</sup> Đã tính trọng số

|   |     |      |
|---|-----|------|
| 5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022                              | 325 | 4,58 |
| 6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022               | 0   | 0,00 |
| 7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt                   | 33  | 0,46 |
| 8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán đã được phê duyệt)                      | 0   | 0,00 |
| 9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2023  | 0   | 0,00 |
| 10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023                                   | 0   | 0,00 |
| 11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 | 0   | 0,00 |
| <b>Theo tiêu chí đánh giá</b>   |     |      |
| 1. Tính sẵn có  | 150 | 2,11 |
| 2. Tính kịp thời  | 25  | 0,35 |
| 3. Tính thuận tiện  | 450 | 6,34 |
| 4. Tính đầy đủ  | 600 | 8,45 |
| 5. Tính tin cậy   | 0   | 0,00 |
| 6. Tính liên tục  | 99  | 1,39 |

Kết quả khảo sát POBI 2022 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

#### **Tính thuận tiện của tài liệu công khai**

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính, HĐND và UBND tỉnh Đắk Lắk, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Đắk Lắk có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo loại tài liệu và được cập nhật.
- Trang TTĐT của HĐND tỉnh Đắk Lắk có thư mục riêng về công khai tài liệu kỳ họp HĐND.
- Các tài liệu được công khai đều có định dạng excel, thuận tiện cho việc sử dụng.

#### **Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai**

- Sở Tài chính tỉnh Đắk Lắk đã công khai 3/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022 và Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022.

- 8 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo ngân sách công dân năm 2023, Kế hoạch Đầu tư công năm 2023, Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023, và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.

### **Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai**

Trong số 3 tài liệu ngân sách công khai được chấm điểm kịp thời, tất cả các tài liệu đều không được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 3 tài liệu không được công khai kịp thời: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022 và Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022.

### **Tính đầy đủ của tài liệu được công khai**

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022 không kèm theo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 3 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 4 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dữ toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022 không kèm theo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 3 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 4 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dữ toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022 không kèm theo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 3 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 4 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dữ toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

### **Tính tin cậy của các tài liệu được công khai**

- Các tài liệu ngân sách liên quan đến tính tin cậy đều không được công khai, vì vậy không có dữ liệu để chấm điểm tính tin cậy của các tài liệu.

### **Tính liên tục của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh chỉ được công khai năm 2021.
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt được công khai trong 4 năm 2019, 2020, 2021 và 2022.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt được công khai trong 4 năm 2017, 2018, 2019 và 2020.

### **Công khai các tài liệu được khuyến khích**

- Trong số các tài liệu khuyến khích công khai, tất cả các tài liệu đều không được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2023, Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021, Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2021 hoặc 2022, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 3 năm 2023-2025 và Kế hoạch tài chính tỉnh 5 năm 2021-2025.

### **Sự tham gia của người dân**

- Trên trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin và email này có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua email vào ngày 11/01/2023 nhưng sau 30 ngày vẫn chưa nhận được phản hồi email của Sở.
- UBND, HĐND và Sở Tài chính tỉnh không thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2023 trình HĐND tỉnh.
- Trên trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới các loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân.
- Trên trang TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo góp ý/tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2022 và báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2022.

### **Trách nhiệm giải trình**

- HĐND tỉnh có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề, biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2023 và báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh, nhưng không công khai báo cáo giám sát về ngân sách.
- Trên trang TTĐT của HĐND tỉnh có thư mục hỏi đáp nhưng không có lịch sử hỏi đáp. Trên trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có thư mục hỏi đáp và có lịch sử hỏi đáp.



- Ngoài việc công khai dự toán ngân sách nhà nước của tỉnh năm 2023 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2022 thì UBND và Sở Tài chính tỉnh không sử dụng các kênh truyền thông khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách năm 2023 tới người dân.
- Trên trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh không công khai Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.

## 17. TỈNH ĐẮK NÔNG

| KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH ĐẮK NÔNG NĂM 2022 |  |                               |                                 |
|---|--|-------------------------------|---------------------------------|
| MỨC ĐỘ MINH BẠCH<br>(CHỈ SỐ POBI 2022)                      |  | SỰ THAM GIA<br>CỦA NGƯỜI DÂN  | TRÁCH NHIỆM<br>GIẢI TRÌNH       |
| XẾP HẠNG<br><b>48</b>                                       | <b>7</b><br>tài liệu bắt buộc được<br>công bố  | XẾP HẠNG<br><b>21</b>         | XẾP HẠNG<br><b>29</b>           |
| ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>62,55</b>                            | <b>1</b><br>tài liệu được công bố<br>đúng hạn  | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>50</b> | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>37,5</b> |
| <b>MỨC ĐỘ<br/>CÔNG KHAI<br/>TƯƠNG ĐỐI<br/>ĐẦY ĐỦ</b>        | <b>2</b> tài liệu công bố chậm,<br><b>3</b> tài liệu công bố quá<br>muộn hoặc không rõ<br>ngày công khai |                               |                                 |

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2022, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

### Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy tỉnh Đắk Nông đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Đắk Nông đạt **62,55** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **48** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2022, **giảm 5 hạng** so với kết quả chấm POBI 2021.

### Kết quả chấm POBI 2022 tỉnh Đắk Nông phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

| Mục   | Điểm POBI<br>chưa quy đổi <sup>17</sup> | Điểm POBI<br>2022 quy đổi |
|---|---|---------------------------|
| <b>A. Trụ cột sự tham gia</b>   | <b>300</b>                              | <b>4,23</b>               |
| <b>B. Trụ cột trách nhiệm giải trình</b>  | <b>300</b>                              | <b>4,23</b>               |
| <b>C. Trụ cột minh bạch ngân sách - điểm POBI 2022</b>                          | <b>4441</b>                             | <b>62,55</b>              |
| <b>Theo loại tài liệu</b>   |   |                           |
| 1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh | 933                                     | 13,14                     |
| 2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt          | 850                                     | 11,97                     |
| 3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022                        | 325                                     | 4,58                      |
| 4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022              | 200                                     | 2,82                      |

<sup>17</sup> Đã tính trọng số

|   |      |       |
|---|------|-------|
| 5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022                              | 300  | 4,23  |
| 6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022               | 0    | 0,00  |
| 7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt                   | 1433 | 20,18 |
| 8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán đã được phê duyệt)                      | 0    | 0,00  |
| 9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2023  | 100  | 1,41  |
| 10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023                                   | 0    | 0,00  |
| 11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 | 0    | 0,00  |
| <b>Theo tiêu chí đánh giá</b>   |      |       |
| 1. Tính sẵn có  | 550  | 7,75  |
| 2. Tính kịp thời  | 175  | 2,46  |
| 3. Tính thuận tiện  | 450  | 6,34  |
| 4. Tính đầy đủ  | 2700 | 38,03 |
| 5. Tính tin cậy   | 400  | 5,63  |
| 6. Tính liên tục  | 166  | 2,34  |

Kết quả khảo sát POBI 2022 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

### **Tính thuận tiện của tài liệu công khai**

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Đắk Nông nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Đắk Nông có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu và có cập nhật nội dung
- Trong số các tài liệu được công khai, có 02 tài liệu được công bố bằng định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng đó là: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định. Còn lại 03 tài liệu đều được công bố bằng định dạng PDF dạng scan/file ảnh không thuận tiện trong việc chuyển sang định dạng word/excel bao gồm: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 2 (6 tháng đầu năm) năm 2022, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021, Danh mục đầu tư dự án công năm 2023.

### **Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai**

- Sở Tài chính tỉnh Đắk Nông đã công khai 07/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 2 (6 tháng đầu năm) năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 3 (9 tháng đầu năm) năm 2022, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021, Danh mục đầu tư dự án công năm 2023.
- 04 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022, Báo cáo ngân sách nhà nước dành cho công an năm 2023 (cho dự thảo trình/dự toán được duyệt), Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023, Báo cáo kết quả thực hiện các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.

### **Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai**

Trong số 06 tài liệu ngân sách công khai được tính điểm kịp thời, có 01 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 1 tài liệu được công khai kịp thời: Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021
- 2 tài liệu công khai chậm: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 3 (9 tháng đầu) năm 2022, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định
- 3 tài liệu công khai quá chậm hoặc không rõ ngày công khai: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 3 tháng đầu năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 2 (6 tháng đầu năm) năm 2022 (3/8/2022), Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh (16/1/2023)

### **Tính đầy đủ của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh: Báo cáo có kèm thuyết minh. Báo cáo không giải thích về ưu tiên cho ít nhất một chính sách cụ thể của tỉnh và có kèm theo số liệu chứng minh. Thuyết minh Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 không nêu căn cứ dựa vào các chỉ tiêu PTKTXH trung hạn 05 năm (2021-2025), kế hoạch tài chính trung hạn 05 năm (2021-2025). Báo cáo phản ánh 13 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343 (từ biểu 33 đến biểu 45). Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 39/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại

thuế. Báo cáo cũng phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 44/CK-NSNN).

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo có kèm thuyết minh hay và phản ánh 13 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343 (từ biểu 46 đến biểu 58). Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Báo cáo cũng phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 57/CK-NSNN).
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 3 tháng đầu năm 2022: Báo cáo có được công khai kèm thuyết minh và phản ánh đầy đủ 3 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu 59/CK-NSNN chỉ phản ánh 4 mục lớn nhưng không chi tiết các mục nhỏ
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022: Báo cáo có được công khai kèm thuyết minh và không phản ánh đầy đủ 3 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Báo cáo không phản ánh biểu 60/CK-NSNN và biểu 61/CK-NSNN. Biểu 59/CK-NSNN chỉ phản ánh 2 mục lớn. Biểu 59 có bao gồm thông tin so sánh với dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2022: Báo cáo có được công khai kèm thuyết minh và phản ánh đầy đủ 3 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu 59/CK-NSNN chỉ phản ánh 4 mục lớn nhưng không chi tiết các mục nhỏ
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo có kèm thuyết minh và phản ánh đầy đủ 7 biểu (từ biểu 62 đến biểu 68). Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế (Biểu số 63/CK-NSNN). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có đầy đủ nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN)

### **Tính tin cậy của các tài liệu được công khai**

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 39%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2021 của tỉnh là 10%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là -8%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2021 của tỉnh là -13%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2021 của tỉnh là 1%.
- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2021 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là -0.95% (giảm 0.95%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này giảm thấp hơn so với mức giảm của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2021 (giảm 13.5%).

### **Tính liên tục của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt được công khai trong năm năm liên tiếp (2019, 2020, 2021, 2022 và 2023), Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh được công khai ít nhất 1 năm (năm 2023)

### **Công khai các tài liệu được khuyến khích**

- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh năm 2019 2020 hoặc 2021; Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2021 hoặc 2022; Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 3 năm 2023-2025 và Kế hoạch tài chính tỉnh 5 năm 2021-2025

### **Sự tham gia của người dân**

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin và email này có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng TTĐT của Sở Tài chính, tuy nhiên nhóm không nhận được phản hồi.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh.
- Cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo).

- TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND và công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2022.

### **Trách nhiệm giải trình**

- Công TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo giám sát về ngân sách nhưng không công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề.
- Công TTĐT của HĐND tỉnh không công khai biên bản kỳ họp/ thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022 (kỳ họp tháng 12/2022).
- Công TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.
- Trên công TTĐT của HĐND tỉnh không công khai thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng) và Sở Tài chính có công khai thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng).
- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2023 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2023 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh không còn sử dụng các kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2023 tới người dân.
- Trang web của Sở Tài chính không công khai báo cáo kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc năm 2021.

## 18. TỈNH ĐIỆN BIÊN

| KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH ĐIỆN BIÊN NĂM 2022 |  |                                  |                                  |
|--|--|----------------------------------|----------------------------------|
| MỨC ĐỘ MINH BẠCH<br>(CHỈ SỐ POBI 2022)                       |  | SỰ THAM GIA<br>CỦA NGƯỜI DÂN     | TRÁCH NHIỆM<br>GIẢI TRÌNH        |
| XẾP HẠNG<br><b>18</b>  | <b>10/11</b><br>Tài liệu bắt buộc được<br>công bố  | XẾP HẠNG<br><b>1</b>             | XẾP HẠNG<br><b>6</b>             |
| ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>82,38</b>                             | <b>8</b><br>Tài liệu được công bố<br>đúng hạn  | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>91,67</b> | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>68,75</b> |
| <b>MỨC ĐỘ<br/>CÔNG KHAI<br/>ĐẦY ĐỦ</b>                       | <b>0</b> tài liệu công bố<br>chậm, <b>0</b> tài liệu công bố<br>quá muộn hoặc không<br>rõ ngày công khai |                                  |                                  |

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2022, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

### Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy tỉnh Điện Biên đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Điện Biên đạt **82,38** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **18** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2022, giảm **9** hạng so với kết quả chấm POBI 2021.

### Kết quả chấm POBI 2022 tỉnh Điện Biên phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

| Mục   | Điểm POBI<br>chưa quy đổi <sup>18</sup> | Điểm POBI<br>2022 quy đổi |
|---|---|---------------------------|
| <b>A. Trụ cột sự tham gia</b>   | <b>550</b>                              | <b>7,75</b>               |
| <b>B. Trụ cột trách nhiệm giải trình</b>  | <b>550</b>                              | <b>7,75</b>               |
| <b>C. Trụ cột minh bạch ngân sách - điểm POBI 2022</b>                          | <b>5849</b>                             | <b>82,38</b>              |
| <b>Theo loại tài liệu</b>   |   |                           |
| 1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh | 1400                                    | 19,72                     |
| 2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt          | 1133                                    | 15,96                     |
| 3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022                        | 400                                     | 5,63                      |
| 4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022              | 400                                     | 5,63                      |

<sup>18</sup> Đã tính trọng số



|   |      |       |
|---|------|-------|
| 5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022                              | 400  | 5,63  |
| 6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022               | 150  | 2,11  |
| 7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt                   | 1266 | 17,83 |
| 8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán đã được phê duyệt)                      | 200  | 2,82  |
| 9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2023  | 100  | 1,41  |
| 10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023                                   | 100  | 1,41  |
| 11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 | 0    | 0,00  |
| <b>Theo tiêu chí đánh giá</b>   |      |       |
| 1. Tính sẵn có  | 800  | 11,27 |
| 2. Tính kịp thời  | 600  | 8,45  |
| 3. Tính thuận tiện  | 750  | 10,56 |
| 4. Tính đầy đủ  | 3000 | 42,25 |
| 5. Tính tin cậy   | 399  | 5,62  |
| 6. Tính liên tục  | 300  | 4,23  |

Kết quả khảo sát POBI 2022 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

### **Tính thuận tiện của tài liệu công khai**

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Điện Biên, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT sở Tài chính tỉnh Điện Biên có thư mục riêng về công khai ngân sách. Các mục được chia rõ ràng, sắp xếp theo từng năm và có nội dung cập nhật nhằm tạo thuận lợi cho việc truy cập và tìm kiếm các loại tài liệu.
- 6 tài liệu được công khai ở định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 của UBND tỉnh gửi các đại biểu HĐND cấp tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q1/2022 của tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q3/2022 và Báo cáo quyết toán NSNN năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn.

- 1 tài liệu được công khai ở định dạng PDF nhưng dễ dàng đọc hoặc chuyển sang định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Danh mục dự án đầu tư công đã được quyết định đầu tư trên địa bàn tỉnh năm 2023

### **Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai**

- Sở Tài chính tỉnh Điện Biên đã công khai 10/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 của UBND tỉnh gửi các đại biểu HĐND cấp tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q1/2022 của tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách 06 tháng đầu năm 2022 của tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q3/2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022, Báo cáo quyết toán NSNN năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn, Báo cáo NSNN dành cho công dân năm 2023 của tỉnh, Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh và Danh mục dự án đầu tư công đã được quyết định đầu tư trên địa bàn tỉnh năm 2023.
- 3 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo kết quả thực hiện kết luận của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.

### **Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai**

Trong số các tài liệu ngân sách công khai được tính điểm kịp thời, có 8 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 8 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 của UBND tỉnh gửi các đại biểu HĐND cấp tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q1/2022 của tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách 06 tháng đầu năm 2022 của tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q3/2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022, Báo cáo quyết toán NSNN năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn và Báo cáo NSNN dành cho công dân năm 2023 của tỉnh.

### **Tính đầy đủ của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh 13/13 biểu (từ biểu 33 đến biểu 45) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 39/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo các loại

thuế. Báo cáo có phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo đơn vị sử dụng ngân sách tỉnh và huyện (biểu số 44/CK-NSNN). Báo cáo không phản ánh dự toán cho các khoản thu chi các Quỹ Tài chính nhà nước ngoài ngân sách địa phương.

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu (từ biểu 46 đến biểu 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Báo cáo gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Báo cáo gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Báo cáo gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, nhưng không phản ánh đầy đủ 03 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) theo hướng dẫn của Thông tư 343.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai không kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ biểu 62 đến biểu 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán

cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) có phản ánh đầy đủ các mục lớn nhưng không chi tiết các mục nhỏ (mục A. Tổng thu NSĐP thiếu mục Thu từ quỹ dự trữ tài chính). Biểu số 63/CK-NSNN phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế. Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ cả 3 mục lớn nhưng không chi tiết các mục nhỏ (mục B. Chi ngân sách cấp tỉnh theo lĩnh vực thiếu mục Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật). Báo cáo có phản ánh đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN).

### **Tính tin cậy của các tài liệu được công khai**

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 29%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2021 của tỉnh là 31%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là dưới 5%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2021 của tỉnh là 17%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2021 của tỉnh là 6%.
- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2021 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 5,5% (tăng 5,5%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2021 (tăng 5,2%).
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2023 được HĐND tỉnh quyết định so với năm 2022 là 10,2% (tăng 10,2%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên được HĐND tỉnh quyết định năm 2023 so với năm 2022 (tăng 4,6%).
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số của tỉnh năm 2023 được HĐND tỉnh quyết định so với năm 2022 là -1% (giảm 1%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng thấp hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên được HĐND tỉnh quyết định năm 2023 so với năm 2022 (tăng 4,6%).

### **Tính liên tục của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh (2019, 2020, 2021) được công khai trong năm năm liên tiếp

### **Công khai các tài liệu được khuyến khích**

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2023 của tỉnh, Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2021 hoặc 2022, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 3 năm 2023 - 2025 và Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021 - 2025.
- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 của tỉnh.

### **Sự tham gia của người dân**

- Trên cổng TTĐT của sở Tài chính tỉnh có email để người dân liên hệ cung cấp thông tin và email này có thể sử dụng được.
- Thời gian phản hồi/trả lời email của sở Tài chính tỉnh là trong vòng từ ngày thứ 16 đến ngày thứ 30 kể từ ngày gửi.
- UBND tỉnh, HĐND tỉnh và sở Tài chính tỉnh có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2023 trình HĐND tỉnh .
- Trên cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và sở Tài chính tỉnh có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo góp ý/báo cáo tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2022.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2022.

### **Trách nhiệm giải trình**

- HĐND tỉnh có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề.
- HĐND tỉnh không công khai báo cáo giám sát về ngân sách.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2023.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách của HĐND tỉnh.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp và có lịch sử hoạt động.

- Trên cổng TTĐT của sở Tài chính tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp nhưng không có lịch sử hoạt động.
- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2023 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2022, sở Tài chính tỉnh có sử dụng kênh truyền thông khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán NSNN năm 2022 tới người dân.
- Trên cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và sở Tài chính tỉnh không công khai báo cáo kết quả thực hiện kết luận của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.

## 19. TỈNH ĐỒNG NAI

| <b>KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH ĐỒNG NAI NĂM 2022</b> |   |                                      |                                   |
|--|---|--------------------------------------|-----------------------------------|
| <b>MỨC ĐỘ MINH BẠCH<br/>(CHỈ SỐ POBI 2022)</b>                     |   | <b>SỰ THAM GIA<br/>CỦA NGƯỜI DÂN</b> | <b>TRÁCH NHIỆM<br/>GIẢI TRÌNH</b> |
| <b>XẾP HẠNG<br/>34</b>   | <b>8/11</b><br>Tài liệu bắt buộc được công bố   | <b>XẾP HẠNG<br/>46</b>               | <b>XẾP HẠNG<br/>52</b>            |
| <b>ĐIỂM XẾP HẠNG<br/>74,83</b>                                     | <b>6</b><br>Tài liệu được công bố đúng hạn  | <b>ĐIỂM XẾP HẠNG<br/>25</b>          | <b>ĐIỂM XẾP HẠNG<br/>18,75</b>    |
| <b>MỨC ĐỘ CÔNG KHAI TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ</b>                           | <b>0</b> tài liệu công bố chậm, <b>0</b> tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai |                                      |                                   |

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2022, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

### Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy tỉnh Đồng Nai đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Đồng Nai đạt **74,83** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **34** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2022, **giảm 6 hạng** so với kết quả chấm POBI 2021.

### Kết quả chấm POBI 2022 tỉnh Đồng Nai phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

| Mục   | Điểm POBI chưa quy đổi <sup>19</sup> | Điểm POBI 2022 quy đổi |
|---|--------------------------------------|------------------------|
| <b>A. Trụ cột sự tham gia</b>   | <b>150</b>                           | <b>2,11</b>            |
| <b>B. Trụ cột trách nhiệm giải trình</b>  | <b>150</b>                           | <b>2,11</b>            |
| <b>C. Trụ cột minh bạch ngân sách - điểm POBI 2022</b>                          | <b>5313</b>                          | <b>74,83</b>           |
| <b>Theo loại tài liệu</b>   |                                      |                        |
| 1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh | 1149                                 | 16,18                  |
| 2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt          | 1099                                 | 15,48                  |
| 3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022                        | 400                                  | 5,63                   |
| 4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022              | 400                                  | 5,63                   |

<sup>19</sup> Đã tính trọng số



|   |      |       |
|---|------|-------|
| 5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022                              | 400  | 5,63  |
| 6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022               | 0    | 0,00  |
| 7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt                   | 1315 | 18,52 |
| 8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán đã được phê duyệt)                      | 0    | 0,00  |
| 9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2023  | 200  | 2,82  |
| 10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023                                   | 50   | 0,70  |
| 11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 | 0    | 0,00  |
| <b>Theo tiêu chí đánh giá</b>   |      |       |
| 1. Tính sẵn có  | 600  | 8,45  |
| 2. Tính kịp thời  | 450  | 6,34  |
| 3. Tính thuận tiện  | 850  | 11,97 |
| 4. Tính đầy đủ  | 2614 | 36,82 |
| 5. Tính tin cậy   | 499  | 7,03  |
| 6. Tính liên tục  | 300  | 4,23  |

Kết quả khảo sát POBI 2022 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

#### **Tính thuận tiện của tài liệu công khai**

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính, HĐND và UBND tỉnh Đồng Nai, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo loại tài liệu và theo năm, được cập nhật thường xuyên.
- Trang TTĐT của HĐND tỉnh Đồng Nai có thư mục riêng về công khai tài liệu kỳ họp HĐND.
- Các tài liệu được công khai đều có định dạng excel, thuận tiện cho việc sử dụng (trừ Biểu số 58 không xem/tải được tệp excel mà chỉ có tệp PDF).

#### **Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai**

- Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai đã công khai 8/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình



thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Kế hoạch Đầu tư công năm 2023, và Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2023.

- 3 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022, Báo cáo ngân sách công dân năm 2023, và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.

### **Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai**

Trong số 6 tài liệu ngân sách công khai được tính điểm kịp thời, tất cả các tài liệu đều được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 6 tài liệu được công khai kịp thời: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

### **Tính đầy đủ của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh có kèm theo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 13 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Thuyết minh báo cáo có giải thích về ưu tiên cho ít nhất một chính sách chi cụ thể của địa phương nhưng không kèm số liệu, không ưu tiên chi ngân sách cho y tế và an sinh xã hội/trợ cấp xã hội. Biểu số 39 không phản ánh toàn bộ các nội dung của các lĩnh vực chi đầu tư (chỉ phản ánh 8 lĩnh vực chi đầu tư). Biểu số 35 phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa, nhưng không chi tiết theo loại thuế.
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt phản ánh đầy đủ 13 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 52 không phản ánh toàn bộ các nội dung của các lĩnh vực chi đầu tư (chỉ phản ánh 8 lĩnh vực chi đầu tư) và trống số liệu. Biểu số 48 phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa, nhưng không chi tiết theo loại thuế.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022 có kèm theo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 3 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 4 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022 có kèm theo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 3 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 4 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dữ toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022 có kèm theo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 3 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 4 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dữ toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt không kèm theo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 7 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 62 phản ánh đầy đủ 6 mục lớn nhưng không chi tiết các mục nhỏ (cụ thể là mục B.II). Biểu số 63 phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa, nhưng không chi tiết theo loại thuế. Biểu số 68 không phản ánh đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện (các nội dung chi đầu tư chỉ được liệt kê theo tên chương trình mục tiêu quốc gia).

### **Tính tin cậy của các tài liệu được công khai**

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 74%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2021 của tỉnh là 5%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 0%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2021 của tỉnh là 19%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2021 của tỉnh là 10%.
- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2021 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là -24,1% (giảm 24,1%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này giảm ít hơn so với mức giảm của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2021 (giảm 27,4%).
- Thay đổi giữa dự toán năm 2023 và dự toán năm 2022 của chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo là 22,9% (tăng 22,9%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng nhiều hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023 so với năm 2022 (tăng 13,8%).

- Thay đổi giữa dự toán năm 2023 và dự toán năm 2022 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 50,9% (tăng 50,9%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng nhiều hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023 so với năm 2022 (tăng 13,8%).

#### **Tính liên tục của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh và Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt được công khai liên tục trong 5 năm 2019, 2020, 2021, 2022 và 2023.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt được công khai liên tục trong 5 năm 2017, 2018, 2019, 2020 và 2021.

#### **Công khai các tài liệu được khuyến khích**

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2023, Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2021, và Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 3 năm 2023-2025.
- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021, và Kế hoạch tài chính tỉnh 5 năm 2021-2025.

#### **Sự tham gia của người dân**

- Trên trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin, tuy nhiên email này không thể gửi được.
- UBND, HĐND và Sở Tài chính tỉnh không thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2023 trình HĐND tỉnh.
- Trên trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có đường dẫn tới các loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Zalo).
- Trên trang TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2022 và báo cáo góp ý/tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2022.

#### **Trách nhiệm giải trình**

- HĐND tỉnh không công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề, báo cáo giám sát về ngân sách, biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2023 và báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.

- Trên trang TTĐT của HĐND tỉnh có thư mục hỏi đáp và có lịch sử hỏi đáp. Trên trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có thư mục hỏi đáp nhưng không thể sử dụng được vì yêu cầu đăng nhập.
- Ngoài việc công khai dự toán ngân sách nhà nước của tỉnh năm 2023 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2022 thì UBND và Sở Tài chính tỉnh không sử dụng các kênh truyền thông khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách năm 2023 tới người dân.
- Trên trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh không công khai Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.

## 20. TỈNH ĐỒNG THÁP

| KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH ĐỒNG THÁP NĂM 2022 |  |                               |                                  |
|--|--|-------------------------------|----------------------------------|
| MỨC ĐỘ MINH BẠCH<br>(CHỈ SỐ POBI 2022)                       |  | SỰ THAM GIA<br>CỦA NGƯỜI DÂN  | TRÁCH NHIỆM<br>GIẢI TRÌNH        |
| XẾP HẠNG<br><b>52</b>  | <b>6</b><br>tài liệu bắt buộc được<br>công bố  | XẾP HẠNG<br><b>6</b>          | XẾP HẠNG<br><b>13</b>            |
| ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>55,38</b>                             | <b>4</b><br>tài liệu được công bố<br>đúng hạn  | ĐIỂM XẾP HẠNG<br><b>66,67</b> | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>56,25</b> |
| <b>MỨC ĐỘ<br/>CÔNG KHAI<br/>TƯƠNG ĐỐI<br/>ĐẦY ĐỦ</b>         | <b>1</b> tài liệu công bố chậm,<br><b>1</b> tài liệu công bố quá<br>muộn hoặc không rõ<br>ngày công khai |                               |                                  |

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2022, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

### Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy tỉnh Đồng Tháp đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Đồng Tháp đạt **55,38** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **52** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2022, **giảm 1 hạng** so với kết quả chấm POBI 2021.

### Kết quả chấm POBI 2022 tỉnh Đồng Tháp phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

| Mục   | Điểm POBI<br>chưa quy đổi <sup>20</sup> | Điểm POBI<br>2022 quy đổi |
|---|---|---------------------------|
| <b>A. Trụ cột sự tham gia</b>   | <b>400</b>                              | <b>5,63</b>               |
| <b>B. Trụ cột trách nhiệm giải trình</b>  | <b>450</b>                              | <b>6,34</b>               |
| <b>C. Trụ cột minh bạch ngân sách - điểm POBI 2022</b>                          | <b>3932</b>                             | <b>55,38</b>              |
| <b>Theo loại tài liệu</b>   |   |                           |
| 1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh | 0                                       | 0,00                      |
| 2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt          | 899                                     | 12,66                     |
| 3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022                        | 350                                     | 4,93                      |
| 4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022              | 375                                     | 5,28                      |

<sup>20</sup> Đã tính trọng số

|   |      |       |
|---|------|-------|
| 5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022                              | 375  | 5,28  |
| 6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022               | 400  | 5,63  |
| 7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt                   | 1233 | 17,37 |
| 8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán đã được phê duyệt)                      | 0    | 0,00  |
| 9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2023  | 0    | 0,00  |
| 10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023                                   | 0    | 0,00  |
| 11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 | 0    | 0,00  |
| <b>Theo tiêu chí đánh giá</b>   |      |       |
| 1. Tính sẵn có  | 400  | 5,63  |
| 2. Tính kịp thời  | 300  | 4,23  |
| 3. Tính thuận tiện  | 650  | 9,15  |
| 4. Tính đầy đủ  | 2116 | 29,80 |
| 5. Tính tin cậy   | 266  | 3,75  |
| 6. Tính liên tục  | 200  | 2,82  |

Kết quả khảo sát POBI 2022 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

### **Tính thuận tiện của tài liệu công khai**

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Đồng Tháp nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu và có cập nhật nội dung
- Trong số các tài liệu được công khai, có 04 tài liệu được công bố bằng định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng đó là: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt. Có 02 tài liệu được công khai bằng định dạng scan pdf/file ảnh không thuận tiện cho việc sử dụng là : Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 2 (6 tháng đầu năm) năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 3 (9 tháng đầu năm) năm 2022

### **Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai**

- Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp đã công khai 06/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 2 (6 tháng đầu năm) năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 3 (9 tháng đầu năm) năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt.
- 05 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, Báo cáo ngân sách nhà nước dành cho công dân năm 2023 (cho dự thảo trình/dự toán được duyệt), Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023, Danh mục đầu tư dự án công năm 2023, Báo cáo kết quả thực hiện các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021,

### **Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai**

Trong số 06 tài liệu ngân sách được công khai:

- 04 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 2 (6 tháng đầu năm) năm 2022 (14/7/2022), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 3 (9 tháng đầu năm) năm 2022 (14/10/2022), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách năm 2022 (13/1/2023), Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt (31/12/2022)
- 01 tài liệu công khai quá thời hạn là: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định (31/12/2022)
- 01 tài liệu công khai quá muộn hoặc không rõ ngày công khai là: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2022 (9/5/2022)

### **Tính đầy đủ của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh 11/13 biểu (thiếu biểu 52 và biểu 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/ CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Báo cáo có cung cấp biểu 57/CK-NSNN về chi chương trình mục tiêu quốc gia. Báo cáo cũng không phản ánh dự toán cho các khoản thu chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo



quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/ 84 Chỉ số công khai ngân sách tỉnh POBI 2021 CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/ CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai không kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ Biểu số 62 đến Biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế (Biểu số 63). Biểu số 65 phản ánh thiếu mục chi thường xuyên cho y tế và dân số. Báo cáo chưa đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện, chưa chi tiết về quyết toán số vốn trong nước và số vốn ngoài nước cho từng chương trình mục tiêu (Biểu số 68).

#### **Tính tin cậy của các tài liệu được công khai**

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 102%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2021 của tỉnh là -6%, chênh lệch giữa quyết toán



và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 96%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2021 của tỉnh là 49%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2021 của tỉnh là 13%.

- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2021 của chi thường xuyên cho y tế và dân số không thể tính điểm do Biểu 65/CK-NSNN không có số liệu chi thường xuyên cho y tế và dân số.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định là 6.5%. Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023 so với năm 2022 (2%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho y tế và dân số năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định là -2.5%. Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này giảm thấp hơn so với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023 so với năm 2022 (2%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

#### **Tính liên tục của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đều được công khai năm năm liên tiếp (2019, 2020, 2021, 2022 và 2023)

#### **Công khai các tài liệu được khuyến khích**

- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh năm 2019 2020 hoặc 2021; Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2021 hoặc 2022; Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 3 năm 2023-2025 và Kế hoạch tài chính tỉnh 5 năm 2021-2025

#### **Sự tham gia của người dân**

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin và email này có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng TTĐT của Sở Tài chính, tuy nhiên nhóm không nhận được phản hồi.

- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh.
- Cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo).
- TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND và công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2022.

### **Trách nhiệm giải trình**

- Cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề; có công khai báo cáo giám sát về ngân sách.
- Cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai biên bản kỳ họp/ thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022 (kỳ họp tháng 12/2022).
- Cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng) và có lịch sử hoạt động; Sở Tài chính có công khai thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng) nhưng không có lịch sử hoạt động.
- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2023 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2023 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh không còn sử dụng các kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2023 tới người dân.
- Trang web của Sở Tài chính không công khai báo cáo kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc năm 2021.

## 21. TỈNH GIA LAI

| KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH GIA LAI NĂM 2022 |  |                              |                               |
|--|--|------------------------------|-------------------------------|
| MỨC ĐỘ MINH BẠCH<br>(CHỈ SỐ POBI 2022)                     |  | SỰ THAM GIA<br>CỦA NGƯỜI DÂN | TRÁCH NHIỆM<br>GIẢI TRÌNH     |
| XẾP HẠNG<br><b>34</b>                                      | <b>8/11</b><br>Tài liệu bắt buộc được<br>công bố   | XẾP HẠNG<br><b>21</b>        | XẾP HẠNG<br><b>19</b>         |
| ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>74,83</b>                           | <b>3</b><br>Tài liệu được công bố<br>đúng hạn  | ĐIỂM XẾP HẠNG<br><b>50</b>   | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>50</b> |
| <b>MỨC ĐỘ<br/>CÔNG KHAI<br/>TƯƠNG ĐỐI<br/>ĐẦY ĐỦ</b>       | <b>3</b> tài liệu công bố chậm,<br><b>1</b> tài liệu công bố quá<br>muộn hoặc không rõ<br>ngày công khai |                              |                               |

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2022, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

### Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy tỉnh Gia Lai đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Gia Lai đạt **74,83** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **34** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2022, **không thay đổi về hạng** so với kết quả chấm POBI 2021.

### Kết quả chấm POBI 2022 tỉnh Gia Lai phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

| Mục   | Điểm POBI<br>chưa quy đổi <sup>21</sup> | Điểm POBI<br>2022 quy đổi |
|---|---|---------------------------|
| <b>A. Trụ cột sự tham gia</b>   | <b>300</b>                              | <b>4,23</b>               |
| <b>B. Trụ cột trách nhiệm giải trình</b>  | <b>400</b>                              | <b>5,63</b>               |
| <b>C. Trụ cột minh bạch ngân sách - điểm POBI 2022</b>                          | <b>5313</b>                             | <b>74,83</b>              |
| <b>Theo loại tài liệu</b>   |   |                           |
| 1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh | 1216                                    | 17,13                     |
| 2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt          | 949                                     | 13,37                     |
| 3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022                        | 375                                     | 5,28                      |
| 4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022              | 375                                     | 5,28                      |

<sup>21</sup> Đã tính trọng số

|   |      |       |
|---|------|-------|
| 5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022                              | 400  | 5,63  |
| 6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022               | 350  | 4,93  |
| 7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt                   | 1248 | 17,58 |
| 8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán đã được phê duyệt)                      | 0    | 0,00  |
| 9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2023  | 100  | 1,41  |
| 10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023                                   | 0    | 0,00  |
| 11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 | 0    | 0,00  |
| <b>Theo tiêu chí đánh giá</b>   |      |       |
| 1. Tính sẵn có  | 600  | 8,45  |
| 2. Tính kịp thời  | 300  | 4,23  |
| 3. Tính thuận tiện  | 550  | 7,75  |
| 4. Tính đầy đủ  | 3198 | 45,04 |
| 5. Tính tin cậy   | 365  | 5,14  |
| 6. Tính liên tục  | 300  | 4,23  |

Kết quả khảo sát POBI 2022 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

### **Tính thuận tiện của tài liệu công khai**

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính, HĐND và UBND tỉnh Gia Lai, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Gia Lai có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo loại tài liệu và được cập nhật.
- Trang TTĐT của HĐND tỉnh Gia Lai có thư mục riêng về công khai tài liệu kỳ họp HĐND.
- Định dạng của các tài liệu: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022 và Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022 có định dạng excel, thuận tiện cho việc sử dụng; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022 và Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022 có định dạng PDF dễ dàng đọc hoặc chuyển sang định dạng word/excel; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo quyết toán

ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Kế hoạch Đầu tư công năm 2023 có định dạng PDF dạng scan, khó/không thuận tiện chuyển sang định dạng word/excel.

### **Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai**

- Sở Tài chính tỉnh Gia Lai đã công khai 8/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Kế hoạch Đầu tư công năm 2023.
- 3 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo ngân sách công dân năm 2023, Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023, và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.

### **Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai**

Trong số 7 tài liệu ngân sách công khai được tính điểm kịp thời, có 3 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 3 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022.
- 4 tài liệu không được công khai kịp thời là: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022 và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

### **Tính đầy đủ của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh có kèm theo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 13 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Thuyết minh báo cáo có giải thích về ưu tiên cho ít nhất một chính sách chi cụ thể của địa phương nhưng không kèm số liệu thuyết minh, không ưu tiên chi ngân sách cho y tế, có ưu tiên cho chi an sinh xã hội/trợ cấp xã hội nhưng không có số liệu. Biểu số 35 trong báo cáo phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa, nhưng không chi tiết theo loại thuế (cụ thể là mục I.20 Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết).

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt phản ánh đầy đủ 13 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 48 trong báo cáo phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa, nhưng không chi tiết theo loại thuế (cụ thể là mục I.20 Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết).
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022 có kèm theo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 3 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 4 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dữ toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022 có kèm theo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 3 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 4 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dữ toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022 có kèm theo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 3 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 4 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dữ toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022 có kèm theo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 3 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 4 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dữ toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt có kèm theo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 7 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 63 trong báo cáo phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa, nhưng không chi tiết theo loại thuế (cụ thể là mục A.I.14 Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết).

#### **Tính tin cậy của các tài liệu được công khai**

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 20%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2021 của tỉnh là 17%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 6%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2021 của tỉnh là 27%,

chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2021 của tỉnh là 7%.

- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2021 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 44,5% (tăng 44,5%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2021 (tăng 15,1%).
- Thay đổi giữa dự toán năm 2023 và dự toán năm 2022 của chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo là 5,4% (tăng 5,4%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023 so với năm 2022 (tăng 4,7%).
- Thay đổi giữa dự toán năm 2023 và dự toán năm 2022 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 0,1% (tăng 0,1%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng thấp hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023 so với năm 2022 (tăng 4,7%).

#### **Tính liên tục của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh được công khai trong 5 năm 2019, 2020, 2021, 2022 và 2023
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt được công khai liên tục trong 5 năm 2019, 2020, 2021, 2022 và 2023.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt được công khai liên tục trong 5 năm 2017, 2018, 2019, 2020 và 2021.

#### **Công khai các tài liệu được khuyến khích**

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2021 và Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 3 năm 2023-2025.
- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2023, Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021, và Kế hoạch tài chính tỉnh 5 năm 2021-2025.

#### **Sự tham gia của người dân**

- Trên trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin và email này có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua email vào ngày 11/01/2023 nhưng sau 30 ngày vẫn chưa nhận được phản hồi email từ Sở.



- UBND, HĐND và Sở Tài chính tỉnh không thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2023 trình HĐND tỉnh.
- Trên trang TTĐT của HĐND tỉnh có đường dẫn tới các loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Twitter).
- Trên trang TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2022, nhưng không công khai báo cáo góp ý/tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2022.

### **Trách nhiệm giải trình**

- HĐND tỉnh có công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2023 và báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh, nhưng không công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề và báo cáo giám sát về ngân sách.
- Trên trang TTĐT của HĐND và Sở Tài chính tỉnh có thư mục hỏi đáp và có lịch sử hỏi đáp.
- Ngoài việc công khai dự toán ngân sách nhà nước của tỉnh năm 2023 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2022 thì UBND và Sở Tài chính tỉnh không sử dụng các kênh truyền thông khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách năm 2023 tới người dân.
- Trên trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có công khai Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.



## 22. TỈNH HÀ GIANG

| <b>KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH HÀ GIANG NĂM 2022</b> |  |                                      |                                   |
|--|--|--------------------------------------|-----------------------------------|
| <b>MỨC ĐỘ MINH BẠCH<br/>(CHỈ SỐ POBI 2022)</b>                     |  | <b>SỰ THAM GIA<br/>CỦA NGƯỜI DÂN</b> | <b>TRÁCH NHIỆM<br/>GIẢI TRÌNH</b> |
| <b>XẾP HẠNG<br/>24</b>   | <b>8/11</b><br>Tài liệu bắt buộc được công bố  | <b>XẾP HẠNG<br/>49</b>               | <b>XẾP HẠNG<br/>43</b>            |
| <b>ĐIỂM XẾP HẠNG<br/>80,35</b>                                     | <b>5</b><br>Tài liệu được công bố đúng hạn   | <b>ĐIỂM XẾP HẠNG<br/>16,67</b>       | <b>ĐIỂM XẾP HẠNG<br/>25</b>       |
| <b>MỨC ĐỘ CÔNG KHAI ĐẦY ĐỦ</b>                                     | <b>2</b> tài liệu công bố chậm, 0 tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai |                                      |                                   |

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2022, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

### Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy tỉnh Hà Giang đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Hà Giang đạt **80,35** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **24** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2022, **tăng 15 hạng** so với kết quả chấm POBI 2021.

### Kết quả chấm POBI 2022 tỉnh Hà Giang phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

| <b>Mục</b>  | <b>Điểm POBI chưa quy đổi<sup>22</sup></b> | <b>Điểm POBI 2022 quy đổi</b> |
|---|--|-------------------------------|
| <b>A. Trụ cột sự tham gia</b>   | <b>100</b>                                 | <b>1,41</b>                   |
| <b>B. Trụ cột trách nhiệm giải trình</b>  | <b>200</b>                                 | <b>2,82</b>                   |
| <b>C. Trụ cột minh bạch ngân sách - điểm POBI 2022</b>                          | <b>5705</b>                                | <b>80,35</b>                  |
| <b>Theo loại tài liệu</b>   |  |                               |
| 1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh | 1216                                       | 17,13                         |
| 2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt          | 1099                                       | 15,48                         |
| 3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022                        | 350  | 4,93                          |
| 4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022              | 350  | 4,93                          |

<sup>22</sup> Đã tính trọng số

|   |      |       |
|---|------|-------|
| 5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022                              | 350  | 4,93  |
| 6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022               | 375  | 5,28  |
| 7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt                   | 1565 | 22,04 |
| 8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán đã được phê duyệt)                      | 0    | 0,00  |
| 9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2023  | 200  | 2,82  |
| 10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023                                   | 0    | 0,00  |
| 11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 | 0    | 0,00  |
| <b>Theo tiêu chí đánh giá</b>   |      |       |
| 1. Tính sẵn có  | 600  | 8,45  |
| 2. Tính kịp thời  | 425  | 5,99  |
| 3. Tính thuận tiện  | 800  | 11,27 |
| 4. Tính đầy đủ  | 2948 | 41,52 |
| 5. Tính tin cậy   | 632  | 8,90  |
| 6. Tính liên tục  | 300  | 4,23  |

Kết quả khảo sát POBI 2022 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

### **Tính thuận tiện của tài liệu công khai**

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Hà Giang, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính thành phố Hà Giang có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu, theo từng năm và có cập nhật nội dung.
- Các tài liệu đều được công khai bằng định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng.

### **Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai**

- Sở Tài chính tỉnh Hà Giang đã công khai 8/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm

2022, Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn, Kế hoạch Đầu tư công của tỉnh năm 2023.

- 03 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt), Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023, Báo cáo kết quả thực hiện các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.

### **Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai**

Trong số 7 tài liệu ngân sách công khai được tính điểm kịp thời, có 5 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 05 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định (12/01/2023), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022 (15/04/2022), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022 (15/07/2022), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022 (14/10/2022), Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn (12/01/2023).
- 02 tài liệu không được công khai kịp thời là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh (20/12/2022), Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022 (20/12/2022).

### **Tính đầy đủ của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh: Báo cáo có kèm theo thuyết minh. Phản ánh đủ 13/13 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343 (từ biểu 33 đến biểu 45). Phần chi tiết biểu 35 phản ánh các nguồn thu trong thu nội địa nhưng ít hơn 18 mục thu theo quy định cấu thành (17 mục - Thiếu thu từ quỹ đất công ích; thu hồi vốn, cổ tức; Thu từ XSKT chưa chi tiết theo sắc thuế). Chưa phản ánh dự toán cho các khoản thu chi các Quỹ Tài chính nhà nước ngoài ngân sách của địa phương.
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo không kèm theo thuyết minh. Phản ánh đủ 13/13 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343 (từ biểu 46 đến biểu 58). Phần chi tiết biểu 48 phản ánh các nguồn thu trong thu nội địa nhưng ít hơn 18 mục thu theo quy định cấu thành (17 mục - Thiếu thu từ quỹ đất công ích; thu hồi vốn, cổ tức; Thu từ XSKT chưa chi tiết theo sắc thuế). Chưa phản ánh dự toán cho các khoản thu chi các Quỹ Tài chính nhà nước ngoài ngân sách của địa phương.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022: Báo cáo không kèm theo thuyết minh. Phản ánh đủ 3/3 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343 (từ biểu 59 đến biểu 61). Báo cáo có bao gồm thông tin so sánh với dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59 có phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022: Báo cáo không kèm theo thuyết minh. Phản ánh đủ 3/3 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343 (từ biểu 59 đến biểu 61). Báo cáo có bao gồm thông tin so sánh với dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59 có phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022: Báo cáo không kèm theo thuyết minh. Phản ánh đủ 3/3 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343 (từ biểu 59 đến biểu 61). Báo cáo có bao gồm thông tin so sánh với dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59 có phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022: Báo cáo có kèm theo thuyết minh. Phản ánh đủ 3/3 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343 (từ biểu 59 đến biểu 61). Báo cáo có bao gồm thông tin so sánh với dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59 có phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo không kèm theo thuyết minh. Phản ánh đủ 7/7 theo hướng dẫn của Thông tư 343 (từ biểu 62 đến biểu 68). Phần chi tiết biểu 63 phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và không chi tiết theo từng loại thuế (Thu từ XSKT không chi tiết theo sắc thuế).

### **Tính tin cậy của các tài liệu được công khai**

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 12 %, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2021 của tỉnh là 7 %, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là -2 %, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2021 của tỉnh là -4 %, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2021 của tỉnh là 0 %.
- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2021 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 29,34% (tăng 29,34%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng

cao hơn so với mức tăng của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2021 (tăng 6,6%).

- Thay đổi giữa chi thường xuyên hàng năm cho GDDT năm 2023 so với 2022 là 78,6% (tăng 78,6%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với tổng chi thường xuyên ngân sách tỉnh năm 2023 so với 2022 là 14% (tăng 14%).
- Thay đổi giữa chi thường xuyên hàng năm cho Y tế và dân số năm 2023 so với 2022 là 2,7% (tăng 2,7%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng hơn so với tổng chi thường xuyên ngân sách tỉnh năm 2023 so với 2022 là 14% (tăng 14%).

### **Tính liên tục của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh được công khai trong 5 năm liên tiếp (2019,2020,2021,2022,2023).
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt được công khai trong 5 năm liên tiếp (2019,2020,2021,2022,2023).
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh (2017, 2018, 2019, 2020 và 2021) được công khai trong 5 năm liên tiếp.

### **Công khai các tài liệu được khuyến khích**

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2023, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2023-2025, Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025
- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Kết quả kiểm toán ngân sách nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021, Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2021 hoặc 2022

### **Sự tham gia của người dân**

- Trên cổng TTĐT của Sở Tài chính có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin và có thể sử dụng được.
- Thời gian phản hồi/trả lời của Sở là sau 30 ngày hoặc không phản hồi.
- UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở tài chính tỉnh không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2023 trình HĐND tỉnh.
- Trên cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo).

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2022.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2022.

### **Trách nhiệm giải trình**

- HĐND có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề .
- HĐND không công khai báo cáo giám sát về ngân sách.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2023 (Kỳ họp tháng 12/2022).
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh (bao gồm báo cáo thẩm tra quyết toán năm 2021 hoặc dự thảo dự toán năm 2023).
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng).
- Trên cổng TTĐT của Sở tài chính tỉnh có thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng) và có lịch sử hoạt động.
- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2023 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2022 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh không sử dụng các kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2023 tới người dân.
- Trang web của UBND, HDND, Sở Tài chính tỉnh không công khai báo cáo kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc hoặc 2021.

## 23. TỈNH HÀ NAM

| KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH HÀ NAM NĂM 2022 |   |                              |                           |
|---|---|------------------------------|---------------------------|
| MỨC ĐỘ MINH BẠCH<br>(CHỈ SỐ POBI 2022)                    |   | SỰ THAM GIA<br>CỦA NGƯỜI DÂN | TRÁCH NHIỆM<br>GIẢI TRÌNH |
| XẾP HẠNG<br>27  | 10/11<br>Tài liệu bắt buộc được<br>công bố  | XẾP HẠNG<br>49               | XẾP HẠNG<br>43            |
| ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br>78,99                                 | 07<br>Tài liệu được công bố<br>đúng hạn   | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br>16,67    | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br>25    |
| MỨC ĐỘ<br>CÔNG KHAI<br>ĐẦY ĐỦ                             | 01 tài liệu công bố<br>chậm, 0 tài liệu công bố<br>quá muộn hoặc không<br>rõ ngày công khai |                              |                           |

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2022, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

### Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy tỉnh Hà Nam đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Hà Nam đạt **78,99** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **27** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2022, **tăng 23 hạng** so với kết quả chấm POBI 2021.

### Kết quả chấm POBI 2022 tỉnh Hà Nam phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

| Mục   | Điểm POBI<br>chưa quy đổi <sup>23</sup> | Điểm POBI<br>2022 quy đổi |
|---|---|---------------------------|
| <b>A. Trụ cột sự tham gia</b>   | <b>100</b>                              | <b>1,41</b>               |
| <b>B. Trụ cột trách nhiệm giải trình</b>  | <b>200</b>                              | <b>2,82</b>               |
| <b>C. Trụ cột minh bạch ngân sách - điểm POBI 2022</b>                          | <b>5608</b>                             | <b>78,99</b>              |
| <b>Theo loại tài liệu</b>   |   |                           |
| 1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh | 1000                                    | 14,08                     |
| 2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt          | 1300                                    | 18,31                     |
| 3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022                        | 325                                     | 4,58                      |
| 4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022              | 350                                     | 4,93                      |

<sup>23</sup> Đã tính trọng số



|   |      |       |
|---|------|-------|
| 5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022                              | 350  | 4,93  |
| 6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022               | 350  | 4,93  |
| 7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt                   | 1233 | 17,37 |
| 8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán đã được phê duyệt)                      | 200  | 2,82  |
| 9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2023  | 200  | 2,82  |
| 10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023                                   | 0    | 0,00  |
| 11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 | 100  | 1,41  |
| <b>Theo tiêu chí đánh giá</b>   |      |       |
| 1. Tính sẵn có  | 800  | 11,27 |
| 2. Tính kịp thời  | 575  | 8,10  |
| 3. Tính thuận tiện  | 800  | 11,27 |
| 4. Tính đầy đủ  | 2800 | 39,44 |
| 5. Tính tin cậy   | 333  | 4,69  |
| 6. Tính liên tục  | 300  | 4,23  |

Kết quả khảo sát POBI 2022 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

### **Tính thuận tiện của tài liệu công khai**

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Hà Nam, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Thư mục công khai ngân sách: Cổng TTĐT của Sở Tài chính có thư mục riêng về công khai ngân sách. Các tài liệu được phân chia cụ thể theo tài liệu hoặc theo năm và có nội dung mới được cập nhật. Website của HĐND tỉnh không có thư mục riêng về tài liệu kỳ họp của HĐND tỉnh.
- Định dạng của tài liệu: Các tài liệu phân lớn đều được công khai dưới dạng Microsoft word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng.

### **Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai**

- Sở Tài chính tỉnh Hà Nam đã công khai 10/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách



tính 6 tháng đầu năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn; Báo cáo ngân sách công dân năm 2023; Kế hoạch Đầu tư công của tỉnh năm 2023 và Báo cáo kết quả thực hiện các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2021.

- 01 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2023.

### **Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai**

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có 07 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 07 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn; Báo cáo ngân sách công dân năm 2023.
- 01 tài liệu không được công khai kịp thời là: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2022.

### **Tính đầy đủ của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai không kèm thuyết minh. Báo cáo này phản ánh 13/13 biểu (từ Biểu 33 tới Biểu 45) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo các loại thuế. Biểu 39/CK-NSNN phản ánh toàn bộ các nội dung của các lĩnh vực chi đầu tư (12 lĩnh vực). Báo cáo không phản ánh dự toán cho các khoản chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo này phản ánh 13/13 biểu (từ Biểu 46 tới Biểu 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo các loại thuế. Báo cáo không phản ánh dự toán cho các khoản chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022: Báo cáo được công khai không kèm theo báo cáo thuyết minh, nhưng phản ánh đầy đủ 03 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được phê duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022: Báo cáo được công khai không kèm theo báo cáo thuyết minh, nhưng phản ánh đầy đủ 03 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được phê duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022: Báo cáo được công khai không kèm theo báo cáo thuyết minh, nhưng phản ánh đầy đủ 03 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được phê duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022: Báo cáo được công khai không kèm theo báo cáo thuyết minh, nhưng phản ánh đầy đủ 03 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được phê duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai không kèm theo báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ Biểu số 62 đến Biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế (Biểu số 63/CK-NSNN). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo phản ánh đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện, trong đó phản ánh chi tiết về quyết toán số vốn trong nước và số vốn ngoài nước cho từng chương trình mục tiêu (Biểu số 68/CK-NSNN).

### **Tính tin cậy của các tài liệu được công khai**

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 117%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2021 của tỉnh là 18%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 19%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2021 của tỉnh là 186%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2021 của tỉnh là 1%.
- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2021 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là -29,5% (giảm 29,5%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này giảm nhiều hơn so với mức tăng của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2021 (tăng 42,3%).
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên hàng năm cho giáo dục và đào tạo năm 2023 so với 2022 là 22,6% (tăng 22,6%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức giảm của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023 so với 2022 (giảm 1,6%).
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên hàng năm cho y tế và dân số năm 2023 so với 2022 là -31,5% (giảm 31,5%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này giảm hơn so với mức giảm của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023 so với 2022 (giảm 1,6%).

### **Tính liên tục của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh (2019, 2020 và 2021) đều được công khai trong năm năm liên tiếp.

### **Công khai các tài liệu được khuyến khích**

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2021 hoặc 2022.
- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2023; Kết quả kiểm toán ngân sách nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021; Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2023-2025 và Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

## **Sự tham gia của người dân**

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục hỏi đáp, có email và có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng TTĐT của Sở Tài chính vào ngày 11/01/2023, tuy nhiên nhóm không nhận được phản hồi.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh.
- Cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo).
- Cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND và không công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2022.

## **Trách nhiệm giải trình**

- HĐND tỉnh không công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề; không công khai báo cáo giám sát về ngân sách trên cổng TTĐT của HĐND và cũng không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2023 (kỳ họp tháng 12/2022).
- Cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh và Sở Tài chính đều có công khai thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng), tuy nhiên mục hỏi đáp trên trang của HĐND không truy cập được.
- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2023 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2022 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh không còn sử dụng các kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2023 tới người dân.
- Trang web của Sở Tài chính có công khai báo cáo kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc năm 2021.

## 24. THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HÀ NỘI NĂM 2022 |  |                              |                               |
|--|--|------------------------------|-------------------------------|
| MỨC ĐỘ MINH BẠCH<br>(CHỈ SỐ POBI 2022)                         |  | SỰ THAM GIA<br>CỦA NGƯỜI DÂN | TRÁCH NHIỆM<br>GIẢI TRÌNH     |
| XẾP HẠNG<br><b>13</b>  | <b>9/11</b><br>Tài liệu bắt buộc được công bố  | XẾP HẠNG<br><b>21</b>        | XẾP HẠNG<br><b>13</b>         |
| ĐIỂM XẾP HẠNG<br><b>84,85</b>                                  | <b>7</b><br>Tài liệu được công bố đúng hạn   | ĐIỂM XẾP HẠNG<br><b>50</b>   | ĐIỂM XẾP HẠNG<br><b>56,25</b> |
| <b>MỨC ĐỘ CÔNG KHAI ĐẦY ĐỦ</b>                                 | <b>1</b> tài liệu công bố chậm,<br><b>0</b> tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai |                              |                               |

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2022, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

### Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy Thành phố Hà Nội đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của Thành phố Hà Nội đạt **84,85** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **13** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2022, **tăng 6 hạng** so với kết quả chấm POBI 2021.

### Kết quả chấm POBI 2022 Thành phố Hà Nội phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

| Mục   | Điểm POBI chưa quy đổi <sup>24</sup> | Điểm POBI 2022 quy đổi |
|---|--------------------------------------|------------------------|
| <b>A. Trụ cột sự tham gia</b>   | <b>300</b>                           | <b>4,23</b>            |
| <b>B. Trụ cột trách nhiệm giải trình</b>  | <b>450</b>                           | <b>6,34</b>            |
| <b>C. Trụ cột minh bạch ngân sách - điểm POBI 2022</b>                                    | <b>6024</b>                          | <b>84,85</b>           |
| <b>Theo loại tài liệu</b>   |                                      |                        |
| 1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách thành phố năm 2023 trình Hội đồng nhân dân thành phố | 1100                                 | 15,49                  |
| 2. Báo cáo dự toán ngân sách thành phố năm 2023 đã được HĐND thành phố phê duyệt          | 1133                                 | 15,96                  |
| 3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố quý 1/2022                             | 400                                  | 5,63                   |
| 4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 6 tháng đầu năm 2022                   | 400                                  | 5,63                   |

<sup>24</sup> Đã tính trọng số

|   |      |       |
|---|------|-------|
| 5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 9 tháng năm 2022                         | 400  | 5,63  |
| 6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách thành phố năm 2022          | 375  | 5,28  |
| 7. Báo cáo quyết toán ngân sách thành phố năm 2021 đã được HĐND thành phố phê duyệt         | 1516 | 21,35 |
| 8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán đã được phê duyệt)                      | 200  | 2,82  |
| 9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2023  | 200  | 2,82  |
| 10. Báo cáo tình hình nợ công của thành phố năm 2022 hoặc 2023                              | 0    | 0,00  |
| 11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 | 0    | 0,00  |
| <b>Theo tiêu chí đánh giá</b>   |      |       |
| 1. Tính sẵn có  | 700  | 9,86  |
| 2. Tính kịp thời  | 575  | 8,10  |
| 3. Tính thuận tiện  | 900  | 12,68 |
| 4. Tính đầy đủ  | 2916 | 41,07 |
| 5. Tính tin cậy   | 633  | 8,92  |
| 6. Tính liên tục  | 300  | 4,23  |

Kết quả khảo sát POBI 2022 của thành phố theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

#### **Tính thuận tiện của tài liệu công khai**

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND Thành phố Hà Nội, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính thành phố Lai Châu có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu, theo từng năm và có cập nhật nội dung.
- Các tài liệu đều được công khai bằng định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng.

#### **Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai**

- Sở Tài chính Thành phố Hà Nội đã công khai 9/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách thành phố năm 2023 trình HĐND thành phố, Báo cáo dự toán ngân sách thành phố năm 2023 đã được HĐND thành phố quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố quý 1/2022, Báo cáo tình hình thực

hiện ngân sách thành phố 6 tháng đầu năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 9 tháng năm 2022, Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách thành phố năm 2022, Báo cáo quyết toán ngân sách thành phố năm 2021 đã được HĐND thành phố phê chuẩn, Kế hoạch Đầu tư công của thành phố năm 2023, Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán ngân sách thành phố năm 2023 đã được HĐND thành phố phê duyệt).

- 02 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm:

Báo cáo tình hình nợ công của thành phố năm 2022 hoặc 2023, Báo cáo kết quả thực hiện các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.

### **Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai**

Trong số 08 tài liệu ngân sách được công khai, có 07 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 07 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách thành phố năm 2023 trình HĐND thành phố (25/11/2022), Báo cáo dự toán ngân sách thành phố năm 2023 đã được HĐND thành phố quyết định (27/12/2022), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố quý 1/2022 (06/04/2022), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 6 tháng đầu năm 2022 (08/07/2022), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 9 tháng năm 2022 (07/10/2022), Báo cáo quyết toán ngân sách thành phố năm 2021 đã được HĐND thành phố phê chuẩn (05/01/2023), Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán ngân sách thành phố năm 2023 đã được HĐND thành phố phê duyệt) (03/01/2023).
- 01 tài liệu không được công khai kịp thời là: Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách thành phố năm 2022 (05/01/2023)

### **Tính đầy đủ của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách thành phố năm 2023 trình HĐND thành phố: Báo cáo có kèm theo thuyết minh. Phản ánh đủ 13/13 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343 (từ biểu 33 đến biểu 45). Phần chi tiết biểu 35 phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành nguồn thu nội địa và đã chi tiết theo sắc thuế. Chưa phản ánh dự toán cho các khoản thu chi các Quỹ Tài chính nhà nước ngoài ngân sách của địa phương.
- Báo cáo dự toán ngân sách thành phố năm 2023 đã được HĐND thành phố phê duyệt: Báo cáo không kèm theo thuyết minh. Phản ánh đủ 13/13 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343 (từ biểu 46 đến biểu 58). Phần chi tiết biểu 48 phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành nguồn thu nội địa và đã chi tiết theo



sắc thuế. Chưa phản ánh dự toán cho các khoản thu chi các Quỹ Tài chính nhà nước ngoài ngân sách của địa phương.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố quý 1/2022: Báo cáo có kèm theo thuyết minh. Phản ánh đủ 3/3 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343 (từ biểu 59 đến biểu 61). Báo cáo có bao gồm thông tin so sánh với dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59 có phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 6 tháng đầu năm 2022: Báo cáo có kèm theo thuyết minh. Phản ánh đủ 3/3 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343 (từ biểu 59 đến biểu 61). Báo cáo có bao gồm thông tin so sánh với dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59 có phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 9 tháng năm 2022: Báo cáo có kèm theo thuyết minh. Phản ánh đủ 3/3 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343 (từ biểu 59 đến biểu 61). Báo cáo có bao gồm thông tin so sánh với dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59 có phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố cả năm 2022: Báo cáo có kèm theo thuyết minh. Phản ánh đủ 3/3 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343 (từ biểu 59 đến biểu 61). Báo cáo có bao gồm thông tin so sánh với dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59 có phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định.
- Báo cáo quyết toán ngân sách thành phố năm 2021 đã được HĐND thành phố phê duyệt: Báo cáo có kèm theo thuyết minh. Phản ánh 6/7 theo hướng dẫn của Thông tư 343 (từ biểu 62 đến biểu 68), thiếu biểu 68. Phần chi tiết biểu 63 phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành nguồn thu nội địa và đã chi tiết theo sắc thuế.

### **Tính tin cậy của các tài liệu được công khai**

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2021 của thành phố là 101,6%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2021 của thành phố là 2,8%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2021 của thành phố là -22,1%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2021 của thành phố là -26,5%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của thành phố năm 2021 của thành phố là -1%.



- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2021 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là -6,57% (giảm 6,57%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này giảm ít hơn so với mức tăng của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2021 (giảm 23,7%).
- Thay đổi giữa chi thường xuyên hàng năm cho GDĐT năm 2023 so với 2022 là 20% (tăng 20%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với tổng chi thường xuyên ngân sách thành phố năm 2023 so với 2022 là 7,7% (tăng 7,7%).
- Thay đổi giữa chi thường xuyên hàng năm cho Y tế và dân số năm 2023 so với 2022 là -6,19% (giảm 6,19%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này thấp hơn so với tổng chi thường xuyên ngân sách thành phố năm 2023 so với 2022 là 7,7% (tăng 7,7%).

#### **Tính liên tục của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách thành phố trình HĐND thành phố được công khai trong 5 năm liên tiếp (2019,2020,2021,2022,2023).
- Báo cáo dự toán ngân sách thành phố đã được HĐND thành phố phê duyệt được công khai trong 5 năm liên tiếp (2019,2020,2021,2022,2023).
- Báo cáo quyết toán ngân sách thành phố (2017, 2018, 2019, 2020 và 2021) được công khai trong 5 năm liên tiếp.

#### **Công khai các tài liệu được khuyến khích**

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách thành phố năm 2023, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách thành phố 03 năm 2023-2025, Báo cáo tài chính của thành phố năm 2021 hoặc 2020, Kế hoạch tài chính thành phố 05 năm 2021-2025.
- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Kết quả kiểm toán ngân sách nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.

#### **Sự tham gia của người dân**

- Trên cổng TTĐT của Sở Tài chính có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin và có thể sử dụng được.
- Thời gian phản hồi/trả lời của Sở là sau 30 ngày hoặc không phản hồi.
- UBND thành phố, HĐND thành phố và Sở tài chính thành phố không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2023 trình HĐND thành phố.

- Trên cổng TTĐT của UBND thành phố, HĐND thành phố và Sở Tài chính thành phố không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của thành phố để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo)
- Trên cổng TTĐT của HĐND thành phố có công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ thành phố trình kỳ họp HĐND thành phố tháng 12/2022.
- Trên cổng TTĐT của HĐND thành phố có công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND thành phố tháng 12 năm 2022.

### **Trách nhiệm giải trình**

- HĐND có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề .
- HĐND không công khai báo cáo giám sát về ngân sách.
- Trên cổng TTĐT của HĐND thành phố có công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của thành phố năm 2023 (Kỳ họp tháng 12/2022).
- Trên cổng TTĐT của HĐND thành phố có công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND thành phố (bao gồm báo cáo thẩm tra quyết toán năm 2021 hoặc dự thảo dự toán năm 2023).
- Trên cổng TTĐT của HĐND thành phố có công khai thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng) nhưng không có lịch sử hoạt động.
- Trên cổng TTĐT của Sở tài chính thành phố có thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng) và có lịch sử hoạt động.
- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của thành phố năm 2023 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2022 thì UBND thành phố, Sở Tài chính thành phố không sử dụng các kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2023 tới người dân.
- Trang web của UBND, HDND, Sở Tài chính thành phố không công khai báo cáo kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc hoặc 2021.

## 25. TỈNH HÀ TĨNH

| KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH HÀ TĨNH NĂM 2022 |  |                                  |                               |
|--|--|----------------------------------|-------------------------------|
| MỨC ĐỘ MINH BẠCH<br>(CHỈ SỐ POBI 2022)                     |  | SỰ THAM GIA<br>CỦA NGƯỜI DÂN     | TRÁCH NHIỆM<br>GIẢI TRÌNH     |
| XẾP HẠNG<br><b>59</b>                                      | <b>3/11</b><br>Tài liệu bắt buộc được<br>công bố   | XẾP HẠNG<br><b>38</b>            | XẾP HẠNG<br><b>43</b>         |
| ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>20,41</b>                           | <b>3</b><br>Tài liệu được công bố<br>đúng hạn  | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>33,33</b> | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>25</b> |
| <b>MỨC ĐỘ<br/>CÔNG KHAI<br/>ÍT</b>                         | <b>0</b> tài liệu công bố<br>chậm, <b>0</b> tài liệu công bố<br>quá muộn hoặc không<br>rõ ngày công khai |                                  |                               |

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2022, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

### Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy tỉnh Hà Tĩnh đã công bố **ÍT** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Hà Tĩnh đạt **20,41** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **59** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2022, **tăng 3 hạng** so với kết quả chấm POBI 2021.

### Kết quả chấm POBI 2022 tỉnh Hà Tĩnh phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

| Mục   | Điểm POBI<br>chưa quy đổi <sup>25</sup> | Điểm POBI<br>2022 quy đổi |
|---|---|---------------------------|
| <b>A. Trụ cột sự tham gia</b>   | <b>200</b>                              | <b>2,82</b>               |
| <b>B. Trụ cột trách nhiệm giải trình</b>  | <b>200</b>                              | <b>2,82</b>               |
| <b>C. Trụ cột minh bạch ngân sách - điểm POBI 2022</b>                          | <b>1449</b>                             | <b>20,41</b>              |
| <b>Theo loại tài liệu</b>   |   |                           |
| 1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh | 33                                      | 0,46                      |
| 2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt          | 33                                      | 0,46                      |
| 3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022                        | 350                                     | 4,93                      |
| 4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022              | 350                                     | 4,93                      |

<sup>25</sup> Đã tính trọng số

|   |     |      |
|---|-----|------|
| 5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022                              | 350 | 4,93 |
| 6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022               | 0   | 0,00 |
| 7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt                   | 33  | 0,46 |
| 8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán đã được phê duyệt)                      | 0   | 0,00 |
| 9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2023  | 0   | 0,00 |
| 10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023                                   | 0   | 0,00 |
| 11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 | 0   | 0,00 |
| <b>Theo tiêu chí đánh giá</b>   |     |      |
| 1. Tính sẵn có  | 150 | 2,11 |
| 2. Tính kịp thời  | 150 | 2,11 |
| 3. Tính thuận tiện  | 450 | 6,34 |
| 4. Tính đầy đủ  | 600 | 8,45 |
| 5. Tính tin cậy   | 0   | 0,00 |
| 6. Tính liên tục  | 99  | 1,39 |

Kết quả khảo sát POBI 2022 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

#### **Tính thuận tiện của tài liệu công khai**

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Hà Tĩnh, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Thư mục công khai ngân sách: Trang TTĐT của Sở Tài chính thành phố có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu, theo từng năm và có cập nhật nội dung.
- Trang TTĐT của HĐND tỉnh Hà Tĩnh có thư mục riêng về công khai tài liệu kỳ họp HĐND.
- Định dạng của tài liệu: Các tài liệu phần lớn được công khai ở word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng.

#### **Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai**

- Sở Tài chính tỉnh Hà Tĩnh đã công khai 03/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2022, Báo cáo tình hình

thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2022.

- 08 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo ngân sách công dân năm 2023, Kế hoạch Đầu tư công năm 2023, Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023 và Báo cáo kết quả thực hiện các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.

### **Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai**

Trong số 03 tài liệu ngân sách công khai được tính điểm kịp thời, có 03 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 03 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2022.
- Đối với những tài liệu được tính là không công khai, nguyên nhân là do thời điểm công bố sau ngày 31/01/2023. Đơn cử như các tài liệu: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo ngân sách công dân năm 2023.

### **Tính đầy đủ của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh: Không được công khai,
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Không được công khai.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022: không kèm thuyết minh, phản ánh 03/03 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và so sánh tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022: không kèm thuyết minh, phản ánh 03/03 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin

so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và so sánh tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022: không kèm thuyết minh, phản ánh 03/03 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và so sánh tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022: Không được công khai.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Không được công khai

#### **Tính tin cậy của các tài liệu được công khai**

- Không có số liệu.

#### **Tính liên tục của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh (2019, 2020 và 2021) được công khai ít nhất một năm. Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt công khai năm 2022, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh công khai năm 2020.

#### **Công khai các tài liệu được khuyến khích**

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2023 của tỉnh, Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2021 hoặc 2022, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2023-2025, Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.
- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020, 2021 của tỉnh.

#### **Sự tham gia của người dân**

- Trên cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Hà Tĩnh có email và có thể sử dụng được. Tuy vậy, không có phản hồi.
- UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở tài chính tỉnh không thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2023 trình HĐND

- Trên cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh 2022. Tuy vậy, có công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2022.

### **Trách nhiệm giải trình**

- HĐND tỉnh Hà Tĩnh không công khai Kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề, báo cáo giám sát về ngân sách, và báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách
- HĐND tỉnh Hà Tĩnh công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2023.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không có công khai thư mục hỏi đáp, nhưng Sở tài chính tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp.



## 26. TỈNH HẢI DƯƠNG

| KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH HẢI DƯƠNG NĂM 2022 |  |                                  |                                  |
|--|--|----------------------------------|----------------------------------|
| MỨC ĐỘ MINH BẠCH<br>(CHỈ SỐ POBI 2022)                       |  | SỰ THAM GIA<br>CỦA NGƯỜI DÂN     | TRÁCH NHIỆM<br>GIẢI TRÌNH        |
| XẾP HẠNG<br><b>11</b>  | <b>10/11</b><br>Tài liệu bắt buộc được<br>công bố  | XẾP HẠNG<br><b>6</b>             | XẾP HẠNG<br><b>6</b>             |
| ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>85,55</b>                             | <b>7</b><br>Tài liệu được công bố<br>đúng hạn  | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>66,67</b> | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>68,75</b> |
| <b>MỨC ĐỘ<br/>CÔNG KHAI<br/>ĐẦY ĐỦ</b>                       | <b>0</b> tài liệu công bố<br>chậm, <b>0</b> tài liệu công bố<br>quá muộn hoặc không<br>rõ ngày công khai |                                  |                                  |

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2022, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

### Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy tỉnh Hải Dương đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Hải Dương đạt **85,55** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **11** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2022, **tăng 5 hạng** so với kết quả chấm POBI 2021.

### Kết quả chấm POBI 2022 tỉnh Hải Dương phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

| Mục   | Điểm POBI<br>chưa quy đổi <sup>26</sup> | Điểm POBI<br>2022 quy đổi |
|---|---|---------------------------|
| <b>A. Trụ cột sự tham gia</b>   | <b>400</b>                              | <b>5,63</b>               |
| <b>B. Trụ cột trách nhiệm giải trình</b>  | <b>550</b>                              | <b>7,75</b>               |
| <b>C. Trụ cột minh bạch ngân sách - điểm POBI 2022</b>                          | <b>6074</b>                             | <b>85,55</b>              |
| <b>Theo loại tài liệu</b>   |   |                           |
| 1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh | 1233                                    | 17,37                     |
| 2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt          | 1300                                    | 18,31                     |
| 3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022                        | 375                                     | 5,28                      |
| 4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022              | 400                                     | 5,63                      |

<sup>26</sup> Đã tính trọng số

|   |      |       |
|---|------|-------|
| 5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022                              | 400  | 5,63  |
| 6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022               | 400  | 5,63  |
| 7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt                   | 1316 | 18,54 |
| 8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán đã được phê duyệt)                      | 0    | 0,00  |
| 9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2023  | 150  | 2,11  |
| 10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023                                   | 100  | 1,41  |
| 11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 | 100  | 1,41  |
| <b>Theo tiêu chí đánh giá</b>   |      |       |
| 1. Tính sẵn có  | 800  | 11,27 |
| 2. Tính kịp thời  | 500  | 7,04  |
| 3. Tính thuận tiện  | 825  | 11,62 |
| 4. Tính đầy đủ  | 3283 | 46,24 |
| 5. Tính tin cậy   | 366  | 5,15  |
| 6. Tính liên tục  | 300  | 4,23  |

Kết quả khảo sát POBI 2022 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

### **Tính thuận tiện của tài liệu công khai**

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Hải Dương, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT sở Tài chính tỉnh Hải Dương có thư mục riêng về công khai ngân sách. Các mục được chia rõ ràng, sắp xếp theo từng năm và có nội dung cập nhật nhằm tạo thuận lợi cho việc truy cập và tìm kiếm các loại tài liệu.
- 7 tài liệu được công khai ở định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 của UBND tỉnh gửi các đại biểu HĐND cấp tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q3/2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022, Báo cáo quyết toán NSNN năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn và Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh
- 3 tài liệu được công khai ở định dạng PDF nhưng dễ dàng đọc hoặc chuyển sang định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Báo cáo tình hình

thực hiện ngân sách tỉnh Q1/2022 của tỉnh, Danh mục dự án đầu tư công đã được quyết định đầu tư trên địa bàn tỉnh năm 2023 và Báo cáo kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 và 2021.

### **Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai**

- Sở Tài chính tỉnh Hải Dương đã công khai 10/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 của UBND tỉnh gửi các đại biểu HĐND cấp tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q1/2022 của tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách 06 tháng đầu năm của tỉnh năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q3/2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022, Báo cáo quyết toán NSNN năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn, Danh mục dự án đầu tư công đã được quyết định đầu tư trên địa bàn tỉnh năm 2023, Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh và Báo cáo kết quả thực hiện kết luận của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021
- 1 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo NSNN dành cho công dân năm 2023 của tỉnh

### **Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai**

Trong số các tài liệu ngân sách công khai được tính điểm kịp thời, có 7 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 7 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 của UBND tỉnh gửi các đại biểu HĐND cấp tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q1/2022 của tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách 06 tháng đầu năm của tỉnh năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q3/2023, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2023 và Báo cáo quyết toán NSNN năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn.

### **Tính đầy đủ của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh 13 biểu (từ biểu 33 đến biểu 45) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 39/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 35 CK/NSNN có phản ánh các nguồn thu trong nội địa nhưng ít hơn 18 mục theo quy định cấu thành (Thiếu mục Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước và mục Thu từ hoạt động xổ số

kiến thiết; mục Thuế bảo vệ môi trường và mục Thu phí, lệ phí không ghi cụ thể theo quy định của Thông tư 343). Báo cáo có phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo đơn vị sử dụng ngân sách tỉnh và huyện (biểu số 44/CK-NSNN). Báo cáo có phản ánh dự toán cho các khoản thu chi các Quỹ Tài chính nhà nước ngoài ngân sách địa phương.

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu (từ biểu 46 đến biểu 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Báo cáo có phản ánh chi tiết các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia cho ngân sách tỉnh và huyện (Biểu số 57/CK-NSNN). Báo cáo có phản ánh dự toán cho các Quỹ TCNN ngoài ngân sách địa phương.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Báo cáo gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Báo cáo gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Báo cáo gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Báo cáo gồm những thông tin so sánh với số

liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ biểu 62 đến biểu 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 06 mục lớn và các mục nhỏ. Biểu số 63/CK-NSNN phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế. Biểu số 65/CK-NSNN có phản ánh đầy đủ 3 mục lớn, nhưng không chi tiết các mục nhỏ (trong mục B.II phần Chi văn hoá thông tin và Chi thể dục thể thao không cụ thể theo quy định của Thông tư 343). Báo cáo có phản ánh đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN).

#### **Tính tin cậy của các tài liệu được công khai**

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 227%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2021 của tỉnh là 74%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 27%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2021 của tỉnh là 95%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2021 của tỉnh là 7%.
- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2021 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 24,5% (tăng 24,5%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2021 (tăng 2,6%).
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2023 được HĐND tỉnh quyết định so với năm 2022 là 0,4% (tăng 0,4%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng thấp hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên được HĐND tỉnh quyết định năm 2022 so với năm 2021 (tăng 44,6%).
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số của tỉnh năm 2023 được HĐND tỉnh quyết định so với năm 2022 là 11,5% (tăng 11,5%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng thấp hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên được HĐND tỉnh quyết định năm 2022 so với năm 2021 (tăng 44,6%).

### **Tính liên tục của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh (2019, 2020, 2021) được công khai trong năm năm liên tiếp.

### **Công khai các tài liệu được khuyến khích**

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2023 của tỉnh, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2023 - 2025 và Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021 - 2025.
- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 của tỉnh và Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2021 hoặc 2022.

### **Sự tham gia của người dân**

- Trên cổng TTĐT của sở Tài chính tỉnh có email để người dân liên hệ cung cấp thông tin và email này có thể sử dụng được.
- Thời gian phản hồi/trả lời email của Sở tài chính tỉnh là sau 30 ngày hoặc không phản hồi.
- UBND tỉnh, HĐND tỉnh và sở Tài chính tỉnh không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2022 trình HĐND tỉnh.
- Trên cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và sở Tài chính tỉnh có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo).
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2022.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2022.

### **Trách nhiệm giải trình (các câu từ 2.7 đến 2.13 và câu số 13)**

- HĐND tỉnh có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề.
- HĐND tỉnh không công khai báo cáo giám sát về ngân sách.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022.

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - ngân sách của HĐND tỉnh.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp và có lịch sử hoạt động.
- Trên cổng TTĐT của sở Tài chính tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp nhưng không có lịch sử hoạt động.
- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2021, sở Tài chính tỉnh không sử dụng kênh truyền thông khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán NSNN năm 2022 tới người dân.
- Trên cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và sở Tài chính tỉnh có công khai báo cáo kết quả thực hiện kết luận của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.



## 27. THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

| KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG NĂM 2022 |   |                              |                           |
|---|---|------------------------------|---------------------------|
| MỨC ĐỘ MINH BẠCH<br>(CHỈ SỐ POBI 2022)                            |   | SỰ THAM GIA<br>CỦA NGƯỜI DÂN | TRÁCH NHIỆM<br>GIẢI TRÌNH |
| XẾP HẠNG<br>42  | 11/11<br>Tài liệu bắt buộc được công bố   | XẾP HẠNG<br>46               | XẾP HẠNG<br>25            |
| ĐIỂM XẾP HẠNG<br>68,03  | 8<br>Tài liệu được công bố đúng hạn   | ĐIỂM XẾP HẠNG<br>25          | ĐIỂM XẾP HẠNG<br>43,75    |
| MỨC ĐỘ CÔNG KHAI TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ                                 | 0 tài liệu công bố chậm, 0 tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai |                              |                           |

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2022, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

### Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy thành phố Hải Phòng đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của thành phố Hải Phòng đạt **68,03** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **42** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2022, **giảm 6 hạng** so với kết quả chấm POBI 2021.

### Kết quả chấm POBI 2022 thành phố Hải Phòng phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

| Mục   | Điểm POBI chưa quy đổi <sup>27</sup> | Điểm POBI 2022 quy đổi |
|---|--------------------------------------|------------------------|
| <b>A. Trụ cột sự tham gia</b>   | <b>150</b>                           | <b>2,11</b>            |
| <b>B. Trụ cột trách nhiệm giải trình</b>  | <b>350</b>                           | <b>4,93</b>            |
| <b>C. Trụ cột minh bạch ngân sách - điểm POBI 2022</b>                                    | <b>4830</b>                          | <b>68,03</b>           |
| <b>Theo loại tài liệu</b>   |                                      |                        |
| 1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách thành phố năm 2023 trình Hội đồng nhân dân thành phố | 783                                  | 11,03                  |
| 2. Báo cáo dự toán ngân sách thành phố năm 2023 đã được HĐND thành phố phê duyệt          | 816                                  | 11,49                  |
| 3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố quý 1/2022                             | 200                                  | 2,82                   |
| 4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 6 tháng đầu năm 2022                   | 400                                  | 5,63                   |

<sup>27</sup> Đã tính trọng số

|   |      |       |
|---|------|-------|
| 5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 9 tháng năm 2022                         | 400  | 5,63  |
| 6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách thành phố năm 2022          | 150  | 2,11  |
| 7. Báo cáo quyết toán ngân sách thành phố năm 2021 đã được HĐND thành phố phê duyệt         | 1381 | 19,45 |
| 8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán đã được phê duyệt)                      | 200  | 2,82  |
| 9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2023  | 100  | 1,41  |
| 10. Báo cáo tình hình nợ công của thành phố năm 2022 hoặc 2023                              | 100  | 1,41  |
| 11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 | 100  | 1,41  |
| <b>Theo tiêu chí đánh giá</b>   |      |       |
| 1. Tính sẵn có  | 900  | 12,68 |
| 2. Tính kịp thời  | 600  | 8,45  |
| 3. Tính thuận tiện  | 450  | 6,34  |
| 4. Tính đầy đủ  | 2049 | 28,86 |
| 5. Tính tin cậy   | 531  | 7,48  |
| 6. Tính liên tục  | 300  | 4,23  |

Kết quả khảo sát POBI 2022 của thành phố theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

### **Tính thuận tiện của tài liệu công khai**

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND thành phố Hải Phòng, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT sở Tài chính thành phố Hải Phòng có thư mục riêng về công khai ngân sách. Các mục được chia rõ ràng, sắp xếp theo từng năm và có nội dung cập nhật nhằm tạo thuận lợi cho việc truy cập và tìm kiếm các loại tài liệu.
- 5 tài liệu được công khai ở định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Báo cáo dự toán ngân sách thành phố năm 2023 đã được HĐND thành phố quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố Q1/2022 của thành phố, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 6 tháng đầu năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố Q3/2022 và Báo cáo tình hình nợ công của thành phố

- 5 tài liệu được công khai ở định dạng PDF dạng scan/file ảnh (khó/không thuận tiện chuyển sang định dạng word/excel), bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách thành phố năm 2023 của UBND thành phố gửi các đại biểu HĐND cấp thành phố, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố năm 2022, Báo cáo quyết toán NSNN năm 2021 đã được HĐND thành phố phê chuẩn, Danh mục dự án đầu tư công đã được quyết định đầu tư trên địa bàn thành phố năm 2023 và Báo cáo kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 và 2021.

### **Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai**

- Sở Tài chính thành phố Hải Phòng đã công khai 11/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách thành phố năm 2023 của UBND thành phố gửi các đại biểu HĐND cấp thành phố, Báo cáo dự toán ngân sách thành phố năm 2023 đã được HĐND thành phố quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố Q1/2022 của thành phố, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách 06 tháng đầu năm 2022 của thành phố, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố Q3/2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố năm 2022, Báo cáo quyết toán NSNN năm 2021 đã được HĐND thành phố phê chuẩn, Báo cáo NSNN dành cho công dân năm 2023 của thành phố, Danh mục dự án đầu tư công đã được quyết định đầu tư trên địa bàn thành phố năm 2023 và Báo cáo tình hình nợ công của thành phố và Báo cáo kết quả thực hiện kết luận của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.

### **Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai**

Trong số các tài liệu ngân sách công khai được tính điểm kịp thời, có 8 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 8 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách thành phố năm 2023 của UBND thành phố gửi các đại biểu HĐND cấp thành phố, Báo cáo dự toán ngân sách thành phố năm 2023 đã được HĐND thành phố quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố Q1/2022 của thành phố, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách 06 tháng đầu năm 2022 của thành phố, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố Q3/2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố năm 2022, Báo cáo quyết toán NSNN năm 2021 đã được HĐND thành phố phê chuẩn và Báo cáo NSNN dành cho công dân năm 2023 của thành phố.

## **Tính đầy đủ của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách thành phố năm 2023 trình HĐND thành phố: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh. Báo cáo chỉ phản ánh 4/13 biểu (phản ánh các biểu 35, 37, 40 và 42; thiếu các biểu 33, 34, 36, 38, 39, 41, 43, 44 và 45) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo các loại thuế. Báo cáo không phản ánh dự toán cho các khoản thu chi các Quỹ Tài chính nhà nước ngoài ngân sách địa phương.
- Báo cáo dự toán ngân sách thành phố năm 2023 đã được HĐND thành phố phê duyệt: Báo cáo chỉ phản ánh 10/13 biểu (từ biểu 46 đến biểu 58, thiếu các biểu 52, 57 và 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố quý 1/2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, không phản ánh biểu nào theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo không bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 6 tháng đầu năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Báo cáo gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 9 tháng năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Báo cáo gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố cả năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, không phản ánh biểu nào theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo không bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo quyết toán ngân sách thành phố năm 2021 đã được HĐND thành phố phê duyệt: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy

đủ 07 biểu (từ biểu 62 đến biểu 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 06 mục lớn nhưng không chi tiết các mục nhỏ (mục B. Tổng chi NSDP thiếu mục II Chi các chương trình mục tiêu). Biểu số 63/CK-NSNN phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế. Biểu số 65/CK-NSNN có phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp thành phố và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN).

### **Tính tin cậy của các tài liệu được công khai**

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2021 của thành phố là 47%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2021 của thành phố là 2%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2021 của thành phố là -8%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2021 của thành phố là 5%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của thành phố năm 2021 của thành phố là 6%.
- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2021 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là -12,8% (giảm 12,8%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này giảm thấp hơn so với mức giảm của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2021 (giảm 27,1%).
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của thành phố năm 2023 được HĐND thành phố quyết định so với năm 2022 là 312 (tăng 312%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên được HĐND thành phố quyết định năm 2023 so với năm 2022 (tăng 120,6%).
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số của thành phố năm 2023 được HĐND thành phố quyết định so với năm 2022 là 36% (tăng 36%) Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng thấp hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên được HĐND thành phố quyết định năm 2023 so với năm 2022 (tăng 120,6%).

### **Tính liên tục của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách thành phố năm 2023 trình HĐND thành phố, Báo cáo dự toán ngân sách thành phố năm 2023 đã được HĐND thành phố phê

duyet và Báo cáo quyết toán ngân sách thành phố (2019, 2020, 2021) được công khai trong năm năm liên tiếp.

### **Công khai các tài liệu được khuyến khích**

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Báo cáo tài chính của thành phố năm 2021 hoặc 2022, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách thành phố 3 năm 2023 - 2025 và Kế hoạch tài chính thành phố 05 năm 2021 – 2025, hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2023 của thành phố và Kết quả kiểm toán ngân sách thành phố của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 của thành phố.

### **Sự tham gia của người dân**

- Trên cổng TTĐT của sở Tài chính thành phố có email để người dân liên hệ cung cấp thông tin nhưng email báo lỗi và không thể sử dụng được.
- Thời gian phản hồi/trả lời email của sở Tài chính thành phố là sau 30 ngày hoặc không phản hồi.
- UBND thành phố, HĐND thành phố và sở Tài chính thành phố không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2023 trình HĐND thành phố .
- Trên cổng TTĐT của UBND thành phố, HĐND thành phố và sở Tài chính thành phố không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của thành phố để trao đổi với người dân.
- Trên cổng TTĐT của HĐND thành phố không có công khai báo cáo góp ý/báo cáo tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ thành phố trình kỳ họp HĐND thành phố tháng 12 năm 2022.
- Trên cổng TTĐT của HĐND thành phố có công khai báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND thành phố tháng 12 năm 2022.

### **Trách nhiệm giải trình**

- HĐND thành phố có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề.
- HĐND thành phố không công khai báo cáo giám sát về ngân sách.
- Trên cổng TTĐT của HĐND thành phố không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của thành phố năm 2023.
- Trên cổng TTĐT của HĐND thành phố có công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách của HĐND thành phố.
- Trên cổng TTĐT của HĐND thành phố có công khai thư mục hỏi đáp nhưng không có lịch sử hoạt động.

- Trên công TTĐT của sở Tài chính thành phố không công khai thư mục hỏi đáp.
- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của thành phố năm 2023 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2022, sở Tài chính thành phố không sử dụng kênh truyền thông khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán NSNN năm 2022 tới người dân.
- Trên cổng TTĐT của UBND thành phố, HĐND thành phố và sở Tài chính thành phố có công khai báo cáo kết quả thực hiện kết luận của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.



## 28. TỈNH HẬU GIANG

| KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH HẬU GIANG NĂM 2022 |  |                                  |                               |
|--|--|----------------------------------|-------------------------------|
| MỨC ĐỘ MINH BẠCH<br>(CHỈ SỐ POBI 2022)                       |  | SỰ THAM GIA<br>CỦA NGƯỜI DÂN     | TRÁCH NHIỆM<br>GIẢI TRÌNH     |
| XẾP HẠNG<br><b>50</b>  | <b>7</b><br>tài liệu bắt buộc được<br>công bố  | XẾP HẠNG<br><b>6</b>             | XẾP HẠNG<br><b>43</b>         |
| ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>59,37</b>                             | <b>3</b><br>tài liệu được công bố<br>đúng hạn  | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>66,67</b> | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>25</b> |
| <b>MỨC ĐỘ<br/>CÔNG KHAI<br/>TƯƠNG ĐỐI<br/>ĐẦY ĐỦ</b>         | <b>2</b> tài liệu công bố chậm,<br><b>1</b> tài liệu công bố quá<br>muộn hoặc không rõ<br>ngày công khai |                                  |                               |

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2022, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

### Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy tỉnh Hậu Giang đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Hậu Giang đạt **59,37** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **50** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2022, **giảm 13 hạng** so với kết quả chấm POBI 2021.

### Kết quả chấm POBI 2022 tỉnh Hải Dương phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

| Mục   | Điểm POBI<br>chưa quy đổi <sup>28</sup> | Điểm POBI<br>2022 quy đổi |
|---|---|---------------------------|
| <b>A. Trụ cột sự tham gia</b>   | <b>400</b>                              | <b>5,63</b>               |
| <b>B. Trụ cột trách nhiệm giải trình</b>  | <b>200</b>                              | <b>2,82</b>               |
| <b>C. Trụ cột minh bạch ngân sách - điểm POBI 2022</b>                          | <b>4215</b>                             | <b>59,37</b>              |
| <b>Theo loại tài liệu</b>   |   |                           |
| 1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh | 1383                                    | 19,48                     |
| 2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt          | 1099                                    | 15,48                     |
| 3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022                        | 25                                      | 0,35                      |
| 4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022              | 375                                     | 5,28                      |

<sup>28</sup> Đã tính trọng số

|   |      |       |
|---|------|-------|
| 5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022                              | 400  | 5,63  |
| 6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022               | 400  | 5,63  |
| 7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt                   | 33   | 0,46  |
| 8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán đã được phê duyệt)                      | 0    | 0,00  |
| 9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2023  | 200  | 2,82  |
| 10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023                                   | 0    | 0,00  |
| 11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 | 0    | 0,00  |
| <b>Theo tiêu chí đánh giá</b>   |      |       |
| 1. Tính sẵn có  | 475  | 6,69  |
| 2. Tính kịp thời  | 275  | 3,87  |
| 3. Tính thuận tiện  | 750  | 10,56 |
| 4. Tính đầy đủ  | 2550 | 35,92 |
| 5. Tính tin cậy   | 66   | 0,93  |
| 6. Tính liên tục  | 99   | 1,39  |

Kết quả khảo sát POBI 2022 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

### **Tính thuận tiện của tài liệu công khai**

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Hậu Giang nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Hậu Giang có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu và có cập nhật nội dung
- Trong số các tài liệu được công khai, có 06 tài liệu được công bố bằng định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng đó là: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 2 (6 tháng đầu năm) năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 3 (9 tháng đầu năm) năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021, Danh mục đầu tư dự án công năm 2023.

### **Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai**

- Sở Tài chính tỉnh Hậu Giang đã công khai 07/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 2 (6 tháng đầu năm) năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 3 (9 tháng đầu năm) năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022, Danh mục đầu tư dự án công năm 2023.
- 04 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021, Báo cáo ngân sách nhà nước dành cho công dân năm 2023 (cho dự thảo trình/dự toán được duyệt), Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023, Báo cáo kết quả thực hiện các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021,

### **Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai**

Trong số 06 tài liệu ngân sách công khai được tính điểm kịp thời, có 03 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 3 tài liệu được công khai kịp thời: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định (12/1/2023), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 3 (9 tháng đầu năm) năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách năm 2022 (12/1/2023).
- 2 tài liệu công khai chậm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh (26/12/2022), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 2 (6 tháng đầu năm) năm 2022 (20/7/2022).
- 1 tài liệu công khai quá muộn hoặc không rõ ngày công khai: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2022 (20/7/2022).

### **Tính đầy đủ của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm thuyết minh. Báo cáo này phản ánh 13 biểu (từ Biểu 33 tới Biểu 45) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CKNSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 39/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự án chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo các loại thuế. Báo cáo cũng phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 44/CK-NSNN).

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu (từ biểu 46 đến biểu 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/ CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Báo cáo có cung cấp biểu 57/CK-NSNN về chi chương trình mục tiêu quốc gia. Báo cáo có phản ánh dự toán cho các khoản thu chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/ 84 Chỉ số công khai ngân sách tỉnh POBI 2021 CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/ CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

### **Tính tin cậy của các tài liệu được công khai**

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định là 3.1%. Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng thấp hơn so với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023 so với năm 2022 (8%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho y tế và dân

số năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định là 1%. Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng thấp hơn so với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023 so với năm 2022 (8%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

### **Tính liên tục của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh công khai một năm 2023; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh được công khai năm năm liên tiếp (2019, 2020, 2021, 2022 và 2023)

### **Công khai các tài liệu được khuyến khích**

- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh năm 2019 2020 hoặc 2021; Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2021 hoặc 2022; Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 3 năm 2023-2025 và Kế hoạch tài chính tỉnh 5 năm 2021-2025

### **Sự tham gia của người dân**

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin và email này có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng TTĐT của Sở Tài chính, tuy nhiên nhóm không nhận được phản hồi.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh.
- Cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo).
- TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND và công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2022.

### **Trách nhiệm giải trình**

- Cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề; không công khai báo cáo giám sát về ngân sách.
- Cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai biên bản kỳ họp/ thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022 (kỳ họp tháng 12/2022).

- Cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh và Sở Tài chính có công khai thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng) nhưng không có lịch sử hoạt động.
- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2023 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2023 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh không còn sử dụng các kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2023 tới người dân.
- Trang web của Sở Tài chính không công khai báo cáo kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc năm 2021.

## 29. THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

| KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH NĂM 2022 |  |                                  |                                  |
|---|--|----------------------------------|----------------------------------|
| MỨC ĐỘ MINH BẠCH<br>(CHỈ SỐ POBI 2022)                              |  | SỰ THAM GIA<br>CỦA NGƯỜI DÂN     | TRÁCH NHIỆM<br>GIẢI TRÌNH        |
| XẾP HẠNG<br><b>44</b>   | <b>6</b><br>tài liệu bắt buộc được<br>công bố  | XẾP HẠNG<br><b>49</b>            | XẾP HẠNG<br><b>52</b>            |
| ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>66,18</b>                                    | <b>5</b><br>tài liệu được công bố<br>đúng hạn  | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>16,67</b> | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>18,75</b> |
| <b>MỨC ĐỘ<br/>CÔNG KHAI<br/>TƯƠNG ĐỐI<br/>ĐẦY ĐỦ</b>                | <b>0</b> tài liệu công bố chậm,<br><b>1</b> tài liệu công bố quá<br>muộn hoặc không rõ<br>ngày công khai |                                  |                                  |

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2022, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

### Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy thành phố Hồ Chí Minh đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của thành phố Hồ Chí Minh đạt **66,18** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **44** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2022, **giảm 2 hạng** so với kết quả chấm POBI 2021.

### Kết quả chấm POBI 2022 Thành phố Hồ Chí Minh phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

| Mục   | Điểm POBI chưa quy đổi <sup>29</sup> | Điểm POBI 2022 quy đổi |
|---|--------------------------------------|------------------------|
| <b>A. Trụ cột sự tham gia</b>   | <b>100</b>                           | <b>1,41</b>            |
| <b>B. Trụ cột trách nhiệm giải trình</b>  | <b>150</b>                           | <b>2,11</b>            |
| <b>C. Trụ cột minh bạch ngân sách - điểm POBI 2022</b>                          | <b>4699</b>                          | <b>66,18</b>           |
| <b>Theo loại tài liệu</b>   |                                      |                        |
| 1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh | 1000                                 | 14,08                  |
| 2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt          | 849                                  | 11,96                  |
| 3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022                        | 400                                  | 5,63                   |

<sup>29</sup> Đã tính trọng số



|   |      |       |
|---|------|-------|
| 4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022                          | 350  | 4,93  |
| 5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022                              | 400  | 5,63  |
| 6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022               | 0    | 0,00  |
| 7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt                   | 1500 | 21,13 |
| 8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán đã được phê duyệt)                      | 0    | 0,00  |
| 9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2023  | 0    | 0,00  |
| 10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023                                   | 0    | 0,00  |
| 11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 | 0    | 0,00  |
| <b>Theo tiêu chí đánh giá</b>   |      |       |
| 1. Tính sẵn có  | 450  | 6,34  |
| 2. Tính kịp thời  | 400  | 5,63  |
| 3. Tính thuận tiện  | 650  | 9,15  |
| 4. Tính đầy đủ  | 2466 | 34,73 |
| 5. Tính tin cậy   | 433  | 6,10  |
| 6. Tính liên tục  | 300  | 4,23  |

Kết quả khảo sát POBI 2022 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

### **Tính thuận tiện của tài liệu công khai**

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND TP Hồ Chí Minh nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính TP Hồ Chí Minh có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu và có cập nhật nội dung
- Trong số các tài liệu được công khai, có 06 tài liệu được công bố bằng định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng đó là: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 2 (6 tháng đầu năm) năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 3 (9 tháng đầu năm)

năm 2022, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021, Danh mục đầu tư dự án công năm 2023.

### **Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai**

- Sở Tài chính TP Hồ Chí Minh đã công khai 06/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 2 (6 tháng đầu năm) năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 3 (9 tháng đầu năm) năm 2022, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021.
- 05 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022, Báo cáo ngân sách nhà nước dành cho công dân năm 2023 (cho dự thảo trình/dự toán được duyệt), Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023, Báo cáo kết quả thực hiện các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.

### **Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai**

Trong số 06 tài liệu ngân sách được công khai, có 05 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh (6/12/2022), Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định (7/1/2023), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2022 (15/4/2022), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách năm 2022 (14/10/2022), Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021. Có 01 tài liệu không rõ ngày công khai: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 2 (6 tháng đầu năm) năm 2022.

### **Tính đầy đủ của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm thuyết minh. Báo cáo này phản ánh 12/13 biểu (thiếu biểu 44) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CKNSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 39/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự án chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo các loại thuế.
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh đầy đủ 11/13 biểu (thiếu biểu 52 và biểu 57) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các

khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/ 84 Chi số công khai ngân sách tỉnh POBI 2021 CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/ CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai không kèm với báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ biểu số 62 đến biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế (Biểu 63/CK-NSNN). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách của tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN).

#### **Tính tin cậy của các tài liệu được công khai**

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 102.20%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2021 của tỉnh là -5.80%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là

39.45%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2021 của tỉnh là -11.14%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2021 của tỉnh là 18.55%.

- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2021 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 125% (tăng 125%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức giảm của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2021 (giảm 6.1%).
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định là 44.9%. Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023 so với năm 2022 (22%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho y tế và dân số năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định là 1.9%. Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng thấp hơn so với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023 so với năm 2022 (22%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

#### **Tính liên tục của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh đều được công khai năm năm liên tiếp (2019, 2020, 2021, 2022 và 2023)

#### **Công khai các tài liệu được khuyến khích**

- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh năm 2019 2020 hoặc 2021; Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2021 hoặc 2022; Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 3 năm 2023-2025 và Kế hoạch tài chính tỉnh 5 năm 2021-2025

#### **Sự tham gia của người dân**

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin và email này có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng TTĐT của Sở Tài chính, tuy nhiên Sở Tài Chính TP phản hồi sau 30 ngày

- Trang TTĐT của UBND TP, HĐND TP và Sở Tài chính không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND TP.
- Cổng TTĐT của UBND TP, HĐND TP và Sở Tài chính TP không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của thành phố để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo).
- TTĐT của HĐND TP có công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ TP trình kỳ họp HĐND và công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND TP tháng 12 năm 2022.

### **Trách nhiệm giải trình**

- Cổng TTĐT của HĐND TP không công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề; không công khai báo cáo giám sát về ngân sách.
- Cổng TTĐT của HĐND TP không công khai biên bản kỳ họp/ thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022 (kỳ họp tháng 12/2022).
- Cổng TTĐT của HĐND TP có công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.
- Trên cổng TTĐT của HĐND TP và Sở Tài chính có công khai thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng) nhưng không có lịch sử hoạt động.
- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2023 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2023 thì UBND TP, Sở Tài chính TP còn sử dụng 1-2 các kênh truyền thông khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2023 tới người dân.
- Trang web của Sở Tài chính không công khai báo cáo kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc năm 2021.

### 30. TỈNH HOÀ BÌNH

| <b>KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH HOÀ BÌNH NĂM 2022</b> |  |                                      |                                   |
|--|--|--------------------------------------|-----------------------------------|
| <b>MỨC ĐỘ MINH BẠCH<br/>(CHỈ SỐ POBI 2022)</b>                     |  | <b>SỰ THAM GIA<br/>CỦA NGƯỜI DÂN</b> | <b>TRÁCH NHIỆM<br/>GIẢI TRÌNH</b> |
| <b>XẾP HẠNG<br/>17</b>   | <b>10/11</b><br>Tài liệu bắt buộc được công bố   | <b>XẾP HẠNG<br/>38</b>               | <b>XẾP HẠNG<br/>43</b>            |
| <b>ĐIỂM XẾP HẠNG<br/>82,73</b>                                     | <b>05</b><br>Tài liệu được công bố đúng hạn  | <b>ĐIỂM XẾP HẠNG<br/>33,33</b>       | <b>ĐIỂM XẾP HẠNG<br/>25</b>       |
| <b>MỨC ĐỘ CÔNG KHAI ĐẦY ĐỦ</b>                                     | <b>02</b> tài liệu công bố chậm, <b>0</b> tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai |                                      |                                   |

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2022, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

#### Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy tỉnh Hoà Bình đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Hoà Bình đạt **82,73** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **17** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2022, **tăng 1 hạng** so với kết quả chấm POBI 2021.

#### Kết quả chấm POBI 2022 tỉnh Hoà Bình phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

| <b>Mục</b>  | <b>Điểm POBI chưa quy đổi<sup>30</sup></b> | <b>Điểm POBI 2022 quy đổi</b> |
|---|--|-------------------------------|
| <b>A. Trụ cột sự tham gia</b>   | <b>200</b>                                 | <b>2,82</b>                   |
| <b>B. Trụ cột trách nhiệm giải trình</b>  | <b>200</b>                                 | <b>2,82</b>                   |
| <b>C. Trụ cột minh bạch ngân sách - điểm POBI 2022</b>                          | <b>5874</b>                                | <b>82,73</b>                  |
| <b>Theo loại tài liệu</b>   |  |                               |
| 1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh | 1400                                       | 19,72                         |
| 2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt          | 1000                                       | 14,08                         |
| 3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022                        | 375  | 5,28                          |
| 4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022              | 400  | 5,63                          |

<sup>30</sup> Đã tính trọng số

|   |      |       |
|---|------|-------|
| 5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022                              | 400  | 5,63  |
| 6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022               | 0    | 0,00  |
| 7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt                   | 1499 | 21,11 |
| 8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán đã được phê duyệt)                      | 200  | 2,82  |
| 9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2023  | 200  | 2,82  |
| 10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023                                   | 100  | 1,41  |
| 11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 | 100  | 1,41  |
| <b>Theo tiêu chí đánh giá</b>   |      |       |
| 1. Tính sẵn có  | 850  | 11,97 |
| 2. Tính kịp thời  | 475  | 6,69  |
| 3. Tính thuận tiện  | 750  | 10,56 |
| 4. Tính đầy đủ  | 2900 | 40,85 |
| 5. Tính tin cậy   | 599  | 8,44  |
| 6. Tính liên tục  | 300  | 4,23  |

Kết quả khảo sát POBI 2022 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

#### **Tính thuận tiện của tài liệu công khai**

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Hoà Bình, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Thư mục công khai ngân sách: Cổng TTĐT của Sở Tài chính có thư mục riêng về công khai ngân sách. Các tài liệu được phân chia cụ thể theo tài liệu hoặc theo năm và có nội dung mới được cập nhật. Website của HĐND tỉnh không có thư mục riêng về tài liệu kỳ họp của HĐND tỉnh.
- Định dạng của tài liệu: Các tài liệu phân lớn đều được công khai dưới dạng Microsoft word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng.

#### **Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai**

- Sở Tài chính tỉnh Hoà Bình đã công khai 10/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách



tính 6 tháng đầu năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn; Báo cáo ngân sách công dân năm 2023; Kế hoạch Đầu tư công của tỉnh năm 2023; Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2023 và Báo cáo kết quả thực hiện các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2021.

- 01 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022.

### **Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai**

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có 05 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 05 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn; Báo cáo ngân sách công dân năm 2023
- 02 tài liệu không được công khai kịp thời là: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định và Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2022.

### **Tính đầy đủ của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm thuyết minh. Báo cáo này phản ánh 13/13 biểu (từ Biểu 33 tới Biểu 45) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo các loại thuế. Biểu 39/CK-NSNN phản ánh toàn bộ các nội dung của các lĩnh vực chi đầu tư (12 lĩnh vực). Báo cáo không phản ánh dự toán cho các khoản chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo này phản ánh 13/13 biểu (từ Biểu 46 tới Biểu 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo các loại thuế. Báo cáo không phản ánh dự toán cho các khoản chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách quý 1 năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh và phản ánh đầy đủ 03 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được phê duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh và phản ánh đầy đủ 03 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được phê duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh và phản ánh đầy đủ 03 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được phê duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai không kèm theo báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ Biểu số 62 đến Biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế (Biểu số 63/CK-NSNN). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo phản ánh đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện, trong đó phản ánh chi tiết về quyết toán số vốn trong nước và số vốn ngoài nước cho từng chương trình mục tiêu (Biểu số 68/CK-NSNN).

### **Tính tin cậy của các tài liệu được công khai**

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 15%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2021 của tỉnh là 5%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 0%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2021 của tỉnh là 4%,

chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2021 của tỉnh là 3%.

- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2021 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 1% (tăng 1%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng ít hơn so với mức tăng của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2021 (tăng 2,9%).
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên hàng năm cho giáo dục và đào tạo năm 2023 so với 2022 là 12,8% (tăng 12,8%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023 so với 2022 (tăng 8,4%).
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên hàng năm cho y tế và dân số năm 2023 so với 2022 là 0,1% (tăng 0,1%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này giảm hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023 so với 2022 (tăng 8,4%).

#### **Tính liên tục của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh (2019, 2020 và 2021) đều được công khai trong năm năm liên tiếp.

#### **Công khai các tài liệu được khuyến khích**

- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2023; Kết quả kiểm toán ngân sách nhà nước năm 2019/2020 hoặc 2021; Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2021 hoặc 2022; Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2023-2025 và Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

#### **Sự tham gia của người dân**

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục hỏi đáp, có email và có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng TTĐT của Sở Tài chính vào ngày 11/01/2023, tuy nhiên nhóm không nhận được phản hồi.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh.

- Cổng TTĐT của UBND tỉnh có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook).
- Cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND, và không công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2022.

### **Trách nhiệm giải trình**

- HĐND tỉnh có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề; không công khai báo cáo giám sát về ngân sách trên cổng TTĐT của HĐND và cũng không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2023 (kỳ họp tháng 12/2022).
- Cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh và Sở Tài chính đều có công khai thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng).
- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2023 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2022 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh không còn sử dụng các kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2023 tới người dân.
- Trang web của Sở Tài chính có công khai báo cáo kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc năm 2021.

### 31. TÌNH HÌNH YÊN

| KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH HUNG YÊN NĂM 2022 |  |                                  |                                  |
|---|--|----------------------------------|----------------------------------|
| MỨC ĐỘ MINH BẠCH<br>(CHỈ SỐ POBI 2022)                      |  | SỰ THAM GIA<br>CỦA NGƯỜI DÂN     | TRÁCH NHIỆM<br>GIẢI TRÌNH        |
| XẾP HẠNG<br><b>31</b>                                       | <b>8/11</b><br>Tài liệu bắt buộc được<br>công bố   | XẾP HẠNG<br><b>38</b>            | XẾP HẠNG<br><b>40</b>            |
| ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>75,92</b>                            | <b>6</b><br>Tài liệu được công bố<br>đúng hạn  | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>33,33</b> | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>31,25</b> |
| <b>MỨC ĐỘ<br/>CÔNG KHAI<br/>ĐẦY ĐỦ</b>                      | <b>1</b> tài liệu công bố<br>chậm, <b>0</b> tài liệu công bố<br>quá muộn hoặc không<br>rõ ngày công khai |                                  |                                  |

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2022, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

#### Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy tỉnh Hưng Yên đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Hưng Yên đạt **75,92** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **31** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2022, **tăng 4 hạng** so với kết quả chấm POBI 2021.

#### Kết quả chấm POBI 2022 tỉnh Hưng Yên phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

| Mục   | Điểm POBI<br>chưa quy đổi <sup>31</sup> | Điểm POBI<br>2022 quy đổi |
|---|---|---------------------------|
| <b>A. Trụ cột sự tham gia</b>   | <b>200</b>                              | <b>2,82</b>               |
| <b>B. Trụ cột trách nhiệm giải trình</b>  | <b>250</b>                              | <b>3,52</b>               |
| <b>C. Trụ cột minh bạch ngân sách - điểm POBI 2022</b>                          | <b>5390</b>                             | <b>75,92</b>              |
| <b>Theo loại tài liệu</b>   |   |                           |
| 1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh | 1166                                    | 16,42                     |
| 2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt          | 949                                     | 13,37                     |
| 3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022                        | 400                                     | 5,63                      |
| 4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022              | 400                                     | 5,63                      |

<sup>31</sup> Đã tính trọng số

|   |      |       |
|---|------|-------|
| 5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022                              | 400  | 5,63  |
| 6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022               | 375  | 5,28  |
| 7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt                   | 1400 | 19,72 |
| 8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán đã được phê duyệt)                      | 0    | 0,00  |
| 9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2023  | 100  | 1,41  |
| 10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023                                   | 0    | 0,00  |
| 11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 | 0    | 0,00  |
| <b>Theo tiêu chí đánh giá</b>   |      |       |
| 1. Tính sẵn có  | 600  | 8,45  |
| 2. Tính kịp thời  | 475  | 6,69  |
| 3. Tính thuận tiện  | 700  | 9,86  |
| 4. Tính đầy đủ  | 2982 | 42,00 |
| 5. Tính tin cậy   | 333  | 4,69  |
| 6. Tính liên tục  | 300  | 4,23  |

Kết quả khảo sát POBI 2022 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

### **Tính thuận tiện của tài liệu công khai**

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Hưng Yên, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Thư mục công khai ngân sách: Trang TTĐT của Sở Tài chính thành phố có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu, theo từng năm và có cập nhật nội dung.
- Trang TTĐT của HĐND tỉnh Hưng Yên không có thư mục riêng về công khai tài liệu kỳ họp HĐND.
- Định dạng của tài liệu: Các tài liệu đều được công khai ở định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng.

### **Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai**

- Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên đã công khai 08/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình

thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Kế hoạch Đầu tư công năm 2023.

- 03 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo ngân sách công dân năm 2023, Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023 và Báo cáo kết quả thực hiện các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.

### **Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai**

Trong số 07 tài liệu ngân sách được công khai, có 06 tài liệu được công khai kịp thời.  
Cụ thể:

- 06 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2022, Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt.
- 01 tài liệu không được công khai kịp thời là: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022.

### **Tính đầy đủ của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh: có kèm thuyết minh, phản ánh 12/13 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Thiếu biểu 39. Báo cáo có giải thích về ưu tiên cho ít nhất một chính sách chi cụ thể của địa phương tuy nhiên không kèm theo số liệu thuyết minh, và có ưu tiên chi ngân sách cho y tế hay an sinh xã hội/trợ cấp xã hội nhưng không kèm số liệu thuyết minh.
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: phản ánh 12/13 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Thiếu biểu 52.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022: có kèm thuyết minh, phản ánh 03/03 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và so sánh tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022: có kèm thuyết minh, phản ánh 03/03 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản



ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và so sánh tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022: có kèm thuyết minh, phản ánh 03/03 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và so sánh tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022: có kèm thuyết minh, phản ánh 03/03 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và so sánh tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: có kèm thuyết minh, phản ánh 07/07 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343.

#### **Tính tin cậy của các tài liệu được công khai**

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 105%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2021 của tỉnh là 55%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 15%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2021 của tỉnh là 56%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2021 của tỉnh là -1,5%.
- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2021 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 24,5% (tăng 24,5%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức giảm của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2021 (giảm 5,9%).
- Thay đổi giữa dự toán năm 2022 và dự toán năm 2023 của chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo là -7,4% (giảm 7,4%). Thay đổi này là không phù hợp. Mức thay đổi này giảm cao hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023 so với năm 2022 (tăng 0,2%).
- Thay đổi giữa dự toán năm 2022 và dự toán năm 2023 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 11,2% (tăng 11,2%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023 so với năm 2022 (tăng 0,2%).

### **Tính liên tục của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh được công khai trong 05 năm liên tiếp: 2019, 2020, 2021, 2022, 2023. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh được công khai trong 05 năm liên tiếp: 2017, 2018, 2019, 2020, 2021.

### **Công khai các tài liệu được khuyến khích**

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2023-2025.
- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2023 của tỉnh, Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2021 hoặc 2022, Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020, 2021 của tỉnh, Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

### **Sự tham gia của người dân**

- Trên cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên có email và có thể sử dụng được. Tuy vậy, không có phản hồi.
- UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở tài chính tỉnh không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2023 trình HĐND
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh 2022 và báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2022.

### **Trách nhiệm giải trình**

- HĐND tỉnh Hưng Yên không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2023 (kỳ họp tháng 12/2022), Kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề, và báo cáo giám sát về ngân sách.
- HĐND tỉnh Hưng Yên không công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh và Sở tài chính tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp tuy nhiên và có lịch sử hoạt động.

## 32. TỈNH KHÁNH HÒA

| KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH KHÁNH HOÀ NĂM 2022 |  |                               |                                  |
|--|--|-------------------------------|----------------------------------|
| MỨC ĐỘ MINH BẠCH<br>(CHỈ SỐ POBI 2022)                       |  | SỰ THAM GIA<br>CỦA NGƯỜI DÂN  | TRÁCH NHIỆM<br>GIẢI TRÌNH        |
| XẾP HẠNG<br><b>33</b>  | <b>10/11</b><br>Tài liệu bắt buộc được<br>công bố  | XẾP HẠNG<br><b>6</b>          | XẾP HẠNG<br><b>29</b>            |
| ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>75,51</b>                             | <b>7</b><br>Tài liệu được công bố<br>đúng hạn  | ĐIỂM XẾP HẠNG<br><b>66,67</b> | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>31,25</b> |
| <b>MỨC ĐỘ<br/>CÔNG KHAI<br/>ĐẦY ĐỦ</b>                       | <b>0</b> tài liệu công bố chậm,<br><b>0</b> tài liệu công bố quá<br>muộn hoặc không rõ<br>ngày công khai |                               |                                  |

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2022, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

### Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy tỉnh Khánh Hoà đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Khánh Hoà đạt **75,51** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **33** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2022, **giảm 31 hạng** so với kết quả chấm POBI 2021.

### Kết quả chấm POBI 2022 tỉnh Khánh Hoà phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

| Mục   | Điểm POBI<br>chưa quy đổi <sup>32</sup> | Điểm POBI<br>2022 quy đổi |
|---|---|---------------------------|
| <b>A. Trụ cột sự tham gia</b>   | <b>400</b>                              | <b>5,63</b>               |
| <b>B. Trụ cột trách nhiệm giải trình</b>  | <b>300</b>                              | <b>4,23</b>               |
| <b>C. Trụ cột minh bạch ngân sách - điểm POBI 2022</b>                          | <b>5361</b>                             | <b>75,51</b>              |
| <b>Theo loại tài liệu</b>   |   |                           |
| 1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh | 966                                     | 13,61                     |
| 2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt          | 848                                     | 11,94                     |
| 3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022                        | 400                                     | 5,63                      |
| 4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022              | 400                                     | 5,63                      |

<sup>32</sup> Đã tính trọng số

|   |      |       |
|---|------|-------|
| 5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022                              | 400  | 5,63  |
| 6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022               | 400  | 5,63  |
| 7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt                   | 1247 | 17,56 |
| 8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán đã được phê duyệt)                      | 0    | 0,00  |
| 9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2023  | 200  | 2,82  |
| 10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023                                   | 100  | 1,41  |
| 11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 | 100  | 1,41  |
| <b>Theo tiêu chí đánh giá</b>   |      |       |
| 1. Tính sẵn có  | 800  | 11,27 |
| 2. Tính kịp thời  | 500  | 7,04  |
| 3. Tính thuận tiện  | 900  | 12,68 |
| 4. Tính đầy đủ  | 2532 | 35,66 |
| 5. Tính tin cậy   | 397  | 5,59  |
| 6. Tính liên tục  | 232  | 3,27  |

Kết quả khảo sát POBI 2022 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

### **Tính thuận tiện của tài liệu công khai**

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính, HĐND và UBND tỉnh Khánh Hoà, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Khánh Hoà có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo loại tài liệu và được cập nhật.
- Trang TTĐT của HĐND tỉnh Khánh Hoà có thư mục riêng về công khai tài liệu kỳ họp HĐND.
- Các tài liệu được công khai đều có định dạng excel, thuận tiện cho việc sử dụng.

### **Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai**

- Sở Tài chính tỉnh Khánh Hoà đã công khai 10/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm

2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022, Kế hoạch Đầu tư công năm 2023 và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2021, Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

- 1 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo ngân sách công dân năm 2023.

### **Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai**

Trong số 7 tài liệu ngân sách chấm điểm kịp thời, có 7 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 7 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

### **Tính đầy đủ của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh có kèm theo thuyết minh, phản ánh 11/13 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343 (thiếu Biểu số 43 và Biểu số 44). Thuyết minh báo cáo không giải thích về ưu tiên cho ít nhất một chính sách chi cụ thể của địa phương, không ưu tiên chi ngân sách cho y tế và an sinh xã hội/trợ cấp xã hội. Biểu số 33 phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn nhưng không chi tiết các mục nhỏ (Mục A thiếu mục nhỏ Thu kết dư; mục B thiếu mục nhỏ Chi chuyển nguồn sang năm sau).
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt phản ánh 11/13 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343 (thiếu Biểu số 56 và Biểu số 57). Biểu số 48 trong báo cáo phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa nhưng không chi tiết theo loại thuế.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022 có kèm theo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 3 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 4 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022 có kèm theo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 3 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số

59 phản ánh đầy đủ 4 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dữ toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022 có kèm theo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 3 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 4 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dữ toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022 có kèm theo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 3 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 4 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dữ toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt không kèm thuyết minh, chỉ phản ánh 6 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343 (thiếu biểu 68). Biểu số 63 phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo loại thuế.

#### **Tính tin cậy của các tài liệu được công khai**

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 73,57%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2021 của tỉnh là 8,21%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 5,21%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2021 của tỉnh là 9,24%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2021 của tỉnh là 12,85%.
- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2021 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 64,55% (tăng 64,55%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng hơn so với mức giảm của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2021 (tăng 7,97%).
- Thay đổi giữa dự toán năm 2023 và dự toán năm 2022 của chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo là 21,7% (tăng 21,7%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng thấp hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023 so với năm 2022 (tăng 39,3%).
- Thay đổi giữa dự toán năm 2023 và dự toán năm 2022 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 18,2% (tăng 18,2%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay

đổi này tăng thấp hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023 so với năm 2022 (tăng 39,3%).

### **Tính liên tục của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt được công khai trong 4 năm 2020, 2021, 2022 và 2023.

### **Công khai các tài liệu được khuyến khích**

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 3 năm 2023-2025.
- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2023, Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021, Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2021 hoặc 2022, và Kế hoạch tài chính tỉnh 5 năm 2021-2025.

### **Sự tham gia của người dân**

- Trên trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin và email này có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua email vào ngày 11/01/2023, tuy nhiên sau 30 ngày vẫn chưa nhận được phản hồi email từ Sở.
- UBND, HĐND và Sở Tài chính tỉnh không thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2023 trình HĐND tỉnh.
- Trên trang TTĐT của UBND tỉnh có đường dẫn tới các loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo).
- Trên trang TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo góp ý/tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2022 và báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2022.

### **Trách nhiệm giải trình**

- HĐND tỉnh có công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh, nhưng không công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề, báo cáo giám sát về ngân sách, và biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2023.
- Trên trang TTĐT của HĐND tỉnh không có thư mục hỏi đáp. Trên trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có thư mục hỏi đáp và lịch sử hỏi đáp.



- Ngoài việc công khai dự toán ngân sách nhà nước của tỉnh năm 2023 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2022 thì UBND và Sở Tài chính tỉnh không sử dụng các kênh truyền thông khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách năm 2023 tới người dân.
- Trên trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có công khai Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2021.

### 33. TỈNH KIÊN GIANG

| KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH KIÊN GIANG NĂM 2022 |  |                               |                              |
|---|--|-------------------------------|------------------------------|
| MỨC ĐỘ MINH BẠCH<br>(CHỈ SỐ POBI 2022)                        |  | SỰ THAM GIA<br>CỦA NGƯỜI DÂN  | TRÁCH NHIỆM<br>GIẢI TRÌNH    |
| XẾP HẠNG<br><b>58</b>   | <b>4/11</b><br>Tài liệu bắt buộc được<br>công bố   | XẾP HẠNG<br><b>49</b>         | XẾP HẠNG<br><b>62</b>        |
| ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>25,92</b>                              | <b>1</b><br>Tài liệu được công bố<br>đúng hạn  | ĐIỂM XẾP HẠNG<br><b>16,67</b> | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>0</b> |
| <b>MỨC ĐỘ<br/>CÔNG KHAI<br/>CHƯA ĐẦY<br/>ĐỦ</b>               | <b>1</b> tài liệu công bố chậm,<br><b>2</b> tài liệu công bố quá<br>muộn hoặc không rõ<br>ngày công khai |                               |                              |

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2022, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

#### Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy tỉnh Kiên Giang đã công bố **CHƯA ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Kiên Giang đạt **25,92** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **58** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2022, **giảm 10 hạng** so với kết quả chấm POBI 2021.

#### Kết quả chấm POBI 2022 tỉnh Kiên Giang phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

| Mục   | Điểm POBI<br>chưa quy đổi <sup>33</sup> | Điểm POBI<br>2022 quy đổi |
|---|---|---------------------------|
| <b>A. Trụ cột sự tham gia</b>   | <b>100</b>                              | <b>1,41</b>               |
| <b>B. Trụ cột trách nhiệm giải trình</b>  | <b>0</b>                                | <b>0,00</b>               |
| <b>C. Trụ cột minh bạch ngân sách - điểm POBI 2022</b>                          | <b>1840</b>                             | <b>25,92</b>              |
| <b>Theo loại tài liệu</b>   |   |                           |
| 1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh | 33                                      | 0,46                      |
| 2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt          | 33                                      | 0,46                      |
| 3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022                        | 350                                     | 4,93                      |
| 4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022              | 400                                     | 5,63                      |

<sup>33</sup> Đã tính trọng số

|   |      |       |
|---|------|-------|
| 5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022                              | 350  | 4,93  |
| 6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022               | 375  | 5,28  |
| 7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt                   | 33   | 0,46  |
| 8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán đã được phê duyệt)                      | 0    | 0,00  |
| 9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2023  | 0    | 0,00  |
| 10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023                                   | 0    | 0,00  |
| 11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 | 0    | 0,00  |
| <b>Theo tiêu chí đánh giá</b>   |      |       |
| 1. Tính sẵn có  | 200  | 2,82  |
| 2. Tính kịp thời  | 75   | 1,06  |
| 3. Tính thuận tiện  | 466  | 6,56  |
| 4. Tính đầy đủ  | 1000 | 14,08 |
| 5. Tính tin cậy   | 0    | 0,00  |
| 6. Tính liên tục  | 99   | 1,39  |

Kết quả khảo sát POBI 2022 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

### **Tính thuận tiện của tài liệu công khai**

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Kiên Giang nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Thư mục công khai ngân sách: Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu nhưng không cập nhật nội dung.
- Định dạng của tài liệu: Trên trang TTĐT của Sở Tài chính có 4 loại tài liệu được chấm điểm về định dạng tài liệu được công khai ở dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022; Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022.

### **Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai**

- Sở Tài chính tỉnh Kiên Giang đã công khai 4/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022; Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022
- 7/11 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo ngân sách công dân năm 2023; Kế hoạch Đầu tư công năm 2023; Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023; Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.

### **Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai**

Trong số 4 tài liệu ngân sách được công khai, có 1 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 1 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022.
- 1 tài liệu công bố chậm là: Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022.
- 3 tài liệu không rõ ngày công khai là: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022.

### **Tính đầy đủ của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh: Không được công khai.
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Không được công khai.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343 (từ biểu 59 đến biểu 61). Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách

địa phương theo quy định của Thông tư 343 (từ biểu 59 đến biểu 61). Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 34 (từ biểu 59 đến biểu 61). Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343 (từ biểu 59 đến biểu 61). Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Không được công khai.

#### **Tính tin cậy của các tài liệu được công khai**

- Không có số liệu quyết toán năm 2021 để so sánh.
- Không có số liệu dự toán 2023 để so sánh chênh lệch chi cho giáo dục đào tạo và y tế dân số với chi thường xuyên so với dự toán 2022.

#### **Tính liên tục của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt chỉ được công khai cho năm 2022 và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh chỉ được công khai cho năm 2020.

#### **Công khai các tài liệu được khuyến khích**

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 3 năm 2023-2025.
- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2023, Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2020, 2021 hoặc 2022, Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2021 hoặc 2022 và Kế hoạch tài chính tỉnh 5 năm từ 2021-2025.

## **Sự tham gia của người dân**

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin và email này có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên công thông tin điện tử của Sở Tài chính, tuy nhiên nhóm không nhận được phản hồi.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh.
- Cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo).
- Cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2022 và không công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2022.

## **Trách nhiệm giải trình**

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo giám sát về ngân sách.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2023 (kỳ họp tháng 12/2021).
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không có thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng).
- Trên cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh không thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng).
- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2023 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2022 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh không còn sử dụng các kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2023 tới người dân.
- Trên cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không công khai báo cáo kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

## 34. TỈNH KON TUM

| KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH KON TUM NĂM 2022 |  |                                  |                               |
|--|--|----------------------------------|-------------------------------|
| MỨC ĐỘ MINH BẠCH<br>(CHỈ SỐ POBI 2022)                     |  | SỰ THAM GIA<br>CỦA NGƯỜI DÂN     | TRÁCH NHIỆM<br>GIẢI TRÌNH     |
| XẾP HẠNG<br><b>36</b>                                      | <b>8/11</b><br>Tài liệu bắt buộc được<br>công bố   | XẾP HẠNG<br><b>6</b>             | XẾP HẠNG<br><b>19</b>         |
| ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>74,62</b>                           | <b>4</b><br>Tài liệu được công bố<br>đúng hạn  | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>66,67</b> | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>50</b> |
| <b>MỨC ĐỘ<br/>CÔNG KHAI<br/>TƯƠNG ĐỐI<br/>ĐẦY ĐỦ</b>       | <b>1</b> tài liệu công bố<br>chậm, <b>1</b> tài liệu công bố<br>quá muộn hoặc không<br>rõ ngày công khai |                                  |                               |

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2022, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

### Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy tỉnh Kon Tum đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Kon Tum đạt **74,62** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **36** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2022, **giảm 4 hạng** so với kết quả chấm POBI 2021.

### Kết quả chấm POBI 2022 tỉnh Kon Tum phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

| Mục   | Điểm POBI<br>chưa quy đổi <sup>34</sup> | Điểm POBI<br>2022 quy đổi |
|---|---|---------------------------|
| <b>A. Trụ cột sự tham gia</b>   | <b>400</b>                              | <b>5,63</b>               |
| <b>B. Trụ cột trách nhiệm giải trình</b>  | <b>400</b>                              | <b>5,63</b>               |
| <b>C. Trụ cột minh bạch ngân sách - điểm POBI 2022</b>                          | <b>5298</b>                             | <b>74,62</b>              |
| <b>Theo loại tài liệu</b>   |   |                           |
| 1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh | 1349                                    | 19,00                     |
| 2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt          | 1133                                    | 15,96                     |

<sup>34</sup> Đã tính trọng số



|   |      |       |
|---|------|-------|
| 3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022                                    | 225  | 3,17  |
| 4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022                          | 250  | 3,52  |
| 5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022                              | 275  | 3,87  |
| 6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022               | 0    | 0,00  |
| 7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt                   | 1466 | 20,65 |
| 8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán đã được phê duyệt)                      | 0    | 0,00  |
| 9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2023  | 200  | 2,82  |
| 10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023                                   | 100  | 1,41  |
| 11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 | 0    | 0,00  |
| <b>Theo tiêu chí đánh giá</b>   |      |       |
| 1. Tính sẵn có  | 650  | 9,15  |
| 2. Tính kịp thời  | 375  | 5,28  |
| 3. Tính thuận tiện  | 725  | 10,21 |
| 4. Tính đầy đủ  | 2783 | 39,20 |
| 5. Tính tin cậy   | 499  | 7,03  |
| 6. Tính liên tục  | 266  | 3,75  |

Kết quả khảo sát POBI 2022 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

### **Tính thuận tiện của tài liệu công khai**

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Kon Tum nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Thư mục công khai ngân sách: Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu và có cập nhật nội dung.
- Định dạng của tài liệu: Trên trang TTĐT của Sở Tài chính có 2 loại tài liệu được chấm điểm về định dạng tài liệu được công khai ở dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt. Có 5 loại tài liệu được công bố dưới định dạng pdf để

dàng đọc hoặc chuyển đổi sang định dạng word/excel, bao gồm: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Kế hoạch Đầu tư công năm 2023.

### **Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai**

- Sở Tài chính tỉnh Kon Tum đã công khai 8/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Kế hoạch Đầu tư công năm 2023; Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023.
- 3/11 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022; Báo cáo ngân sách công dân năm 2023; Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.

### **Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai**

Trong số 6 tài liệu ngân sách công khai được chấm điểm kịp thời, có 4 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 4 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt.
- 1 tài liệu không được công khai kịp thời là: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022.
- 1 tài liệu được công khai chậm là: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022.

### **Tính đầy đủ của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm thuyết minh. Báo cáo này phản ánh 11/13 biểu (từ Biểu 33 tới Biểu 45) theo hướng dẫn của Thông tư 343, thiếu Biểu số 41 và Biểu số 43. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn

và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Biểu 39/CK-NSNN phản ánh toàn bộ các nội dung của các lĩnh vực chi đầu tư (12 lĩnh vực). Báo cáo có phản ánh dự toán cho các khoản thu chi của các Quỹ Tài chính ngoài cân đối ngân sách của địa phương.

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh 13/13 biểu (từ Biểu 46 tới Biểu 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/ CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và không chi tiết theo loại thuế. Báo cáo không phản ánh dự toán cho các khoản thu chi của các Quỹ Tài chính ngoài cân đối ngân sách của địa phương.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, không phản ánh đầy đủ cả 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343 (từ biểu 59 đến biểu 61). Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN không phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, không phản ánh đầy đủ cả 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343 (từ biểu 59 đến biểu 61). Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN không phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, không phản ánh đầy đủ cả 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343 (từ biểu 59 đến biểu 61). Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN không phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022: Không công khai.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai kèm với báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ biểu số 62 đến biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết

toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/ CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn nhưng không đầy đủ các mục nhỏ, thiếu các mục nhỏ của mục D và mục Đ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ (Biểu 63/CK-NSNN). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách của tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN)

### **Tính tin cậy của các tài liệu được công khai**

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 34,3%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2021 của tỉnh là 0,5%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 4,3%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2021 của tỉnh là 39,4%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2021 của tỉnh là 7,2%.
- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2021 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 8,9% (tăng 8,9%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2021 (tăng 3,3%).
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định là 4,7%. Thay đổi này chưa là phù hợp. Mức thay đổi này giảm thấp đi so với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023 so với năm 2022 (5,1%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho y tế và dân số năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định là 5,4%. Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023 so với năm 2022 (5,1%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

### **Tính liên tục của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh được công khai liên tục trong 3 năm liên tiếp 2021, 2022 và 2023.

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh (2017, 2018, 2019, 2020 và 2021) được công khai liên tục trong 5 năm liên tiếp 2019, 2020, 2021, 2022 và 2023.

### **Công khai các tài liệu được khuyến khích**

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2021 hoặc 2022; Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 3 năm 2023-2025 và Kế hoạch tài chính tỉnh 5 năm từ 2021-2025.
- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2023; Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2020, 2021 hoặc 2022, .

### **Sự tham gia của người dân**

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin và email này có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên công thông tin điện tử của Sở Tài chính, tuy nhiên nhóm không nhận được phản hồi.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh.
- Cổng TTĐT của UBND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo).
- Cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2022 và có công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2022.

### **Trách nhiệm giải trình**

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo giám sát về ngân sách.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2023 (kỳ họp tháng 12/2021).
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không có thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng).

- Trên cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng).
- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2023 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2022 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh không còn sử dụng các kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2023 tới người dân.
- Trên cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không công khai báo cáo kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

## 35. TỈNH LAI CHÂU

| <b>KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH LAI CHÂU NĂM 2022</b> |   |                                      |                                   |
|--|---|--------------------------------------|-----------------------------------|
| <b>MỨC ĐỘ MINH BẠCH<br/>(CHỈ SỐ POBI 2022)</b>                     |   | <b>SỰ THAM GIA<br/>CỦA NGƯỜI DÂN</b> | <b>TRÁCH NHIỆM<br/>GIẢI TRÌNH</b> |
| <b>XẾP HẠNG<br/>10</b>   | <b>11/11</b><br>Tài liệu bắt buộc được công bố  | <b>XẾP HẠNG<br/>6</b>                | <b>XẾP HẠNG<br/>25</b>            |
| <b>ĐIỂM XẾP HẠNG<br/>86,79</b>                                     | <b>8</b><br>Tài liệu được công bố đúng hạn  | <b>ĐIỂM XẾP HẠNG<br/>66,67</b>       | <b>ĐIỂM XẾP HẠNG<br/>43,75</b>    |
| <b>MỨC ĐỘ CÔNG KHAI ĐẦY ĐỦ</b>                                     | <b>0</b> tài liệu công bố chậm, <b>0</b> tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai |                                      |                                   |

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2022, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

### Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy tỉnh Lai Châu đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Lai Châu đạt **86,79** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **10** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2022, **giảm 7 hạng** so với kết quả chấm POBI 2021.

### Kết quả chấm POBI 2022 tỉnh Lai Châu phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

| <b>Mục</b>  | <b>Điểm POBI chưa quy đổi<sup>35</sup></b> | <b>Điểm POBI 2022 quy đổi</b> |
|---|--|-------------------------------|
| <b>A. Trụ cột sự tham gia</b>   | <b>400</b>                                 | <b>5,63</b>                   |
| <b>B. Trụ cột trách nhiệm giải trình</b>  | <b>350</b>                                 | <b>4,93</b>                   |
| <b>C. Trụ cột minh bạch ngân sách - điểm POBI 2022</b>                          | <b>6162</b>                                | <b>86,79</b>                  |
| <b>Theo loại tài liệu</b>   |  |                               |
| 1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh | 1166                                       | 16,42                         |
| 2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt          | 1065                                       | 15,00                         |
| 3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022                        | 400  | 5,63                          |
| 4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022              | 400  | 5,63                          |

<sup>35</sup> Đã tính trọng số



|   |      |       |
|---|------|-------|
| 5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022                              | 400  | 5,63  |
| 6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022               | 400  | 5,63  |
| 7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt                   | 1431 | 20,15 |
| 8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán đã được phê duyệt)                      | 200  | 2,82  |
| 9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2023  | 200  | 2,82  |
| 10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023                                   | 100  | 1,41  |
| 11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 | 100  | 1,41  |
| <b>Theo tiêu chí đánh giá</b>   |      |       |
| 1. Tính sẵn có  | 900  | 12,68 |
| 2. Tính kịp thời  | 600  | 8,45  |
| 3. Tính thuận tiện  | 900  | 12,68 |
| 4. Tính đầy đủ  | 2998 | 42,23 |
| 5. Tính tin cậy   | 532  | 7,49  |
| 6. Tính liên tục  | 232  | 3,27  |

Kết quả khảo sát POBI 2022 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

### **Tính thuận tiện của tài liệu công khai**

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Lai Châu, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính thành phố Lai Châu có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu, theo từng năm và có cập nhật nội dung.
- Các tài liệu đều được công khai bằng định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng.

### **Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai**

- Sở Tài chính tỉnh Lai Châu đã công khai 11/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm

2022, Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn, Kế hoạch Đầu tư công của tỉnh năm 2023, Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt), Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023, Báo cáo kết quả thực hiện các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.

- 0 loại tài liệu ngân sách không công khai

### **Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai**

Trong số 8 tài liệu ngân sách công khai được chấm điểm kịp thời, có 8 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 8 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh (05/12/2022), Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định (06/01/2023), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022 (12/04/2022), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022 (06/07/2022), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022 (11/10/2022), Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022 (12/01/2023), Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn (29/12/2022), Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt) (29/12/2022).
- 0 tài liệu không được công khai kịp thời

### **Tính đầy đủ của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh: Báo cáo có kèm theo thuyết minh. Phản ánh đủ 13/13 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343 (từ biểu 33 đến biểu 45). Phần chi tiết biểu 35 phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành nguồn thu nội địa nhưng Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý, Thu từ khu vực DNNN do Địa phương quản lý, Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh, Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết chưa chi tiết theo sắc thuế. Chưa phản ánh dự toán cho các khoản thu chi các Quỹ Tài chính nhà nước ngoài ngân sách của địa phương.
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Phản ánh đủ 13/13 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343 (từ biểu 46 đến biểu 58). Phần chi tiết biểu 48 phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành nguồn thu nội địa nhưng Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý,

Thu từ khu vực DNNN do Địa phương quản lý, Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài , Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh, Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết chưa chi tiết theo sắc thuế. Chưa phản ánh dự toán cho các khoản thu chi các Quỹ Tài chính nhà nước ngoài ngân sách của địa phương.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022: Báo cáo có kèm theo thuyết minh. Phản ánh đủ 3/3 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343 (từ biểu 59 đến biểu 61). Báo cáo có bao gồm thông tin so sánh với dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59 có phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022: Báo cáo có kèm theo thuyết minh. Phản ánh đủ 3/3 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343 (từ biểu 59 đến biểu 61). Báo cáo có bao gồm thông tin so sánh với dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59 có phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022: Báo cáo có kèm theo thuyết minh. Phản ánh đủ 3/3 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343 (từ biểu 59 đến biểu 61). Báo cáo có bao gồm thông tin so sánh với dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59 có phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022: Báo cáo có kèm theo thuyết minh. Phản ánh đủ 3/3 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343 (từ biểu 59 đến biểu 61). Báo cáo có bao gồm thông tin so sánh với dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59 có phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo không kèm theo thuyết minh. Phản ánh đủ 7/7 theo hướng dẫn của Thông tư 343 (từ biểu 62 đến biểu 68). Phần chi tiết biểu 63 phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành nguồn thu nội địa nhưng Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý, Thu từ khu vực DNNN do Địa phương quản lý, Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài , Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh, Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết chưa chi tiết theo sắc thuế.

#### **Tính tin cậy của các tài liệu được công khai**

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 35,6%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2021 của tỉnh là 6,7%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là -3,4%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2021 của

tính là 15,0011%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2021 của tỉnh là 1,4%.

- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2021 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 6,6% (tăng 6,6%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này cao hơn so với mức tăng của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2021 (giảm 0,14%).
- Thay đổi giữa chi thường xuyên hàng năm cho GDĐT năm 2023 so với 2022 là -1,69% (giảm 1,69%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này thấp hơn so với tổng chi thường xuyên ngân sách tỉnh năm 2023 so với 2022 là 3,6% (tăng 3,6%).
- Thay đổi giữa chi thường xuyên hàng năm cho Y tế và dân số năm 2023 so với 2022 là 8,3% (tăng 8,3%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với tổng chi thường xuyên ngân sách tỉnh năm 2023 so với 2022 là 3,6% (tăng 3,6%).

#### **Tính liên tục của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh được công khai trong 5 năm liên tiếp (2019,2020,2021,2022,2023).
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt được công khai trong 5 năm liên tiếp (2019,2020,2021,2022,2023).
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh (2017, 2018, 2019, 2020 và 2021) được công khai trong 5 năm liên tiếp.

#### **Công khai các tài liệu được khuyến khích**

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2023, Kết quả kiểm toán ngân sách nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2023-2025, Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2021.
- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

#### **Sự tham gia của người dân**

- Trên cổng TTĐT của Sở Tài chính có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin và có thể sử dụng được.
- Thời gian phản hồi/trả lời của Sở là sau 30 ngày hoặc không phản hồi.
- UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở tài chính tỉnh không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2023 trình HĐND tỉnh.

- Trên cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook)
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2022.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2022.

### **Trách nhiệm giải trình**

- HĐND có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề .
- HĐND không công khai báo cáo giám sát về ngân sách.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2023 (Kỳ họp tháng 12/2022).
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh (bao gồm báo cáo thẩm tra quyết toán năm 2021 hoặc dự thảo dự toán năm 2023).
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng).
- Trên cổng TTĐT của Sở tài chính tỉnh có thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng) nhưng không có lịch sử hoạt động.
- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2023 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2022 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh không sử dụng các kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2023 tới người dân.
- Trang web của UBND, HDND, Sở Tài chính tỉnh có công khai báo cáo kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc hoặc 2021.

## 36. TỈNH LÂM ĐỒNG

| KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH LÂM ĐỒNG NĂM 2022 |  |                               |                                  |
|---|--|-------------------------------|----------------------------------|
| MỨC ĐỘ MINH BẠCH<br>(CHỈ SỐ POBI 2022)                      |  | SỰ THAM GIA<br>CỦA NGƯỜI DÂN  | TRÁCH NHIỆM<br>GIẢI TRÌNH        |
| XẾP HẠNG<br><b>62</b>                                       | <b>2/11</b><br>Tài liệu bắt buộc được<br>công bố   | XẾP HẠNG<br><b>21</b>         | XẾP HẠNG<br><b>25</b>            |
| ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>8,44</b>                             | 0<br>Tài liệu được công bố<br>đúng hạn   | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>50</b> | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>43,75</b> |
| <b>MỨC ĐỘ<br/>CÔNG KHAI<br/>ÍT</b>                          | 0 tài liệu công bố<br>chậm, 0 tài liệu công bố<br>quá muộn hoặc không<br>rõ ngày công khai |                               |                                  |

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2022, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

### Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy tỉnh Lâm Đồng đã công bố **ÍT** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Lâm Đồng đạt **8,44** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **62** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2022, **giảm 3 hạng** so với kết quả chấm POBI 2021.

### Kết quả chấm POBI 2022 tỉnh Lâm Đồng phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

| Mục   | Điểm POBI<br>chưa quy đổi <sup>36</sup> | Điểm POBI<br>2022 quy đổi |
|---|---|---------------------------|
| <b>A. Trụ cột sự tham gia</b>   | <b>300</b>                              | <b>4,23</b>               |
| <b>B. Trụ cột trách nhiệm giải trình</b>  | <b>350</b>                              | <b>4,93</b>               |
| <b>C. Trụ cột minh bạch ngân sách - điểm POBI 2022</b>                          | <b>599</b>                              | <b>8,44</b>               |
| <b>Theo loại tài liệu</b>   |   |                           |
| 1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh | 33                                      | 0,46                      |
| 2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt          | 33                                      | 0,46                      |
| 3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022                        | 0                                       | 0,00                      |

<sup>36</sup> Đã tính trọng số

|   |     |      |
|---|-----|------|
| 4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022                          | 0   | 0,00 |
| 5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022                              | 0   | 0,00 |
| 6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022               | 0   | 0,00 |
| 7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt                   | 33  | 0,46 |
| 8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán đã được phê duyệt)                      | 0   | 0,00 |
| 9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2023  | 100 | 1,41 |
| 10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023                                   | 100 | 1,41 |
| 11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 | 0   | 0,00 |
| <b>Theo tiêu chí đánh giá</b>   |     |      |
| 1. Tính sẵn có  | 200 | 2,82 |
| 2. Tính kịp thời  | 0   | 0,00 |
| 3. Tính thuận tiện  | 300 | 4,23 |
| 4. Tính đầy đủ  | 0   | 0,00 |
| 5. Tính tin cậy   | 0   | 0,00 |
| 6. Tính liên tục  | 99  | 1,39 |

Kết quả khảo sát POBI 2022 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

### **Tính thuận tiện của tài liệu công khai**

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Lâm Đồng, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Thư mục công khai ngân sách: Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục có nội dung cập nhật và có thể lọc tài liệu theo từng năm, từng loại. Tuy nhiên, vẫn còn tài liệu chưa được phân vào thư mục, hoặc được phân vào nhầm thư mục, có thể dẫn đến sai sót nếu tìm kiếm bằng bộ lọc.
- Định dạng của tài liệu: Trên website của Sở Tài chính hoặc HĐND tỉnh có 1 loại tài liệu được chấm điểm về định dạng bao gồm: Kế hoạch Đầu tư công năm 2023. Tài liệu được công khai bằng định dạng pdf dạng scan, không thuận tiện chuyển sang dạng word/excel.



### **Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai**

- Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng đã công khai 02/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Kế hoạch Đầu tư công năm 2023 và Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc năm 2023 (công khai trên website của HĐND).
- 09/11 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo ngân sách công dân năm 2023; và Báo cáo kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.

### **Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai**

- Các loại tài liệu chấm điểm về tính kịp thời đều không được công khai trên trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh, vậy tỉnh không được chấm điểm đối với tiêu chí này.

### **Tính đầy đủ của tài liệu được công khai**

- Các loại tài liệu chấm điểm về tính đầy đủ đều không được công khai trên trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh, vậy tỉnh không được chấm điểm đối với tiêu chí này.

### **Tính tin cậy của các tài liệu được công khai**

- Các loại tài liệu chấm điểm về tính tin cậy đều không được công khai trên trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh, vậy tỉnh không được chấm điểm đối với tiêu chí này.

### **Tính liên tục của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh chỉ được công khai trong 2 năm (2019, 2020).
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt được công khai trong 3 năm (2020, 2021, 2022).
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt được công khai 4 năm (2017, 2018, 2019, 2020).

### **Công khai các tài liệu được khuyến khích**

- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm (5/5 tài liệu): Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2022 của tỉnh; Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020, 2021 của tỉnh; Báo cáo tài chính

của tỉnh năm 2021 hoặc 2022; Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2023-2025 và Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

### **Sự tham gia của người dân**

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục hỏi đáp, có email và có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính vào ngày 11/01/2023 nhưng sau 30 ngày vẫn chưa nhận được phản hồi.
- UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở tài chính tỉnh không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2022 trình HĐND tỉnh.
- Trên cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh (Facebook, Zalo) để trao đổi với người dân.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh đã công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh, và báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2022.

### **Trách nhiệm giải trình (các câu từ 2.7 đến 2.13 và câu số 13)**

- HĐND có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề nhưng không công khai báo cáo giám sát về ngân sách.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2023.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh đã công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp nhưng không có lịch sử hoạt động.
- Trên cổng TTĐT của Sở tài chính tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp và có lịch sử hoạt động.
- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2022 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh không sử dụng các kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2023 tới người dân.
- Trên web của UBND, HĐND, Sở Tài chính tỉnh không công khai kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.

## 37. TỈNH LẠNG SƠN

| KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH LẠNG SƠN NĂM 2022 |  |                              |                           |
|---|--|------------------------------|---------------------------|
| MỨC ĐỘ MINH BẠCH<br>(CHỈ SỐ POBI 2022)                      |  | SỰ THAM GIA<br>CỦA NGƯỜI DÂN | TRÁCH NHIỆM<br>GIẢI TRÌNH |
| XẾP HẠNG<br>23  | 9/11<br>Tài liệu bắt buộc được<br>công bố  | XẾP HẠNG<br>21               | XẾP HẠNG<br>57            |
| ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br>80,38                                   | 7<br>Tài liệu được công bố<br>đúng hạn   | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br>50       | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br>12,5  |
| MỨC ĐỘ<br>CÔNG KHAI<br>ĐẦY ĐỦ                               | 1 tài liệu công bố<br>chậm, 0 tài liệu công bố<br>quá muộn hoặc không<br>rõ ngày công khai |                              |                           |

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2022, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

### Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy tỉnh Lạng Sơn đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Lạng Sơn đạt **80,38** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **23** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2022, **giảm 16 hạng** so với kết quả chấm POBI 2021.

### Kết quả chấm POBI 2022 tỉnh Lạng Sơn phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

| Mục   | Điểm POBI<br>chưa quy đổi <sup>37</sup> | Điểm POBI<br>2022 quy đổi |
|---|---|---------------------------|
| <b>A. Trụ cột sự tham gia</b>   | <b>300</b>                              | <b>4,23</b>               |
| <b>B. Trụ cột trách nhiệm giải trình</b>  | <b>100</b>                              | <b>1,41</b>               |
| <b>C. Trụ cột minh bạch ngân sách - điểm POBI 2022</b>                          | <b>5707</b>                             | <b>80,38</b>              |
| <b>Theo loại tài liệu</b>   |   |                           |
| 1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh | 1250                                    | 17,61                     |
| 2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt          | 916                                     | 12,90                     |
| 3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022                        | 400                                     | 5,63                      |
| 4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022              | 400                                     | 5,63                      |

<sup>37</sup> Đã tính trọng số

|   |      |       |
|---|------|-------|
| 5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022                              | 375  | 5,28  |
| 6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022               | 300  | 4,23  |
| 7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt                   | 1566 | 22,06 |
| 8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán đã được phê duyệt)                      | 200  | 2,82  |
| 9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2023  | 0    | 0,00  |
| 10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023                                   | 100  | 1,41  |
| 11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 | 0    | 0,00  |
| <b>Theo tiêu chí đánh giá</b>   |      |       |
| 1. Tính sẵn có  | 700  | 9,86  |
| 2. Tính kịp thời  | 575  | 8,10  |
| 3. Tính thuận tiện  | 700  | 9,86  |
| 4. Tính đầy đủ  | 3100 | 43,66 |
| 5. Tính tin cậy   | 400  | 5,63  |
| 6. Tính liên tục  | 232  | 3,27  |

Kết quả khảo sát POBI 2022 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

#### **Tính thuận tiện của tài liệu công khai**

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Lạng Sơn, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Thư mục công khai ngân sách: Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu, theo từng năm và có cập nhật nội dung.
- Trang TTĐT của HĐND tỉnh Lạng Sơn không có thư mục riêng về công khai tài liệu kỳ họp HĐND
- Định dạng của tài liệu: Các tài liệu đều được công khai ở định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng.

#### **Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai**

- Sở Tài chính tỉnh Lạng Sơn đã công khai 09/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình

thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo ngân sách công dân năm 2023, Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023.

- 02 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Kế hoạch Đầu tư công 2023, và Báo cáo kết quả thực hiện các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.

### **Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai**

Trong số 08 tài liệu ngân sách được công khai, có 07 tài liệu được công khai kịp thời.  
Cụ thể:

- 07 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022, Báo cáo NSNN dành cho công dân năm 2023 của tỉnh.
- 01 tài liệu không được công khai kịp thời là: Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

### **Tính đầy đủ của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh: có kèm thuyết minh, phản ánh 13/13 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Báo cáo có giải thích về ưu tiên cho ít nhất một chính sách chi cụ thể của địa phương tuy nhiên không kèm theo số liệu thuyết minh, ưu tiên chi ngân sách cho y tế hay an sinh xã hội/trợ cấp xã hội cũng không có số liệu thuyết minh.
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: phản ánh đầy đủ 12/13 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Thiếu biểu 50.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022: có kèm thuyết minh, phản ánh 03/03 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và so sánh tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022: có kèm thuyết minh, phản ánh 03/03 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và so sánh tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022: có kèm thuyết minh, phản ánh 02/03 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Thiếu biểu số 61. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và so sánh tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022: có kèm thuyết minh, phản ánh 02/03 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Thiếu biểu số 59. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và so sánh tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: không kèm thuyết minh, phản ánh 07/07 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343.

#### **Tính tin cậy của các tài liệu được công khai**

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 25,8%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2021 của tỉnh là 41,4%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là -0,4%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2021 của tỉnh là -0,7%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2021 của tỉnh là 2%.
- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2021 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 17,4% (tăng 17,4%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng hơn so với mức giảm của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2021 (giảm 12,5%).
- Không có số liệu cho thay đổi giữa dự toán năm 2022 và dự toán năm 2023 của chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo.
- Không có số liệu cho thay đổi giữa dự toán năm 2022 và dự toán năm 2023 của chi thường xuyên cho y tế và dân số.

### **Tính liên tục của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh được công khai trong 05 năm liên tiếp: 2019, 2020, 2021, 2022, 2023. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt chỉ được công khai trong 3 năm liên tiếp: 2021, 2022, 2023. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh (2019, 2020 và 2021) chỉ được công khai trong ba năm liên tiếp: 2019, 2020, 2021.

### **Công khai các tài liệu được khuyến khích**

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2023 của tỉnh, Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2021 hoặc 2022, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2023-2025, Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020, 2021 của tỉnh, Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

### **Sự tham gia của người dân**

- Trên cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Lạng Sơn có email và có thể sử dụng được. Thời gian phản hồi của Sở Tài chính là trong vòng 4 ngày kể từ ngày email được gửi.
- UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở tài chính tỉnh có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2023 trình HĐND
- Trên cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh 2022 và báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2022.

### **Trách nhiệm giải trình**

- HĐND tỉnh Lạng Sơn không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2023 (kỳ họp tháng 12/2022), Kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề, và báo cáo giám sát về ngân sách.
- HĐND tỉnh Lạng Sơn không công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp tuy nhiên không có lịch sử hoạt động. Trên cổng TTĐT của Sở tài chính không có thư mục hỏi đáp.



## 38. TỈNH LÀO CAI

| <b>KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH LÀO CAI NĂM 2022</b> |   |                                      |                                   |
|---|---|--------------------------------------|-----------------------------------|
| <b>MỨC ĐỘ MINH BẠCH<br/>(CHỈ SỐ POBI 2022)</b>                    |   | <b>SỰ THAM GIA<br/>CỦA NGƯỜI DÂN</b> | <b>TRÁCH NHIỆM<br/>GIẢI TRÌNH</b> |
| <b>XẾP HẠNG<br/>22</b>  | <b>10/11</b><br>Tài liệu bắt buộc được công bố  | <b>XẾP HẠNG<br/>6</b>                | <b>XẾP HẠNG<br/>1</b>             |
| <b>ĐIỂM XẾP HẠNG<br/>80,85</b>                                    | <b>5</b><br>Tài liệu được công bố đúng hạn  | <b>ĐIỂM XẾP HẠNG<br/>66,67</b>       | <b>ĐIỂM XẾP HẠNG<br/>75</b>       |
| <b>MỨC ĐỘ CÔNG KHAI ĐẦY ĐỦ</b>                                    | <b>1</b> tài liệu công bố chậm, <b>1</b> tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai |                                      |                                   |

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2022, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

### Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy tỉnh Lào Cai đã công bố ĐẦY ĐỦ thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Lào Cai đạt **80,85** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **22** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2022, **tăng 39** hạng so với kết quả chấm POBI 2021.

### Kết quả chấm POBI 2022 tỉnh Lào Cai phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

| <b>Mục</b>  | <b>Điểm POBI chưa quy đổi<sup>38</sup></b> | <b>Điểm POBI 2022 quy đổi</b> |
|---|--|-------------------------------|
| <b>A. Trụ cột sự tham gia</b>   | <b>400</b>                                 | <b>5,63</b>                   |
| <b>B. Trụ cột trách nhiệm giải trình</b>  | <b>600</b>                                 | <b>8,45</b>                   |
| <b>C. Trụ cột minh bạch ngân sách - điểm POBI 2022</b>                          | <b>5740</b>                                | <b>80,85</b>                  |
| <b>Theo loại tài liệu</b>   |  |                               |
| 1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh | 1083                                       | 15,25                         |
| 2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt          | 1300                                       | 18,31                         |
| 3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022                        | 375  | 5,28                          |
| 4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022              | 325  | 4,58                          |

<sup>38</sup> Đã tính trọng số

|   |      |       |
|---|------|-------|
| 5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022                              | 275  | 3,87  |
| 6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022               | 150  | 2,11  |
| 7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt                   | 1632 | 22,99 |
| 8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán đã được phê duyệt)                      | 0    | 0,00  |
| 9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2023  | 100  | 1,41  |
| 10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023                                   | 100  | 1,41  |
| 11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 | 100  | 1,41  |
| <b>Theo tiêu chí đánh giá</b>   |      |       |
| 1. Tính sẵn có  | 800  | 11,27 |
| 2. Tính kịp thời  | 400  | 5,63  |
| 3. Tính thuận tiện  | 800  | 11,27 |
| 4. Tính đầy đủ  | 2875 | 40,49 |
| 5. Tính tin cậy   | 632  | 8,90  |
| 6. Tính liên tục  | 233  | 3,28  |

Kết quả khảo sát POBI 2022 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

### **Tính thuận tiện của tài liệu công khai**

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Lào Cai, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT sở Tài chính tỉnh Lào Cai có thư mục riêng về công khai ngân sách. Các mục được chia rõ ràng, sắp xếp theo từng năm và có nội dung cập nhật nhằm tạo thuận lợi cho việc truy cập và tìm kiếm các loại tài liệu.
- 8 tài liệu được công khai ở định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 của UBND tỉnh gửi các đại biểu HĐND cấp tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q1/2022 của tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách 06 tháng đầu năm 2022 của tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q3/2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022, Báo cáo quyết toán NSNN năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn và Báo cáo kết quả thực hiện kết luận của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.

- 1 tài liệu được công khai ở định dạng PDF nhưng dễ dàng đọc hoặc chuyển sang định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Danh mục dự án đầu tư công đã được quyết định đầu tư trên địa bàn tỉnh năm 2023.

### **Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai**

- Sở Tài chính tỉnh An Giang đã công khai 10/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 của UBND tỉnh gửi các đại biểu HĐND cấp tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q1/2022 của tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách 06 tháng đầu năm 2022 của tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q3/2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022, Báo cáo quyết toán NSNN năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn, Danh mục dự án đầu tư công đã được quyết định đầu tư trên địa bàn tỉnh năm 2023, Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh và Báo cáo kết quả thực hiện kết luận của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.
- 1 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo NSNN dành cho công dân năm 2023 của tỉnh

### **Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai**

Trong số các tài liệu ngân sách công khai được chấm điểm kịp thời, có 5 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 5 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q1/2022 của tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách 06 tháng đầu năm 2022 của tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022 và Báo cáo quyết toán NSNN năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn.
- 2 tài liệu không được công khai kịp thời là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 của UBND tỉnh gửi các đại biểu HĐND cấp tỉnh và Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q3/2022.

### **Tính đầy đủ của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh 13/13 biểu (từ biểu 33 đến biểu 45) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 39/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản

thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo các loại thuế. Báo cáo có phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo đơn vị sử dụng ngân sách tỉnh và huyện (biểu số 44/CK-NSNN). Báo cáo có phản ánh dự toán cho các khoản thu chi các Quỹ Tài chính nhà nước ngoài ngân sách địa phương.

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu (từ biểu 46 đến biểu 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Báo cáo có phản ánh chi tiết các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia cho ngân sách tỉnh và huyện (Biểu số 57/CK-NSNN).
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Báo cáo gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn nhưng không chi tiết các mục nhỏ (mục A. Tổng nguồn thu NSNN trên địa bàn thiếu mục 2. Thu từ dầu thô và 4. Thu viện trợ).
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022: Báo cáo được công khai không kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Báo cáo gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn nhưng không chi tiết các mục nhỏ (mục A. Tổng nguồn thu NSNN trên địa bàn thiếu mục 2. Thu từ dầu thô và 4. Thu viện trợ).
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022: Báo cáo được công khai không kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Báo cáo gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn nhưng không chi tiết các mục nhỏ (mục A. Tổng nguồn thu NSNN trên địa bàn thiếu mục 2. Thu từ dầu thô và 4. Thu viện trợ).

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, không phản ánh biểu nào theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo không bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ biểu 62 đến biểu 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 06 mục lớn và các mục nhỏ. Biểu số 63/CK-NSNN phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế. Biểu số 65/CK-NSNN có phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NS).

### **Tính tin cậy của các tài liệu được công khai**

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 30%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2021 của tỉnh là 8%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là -5%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2021 của tỉnh là 9%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2021 của tỉnh là -2%.
- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2021 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 8,7% ( tăng 8,7%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2021 (giảm 20,2%).
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2023 được HĐND tỉnh quyết định so với năm 2022 là 5% (tăng 5%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên được HĐND tỉnh quyết định năm 2023 so với năm 2022 (tăng 0%).
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số của tỉnh năm 2023 được HĐND tỉnh quyết định so với năm 2022 là 593% (tăng 593%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên được HĐND tỉnh quyết định năm 2023 so với năm 2022 (tăng 0%).

### **Tính liên tục của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh được công khai ít nhất một năm bắt kỳ, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh (2019, 2020, 2021) được công khai trong năm năm liên tiếp.

### **Công khai các tài liệu được khuyến khích**

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 của tỉnh và Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021 - 2025.
- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2023 của tỉnh, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 3 năm 2023 - 2025 và Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2021 hoặc 2022.

### **Sự tham gia của người dân**

- Trên cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có email để người dân liên hệ cung cấp thông tin và email này có thể sử dụng được.
- Thời gian phản hồi/trả lời email của Sở Tài chính tỉnh là sau 30 ngày hoặc không phản hồi.
- UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2023 trình HĐND tỉnh.
- Trên cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo góp ý/báo cáo tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2022.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2022

### **Trách nhiệm giải trình**

- HĐND tỉnh có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề.
- HĐND tỉnh không công khai báo cáo giám sát về ngân sách.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2023.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách của HĐND tỉnh.

- Trên công TTĐT của HĐND tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp và có lịch sử hoạt động.
- Trên công TTĐT của sở Tài chính tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp và có lịch sử hoạt động.
- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2023 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2022, sở Tài chính tỉnh không sử dụng kênh truyền thông khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán NSNN năm 2022 tới người dân.
- Trên công TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và sở Tài chính tỉnh có công khai báo cáo kết quả thực hiện kết luận của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.



### 39. TỈNH LONG AN

| KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH LONG AN NĂM 2022 |  |                               |                                 |
|--|--|-------------------------------|---------------------------------|
| MỨC ĐỘ MINH BẠCH<br>(CHỈ SỐ POBI 2022)                     |  | SỰ THAM GIA<br>CỦA NGƯỜI DÂN  | TRÁCH NHIỆM<br>GIẢI TRÌNH       |
| XẾP HẠNG<br><b>43</b>                                      | <b>9/11</b><br>Tài liệu bắt buộc được<br>công bố   | XẾP HẠNG<br><b>21</b>         | XẾP HẠNG<br><b>29</b>           |
| ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>67,7</b>                            | <b>3</b><br>Tài liệu được công bố<br>đúng hạn  | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>50</b> | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>37,5</b> |
| <b>MỨC ĐỘ<br/>CÔNG KHAI<br/>TƯƠNG ĐỐI<br/>ĐẦY ĐỦ</b>       | <b>3</b> tài liệu công bố<br>chậm, <b>0</b> tài liệu công bố<br>quá muộn hoặc không<br>rõ ngày công khai |                               |                                 |

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2022, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

#### Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy tỉnh Long An đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Long An đạt **67,7** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **43** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2022, **tăng 13 hạng** so với kết quả chấm POBI 2021.

#### Kết quả chấm POBI 2022 tỉnh Long An phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

| Mục   | Điểm POBI<br>chưa quy đổi <sup>39</sup> | Điểm POBI<br>2022 quy đổi |
|---|---|---------------------------|
| <b>A. Trụ cột sự tham gia</b>   | <b>300</b>                              | <b>4,23</b>               |
| <b>B. Trụ cột trách nhiệm giải trình</b>  | <b>300</b>                              | <b>4,23</b>               |
| <b>C. Trụ cột minh bạch ngân sách - điểm POBI 2022</b>                          | <b>4807</b>                             | <b>67,70</b>              |
| <b>Theo loại tài liệu</b>   |   |                           |
| 1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh | 1000                                    | 14,08                     |
| 2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt          | 733                                     | 10,32                     |

<sup>39</sup> Đã tính trọng số

|   |      |       |
|---|------|-------|
| 3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022                                    | 375  | 5,28  |
| 4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022                          | 375  | 5,28  |
| 5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022                              | 375  | 5,28  |
| 6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022               | 0    | 0,00  |
| 7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt                   | 1333 | 18,77 |
| 8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán đã được phê duyệt)                      | 0    | 0,00  |
| 9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2023  | 150  | 2,11  |
| 10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023                                   | 100  | 1,41  |
| 11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 | 100  | 1,41  |
| <b>Theo tiêu chí đánh giá</b>   |      |       |
| 1. Tính sẵn có  | 750  | 10,56 |
| 2. Tính kịp thời  | 375  | 5,28  |
| 3. Tính thuận tiện  | 666  | 9,38  |
| 4. Tính đầy đủ  | 2650 | 37,32 |
| 5. Tính tin cậy   | 133  | 1,87  |
| 6. Tính liên tục  | 233  | 3,28  |

Kết quả khảo sát POBI 2022 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

### **Tính thuận tiện của tài liệu công khai**

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Long An nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Thư mục công khai ngân sách: Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu nhưng không được cập nhật nội dung. Các thông tin về ngân sách chỉ được công khai trên cổng TTĐT của UBND tỉnh.
- Định dạng của tài liệu: Trên trang TTĐT của UBND tỉnh có 5 loại tài liệu được chấm điểm về định dạng tài liệu được công khai ở dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022;

Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt. Có 2 loại tài liệu được đăng dưới dạng file pdf dễ dàng đọc hoặc chuyển sang định dạng word/excel, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Kế hoạch Đầu tư công năm 2023.

### **Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai**

- Tỉnh Long An đã công khai 9/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Kế hoạch Đầu tư công năm 2023; Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023; Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.
- 2/11 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022 và Báo cáo ngân sách công dân năm 2023.

### **Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai**

Trong số 6 tài liệu ngân sách công khai được chấm điểm kịp thời, có 3 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 3 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt.
- 3 tài liệu không được công khai kịp thời là: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022.

### **Tính đầy đủ của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai không kèm thuyết minh. Báo cáo này phản ánh 11/13 biểu (từ Biểu 33 tới Biểu 45) theo hướng dẫn của Thông tư 343, thiếu biểu số 43/CK-NSNN, 44/CK-NSNN và 45/CK-NSNN. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN)

phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Biểu 39/CK-NSNN phản ánh toàn bộ các nội dung của các lĩnh vực chi đầu tư (12 lĩnh vực). Báo cáo không phản ánh dự toán cho các khoản thu chi của các Quỹ Tài chính ngoài cân đối ngân sách của địa phương.

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh 11/13 biểu (từ Biểu 46 tới Biểu 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343, thiếu biểu số 57/CK-NSNN và 58/CK-NSNN. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và không chi tiết theo loại thuế. Báo cáo không phản ánh dự toán cho các khoản thu chi của các Quỹ Tài chính ngoài cân đối ngân sách của địa phương.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343 (từ biểu 59 đến biểu 61). Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343 (từ biểu 59 đến biểu 61). Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 34 (từ biểu 59 đến biểu 61). Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022: không được công khai
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai kèm với báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07

biểu (từ biểu số 62 đến biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/ CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ (Biểu 63/CK-NSNN). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách của tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN)

### **Tính tin cậy của các tài liệu được công khai**

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 95,9%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2021 của tỉnh là 22,1%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 18,6%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2021 của tỉnh là 23,7%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2021 của tỉnh là 14,2%.
- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2021 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 20,99% ( tăng 20,99%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức giảm của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2021 (giảm 3,38%).
- Không có số liệu dự toán năm 2022 để so sánh với thay đổi dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo và lĩnh vực y tế và dân số năm 2023.

### **Tính liên tục của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh (2017, 2018, 2019, 2020 và 2021) được công khai liên tục trong 5 năm liên tiếp 2019, 2020, 2021, 2022 và 2023.
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt chỉ được công khai trong 1 năm.

### **Công khai các tài liệu được khuyến khích**

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2021 hoặc 2022.
- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2023; Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2020, 2021 hoặc 2022; Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 3 năm 2023-2025 và Kế hoạch tài chính tỉnh 5 năm từ 2021-2025.

## **Sự tham gia của người dân**

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin và email này có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên công thông tin điện tử của Sở Tài chính, tuy nhiên nhóm không nhận được phản hồi.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh.
- Cổng TTĐT của UBND tỉnh có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo).
- Cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2022 và có công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2022.

## **Trách nhiệm giải trình**

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo giám sát về ngân sách.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2023 (kỳ họp tháng 12/2021).
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng).
- Trên cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh không có thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng).
- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2023 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2022 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh không còn sử dụng các kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2023 tới người dân.
- Trên cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh có công khai báo cáo kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

## 40. TỈNH NAM ĐỊNH

| KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH NAM ĐỊNH NĂM 2022 |  |                                  |                               |
|---|--|----------------------------------|-------------------------------|
| MỨC ĐỘ MINH BẠCH<br>(CHỈ SỐ POBI 2022)                      |  | SỰ THAM GIA<br>CỦA NGƯỜI DÂN     | TRÁCH NHIỆM<br>GIẢI TRÌNH     |
| XẾP HẠNG<br><b>46</b>                                       | <b>8/11</b><br>Tài liệu bắt buộc được<br>công bố   | XẾP HẠNG<br><b>49</b>            | XẾP HẠNG<br><b>43</b>         |
| ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>64,28</b>                            | <b>7</b><br>Tài liệu được công bố<br>đúng hạn  | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>16,67</b> | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>25</b> |
| <b>MỨC ĐỘ<br/>CÔNG KHAI<br/>TƯƠNG ĐỐI<br/>ĐẦY ĐỦ</b>        | <b>0</b> tài liệu công bố<br>chậm, <b>0</b> tài liệu công bố<br>quá muộn hoặc không<br>rõ ngày công khai |                                  |                               |

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2022, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

### Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy tỉnh Nam Định đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Nam Định đạt **64,28** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **46** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2022, **tăng 6 hạng** so với kết quả chấm POBI 2021.

### Kết quả chấm POBI 2022 tỉnh Nam Định phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

| Mục   | Điểm POBI<br>chưa quy đổi <sup>40</sup> | Điểm POBI<br>2022 quy đổi |
|---|---|---------------------------|
| <b>A. Trụ cột sự tham gia</b>   | <b>100</b>                              | <b>1,41</b>               |
| <b>B. Trụ cột trách nhiệm giải trình</b>  | <b>200</b>                              | <b>2,82</b>               |
| <b>C. Trụ cột minh bạch ngân sách - điểm POBI 2022</b>                          | <b>4564</b>                             | <b>64,28</b>              |
| <b>Theo loại tài liệu</b>   |   |                           |
| 1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh | 33                                      | 0,46                      |
| 2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt          | 999                                     | 14,07                     |

<sup>40</sup> Đã tính trọng số



|   |      |       |
|---|------|-------|
| 3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022                                    | 375  | 5,28  |
| 4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022                          | 375  | 5,28  |
| 5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022                              | 375  | 5,28  |
| 6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022               | 375  | 5,28  |
| 7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt                   | 1382 | 19,46 |
| 8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán đã được phê duyệt)                      | 200  | 2,82  |
| 9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2023  | 150  | 2,11  |
| 10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023                                   | 0    | 0,00  |
| 11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 | 0    | 0,00  |
| <b>Theo tiêu chí đánh giá</b>   |      |       |
| 1. Tính sẵn có  | 600  | 8,45  |
| 2. Tính kịp thời  | 500  | 7,04  |
| 3. Tính thuận tiện  | 550  | 7,75  |
| 4. Tính đầy đủ  | 2349 | 33,08 |
| 5. Tính tin cậy   | 332  | 4,68  |
| 6. Tính liên tục  | 233  | 3,28  |

Kết quả khảo sát POBI 2022 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

#### **Tính thuận tiện của tài liệu công khai**

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Nam Định, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính thành phố Nam Định có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu, theo từng năm và có cập nhật nội dung.
- Các tài liệu đều được công khai bằng định dạng file PDF chưa tối ưu cho việc sử dụng tài liệu.

#### **Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai**

- Sở Tài chính tỉnh Nam Định đã công khai 8/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo

cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022, Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn, Kế hoạch Đầu tư công của tỉnh năm 2023, Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt).

- 3 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh (do không công khai theo Thông tư 343), Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023, Báo cáo kết quả thực hiện các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.

### **Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai**

Trong số 7 tài liệu ngân sách công khai được chấm điểm kịp thời, có 7 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 7 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định (30/12/2022), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022 (12/04/2022), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022 (13/07/2022), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022 (12/10/2022), Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022 (10/01/2023), Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn (19/12/2022), Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt) (26/12/2022).
- 0 tài liệu không được công khai kịp thời

### **Tính đầy đủ của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo không kèm theo thuyết minh. Phản ánh đủ 11/13 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343 (từ biểu 46 đến biểu 58), thiếu biểu 54, biểu 55. Phần chi tiết biểu 48 phản ánh 15/18 các khoản thu cụ thể cấu thành nguồn thu nội địa (thiếu Thu tiền sử dụng đất, Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước, Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản) và Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý, Thu từ khu vực DNNN do Địa phương quản lý, Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh, Thu phí và lệ phí, Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết chưa chi tiết theo sắc thuế.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022: Báo cáo có kèm theo thuyết minh. Phản ánh đủ 3/3 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343 (từ biểu 59 đến biểu 61). Báo cáo có bao gồm thông tin so sánh với dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59 có phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022: Báo cáo có kèm theo thuyết minh. Phản ánh đủ 3/3 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343 (từ biểu 59 đến biểu 61). Báo cáo có bao gồm thông tin so sánh với dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59 có phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022: Báo cáo có kèm theo thuyết minh. Phản ánh đủ 3/3 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343 (từ biểu 59 đến biểu 61). Báo cáo có bao gồm thông tin so sánh với dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59 có phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022: Báo cáo có kèm theo thuyết minh. Phản ánh đủ 3/3 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343 (từ biểu 59 đến biểu 61). Báo cáo có bao gồm thông tin so sánh với dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59 có phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo có kèm theo thuyết minh. Phản ánh đủ 7/7 theo hướng dẫn của Thông tư 343 (từ biểu 62 đến biểu 68). Phần chi tiết biểu 63 phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành nguồn thu nội địa nhưng Thu phí và lệ phí, Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết chưa chi tiết theo sắc thuế.

### **Tính tin cậy của các tài liệu được công khai**

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 50%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2021 của tỉnh là 39%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 9%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2021 của tỉnh là 42%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2021 của tỉnh là -4%.
- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2021 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 2% (tăng 2%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này cao hơn so

với mức tăng của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2021 (giảm 21,45%).

- Thay đổi giữa chi thường xuyên hàng năm cho GDDT năm 2023 so với 2022 là 1,27% (tăng 1,27%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng thấp hơn so với tổng chi thường xuyên ngân sách tỉnh năm 2023 so với 2022 là 10,8% (tăng 10,8%).
- Thay đổi giữa chi thường xuyên hàng năm cho Y tế và dân số năm 2023 so với 2022 là 5,24% (tăng 5,24%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng thấp hơn so với tổng chi thường xuyên ngân sách tỉnh năm 2023 so với 2022 là 10,8% (tăng 10,8%).

### **Tính liên tục của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh được công khai trong 4 năm (2019,2020,2021,2023), thiếu năm 2022.
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt được công khai trong 5 năm liên tiếp (2019,2020,2021,2022,2023).
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh (2017, 2018, 2019, 2020 và 2021) được công khai trong 5 năm liên tiếp.

### **Công khai các tài liệu được khuyến khích**

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2023-2025.
- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2023, Kết quả kiểm toán ngân sách nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021, Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2020 hoặc 2021, Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

### **Sự tham gia của người dân**

- Trên cổng TTĐT của Sở Tài chính có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin và có thể sử dụng được.
- Thời gian phản hồi/trả lời của Sở là sau 30 ngày hoặc không phản hồi.
- UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở tài chính tỉnh không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2023 trình HĐND tỉnh.
- Trên cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo).

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2022.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2022.

### **Trách nhiệm giải trình**

- HĐND có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề .
- HĐND không công khai báo cáo giám sát về ngân sách.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2023 (Kỳ họp tháng 12/2022).
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh (bao gồm báo cáo thẩm tra quyết toán năm 2021 hoặc dự thảo dự toán năm 2023).
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng) nhưng không có lịch sử hoạt động.
- Trên cổng TTĐT của Sở tài chính tỉnh có thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng) nhưng không có lịch sử hoạt động.
- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2023 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2022 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh không sử dụng các kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2023 tới người dân.
- Trang web của UBND, HDND, Sở Tài chính tỉnh không công khai báo cáo kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc hoặc 2021.

## 41. TỈNH NGHỆ AN

| KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH NGHỆ AN NĂM 2022 |  |                                  |                               |
|--|--|----------------------------------|-------------------------------|
| MỨC ĐỘ MINH BẠCH<br>(CHỈ SỐ POBI 2022)                     |  | SỰ THAM GIA<br>CỦA NGƯỜI DÂN     | TRÁCH NHIỆM<br>GIẢI TRÌNH     |
| XẾP HẠNG<br><b>15</b>                                      | <b>11/11</b><br>Tài liệu bắt buộc được<br>công bố  | XẾP HẠNG<br><b>20</b>            | XẾP HẠNG<br><b>1</b>          |
| ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>84,08</b>                           | <b>8</b><br>Tài liệu được công bố<br>đúng hạn  | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>58,33</b> | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>75</b> |
| <b>MỨC ĐỘ<br/>CÔNG KHAI<br/>ĐẦY ĐỦ</b>                     | <b>0</b> tài liệu công bố<br>chậm, <b>0</b> tài liệu công bố<br>quá muộn hoặc không<br>rõ ngày công khai |                                  |                               |

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2022, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

### Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy tỉnh Nghệ An đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Nghệ An đạt **84,08** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **15** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2022, **tăng 7 hạng** so với kết quả chấm POBI 2021.

### Kết quả chấm POBI 2022 tỉnh Nghệ An phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

| Mục   | Điểm POBI<br>chưa quy đổi <sup>41</sup> | Điểm POBI<br>2022 quy đổi |
|---|---|---------------------------|
| <b>A. Trụ cột sự tham gia</b>   | <b>350</b>                              | <b>4,93</b>               |
| <b>B. Trụ cột trách nhiệm giải trình</b>  | <b>600</b>                              | <b>8,45</b>               |
| <b>C. Trụ cột minh bạch ngân sách - điểm POBI 2022</b>                          | <b>5970</b>                             | <b>84,08</b>              |
| <b>Theo loại tài liệu</b>   |   |                           |
| 1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh | 1132                                    | 15,94                     |
| 2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt          | 998                                     | 14,06                     |

<sup>41</sup> Đã tính trọng số

|   |      |       |
|---|------|-------|
| 3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022                                    | 400  | 5,63  |
| 4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022                          | 400  | 5,63  |
| 5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022                              | 375  | 5,28  |
| 6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022               | 400  | 5,63  |
| 7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt                   | 1365 | 19,23 |
| 8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán đã được phê duyệt)                      | 200  | 2,82  |
| 9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2023  | 200  | 2,82  |
| 10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023                                   | 100  | 1,41  |
| 11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 | 100  | 1,41  |
| <b>Theo tiêu chí đánh giá</b>   |      |       |
| 1. Tính sẵn có  | 900  | 12,68 |
| 2. Tính kịp thời  | 600  | 8,45  |
| 3. Tính thuận tiện  | 900  | 12,68 |
| 4. Tính đầy đủ  | 3107 | 43,76 |
| 5. Tính tin cậy   | 265  | 3,73  |
| 6. Tính liên tục  | 198  | 2,79  |

Kết quả khảo sát POBI 2022 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

#### **Tính thuận tiện của tài liệu công khai**

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Nghệ An, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính thành phố Lai Châu có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu, theo từng năm và có cập nhật nội dung.
- Các tài liệu đều được công khai bằng định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng.

#### **Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai**

- Sở Tài chính tỉnh Nghệ An đã công khai 11/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự



toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022, Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn, Kế hoạch Đầu tư công của tỉnh năm 2023, Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt), Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023, Báo cáo kết quả thực hiện các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.

- 0 loại tài liệu ngân sách không công khai

### **Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai**

Trong số 8 tài liệu ngân sách công khai được tính điểm kịp thời, có 8 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 8 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh (29/11/2022), Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định (09/12/2022), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022 (14/03/2022), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022 (01/07/2022), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022 (16/09/2022), Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022 (15/12/2022), Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn (09/12/2022), Kế hoạch Đầu tư công của tỉnh năm 2023 (09/12/2022), Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt) (06/01/2023).
- 0 tài liệu không được công khai kịp thời

### **Tính đầy đủ của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh: Báo cáo có kèm theo thuyết minh. Phản ánh đủ 13/13 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343 (từ biểu 33 đến biểu 45). Phần chi tiết biểu 35 phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành nguồn thu nội địa nhưng Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý, Thu từ khu vực DNNN do Địa phương quản lý, Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh, Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết chưa chi tiết theo sắc thuế. Chưa phản ánh dự toán cho các khoản thu chi các Quỹ Tài chính nhà nước ngoài ngân sách của địa phương.

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo không kèm theo thuyết minh. Phản ánh đủ 13/13 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343 (từ biểu 46 đến biểu 58). Phần chi tiết biểu 48 phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành nguồn thu nội địa nhưng Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý, Thu từ khu vực DNNN do Địa phương quản lý, Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh, Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết chưa chi tiết theo sắc thuế. Chưa phản ánh dự toán cho các khoản thu chi các Quỹ Tài chính nhà nước ngoài ngân sách của địa phương.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022: Báo cáo có kèm theo thuyết minh. Phản ánh đủ 3/3 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343 (từ biểu 59 đến biểu 61). Báo cáo có bao gồm thông tin so sánh với dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59 có phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022: Báo cáo có kèm theo thuyết minh. Phản ánh đủ 3/3 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343 (từ biểu 59 đến biểu 61). Báo cáo có bao gồm thông tin so sánh với dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59 có phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022: Báo cáo có kèm theo thuyết minh. Phản ánh đủ 2/3 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343 (từ biểu 59 đến biểu 61) (trong file có 2 biểu 59, thiếu biểu 60). Báo cáo có bao gồm thông tin so sánh với dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59 có phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022: Báo cáo có kèm theo thuyết minh. Phản ánh đủ 3/3 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343 (từ biểu 59 đến biểu 61). Báo cáo có bao gồm thông tin so sánh với dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59 có phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo có kèm theo thuyết minh. Phản ánh đủ 7/7 theo hướng dẫn của Thông tư 343 (từ biểu 62 đến biểu 68). Phần chi tiết biểu 63 phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành nguồn thu nội địa và đã chi tiết theo sắc thuế.

### **Tính tin cậy của các tài liệu được công khai**

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 52%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2021 của tỉnh là 46%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 8%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2021 của tỉnh là 47%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2021 của tỉnh là -3%.
- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2021 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là -60,88% (giảm 60,88%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này giảm mạnh hơn so với mức tăng của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2021 (giảm 48,25%).
- Thay đổi giữa chi thường xuyên hàng năm cho GDĐT năm 2023 so với 2022 là 12,4% (tăng 12,4%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng ít hơn so với tổng chi thường xuyên ngân sách tỉnh năm 2023 so với 2022 là 26,9% (tăng 26,9%).
- Thay đổi giữa chi thường xuyên hàng năm cho Y tế và dân số năm 2023 so với 2022 là 8,2% (tăng 8,2%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng ít hơn so với tổng chi thường xuyên ngân sách tỉnh năm 2023 so với 2022 là 26,9% (tăng 26,9%).

### **Tính liên tục của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh được công khai trong 5 năm liên tiếp (2019,2020,2021,2022,2023).
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt được công khai trong 5 năm liên tiếp (2019,2020,2021,2022,2023).
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh được công khai trong 4 năm (2017, 2018, 2019 và 2021), thiếu năm 2020.

### **Công khai các tài liệu được khuyến khích**

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2021.
- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2023, Kết quả kiểm toán ngân sách nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2023-2025, Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

## **Sự tham gia của người dân**

- Trên cổng TTĐT của Sở Tài chính có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin và có thể sử dụng được.
- Thời gian phản hồi/ trả lời của Sở là trong vòng từ ngày thứ 16 đến ngày thứ 30 kể từ ngày gửi. (ngày gửi: 11/01/2023 - ngày phản hồi: 30/01/2023)
- UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở tài chính tỉnh có thông báo mời góp ý trên cổng thông tin hoặc có quyết định về việc lấy ý kiến góp ý của người dân về Dự thảo dự toán 2023 bằng văn bản hoặc trên trang web.
- Trên cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook)
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2022.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2022.

## **Trách nhiệm giải trình**

- HĐND có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề .
- HĐND không công khai báo cáo giám sát về ngân sách.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2023 (Kỳ họp tháng 12/2022).
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh (bao gồm báo cáo thẩm tra quyết toán năm 2021 hoặc dự thảo dự toán năm 2023).
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng) nhưng không có lịch sử hoạt động.
- Trên cổng TTĐT của Sở tài chính tỉnh có thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng) nhưng không có lịch sử hoạt động.
- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2023 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2022 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh có sử dụng 3 kênh truyền thông (báo mạng, Facebook, đưa tin trên Đài Truyền hình Nghệ An) để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2023 tới người dân.
- Trang web của UBND, HDND, Sở Tài chính tỉnh có công khai báo cáo kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc hoặc 2021.

## 42. TỈNH NINH BÌNH

| KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH NINH BÌNH NĂM 2022 |  |                               |                                 |
|--|--|-------------------------------|---------------------------------|
| MỨC ĐỘ MINH BẠCH<br>(CHỈ SỐ POBI 2022)                       |  | SỰ THAM GIA<br>CỦA NGƯỜI DÂN  | TRÁCH NHIỆM<br>GIẢI TRÌNH       |
| XẾP HẠNG<br><b>6</b>   | <b>9/11</b><br>Tài liệu bắt buộc được<br>công bố   | XẾP HẠNG<br><b>21</b>         | XẾP HẠNG<br><b>57</b>           |
| ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>90</b>                                | <b>6</b><br>Tài liệu được công bố<br>đúng hạn  | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>50</b> | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>12,5</b> |
| <b>MỨC ĐỘ<br/>CÔNG KHAI<br/>ĐẦY ĐỦ</b>                       | <b>2</b> tài liệu công bố<br>chậm, <b>0</b> tài liệu công bố<br>quá muộn hoặc không<br>rõ ngày công khai |                               |                                 |

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2022, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

### Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy tỉnh Ninh Bình đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Ninh Bình đạt **90** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **6** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2022, **tăng 41** hạng so với kết quả chấm POBI 2021.

### Kết quả chấm POBI 2022 tỉnh Ninh Bình phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

| Mục   | Điểm POBI<br>chưa quy đổi <sup>42</sup> | Điểm POBI<br>2022 quy đổi |
|---|---|---------------------------|
| <b>A. Trụ cột sự tham gia</b>   | <b>300</b>                              | <b>4,23</b>               |
| <b>B. Trụ cột trách nhiệm giải trình</b>  | <b>100</b>                              | <b>1,41</b>               |
| <b>C. Trụ cột minh bạch ngân sách - điểm POBI 2022</b>                          | <b>6390</b>                             | <b>90,00</b>              |
| <b>Theo loại tài liệu</b>   |   |                           |
| 1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh | 1550                                    | 21,83                     |
| 2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt          | 1233                                    | 17,37                     |
| 3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022                        | 400                                     | 5,63                      |
| 4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022              | 400                                     | 5,63                      |

<sup>42</sup> Đã tính trọng số

|   |      |       |
|---|------|-------|
| 5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022                              | 400  | 5,63  |
| 6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022               | 375  | 5,28  |
| 7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt                   | 1432 | 20,17 |
| 8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán đã được phê duyệt)                      | 200  | 2,82  |
| 9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2023  | 200  | 2,82  |
| 10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023                                   | 0    | 0,00  |
| 11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 | 0    | 0,00  |
| <b>Theo tiêu chí đánh giá</b>   |      |       |
| 1. Tính sẵn có  | 700  | 9,86  |
| 2. Tính kịp thời  | 525  | 7,39  |
| 3. Tính thuận tiện  | 800  | 11,27 |
| 4. Tính đầy đủ  | 3700 | 52,11 |
| 5. Tính tin cậy   | 399  | 5,62  |
| 6. Tính liên tục  | 266  | 3,75  |

Kết quả khảo sát POBI 2022 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

### **Tính thuận tiện của tài liệu công khai**

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Ninh Bình, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Thư mục công khai ngân sách: Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu, theo từng năm và có cập nhật nội dung.
- Trang TTĐT của HĐND tỉnh Ninh Bình không truy cập vào được
- Định dạng của tài liệu: Các tài liệu phần lớn đều được công khai ở định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng

### **Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai**

- Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình đã công khai 09/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách



tính 6 tháng đầu năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo ngân sách công dân năm 2023, Kế hoạch Đầu tư công năm 2023.

- 01 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023, Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.

### **Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai**

Trong số 08 tài liệu ngân sách công khai được chấm điểm kịp thời, có 06 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 06 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2022, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo ngân sách công dân năm 2023.
- 02 tài liệu công khai muộn là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022.

### **Tính đầy đủ của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh: có kèm thuyết minh, phản ánh 13/13 biểu theo Thông tư 343. Thuyết minh báo cáo có giải thích về ưu tiên cho ít nhất một chính sách cụ thể của địa phương và kèm theo số liệu thuyết minh, ưu tiên chi ngân sách cho y tế hay ưu tiên cho an sinh xã hội/trợ cấp xã hội.
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: phản ánh 13/13 biểu theo Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022: có kèm thuyết minh, phản ánh 03/03 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022: có kèm thuyết minh, phản ánh 03/03 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định.



- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022: có kèm thuyết minh, phản ánh 03/03 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022: có kèm thuyết minh, phản ánh 03/03 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: có kèm thuyết minh, phản ánh 07/07 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343.

### **Tính tin cậy của các tài liệu được công khai**

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 133%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2021 của tỉnh là 43%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 1%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2021 của tỉnh là 173%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2021 của tỉnh là -8%.
- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2021 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là -0,24% (giảm 0,24%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này giảm thấp hơn so với mức giảm của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2021 (giảm 24,7%).
- Thay đổi giữa dự toán năm 2022 và dự toán năm 2023 của chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo là 17,9% (tăng 17,9%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng nhanh hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023 so với năm 2022 (tăng 3,8%).
- Thay đổi giữa dự toán năm 2022 và dự toán năm 2023 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là -4,27% (giảm 4,27%). Thay đổi này là không phù hợp. Mức thay đổi này giảm so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023 so với năm 2022 (tăng 3,8%).

### **Tính liên tục của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm đã được HĐND tỉnh phê duyệt được công khai trong 05 năm liên tiếp 2018, 2019, 2020, 2021, 2022. Tuy vậy, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh được công khai trong 04 năm liên tiếp 2018, 2019, 2020, 2021.

### **Công khai các tài liệu được khuyến khích**

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Báo cáo tài chính tỉnh năm 2021 hoặc 2022, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2023-2025.
- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025, Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2023 của tỉnh, Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020, 2021 của tỉnh.

### **Sự tham gia của người dân**

- Trên cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình có email và có thể sử dụng được. Tuy vậy, không có phản hồi email.
- UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở tài chính tỉnh không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2023 trình HĐND.
- Trên cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh 2022 và báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2022.

### **Trách nhiệm giải trình**

- HĐND tỉnh Ninh Bình không công khai Kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề, biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của thành phố năm 2023 (kỳ họp tháng 12/2022), Báo cáo giám sát về ngân sách, Báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh và Sở tài chính tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp nhưng không có lịch sử hoạt động.

### 43. TỈNH NINH THUẬN

| KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH NINH THUẬN NĂM 2022 |   |                              |                              |
|---|---|------------------------------|------------------------------|
| MỨC ĐỘ MINH BẠCH<br>(CHỈ SỐ POBI 2022)                        |   | SỰ THAM GIA<br>CỦA NGƯỜI DÂN | TRÁCH NHIỆM<br>GIẢI TRÌNH    |
| XẾP HẠNG<br><b>37</b>   | <b>09/11</b><br>Tài liệu bắt buộc được công bố  | XẾP HẠNG<br><b>21</b>        | XẾP HẠNG<br><b>10</b>        |
| ĐIỂM XẾP HẠNG<br><b>73,58</b>                                 | <b>08</b><br>Tài liệu được công bố đúng hạn   | ĐIỂM XẾP HẠNG<br><b>50</b>   | ĐIỂM XẾP HẠNG<br><b>62,5</b> |
| <b>MỨC ĐỘ CÔNG KHAI TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ</b>                      | <b>0</b> tài liệu công bố chậm, <b>0</b> tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai |                              |                              |

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2022, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

#### Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy tỉnh Ninh Thuận đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Ninh Thuận đạt **73,58** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **37** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2022, **tăng 3 hạng** so với kết quả chấm POBI 2021.

#### Kết quả chấm POBI 2022 tỉnh Ninh Thuận phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

| Mục   | Điểm POBI chưa quy đổi <sup>43</sup> | Điểm POBI 2022 quy đổi |
|---|--------------------------------------|------------------------|
| <b>A. Trụ cột sự tham gia</b>   | <b>300</b>                           | <b>4,23</b>            |
| <b>B. Trụ cột trách nhiệm giải trình</b>  | <b>500</b>                           | <b>7,04</b>            |
| <b>C. Trụ cột minh bạch ngân sách - điểm POBI 2022</b>                          | <b>5224</b>                          | <b>73,58</b>           |
| <b>Theo loại tài liệu</b>   |                                      |                        |
| 1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh | 800                                  | 11,27                  |
| 2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt          | 1133                                 | 15,96                  |

<sup>43</sup> Đã tính trọng số

|   |      |       |
|---|------|-------|
| 3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022                                    | 400  | 5,63  |
| 4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022                          | 400  | 5,63  |
| 5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022                              | 400  | 5,63  |
| 6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022               | 225  | 3,17  |
| 7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt                   | 1266 | 17,83 |
| 8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán đã được phê duyệt)                      | 200  | 2,82  |
| 9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2023  | 100  | 1,41  |
| 10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023                                   | 0    | 0,00  |
| 11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 | 0    | 0,00  |
| <b>Theo tiêu chí đánh giá</b>   |      |       |
| 1. Tính sẵn có  | 700  | 9,86  |
| 2. Tính kịp thời  | 600  | 8,45  |
| 3. Tính thuận tiện  | 775  | 10,92 |
| 4. Tính đầy đủ  | 2650 | 37,32 |
| 5. Tính tin cậy   | 199  | 2,80  |
| 6. Tính liên tục  | 300  | 4,23  |

Kết quả khảo sát POBI 2022 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

### **Tính thuận tiện của tài liệu công khai**

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Ninh Thuận, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Thư mục công khai ngân sách: Cổng TTĐT của Sở Tài chính có thư mục riêng về công khai ngân sách. Các tài liệu được phân chia cụ thể theo tài liệu hoặc theo năm và có nội dung mới được cập nhật. Website của HĐND tỉnh có thư mục riêng về tài liệu kỳ họp của HĐND tỉnh.
- Định dạng của tài liệu: Các tài liệu phần lớn đều được công khai dưới dạng Microsoft word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng.

### **Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai**

- Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận đã công khai 09/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn; Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 và Kế hoạch Đầu tư công của tỉnh năm 2023.
- 02 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2023 và Báo cáo kết quả thực hiện các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2021.

### **Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai**

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có 08 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 08 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn và Báo cáo ngân sách công dân năm 2023.

### **Tính đầy đủ của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh có kèm thuyết minh, phản ánh từ 7 đến 12 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 33 phản ánh đầy đủ 5 mục lớn nhưng không chi tiết các mục nhỏ. Thuyết minh báo cáo có giải thích về ưu tiên cho ít nhất một chính sách chi cụ thể của địa phương kèm số liệu thuyết minh; có ưu tiên chi ngân sách cho y tế và an sinh xã hội/trợ cấp xã hội, và đều có kèm số liệu thuyết minh.
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo này phản ánh 13/13 biểu (từ Biểu 46 tới Biểu 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18

mục nhỏ) và chi tiết theo các loại thuế. Báo cáo không phản ánh dự toán cho các khoản chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, nhưng phản ánh đầy đủ 03 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được phê duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, nhưng phản ánh đầy đủ 03 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được phê duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, nhưng phản ánh đầy đủ 03 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được phê duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, nhưng không phản ánh đầy đủ 03 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) về ngân sách địa phương theo mẫu quy định. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được phê duyệt của cả năm nhưng không so sánh với tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSN không phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ Biểu số 62 đến Biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế (Biểu số 63/CK-NSNN). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo phản ánh đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện, trong đó

phản ánh chi tiết về quyết toán số vốn trong nước và số vốn ngoài nước cho từng chương trình mục tiêu (Biểu số 68/CK-NSNN).

### **Tính tin cậy của các tài liệu được công khai**

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 94%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2021 của tỉnh là 30%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 33%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2021 của tỉnh là 14%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2021 của tỉnh là 63%.
- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2021 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 1,2% (tăng 1,2%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng ít hơn so với mức tăng của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2021 (tăng 12,7%).
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên hàng năm cho giáo dục và đào tạo năm 2023 so với 2022 là 4,3% (tăng 4,3%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng nhiều hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023 so với 2022 (tăng 1,8%).
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên hàng năm cho y tế và dân số năm 2023 so với 2022 là 1,5% (tăng 1,5%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng ít hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023 so với 2022 (tăng 1,8%).

### **Tính liên tục của tài liệu được công khai**

- Trong các tài liệu công khai chỉ có Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt được công khai trong năm năm liên tiếp.

### **Công khai các tài liệu được khuyến khích**

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2023; Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2021 hoặc 2022; Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2023-2025 và Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025
- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Kết quả kiểm toán ngân sách nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.



## **Sự tham gia của người dân**

- Trang TTĐT của Sở Tài chính không có thư mục hỏi đáp, tuy nhiên có email và có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng TTĐT của Sở Tài chính vào ngày 11/01/2023, tuy nhiên nhóm không nhận được phản hồi.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh.
- Cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo).
- Cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND và công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2022.

## **Trách nhiệm giải trình**

- HĐND tỉnh có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề; có công khai báo cáo giám sát về ngân sách trên cổng TTĐT của HĐND và có công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2023 (kỳ họp tháng 12/2022).
- Cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh và Sở Tài chính đều không công khai thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng).
- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2023 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2022 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh không còn sử dụng các kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2023 tới người dân.
- Trang web của Sở Tài chính có công khai báo cáo kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc năm 2021.

## 44. TỈNH PHÚ THỌ

| KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH PHÚ THỌ NĂM 2022 |  |                              |                           |
|--|--|------------------------------|---------------------------|
| MỨC ĐỘ MINH BẠCH<br>(CHỈ SỐ POBI 2022)                     |  | SỰ THAM GIA<br>CỦA NGƯỜI DÂN | TRÁCH NHIỆM<br>GIẢI TRÌNH |
| XẾP HẠNG<br>25   | 8<br>tài liệu bắt buộc được<br>công bố   | XẾP HẠNG<br>49               | XẾP HẠNG<br>57            |
| ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br>80,15                                  | 7<br>tài liệu được công bố<br>đúng hạn   | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br>16,67    | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br>12,5  |
| MỨC ĐỘ<br>CÔNG KHAI<br>ĐẦY ĐỦ                              | 0 tài liệu công bố chậm,<br>0 tài liệu công bố quá<br>muộn hoặc không rõ<br>ngày công khai |                              |                           |

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2022, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

### Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy tỉnh Phú Thọ đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Phú Thọ đạt **80,15** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **25** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2022, **tăng 24 hạng** so với kết quả chấm POBI 2021.

### Kết quả chấm POBI 2022 tỉnh Phú Thọ phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

| Mục   | Điểm POBI<br>chưa quy đổi <sup>44</sup> | Điểm POBI<br>2022 quy đổi |
|---|---|---------------------------|
| <b>A. Trụ cột sự tham gia</b>   | <b>100</b>                              | <b>1,41</b>               |
| <b>B. Trụ cột trách nhiệm giải trình</b>  | <b>100</b>                              | <b>1,41</b>               |
| <b>C. Trụ cột minh bạch ngân sách - điểm POBI 2022</b>                          | <b>5691</b>                             | <b>80,15</b>              |
| <b>Theo loại tài liệu</b>   |   |                           |
| 1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh | 1250                                    | 17,61                     |
| 2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt          | 1066                                    | 15,01                     |
| 3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022                        | 375                                     | 5,28                      |
| 4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022              | 400                                     | 5,63                      |

<sup>44</sup> Đã tính trọng số

|   |      |       |
|---|------|-------|
| 5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022                              | 400  | 5,63  |
| 6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022               | 400  | 5,63  |
| 7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt                   | 1400 | 19,72 |
| 8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán đã được phê duyệt)                      | 0    | 0,00  |
| 9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2023  | 200  | 2,82  |
| 10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023                                   | 0    | 0,00  |
| 11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 | 0    | 0,00  |
| <b>Theo tiêu chí đánh giá</b>   |      |       |
| 1. Tính sẵn có  | 600  | 8,45  |
| 2. Tính kịp thời  | 500  | 7,04  |
| 3. Tính thuận tiện  | 725  | 10,21 |
| 4. Tính đầy đủ  | 3300 | 46,48 |
| 5. Tính tin cậy   | 266  | 3,75  |
| 6. Tính liên tục  | 300  | 4,23  |

Kết quả khảo sát POBI 2022 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

### **Tính thuận tiện của tài liệu công khai**

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Phú Thọ nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu và có cập nhật nội dung
- Trong số các tài liệu được công khai, có 06 tài liệu được công bố bằng định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng đó là: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 2 (6 tháng đầu năm) năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 3 (9 tháng đầu năm) năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021, Danh mục đầu tư dự án công năm 2023. Còn lại 02 tài liệu đều được công bố bằng định dạng PDF nhưng dễ dàng chuyển sang định dạng word/excel bao gồm: Báo cáo dự thảo dự

toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2022

### **Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai**

- Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ đã công khai 08/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 2 (6 tháng đầu năm) năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 3 (9 tháng đầu năm) năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021, Danh mục đầu tư dự án công năm 2023.
- 03 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo ngân sách nhà nước dành cho công dân năm 2023 (cho dự thảo trình/dự toán được duyệt), Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023, Báo cáo kết quả thực hiện các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.

### **Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai**

- Trong số 07 tài liệu ngân sách được công khai, có 07 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh (29/11/2022), Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định (9/1/2023), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2022 (14/4/2022), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 2 (6 tháng đầu năm) năm 2022 (4/7/2022), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 3 (9 tháng đầu năm) năm 2022 (14/10/2022), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022 (29/11/2022), Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 (27/10/2022).

### **Tính đầy đủ của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm thuyết minh. Báo cáo này phản ánh 13 biểu (từ Biểu 33 tới Biểu 45) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CKNSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 39/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự án chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo các loại thuế. Báo cáo cũng phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 44/CK-NSNN).

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu (từ biểu 46 đến biểu 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/ CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Báo cáo có cung cấp biểu 57/CK-NSNN về chi chương trình mục tiêu quốc gia. Báo cáo cũng không phản ánh dự toán cho các khoản thu chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/ 84 Chỉ số công khai ngân sách tỉnh POBI 2021 CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/ CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai không kèm với báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ biểu số 62 đến biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu

quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế (Biểu 63/CK-NSNN). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách của tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN).

### **Tính tin cậy của các tài liệu được công khai**

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 47%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2021 của tỉnh là 70%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 47%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2021 của tỉnh là 292%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2021 của tỉnh là 1%.
- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2021 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 9.7% (tăng 9.7%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng thấp hơn so với mức giảm của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2021 (giảm -14%).
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định là 5.4%. Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng thấp hơn so với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023 so với năm 2022 (7%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho y tế và dân số năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định là -6.4%. Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này giảm thấp hơn so với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023 so với năm 2022 (7%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

### **Tính liên tục của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh được công khai năm năm liên tiếp (2019, 2020, 2021, 2022 và 2023)

## **Công khai các tài liệu được khuyến khích**

- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh năm 2019 2020 hoặc 2021; Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2021 hoặc 2022; Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 3 năm 2023-2025 và Kế hoạch tài chính tỉnh 5 năm 2021-2025

## **Sự tham gia của người dân**

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin và email này có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng TTĐT của Sở Tài chính, tuy nhiên nhóm không nhận được phản hồi.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh.
- Cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo).
- TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND và không công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2022.

## **Trách nhiệm giải trình**

- Cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề; không công khai báo cáo giám sát về ngân sách.
- Cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai biên bản kỳ họp/ thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022 (kỳ họp tháng 12/2022).
- Cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng) và Sở Tài chính có công khai thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng).
- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2023 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2023 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh không còn sử dụng các kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2023 tới người dân.
- Trang web của Sở Tài chính không công khai báo cáo kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc năm 2021.



## 45. TỈNH PHÚ YÊN

| KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH PHÚ YÊN NĂM 2022 |  |                                  |                                  |
|--|--|----------------------------------|----------------------------------|
| MỨC ĐỘ MINH BẠCH<br>(CHỈ SỐ POBI 2022)                     |  | SỰ THAM GIA<br>CỦA NGƯỜI DÂN     | TRÁCH NHIỆM<br>GIẢI TRÌNH        |
| XẾP HẠNG<br><b>49</b>                                      | <b>9/11</b><br>Tài liệu bắt buộc được<br>công bố   | XẾP HẠNG<br><b>49</b>            | XẾP HẠNG<br><b>52</b>            |
| ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>59,93</b>                           | <b>4</b><br>Tài liệu được công bố<br>đúng hạn  | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>16,67</b> | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>18,75</b> |
| <b>MỨC ĐỘ<br/>CÔNG KHAI<br/>TƯƠNG ĐỐI<br/>ĐẦY ĐỦ</b>       | <b>3</b> tài liệu công bố<br>chậm, <b>0</b> tài liệu công bố<br>quá muộn hoặc không<br>rõ ngày công khai |                                  |                                  |

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2022, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

### Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy tỉnh Phú Yên đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Phú Yên đạt **59,93** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **49** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2022, **tăng 6 hạng** so với kết quả chấm POBI 2021.

### Kết quả chấm POBI 2022 tỉnh Phú Yên phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

| Mục   | Điểm POBI<br>chưa quy đổi <sup>45</sup> | Điểm POBI<br>2022 quy đổi |
|---|---|---------------------------|
| <b>A. Trụ cột sự tham gia</b>   | <b>100</b>                              | <b>1,41</b>               |
| <b>B. Trụ cột trách nhiệm giải trình</b>  | <b>150</b>                              | <b>2,11</b>               |
| <b>C. Trụ cột minh bạch ngân sách - điểm POBI 2022</b>                          | <b>4255</b>                             | <b>59,93</b>              |
| <b>Theo loại tài liệu</b>   |   |                           |
| 1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh | 716                                     | 10,08                     |
| 2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt          | 699                                     | 9,85                      |
| 3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022                        | 300                                     | 4,23                      |
| 4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022              | 325                                     | 4,58                      |

<sup>45</sup> Đã tính trọng số

|   |      |       |
|---|------|-------|
| 5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022                              | 275  | 3,87  |
| 6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022               | 275  | 3,87  |
| 7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt                   | 1215 | 17,11 |
| 8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán đã được phê duyệt)                      | 0    | 0,00  |
| 9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2023  | 150  | 2,11  |
| 10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023                                   | 0    | 0,00  |
| 11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 | 100  | 1,41  |
| <b>Theo tiêu chí đánh giá</b>   |      |       |
| 1. Tính sẵn có  | 700  | 9,86  |
| 2. Tính kịp thời  | 400  | 5,63  |
| 3. Tính thuận tiện  | 425  | 5,99  |
| 4. Tính đầy đủ  | 2200 | 30,99 |
| 5. Tính tin cậy   | 332  | 4,68  |
| 6. Tính liên tục  | 198  | 2,79  |

Kết quả khảo sát POBI 2022 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

### **Tính thuận tiện của tài liệu công khai**

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Phú Yên, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Thư mục công khai ngân sách: Trang TTĐT của Sở Tài chính thành phố có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu, theo từng năm và có cập nhật nội dung
- Trang TTĐT của HĐND tỉnh Phú Yên có thư mục riêng về công khai tài liệu kỳ họp HĐND tuy nhiên không đăng nhập vào được.
- Định dạng của tài liệu: Phần lớn ở định dạng PDF dễ chuyển đổi tuy vậy Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2022 là ở định dạng PDF không thuận tiện chuyển sang định dạng word/excel

### **Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai**

- Sở Tài chính tỉnh Phú Yên đã công khai 07/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Kế hoạch Đầu tư công năm 2023.
- 04 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo ngân sách công dân năm 2023, Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023 và Báo cáo kết quả thực hiện các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021

### **Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai**

Trong số 07 tài liệu ngân sách công khai được chấm điểm kịp thời, có 4 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 04 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt.
- 03 tài liệu không được công khai kịp thời là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022.

### **Tính đầy đủ của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh: không kèm thuyết minh, báo cáo phản ánh 12/13 biểu cần được công khai theo hướng dẫn của Thông tư 343. Báo cáo không giải thích về ưu tiên cho ít nhất một chính sách chi cụ thể của địa phương, không có ưu tiên chi ngân sách cho y tế hay an sinh xã hội/trợ cấp xã hội.
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: báo cáo phản ánh 08/13 biểu cần được công khai theo hướng dẫn của Thông tư 343
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022: không kèm thuyết minh, báo cáo phản ánh đầy đủ 03/03 biểu cần được công khai theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy

định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm tuy vậy không có so sánh tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022: không kèm thuyết minh, báo cáo phản ánh đầy đủ 03/03 biểu cần được công khai theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm tuy vậy không có so sánh tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022: không kèm thuyết minh, báo cáo phản ánh đầy đủ 03/03 biểu cần được công khai theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm tuy vậy không có so sánh tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022: không kèm thuyết minh, báo cáo phản ánh đầy đủ 03/03 biểu cần được công khai theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm tuy vậy không có so sánh tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: không kèm thuyết minh, phản ánh 07/07 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343.

#### **Tính tin cậy của các tài liệu được công khai**

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 31%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2021 của tỉnh là -14%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là -23%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2021 của tỉnh là -35%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2021 của tỉnh là -6%.
- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2021 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 2,1% (tăng 2,1%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng so với mức giảm của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2021 (giảm 11,1%).
- Thay đổi giữa dự toán năm 2022 và dự toán năm 2023 của chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo là 3,9% (tăng 3,9%). Thay đổi này là không phù hợp. Mức thay đổi này tăng thấp hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023 so với năm 2022 (tăng 12%).

- Thay đổi giữa dự toán năm 2022 và dự toán năm 2023 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 15% (tăng 15%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023 so với năm 2022 (tăng 12%).

#### **Tính liên tục của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh được công khai trong ba năm liên tiếp: 2020, 2021, 2022.

#### **Công khai các tài liệu được khuyến khích**

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2023 của tỉnh, Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2021 hoặc 2022, Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.
- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020, 2021 của tỉnh, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2023-2025.

#### **Sự tham gia của người dân**

- Trên cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Quảng Trị có email nhưng không có phản hồi.
- UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở tài chính tỉnh không thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2023 trình HĐND
- Trên cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh 2022 và báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2022

#### **Trách nhiệm giải trình**

- HĐND tỉnh Phú Yên không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2023 (kỳ họp tháng 12/2022), Kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề, và báo cáo giám sát về ngân sách, hay Báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp tuy nhiên không có lịch sử hoạt động, và Sở tài chính tỉnh không công khai thư mục hỏi đáp.

## 46. TỈNH QUẢNG BÌNH

| KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH QUẢNG BÌNH NĂM 2022 |   |                               |                            |
|---|---|-------------------------------|----------------------------|
| MỨC ĐỘ MINH BẠCH<br>(CHỈ SỐ POBI 2022)                        |   | SỰ THAM GIA<br>CỦA NGƯỜI DÂN  | TRÁCH NHIỆM<br>GIẢI TRÌNH  |
| XẾP HẠNG<br><b>32</b>   | <b>9/11</b><br>Tài liệu bắt buộc được công bố   | XẾP HẠNG<br><b>6</b>          | XẾP HẠNG<br><b>19</b>      |
| ĐIỂM XẾP HẠNG<br><b>75,55</b>                                 | <b>6</b><br>Tài liệu được công bố đúng hạn  | ĐIỂM XẾP HẠNG<br><b>66,67</b> | ĐIỂM XẾP HẠNG<br><b>50</b> |
| <b>MỨC ĐỘ CÔNG KHAI ĐẦY ĐỦ</b>                                | <b>1</b> tài liệu công bố chậm, <b>0</b> tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai |                               |                            |

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2022, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

### Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy tỉnh Quảng Bình đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Quảng Bình đạt **75,55** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **32** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2022, **giảm 17 hạng** so với kết quả chấm POBI 2021.

### Kết quả chấm POBI 2022 tỉnh Quảng Bình phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

| Mục   | Điểm POBI chưa quy đổi <sup>46</sup> | Điểm POBI 2022 quy đổi |
|---|--------------------------------------|------------------------|
| <b>A. Trụ cột sự tham gia</b>   | <b>400</b>                           | <b>5,63</b>            |
| <b>B. Trụ cột trách nhiệm giải trình</b>  | <b>400</b>                           | <b>5,63</b>            |
| <b>C. Trụ cột minh bạch ngân sách - điểm POBI 2022</b>                          | <b>5364</b>                          | <b>75,55</b>           |
| <b>Theo loại tài liệu</b>   |                                      |                        |
| 1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh | 1166                                 | 16,42                  |
| 2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt          | 1032                                 | 14,54                  |
| 3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022                        | 350                                  | 4,93                   |
| 4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022              | 350                                  | 4,93                   |

<sup>46</sup> Đã tính trọng số

|   |      |       |
|---|------|-------|
| 5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022                              | 350  | 4,93  |
| 6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022               | 350  | 4,93  |
| 7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt                   | 1166 | 16,42 |
| 8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán đã được phê duyệt)                      | 0    | 0,00  |
| 9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2023  | 200  | 2,82  |
| 10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023                                   | 0    | 0,00  |
| 11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 | 100  | 1,41  |
| <b>Theo tiêu chí đánh giá</b>   |      |       |
| 1. Tính sẵn có  | 700  | 9,86  |
| 2. Tính kịp thời  | 450  | 6,34  |
| 3. Tính thuận tiện  | 900  | 12,68 |
| 4. Tính đầy đủ  | 2748 | 38,70 |
| 5. Tính tin cậy   | 266  | 3,75  |
| 6. Tính liên tục  | 300  | 4,23  |

Kết quả khảo sát POBI 2022 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

### **Tính thuận tiện của tài liệu công khai**

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính, HĐND và UBND tỉnh Quảng Bình, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Quảng Bình có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo loại tài liệu và được cập nhật.
- Trang TTĐT của HĐND tỉnh Quảng Bình có thư mục riêng về công khai tài liệu kỳ họp HĐND.
- Các tài liệu được công khai đều có định dạng excel, thuận tiện cho việc sử dụng.

### **Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai**

- Sở Tài chính tỉnh Quảng Bình đã công khai 9/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm



2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Kế hoạch Đầu tư công năm 2023 và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2021.

- 2 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 và Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023.

### **Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai**

Trong số 7 tài liệu ngân sách công khai được chấm điểm kịp thời, có 6 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 6 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022.
- 1 tài liệu không được công khai kịp thời là: Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

### **Tính đầy đủ của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh có kèm theo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 13 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Thuyết minh báo cáo không giải thích về ưu tiên cho ít nhất một chính sách chi cụ thể của địa phương, không ưu tiên chi ngân sách cho y tế và an sinh xã hội/trợ cấp xã hội. Biểu số 35 trong báo cáo phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa nhưng không chi tiết theo loại thuế.
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt phản ánh đầy đủ 13 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 48 trong báo cáo phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa nhưng không chi tiết theo loại thuế.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022 có kèm theo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 3 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 4 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm, tuy nhiên không có thông tin so sánh với tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022 có kèm theo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 3 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 4 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm, tuy nhiên không có thông tin so sánh với tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022 có kèm theo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 3 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 4 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm, tuy nhiên không có thông tin so sánh với tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022 có kèm theo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 3 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 4 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm, tuy nhiên không có thông tin so sánh với tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt không kèm theo thuyết minh, phản ánh phản ánh đầy đủ 7 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 63 trong báo cáo phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa nhưng không chi tiết theo loại thuế (cụ thể là mục A.I.17 Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết). Biểu số 65 phản ánh đầy đủ 3 mục lớn nhưng không chi tiết các mục nhỏ (mục A thiếu mục nhỏ Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương; mục A.II thiếu mục nhỏ Chi thể dục thể thao).

### **Tính tin cậy của các tài liệu được công khai**

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 57%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2021 của tỉnh là 31%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 26%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2021 của tỉnh là 96%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2021 của tỉnh là 1%.
- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2021 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 13% (tăng 13%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng trong khi thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2021 là -20% (giảm 20%).

- Thay đổi giữa dự toán năm 2023 và dự toán năm 2022 của chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo là -6,2% (giảm 6,2%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này giảm trong khi thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023 so với năm 2022 là 34,6% (tăng 34,6%).
- Thay đổi giữa dự toán năm 2023 và dự toán năm 2022 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là -5,1% (giảm 5,1%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này giảm ít hơn so với mức giảm của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023 so với năm 2022 (giảm 12,65%).

### **Tính liên tục của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh và Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt được công khai liên tục trong 5 năm 2019, 2020, 2021, 2022 và 2023.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt được công khai liên tục trong 5 năm 2017, 2018, 2019, 2020 và 2021.

### **Công khai các tài liệu được khuyến khích**

- Trong số các tài liệu khuyến khích công khai, tất cả các tài liệu đều không được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2023, Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021, Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2021 hoặc 2022, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 3 năm 2023-2025 và Kế hoạch tài chính tỉnh 5 năm 2021-2025.

### **Sự tham gia của người dân**

- Trên trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin và email này có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua email vào ngày 11/01/2023, tuy nhiên sau 30 ngày vẫn chưa nhận được phản hồi email từ Sở.
- UBND, HĐND và Sở Tài chính tỉnh không thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2023 trình HĐND tỉnh.
- Trên trang TTĐT của UBND tỉnh có đường dẫn tới các loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook).
- Trên trang TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo góp ý/tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2022 và báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2022.

## **Trách nhiệm giải trình**

- HĐND tỉnh có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề và báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh, nhưng không công khai báo cáo giám sát về ngân sách và biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2023.
- Trên trang TTĐT của HĐND tỉnh không có thư mục hỏi đáp. Trên trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có thư mục hỏi đáp và có lịch sử hỏi đáp.
- Ngoài việc công khai dự toán ngân sách nhà nước của tỉnh năm 2023 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2022 thì UBND và Sở Tài chính tỉnh không sử dụng các kênh truyền thông khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách năm 2023 tới người dân.
- Trên trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có công khai Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2021.

## 47. TỈNH QUẢNG NAM

| KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH QUẢNG NAM NĂM 2022 |   |                              |                              |
|--|---|------------------------------|------------------------------|
| MỨC ĐỘ MINH BẠCH<br>(CHỈ SỐ POBI 2022)                       |   | SỰ THAM GIA<br>CỦA NGƯỜI DÂN | TRÁCH NHIỆM<br>GIẢI TRÌNH    |
| XẾP HẠNG<br><b>38</b>  | <b>8/11</b><br>Tài liệu bắt buộc được công bố   | XẾP HẠNG<br><b>4</b>         | XẾP HẠNG<br><b>10</b>        |
| ĐIỂM XẾP HẠNG<br><b>72,97</b>                                | <b>4</b><br>Tài liệu được công bố đúng hạn  | ĐIỂM XẾP HẠNG<br><b>75</b>   | ĐIỂM XẾP HẠNG<br><b>62,5</b> |
| <b>MỨC ĐỘ CÔNG KHAI TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ</b>                     | <b>1</b> tài liệu công bố chậm, <b>0</b> tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai |                              |                              |

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2022, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

### Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy tỉnh Quảng Nam đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Quảng Nam đạt **72,97** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **38** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2022, **giảm 7 hạng** so với kết quả chấm POBI 2021.

### Kết quả chấm POBI 2022 tỉnh Quảng Nam phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

| Mục   | Điểm POBI chưa quy đổi <sup>47</sup> | Điểm POBI 2022 quy đổi |
|---|--------------------------------------|------------------------|
| <b>A. Trụ cột sự tham gia</b>   | <b>450</b>                           | <b>6,34</b>            |
| <b>B. Trụ cột trách nhiệm giải trình</b>  | <b>500</b>                           | <b>7,04</b>            |
| <b>C. Trụ cột minh bạch ngân sách - điểm POBI 2022</b>                          | <b>5181</b>                          | <b>72,97</b>           |
| <b>Theo loại tài liệu</b>   |                                      |                        |
| 1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh | 1216                                 | 17,13                  |
| 2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt          | 1266                                 | 17,83                  |
| 3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022                        | 0                                    | 0,00                   |
| 4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022              | 400                                  | 5,63                   |

<sup>47</sup> Đã tính trọng số

|   |      |       |
|---|------|-------|
| 5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022                              | 0    | 0,00  |
| 6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022               | 0    | 0,00  |
| 7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt                   | 1399 | 19,70 |
| 8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán đã được phê duyệt)                      | 200  | 2,82  |
| 9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2023  | 200  | 2,82  |
| 10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023                                   | 100  | 1,41  |
| 11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 | 100  | 1,41  |
| <b>Theo tiêu chí đánh giá</b>   |      |       |
| 1. Tính sẵn có  | 750  | 10,56 |
| 2. Tính kịp thời  | 400  | 5,63  |
| 3. Tính thuận tiện  | 750  | 10,56 |
| 4. Tính đầy đủ  | 2582 | 36,37 |
| 5. Tính tin cậy   | 399  | 5,62  |
| 6. Tính liên tục  | 300  | 4,23  |

Kết quả khảo sát POBI 2022 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

### **Tính thuận tiện của tài liệu công khai**

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Quảng Nam, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Thư mục công khai ngân sách: Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu và có cập nhật nội dung
- Định dạng của tài liệu: Trên website của Sở Tài chính tỉnh có 5/8 loại tài liệu được chấm điểm về định dạng tài liệu được công khai ở dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Kế hoạch Đầu tư công năm 2023.

### **Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai**

- Sở Tài chính tỉnh Quảng Nam đã công khai 8/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo ngân sách công dân năm 2023; Kế hoạch Đầu tư công năm 2023; Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023; và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.
- 3/11 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022; và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

### **Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai**

Trong số các tài liệu ngân sách công khai được tính điểm kịp thời, có 4 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 4 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; và Báo cáo ngân sách công dân năm 2023.
- 1 tài liệu không được công khai kịp thời là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh (Báo cáo được công khai 08/12/2022, chậm một ngày so với quy định).

### **Tính đầy đủ của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 39/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) nhưng thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh, thu từ hoạt động xổ số kiến thiết chưa chi tiết theo sắc thuế. Báo cáo cũng phản ánh chi tiết dự toán cho các khoản thu chi các Quỹ Tài chính nhà nước ngoài ngân sách của địa phương.



- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) nhưng thu từ hoạt động xổ số kiến thiết chưa chi tiết theo sắc thuế. Báo cáo cũng phản ánh chi tiết dự toán cho các khoản thu chi các Quỹ Tài chính nhà nước ngoài ngân sách của địa phương.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ Biểu số 62 đến Biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế (Biểu số 63/CK-NSNN). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN).

### **Tính tin cậy của các tài liệu được công khai**

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 67%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2021 của tỉnh là 25%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 11%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2021 của tỉnh là 25%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2021 của tỉnh là 8%.
- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2021 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 26% (giảm 26%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này giảm thấp

hơn so với mức giảm của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2021 (giảm 46%).

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên hàng năm cho giáo dục và đào tạo năm 2023 so với 2022 là 5,3% (tăng 5,3%). Thay đổi này là phù hợp. Dự toán chi thường xuyên hàng năm cho giáo dục và đào tạo năm 2023 tăng so với 2022 trong khi tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023 giảm so với 2022 (giảm 1,3%).
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên hàng năm cho y tế và dân số năm 2023 so với 2022 là 2,8% (tăng 2,8%). Thay đổi này là phù hợp. Dự toán chi thường xuyên hàng năm cho y tế năm 2023 tăng so với 2022 trong khi tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023 giảm so với 2022 (giảm 1,3%).

### **Tính liên tục của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh (năm 2019, 2020, 2021, 2022, và 2023); Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt (năm 2019, 2020, 2021, 2022, và 2023) và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh (2017, 2018, 2019, 2020 và 2021) đều được công khai trong năm năm liên tiếp.

### **Công khai các tài liệu được khuyến khích**

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm (03/05 tài liệu): Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020, 2021 của tỉnh; Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2021 hoặc 2022 và Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2023-2025.
- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm (02/05 tài liệu): Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2022 của tỉnh và Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

### **Sự tham gia của người dân**

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục hỏi đáp, có email và có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính vào ngày 11/01/2023 và nhận được phản hồi vào ngày 15/02/2023.
- UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở tài chính tỉnh có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2022 trình HĐND tỉnh.
- Trên cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh có đường dẫn tới trang facebook chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân.

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ, nhưng không công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2022.

### **Trách nhiệm giải trình s**

- HĐND có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề nhưng không công khai báo cáo giám sát về ngân sách.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh, có công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng).
- Trên cổng TTĐT của Sở tài chính tỉnh có thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng) nhưng không có lịch sử hoạt động.
- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2022 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2023 tới người dân còn sử dụng các kênh truyền thông khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2023 tới người dân là Đài Phát thanh TH Quảng Nam và đưa tin trên đài QRT.
- Trên web của UBND, HĐND, Sở Tài chính tỉnh có công khai kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.

## 48. TỈNH QUẢNG NGÃI

| KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH QUẢNG NGÃI NĂM 2022 |   |                                  |                                  |
|---|---|----------------------------------|----------------------------------|
| MỨC ĐỘ MINH BẠCH<br>(CHỈ SỐ POBI 2022)                        |   | SỰ THAM GIA<br>CỦA NGƯỜI DÂN     | TRÁCH NHIỆM<br>GIẢI TRÌNH        |
| XẾP HẠNG<br><b>16</b>   | <b>10/11</b><br>Tài liệu bắt buộc được<br>công bố   | XẾP HẠNG<br><b>6</b>             | XẾP HẠNG<br><b>6</b>             |
| ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>83,99</b>                              | <b>04</b><br>Tài liệu được công bố<br>đúng hạn  | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>66,67</b> | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>68,75</b> |
| <b>MỨC ĐỘ<br/>CÔNG KHAI<br/>ĐẦY ĐỦ</b>                        | <b>04</b> tài liệu công bố<br>chậm, <b>0</b> tài liệu công bố<br>quá muộn hoặc không<br>rõ ngày công khai |                                  |                                  |

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2022, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

### Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy tỉnh Quảng Ngãi đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Quảng Ngãi đạt **83,99** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **16** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2022, **tăng 7 hạng** so với kết quả chấm POBI 2021.

### Kết quả chấm POBI 2022 tỉnh Quảng Ngãi phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

| Mục   | Điểm POBI<br>chưa quy đổi <sup>48</sup> | Điểm POBI<br>2022 quy đổi |
|---|---|---------------------------|
| <b>A. Trụ cột sự tham gia</b>   | <b>400</b>                              | <b>5,63</b>               |
| <b>B. Trụ cột trách nhiệm giải trình</b>  | <b>550</b>                              | <b>7,75</b>               |
| <b>C. Trụ cột minh bạch ngân sách - điểm POBI 2022</b>                          | <b>5963</b>                             | <b>83,99</b>              |
| <b>Theo loại tài liệu</b>   |   |                           |
| 1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh | 1316                                    | 18,54                     |
| 2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt          | 1199                                    | 16,89                     |
| 3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022                        | 400                                     | 5,63                      |
| 4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022              | 325                                     | 4,58                      |

<sup>48</sup> Đã tính trọng số

|   |      |       |
|---|------|-------|
| 5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022                              | 350  | 4,93  |
| 6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022               | 375  | 5,28  |
| 7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt                   | 1232 | 17,35 |
| 8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán đã được phê duyệt)                      | 166  | 2,34  |
| 9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2023  | 200  | 2,82  |
| 10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023                                   | 0    | 0,00  |
| 11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 | 100  | 1,41  |
| <b>Theo tiêu chí đánh giá</b>   |      |       |
| 1. Tính sẵn có  | 800  | 11,27 |
| 2. Tính kịp thời  | 466  | 6,56  |
| 3. Tính thuận tiện  | 800  | 11,27 |
| 4. Tính đầy đủ  | 3400 | 47,89 |
| 5. Tính tin cậy   | 265  | 3,73  |
| 6. Tính liên tục  | 232  | 3,27  |

Kết quả khảo sát POBI 2022 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

#### **Tính thuận tiện của tài liệu công khai**

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Quảng Ngãi, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Thư mục công khai ngân sách: Cổng TTĐT của Sở Tài chính có thư mục riêng về công khai ngân sách. Các tài liệu được phân chia cụ thể theo tài liệu hoặc theo năm và có nội dung mới được cập nhật. Website của HĐND tỉnh có thư mục riêng về tài liệu kỳ họp của HĐND tỉnh.
- Định dạng của tài liệu: Các tài liệu phân lớn đều được công khai dưới dạng Microsoft word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng.

#### **Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai**

- Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi đã công khai 10/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách

tính 6 tháng đầu năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022, Báo cáo ngân sách công dân năm 2023; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn; Kế hoạch Đầu tư công của tỉnh năm 2023; và Báo cáo kết quả thực hiện các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2021.

- 01 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2023.

### **Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai**

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có 04 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 04 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022 và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn.
- 04 tài liệu không được công khai kịp thời là: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022 và Báo cáo ngân sách công dân năm 2023.

### **Tính đầy đủ của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm thuyết minh. Báo cáo này phản ánh 13/13 biểu (từ Biểu 33 tới Biểu 45) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo các loại thuế. Biểu 39/CK-NSNN phản ánh toàn bộ các nội dung của các lĩnh vực chi đầu tư (12 lĩnh vực). Báo cáo không phản ánh dự toán cho các khoản chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo này phản ánh 13/13 biểu (từ Biểu 46 tới Biểu 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo các loại thuế. Báo cáo không phản ánh dự toán cho các khoản chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh và phản ánh đầy đủ 03 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được phê duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh và phản ánh đầy đủ 03 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được phê duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh và phản ánh đầy đủ 03 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được phê duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai không kèm theo báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ Biểu số 62 đến Biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế (Biểu số 63/CK-NSNN). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo phản ánh đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện, trong đó phản ánh chi tiết về quyết toán số vốn trong nước và số vốn ngoài nước cho từng chương trình mục tiêu (Biểu số 68/CK-NSNN).

#### **Tính tin cậy của các tài liệu được công khai**

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 57%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2021 của tỉnh là 16%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 9%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2021 của tỉnh là -18%,



chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2021 của tỉnh là 14%.

- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2021 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là -49,8% (giảm 49,8%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này giảm nhiều hơn so với mức tăng của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2021 (tăng 16%).
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên hàng năm cho giáo dục và đào tạo năm 2023 so với 2022 là 13,7% (tăng 13,7%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng nhiều hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023 so với 2022 (tăng 8,2%).
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên hàng năm cho y tế và dân số năm 2023 so với 2022 là 0,4% (tăng 0,4%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng ít hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023 so với 2022 (tăng 8,2%).

#### **Tính liên tục của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt đều không được công khai trong năm năm liên tiếp.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh (2019, 2020 và 2021) đã được công khai trong năm năm liên tiếp

#### **Công khai các tài liệu được khuyến khích**

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2023; Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.
- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Kết quả kiểm toán ngân sách nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021; Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2021 hoặc 2022; Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2023-2025.

#### **Sự tham gia của người dân**

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục hỏi đáp, tuy nhiên không có lịch sử hoạt động. Ngoài ra, trang TTĐT của Sở Tài chính có email và có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng TTĐT của Sở Tài chính vào ngày 11/01/2023, tuy nhiên nhóm không nhận được phản hồi.

- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh.
- Cổng TTĐT của UBND tỉnh có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook).
- Cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND và có công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2022.

### **Trách nhiệm giải trình**

- HĐND tỉnh có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề; có công khai báo cáo giám sát về ngân sách trên cổng TTĐT của HĐND; nhưng không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2023 (kỳ họp tháng 12/2022).
- Cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh và Sở Tài chính đều có công khai thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng), tuy nhiên chỉ có Sở Tài chính có lịch sử hoạt động.
- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2023 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2022 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh không còn sử dụng các kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2023 tới người dân.
- Trang web của Sở Tài chính có công khai báo cáo kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2020.

## 49. TỈNH QUẢNG NINH

| KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH QUẢNG NINH NĂM 2022 |   |                               |                            |
|---|---|-------------------------------|----------------------------|
| MỨC ĐỘ MINH BẠCH<br>(CHỈ SỐ POBI 2022)                        |   | SỰ THAM GIA<br>CỦA NGƯỜI DÂN  | TRÁCH NHIỆM<br>GIẢI TRÌNH  |
| XẾP HẠNG<br><b>41</b>   | <b>9/11</b><br>Tài liệu bắt buộc được công bố   | XẾP HẠNG<br><b>6</b>          | XẾP HẠNG<br><b>19</b>      |
| ĐIỂM XẾP HẠNG<br><b>71,11</b>                                 | <b>8</b><br>Tài liệu được công bố đúng hạn  | ĐIỂM XẾP HẠNG<br><b>66,67</b> | ĐIỂM XẾP HẠNG<br><b>50</b> |
| <b>MỨC ĐỘ CÔNG KHAI TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ</b>                      | <b>0</b> tài liệu công bố chậm, <b>0</b> tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai |                               |                            |

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2022, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

### Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy tỉnh Quảng Ninh đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Quảng Ninh đạt **71,11** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **41** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2022, **giảm 33 hạng** so với kết quả chấm POBI 2021.

### Kết quả chấm POBI 2022 tỉnh Quảng Ninh phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

| Mục   | Điểm POBI chưa quy đổi <sup>49</sup> | Điểm POBI 2022 quy đổi |
|---|--------------------------------------|------------------------|
| <b>A. Trụ cột sự tham gia</b>   | <b>400</b>                           | <b>5,63</b>            |
| <b>B. Trụ cột trách nhiệm giải trình</b>  | <b>400</b>                           | <b>5,63</b>            |
| <b>C. Trụ cột minh bạch ngân sách - điểm POBI 2022</b>                          | <b>5049</b>                          | <b>71,11</b>           |
| <b>Theo loại tài liệu</b>   |                                      |                        |
| 1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh | 1000                                 | 14,08                  |
| 2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt          | 1000                                 | 14,08                  |
| 3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022                        | 200                                  | 2,82                   |
| 4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022              | 150                                  | 2,11                   |

<sup>49</sup> Đã tính trọng số

|   |      |       |
|---|------|-------|
| 5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022                              | 200  | 2,82  |
| 6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022               | 400  | 5,63  |
| 7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt                   | 1399 | 19,70 |
| 8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán đã được phê duyệt)                      | 200  | 2,82  |
| 9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2023  | 200  | 2,82  |
| 10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023                                   | 0    | 0,00  |
| 11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 | 0    | 0,00  |
| <b>Theo tiêu chí đánh giá</b>   |      |       |
| 1. Tính sẵn có  | 700  | 9,86  |
| 2. Tính kịp thời  | 600  | 8,45  |
| 3. Tính thuận tiện  | 850  | 11,97 |
| 4. Tính đầy đủ  | 2200 | 30,99 |
| 5. Tính tin cậy   | 399  | 5,62  |
| 6. Tính liên tục  | 300  | 4,23  |

Kết quả khảo sát POBI 2022 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

### **Tính thuận tiện của tài liệu công khai**

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Quảng Ninh, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Thư mục công khai ngân sách: Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu, theo từng năm và có cập nhật nội dung.
- Trang TTĐT của HĐND tỉnh Quảng Ninh có thư mục riêng về công khai tài liệu kỳ họp HĐND.
- Định dạng của tài liệu: Các tài liệu phần lớn đều được công khai ở định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng. Tuy vậy, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 2 năm 2022 ở định dạng pdf scan/file ảnh (khó/không thuận tiện chuyển sang định dạng word/excel)

### **Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai**

- Sở Tài chính tỉnh Quảng Ninh đã công khai 09/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo ngân sách công dân năm 2023, Kế hoạch Đầu tư công năm 2023.
- 02 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023 và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.

### **Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai**

Trong số 08 tài liệu ngân sách được công khai, có 08 tài liệu được công khai kịp thời.  
Cụ thể:

- 08 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo ngân sách công dân năm 2023.

### **Tính đầy đủ của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh: có kèm thuyết minh, phản ánh 13/13 biểu theo Thông tư 343. Biểu 44 không có số liệu. Thuyết minh báo cáo không giải thích về ưu tiên cho ít nhất một chính sách cụ thể của địa phương và kèm theo số liệu thuyết minh, ưu tiên chi ngân sách cho y tế hay ưu tiên cho an sinh xã hội/trợ cấp xã hội.
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: phản ánh 11/13 biểu theo Thông tư 343. Biểu 57 không có số liệu, biểu 46 có nhưng không phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn theo quy định.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022: không kèm thuyết minh, phản ánh 03/03 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh không đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022: không kèm thuyết minh, phản ánh 03/03 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh không đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022: không kèm thuyết minh, phản ánh 03/03 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh không đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022: có kèm thuyết minh, phản ánh 03/03 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh không đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: có kèm thuyết minh, phản ánh 07/07 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343.

#### **Tính tin cậy của các tài liệu được công khai**

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 39%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2021 của tỉnh là 39%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là -14%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2021 của tỉnh là 2%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2021 của tỉnh là -12%.
- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2021 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là -20,2% (giảm 20,2%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này giảm cao hơn so với mức giảm của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2021 (giảm 11,5%).
- Thay đổi giữa dự toán năm 2022 và dự toán năm 2023 của chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo là 67,7% (tăng 67,7%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng nhanh hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023 so với năm 2022 (tăng 21,5%).
- Thay đổi giữa dự toán năm 2022 và dự toán năm 2023 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 78,6% (tăng 78,6%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng nhanh hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023 so với năm 2022 (tăng 21,5%).

#### **Tính liên tục của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm đã được HĐND tỉnh phê duyệt được công khai trong 05 năm

liên tiếp 2018, 2019, 2020, 2021, 2022 và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh được công khai trong 05 năm liên tiếp 2017, 2018, 2019, 2020, 2021.

### **Công khai các tài liệu được khuyến khích**

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Báo cáo tài chính tỉnh năm 2021 hoặc 2022.
- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2023-2025, Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025, Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2023 của tỉnh, Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020, 2021 của tỉnh.

### **Sự tham gia của người dân**

- Trên cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Quảng Ninh có email và có thể sử dụng được. Thời gian phản hồi của Sở Tài chính là trong vòng 1 ngày kể từ ngày email được gửi.
- UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở tài chính tỉnh không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2023 trình HĐND
- Trên cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh 2022 và báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2022.

### **Trách nhiệm giải trình**

- HĐND tỉnh Quảng Ninh công khai Kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề, không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của thành phố năm 2023 (kỳ họp tháng 12/2022), và báo cáo giám sát về ngân sách.
- HĐND tỉnh Quảng Ninh công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh và Sở tài chính tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp tuy nhiên HĐND tỉnh không có lịch sử hoạt động.



## 50. TỈNH QUẢNG TRỊ

| KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH QUẢNG TRỊ<br>NĂM 2022 |  |                                  |                                  |
|---|--|----------------------------------|----------------------------------|
| MỨC ĐỘ MINH BẠCH<br>(CHỈ SỐ POBI 2022)                          |  | SỰ THAM GIA<br>CỦA NGƯỜI<br>DÂN  | TRÁCH NHIỆM<br>GIẢI TRÌNH        |
| XẾP HẠNG<br><b>9</b>  | <b>11/11</b><br>Tài liệu bắt buộc được<br>công bố  | XẾP HẠNG<br><b>6</b>             | XẾP HẠNG<br><b>6</b>             |
| ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>87,04</b>                                | <b>7</b><br>Tài liệu được công bố<br>đúng hạn  | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>66,67</b> | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>68,75</b> |
| <b>MỨC ĐỘ<br/>CÔNG<br/>KHAI<br/>ĐẦY ĐỦ</b>                      | <b>1</b> tài liệu công bố<br>chậm, <b>0</b> tài liệu công bố<br>quá muộn hoặc không<br>rõ ngày công khai |                                  |                                  |

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2022, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

### Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy tỉnh Quảng Trị đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Quảng Trị đạt **87,04** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **9** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2022, **tăng 2 hạng** so với kết quả chấm POBI 2021.

### Kết quả chấm POBI 2022 tỉnh Quảng Trị phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

| Mục   | Điểm POBI<br>chưa quy đổi <sup>50</sup> | Điểm POBI<br>2022 quy đổi |
|---|---|---------------------------|
| <b>A. Trụ cột sự tham gia</b>   | <b>400</b>                              | <b>5,63</b>               |
| <b>B. Trụ cột trách nhiệm giải trình</b>  | <b>550</b>                              | <b>7,75</b>               |
| <b>C. Trụ cột minh bạch ngân sách - điểm POBI 2022</b>                          | <b>6180</b>                             | <b>87,04</b>              |
| <b>Theo loại tài liệu</b>   |   |                           |
| 1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh | 1166                                    | 16,42                     |
| 2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt          | 1099                                    | 15,48                     |
| 3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022                        | 400                                     | 5,63                      |

<sup>50</sup> Đã tính trọng số

|   |      |       |
|---|------|-------|
| 4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022                          | 400  | 5,63  |
| 5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022                              | 400  | 5,63  |
| 6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022               | 400  | 5,63  |
| 7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt                   | 1465 | 20,63 |
| 8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán đã được phê duyệt)                      | 200  | 2,82  |
| 9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2023  | 150  | 2,11  |
| 10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023                                   | 100  | 1,41  |
| 11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 | 100  | 1,41  |
| <b>Theo tiêu chí đánh giá</b>   |      |       |
| 1. Tính sẵn có  | 900  | 12,68 |
| 2. Tính kịp thời  | 550  | 7,75  |
| 3. Tính thuận tiện  | 850  | 11,97 |
| 4. Tính đầy đủ  | 3250 | 45,77 |
| 5. Tính tin cậy   | 432  | 6,08  |
| 6. Tính liên tục  | 198  | 2,79  |

Kết quả khảo sát POBI 2022 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

### **Tính thuận tiện của tài liệu công khai**

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Quảng Trị, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Thư mục công khai ngân sách: Trang TTĐT của Sở Tài chính thành phố có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu, theo từng năm và có cập nhật nội dung.
- Trang TTĐT của HĐND tỉnh Quảng Trị có thư mục riêng về công khai tài liệu kỳ họp HĐND.
- Định dạng của tài liệu: Các tài liệu phần lớn đều được công khai ở định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng. Tuy vậy, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 9 tháng đầu năm 2022 và Danh mục đầu tư công đã được quyết đầu tư trên địa bàn tỉnh năm 2023 ở định dạng pdf (dễ dàng đọc hoặc chuyển sang định dạng word/excel)

### **Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai**

- Sở Tài chính tỉnh Quảng Trị đã công khai 11/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo ngân sách công dân năm 2023, Kế hoạch Đầu tư công năm 2023, Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023 và Báo cáo kết quả thực hiện các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021

### **Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai**

Trong số 8 tài liệu ngân sách được công khai, có 7 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 7 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt.
- 1 tài liệu không được công khai kịp thời là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh.

### **Tính đầy đủ của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh: có kèm thuyết minh, phản ánh 13/13 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Báo cáo có giải thích về ưu tiên cho ít nhất một chính sách chi cụ thể của địa phương tuy nhiên không kèm theo số liệu thuyết minh, và không có ưu tiên chi ngân sách cho y tế hay an sinh xã hội/trợ cấp xã hội.
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: phản ánh đầy đủ 13/13 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022: có kèm thuyết minh, phản ánh 03/03 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và so sánh tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022: có kèm thuyết minh, phản ánh 03/03 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và so sánh tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022: có kèm thuyết minh, phản ánh 03/03 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và so sánh tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022: có kèm thuyết minh, phản ánh 03/03 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và so sánh tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: không kèm thuyết minh, phản ánh 07/07 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343.

#### **Tính tin cậy của các tài liệu được công khai**

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 38%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2021 của tỉnh là 44%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 5%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2021 của tỉnh là 0%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2021 của tỉnh là 12%.
- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2021 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 26,5% (tăng 26,5%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2021 (tăng 3,9%).
- Thay đổi giữa dự toán năm 2022 và dự toán năm 2023 của chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo là 20% (tăng 20%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023 so với năm 2022 (tăng 1,8%).
- Thay đổi giữa dự toán năm 2022 và dự toán năm 2023 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là -1,3% (giảm 1,3%). Thay đổi này là không phù hợp. Mức thay đổi này giảm so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023 so với năm 2022 (tăng 1,8%).

### **Tính liên tục của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh được công khai trong bốn năm liên tiếp. Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh và Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt đều không có năm 2019, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh không có năm 2017.

### **Công khai các tài liệu được khuyến khích**

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2023 của tỉnh, Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2021 hoặc 2022, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2023-2025.
- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020, 2021 của tỉnh, Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

### **Sự tham gia của người dân**

- Trên cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Quảng Trị có email và có thể sử dụng được. Thời gian phản hồi của Sở Tài chính là trong vòng 7 ngày kể từ ngày email được gửi.
- UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở tài chính tỉnh có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2023 trình HĐND
- Trên cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh 2022 và báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2022.

### **Trách nhiệm giải trình**

- HĐND tỉnh Quảng Trị không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2023 (kỳ họp tháng 12/2022)
- HĐND tỉnh Quảng Trị có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề, báo cáo giám sát về ngân sách, và báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh và Sở tài chính tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp tuy nhiên không có lịch sử hoạt động.

## 51. TỈNH SÓC TRĂNG

| KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH SÓC TRĂNG NĂM 2022 |  |                                  |                                  |
|--|--|----------------------------------|----------------------------------|
| MỨC ĐỘ MINH BẠCH<br>(CHỈ SỐ POBI 2022)                       |  | SỰ THAM GIA<br>CỦA NGƯỜI DÂN     | TRÁCH NHIỆM<br>GIẢI TRÌNH        |
| XẾP HẠNG<br><b>57</b>  | <b>6</b><br>tài liệu bắt buộc được<br>công bố  | XẾP HẠNG<br><b>3</b>             | XẾP HẠNG<br><b>52</b>            |
| ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>39,41</b>                             | <b>6</b><br>tài liệu được công bố<br>đúng hạn  | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>83,33</b> | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>18,75</b> |
| <b>MỨC ĐỘ<br/>CÔNG KHAI<br/>CHƯA ĐẦY<br/>ĐỦ</b>              | <b>0</b> tài liệu công bố chậm,<br><b>0</b> tài liệu công bố quá<br>muộn hoặc không rõ<br>ngày công khai |                                  |                                  |

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2022, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

### Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy tỉnh Sóc Trăng đã công bố **CHƯA ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Sóc Trăng đạt **39,41 điểm** quy đổi, xếp hạng thứ **57** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2022, **giảm 3 hạng** so với kết quả chấm POBI 2021.

### Kết quả chấm POBI 2022 tỉnh Sóc Trăng phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

| Mục   | Điểm POBI<br>chưa quy đổi <sup>51</sup> | Điểm POBI<br>2022 quy đổi |
|---|---|---------------------------|
| <b>A. Trụ cột sự tham gia</b>   | <b>500</b>                              | <b>7,04</b>               |
| <b>B. Trụ cột trách nhiệm giải trình</b>  | <b>150</b>                              | <b>2,11</b>               |
| <b>C. Trụ cột minh bạch ngân sách - điểm POBI 2022</b>                          | <b>2798</b>                             | <b>39,41</b>              |
| <b>Theo loại tài liệu</b>   |   |                           |
| 1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh | 300                                     | 4,23                      |
| 2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt          | 565                                     | 7,96                      |
| 3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022                        | 400                                     | 5,63                      |
| 4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022              | 400                                     | 5,63                      |

<sup>51</sup> Đã tính trọng số

|   |      |       |
|---|------|-------|
| 5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022                              | 400  | 5,63  |
| 6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022               | 400  | 5,63  |
| 7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt                   | 33   | 0,46  |
| 8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán đã được phê duyệt)                      | 0    | 0,00  |
| 9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2023  | 0    | 0,00  |
| 10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023                                   | 0    | 0,00  |
| 11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 | 0    | 0,00  |
| <b>Theo tiêu chí đánh giá</b>   |      |       |
| 1. Tính sẵn có  | 400  | 5,63  |
| 2. Tính kịp thời  | 400  | 5,63  |
| 3. Tính thuận tiện  | 500  | 7,04  |
| 4. Tính đầy đủ  | 1199 | 16,89 |
| 5. Tính tin cậy   | 66   | 0,93  |
| 6. Tính liên tục  | 233  | 3,28  |

Kết quả khảo sát POBI 2022 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

#### **Tính thuận tiện của tài liệu công khai**

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Sóc Trăng, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Thư mục công khai ngân sách: có thư mục riêng, được phân chia cụ thể theo tài liệu hoặc theo năm và có nội dung cập nhập.
- Định dạng của tài liệu: Định dạng Microsoft word/excel và PDF dạng scan/file ảnh.

#### **Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai**

- Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng đã công khai 6/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022, Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022.



- 5 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn, Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt), Kế hoạch Đầu tư công của tỉnh năm 2023, Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023, Báo cáo kết quả thực hiện các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.

### **Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai**

Trong số 6 tài liệu ngân sách được công khai, có 6 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 6 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022, Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022.

### **Tính đầy đủ của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh chỉ công khai quyết định, không đính kèm thuyết minh và số liệu dự toán.
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo có kèm thuyết minh. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định chỉ công khai 10 biểu về dự toán ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343/2016-TT-BTC. Các biểu 52, 57, 58 /CK-NSNN không được công khai. Biểu Cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn nhưng không chi tiết các mục nhỏ, thiếu mục chi đầu tư phát triển. Biểu 48/CK - NSNN phản ánh các nguồn thu trong thu nội địa nhưng ít hơn 18 mục thu theo quy định, thiếu mục thuế sử dụng đất nông nghiệp, thu tiền sử dụng đất, thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác. Dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 được HĐND tỉnh quyết định chỉ phản ánh 2 biểu chi tiết về ngân sách cấp tỉnh (biểu số 51 và 53/CK-NSNN). Báo cáo không chi tiết các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia cho ngân sách tỉnh và huyện, dự toán cho các Quỹ TCNN ngoài ngân sách của địa phương.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022: Báo cáo được công khai kèm thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 3 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm thông tin so sánh với dự toán

được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022: Báo cáo được công khai kèm thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 3 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm thông tin so sánh với dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022: Báo cáo được công khai kèm thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 3 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm thông tin so sánh với dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022: Báo cáo được công khai kèm thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 3 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm thông tin so sánh với dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định.

#### **Tính tin cậy của các tài liệu được công khai**

- Thay đổi chi thường xuyên hằng năm cho GDDT 2023 so với 2022 là 3,3% (tăng 3,3%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng chậm hơn so với mức tăng của thay đổi của tổng chi thường xuyên ngân sách tỉnh năm 2023 so với năm 2022 (tăng 4,9%).
- Thay đổi của dự toán chi thường xuyên hằng năm cho Y tế và dân số năm 2023 so với năm 2022 là -6,5% (giảm 6,5%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này giảm nhiều hơn so với mức thay đổi của tổng chi thường xuyên ngân sách tỉnh năm 2023 so với năm 2022 (tăng 4,9%).

#### **Tính liên tục của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt được công khai trong ba năm liên tiếp.

#### **Công khai các tài liệu được khuyến khích**

- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2023, Kết quả kiểm toán ngân sách nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021, Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2021 hoặc 2022, Dự

thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2023-2025, Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

### **Sự tham gia của người dân**

- Trên cổng TTĐT của Sở Tài chính có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin, có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng TTĐT của Sở Tài chính nhưng nhận được phản hồi sau 30 ngày (08/02/2023).
- UBND, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2023 trình HĐND tỉnh.
- Trên cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo).
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2022.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị cử tri kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2022.

### **Trách nhiệm giải trình**

- HĐND không công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề, công khai báo cáo giám sát về ngân sách.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2023, báo cáo thẩm tra ngân sách Ban Kinh tế - Ngân Sách (bao gồm báo cáo thẩm tra quyết toán năm 2021 hoặc dự thảo dự toán năm 2023).
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh có thư mục hỏi đáp nhưng không có lịch sử hoạt động.
- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2023 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2022 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh còn sử dụng 1 kênh truyền thông khác (trang web của Sở Tài chính) để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2023 tới người dân.
- Trang web của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không công khai báo cáo kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.

## 52. TỈNH SƠN LA

| <b>KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH SƠN LA NĂM 2022</b> |   |                                      |                                   |
|--|---|--------------------------------------|-----------------------------------|
| <b>MỨC ĐỘ MINH BẠCH<br/>(CHỈ SỐ POBI 2022)</b>                   |   | <b>SỰ THAM GIA<br/>CỦA NGƯỜI DÂN</b> | <b>TRÁCH NHIỆM<br/>GIẢI TRÌNH</b> |
| <b>XẾP HẠNG<br/>29</b>   | <b>11/11</b><br>Tài liệu bắt buộc được công bố  | <b>XẾP HẠNG<br/>46</b>               | <b>XẾP HẠNG<br/>40</b>            |
| <b>ĐIỂM XẾP HẠNG<br/>78,24</b>                                   | <b>7</b><br>Tài liệu được công bố đúng hạn  | <b>ĐIỂM XẾP HẠNG<br/>25</b>          | <b>ĐIỂM XẾP HẠNG<br/>31,25</b>    |
| <b>MỨC ĐỘ CÔNG KHAI ĐẦY ĐỦ</b>                                   | <b>1</b> tài liệu công bố chậm, <b>0</b> tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai |                                      |                                   |

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2022, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

### Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy tỉnh Sơn La đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Sơn La đạt **78,24** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **29** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2022, **tăng 15 hạng** so với kết quả chấm POBI 2021.

### Kết quả chấm POBI 2022 tỉnh Sơn La phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

| Mục   | Điểm POBI chưa quy đổi <sup>52</sup> | Điểm POBI 2022 quy đổi |
|---|--------------------------------------|------------------------|
| <b>A. Trụ cột sự tham gia</b>   | <b>150</b>                           | <b>2,11</b>            |
| <b>B. Trụ cột trách nhiệm giải trình</b>  | <b>250</b>                           | <b>3,52</b>            |
| <b>C. Trụ cột minh bạch ngân sách - điểm POBI 2022</b>                          | <b>5555</b>                          | <b>78,24</b>           |
| <b>Theo loại tài liệu</b>   |                                      |                        |
| 1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh | 1149                                 | 16,18                  |
| 2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt          | 965                                  | 13,59                  |
| 3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022                        | 350                                  | 4,93                   |
| 4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022              | 350                                  | 4,93                   |

<sup>52</sup> Đã tính trọng số

|   |      |       |
|---|------|-------|
| 5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022                              | 400  | 5,63  |
| 6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022               | 275  | 3,87  |
| 7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt                   | 1416 | 19,94 |
| 8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán đã được phê duyệt)                      | 200  | 2,82  |
| 9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2023  | 100  | 1,41  |
| 10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023                                   | 50   | 0,70  |
| 11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 | 100  | 1,41  |
| <b>Theo tiêu chí đánh giá</b>   |      |       |
| 1. Tính sẵn có  | 850  | 11,97 |
| 2. Tính kịp thời  | 575  | 8,10  |
| 3. Tính thuận tiện  | 700  | 9,86  |
| 4. Tính đầy đủ  | 2464 | 34,70 |
| 5. Tính tin cậy   | 666  | 9,38  |
| 6. Tính liên tục  | 300  | 4,23  |

Kết quả khảo sát POBI 2022 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

### **Tính thuận tiện của tài liệu công khai**

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Sơn La, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT sở Tài chính tỉnh Sơn La có thư mục riêng về công khai ngân sách. Các mục được chia rõ ràng, sắp xếp theo từng năm và có nội dung cập nhật nhằm tạo thuận lợi cho việc truy cập và tìm kiếm các loại tài liệu.
- 7 tài liệu được công khai ở định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 của UBND tỉnh gửi các đại biểu HĐND cấp tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q1/2022 của tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách 06 tháng đầu năm 2022 của tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q3/2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022, Báo cáo quyết toán NSNN năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn

- 2 tài liệu được công khai ở định dạng PDF dạng scan/file ảnh (khó/không thuận tiện chuyển sang định dạng word/excel), bao gồm: Danh mục dự án đầu tư công đã được quyết định đầu tư trên địa bàn tỉnh năm 2023 và Báo cáo kết quả thực hiện kết luận của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.

### **Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai**

- Sở Tài chính tỉnh Sơn La đã công khai 11/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 của UBND tỉnh gửi các đại biểu HĐND cấp tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q1/2022 của tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách 06 tháng đầu năm 2022 của tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q3/2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022, Báo cáo quyết toán NSNN năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn, Báo cáo NSNN dành cho công dân năm 2023 của tỉnh, Danh mục dự án đầu tư công đã được quyết định đầu tư trên địa bàn tỉnh năm 2023, Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh và Báo cáo kết quả thực hiện kết luận của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.

### **Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai**

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có 7 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 7 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 của UBND tỉnh gửi các đại biểu HĐND cấp tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q1/2022 của tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách 06 tháng đầu năm 2022 của tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q3/2022, Báo cáo quyết toán NSNN năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn và Báo cáo NSNN dành cho công dân năm 2023 của tỉnh.
- 1 tài liệu không được công khai kịp thời là: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022

### **Tính đầy đủ của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh 13/13 biểu (từ biểu 33 đến biểu 45) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 39/CK-NSNN chỉ phản ánh cụ thể dự toán chi đầu tư cho 9 đến 11 lĩnh vực chi đầu tư (thiếu mục Chi giao thông và Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy



lợi, thủy sản). Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh các nguồn thu nội địa nhưng ít hơn 18 mục theo quy định cấu thành (thiếu mục Thuế sử dụng đất nông nghiệp). Báo cáo không phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo đơn vị sử dụng ngân sách tỉnh và huyện (biểu số 44/CK-NSNN) (trong các mục Đầu tư phát triển và Kinh phí sự nghiệp không ghi rõ Vốn trong nước và Vốn ngoài nước). Báo cáo có phản ánh dự toán cho các khoản thu chi các Quỹ Tài chính nhà nước ngoài ngân sách địa phương.

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu (từ biểu 46 đến biểu 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN chỉ phản ánh cụ thể dự toán chi đầu tư cho 9 đến 11 lĩnh vực đầu tư (thiếu mục Chi giao thông và Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản). Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) nhưng không chi tiết theo loại thuế (trong mục Thuế bảo vệ môi trường và Thu phí, lệ phí không ghi cụ thể theo quy định của Thông tư 343). Báo cáo có phản ánh chi tiết các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia cho ngân sách tỉnh và huyện (Biểu số 57/CK-NSNN) (trong các mục Đầu tư phát triển và Kinh phí sự nghiệp không ghi rõ Vốn trong nước và Vốn ngoài nước).
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Báo cáo gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN không phản ánh đầy đủ cả 4 mục lớn theo quy định (thiếu mục D. Chi trả nợ gốc).
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Báo cáo gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN không phản ánh đầy đủ cả 4 mục lớn theo quy định (thiếu mục D. Chi trả nợ gốc).
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Báo cáo gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ



năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Báo cáo gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm nhưng không có thông tin so sánh với tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN không phản ánh đầy đủ cả 4 mục lớn theo quy định (thiếu mục A. Tổng thu NSNN trên địa bàn và mục B.II. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP).
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai không kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ biểu 62 đến biểu 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 06 mục lớn nhưng không chi tiết các mục nhỏ (trong mục Tổng mức vay NSDP không ghi cụ thể theo quy định của Thông tư 343). Biểu số 63/CK-NSNN phản ánh các nguồn thu nội địa cụ thể song ít hơn 18 mục nhỏ theo quy định (thiếu mục Thuế sử dụng đất nông nghiệp; các mục Thuế bảo vệ môi trường và Thu phí, lệ phí không ghi cụ thể theo quy định của Thông tư 343). Biểu số 65/CK-NSNN có phản ánh nhưng không đầy đủ theo quy định (Trong mục B.I.1 thiếu mục Chi khoa học và công nghệ; Chi đảm bảo xã hội và mục 3. Chi đầu tư phát triển khác. Trong mục B.II thiếu mục Chi thể dục thể thao). Báo cáo có phản ánh đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN).

### **Tính tin cậy của các tài liệu được công khai**

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 15%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2021 của tỉnh là 4%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là -3%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2021 của tỉnh là -2%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2021 của tỉnh là 2%.
- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2021 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 2% (tăng 2%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2021 (giảm 6,5%).

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2023 được HĐND tỉnh quyết định so với năm 2022 là 14,2% (tăng 14,2%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên được HĐND tỉnh quyết định năm 2023 so với năm 2022 (tăng 5,2%).
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số của tỉnh năm 2023 được HĐND tỉnh quyết định so với năm 2022 là -0,6% (giảm 0,6%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng thấp hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên được HĐND tỉnh quyết định năm 2023 so với năm 2022 (tăng 5,2%).

### **Tính liên tục của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh (2019, 2020, 2021) được công khai trong năm năm liên tiếp.

### **Công khai các tài liệu được khuyến khích**

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2023 của tỉnh, Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2021 hoặc 2022, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 3 năm 2023 - 2025 và Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021 - 2025.
- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 của tỉnh.

### **Sự tham gia của người dân**

- Trên cổng TTĐT của sở Tài chính tỉnh có email để người dân liên hệ cung cấp thông tin nhưng email lỗi và không thể sử dụng được.
- Thời gian phản hồi/trả lời email của sở Tài chính tỉnh là sau 30 ngày hoặc không phản hồi.
- UBND tỉnh, HĐND tỉnh và sở Tài chính tỉnh không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2023 trình HĐND tỉnh.
- Trên cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và sở Tài chính tỉnh có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không có công khai báo cáo góp ý/báo cáo tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2022.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không có công khai báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2022.

## **Trách nhiệm giải trình**

- HĐND tỉnh có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề.
- HĐND tỉnh không công khai báo cáo giám sát về ngân sách.
- Trên công TTĐT của HĐND tỉnh không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2023.
- Trên công TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách của HĐND tỉnh.
- Trên công TTĐT của HĐND tỉnh không công khai thư mục hỏi đáp.
- Trên công TTĐT của sở Tài chính tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp nhưng không có lịch sử hoạt động.
- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2023 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2022, sở Tài chính tỉnh không sử dụng kênh truyền thông khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán NSNN năm 2022 tới người dân.
- Trên công TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và sở Tài chính tỉnh có công khai báo cáo kết quả thực hiện kết luận của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.

## 53. TỈNH TÂY NINH

| KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH TÂY NINH NĂM 2022 |  |                               |                                  |
|---|--|-------------------------------|----------------------------------|
| MỨC ĐỘ MINH BẠCH<br>(CHỈ SỐ POBI 2022)                      |  | SỰ THAM GIA<br>CỦA NGƯỜI DÂN  | TRÁCH NHIỆM<br>GIẢI TRÌNH        |
| XẾP HẠNG<br><b>8</b>  | <b>11</b><br>tài liệu bắt buộc được<br>công bố   | XẾP HẠNG<br><b>21</b>         | XẾP HẠNG<br><b>25</b>            |
| ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>87,24</b>                            | <b>8</b><br>tài liệu được công bố<br>đúng hạn  | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>50</b> | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>43,75</b> |
| <b>MỨC ĐỘ<br/>CÔNG KHAI<br/>ĐẦY ĐỦ</b>                      | <b>0</b> tài liệu công bố chậm,<br><b>0</b> tài liệu công bố quá<br>muộn hoặc không rõ<br>ngày công khai |                               |                                  |

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2022, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

### Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy tỉnh Tây Ninh đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Tây Ninh đạt **87,24** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **7** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2022, **tăng 37 hạng** so với kết quả chấm POBI 2021.

### Kết quả chấm POBI 2022 tỉnh Tây Ninh phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

| Mục   | Điểm POBI<br>chưa quy đổi <sup>53</sup> | Điểm POBI<br>2022 quy đổi |
|---|---|---------------------------|
| <b>A. Trụ cột sự tham gia</b>   | <b>300</b>                              | <b>4,23</b>               |
| <b>B. Trụ cột trách nhiệm giải trình</b>  | <b>350</b>                              | <b>4,93</b>               |
| <b>C. Trụ cột minh bạch ngân sách - điểm POBI 2022</b>                          | <b>6194</b>                             | <b>87,24</b>              |
| <b>Theo loại tài liệu</b>   |   |                           |
| 1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh | 1232                                    | 17,35                     |
| 2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt          | 965                                     | 13,59                     |

<sup>53</sup> Đã tính trọng số

|   |      |       |
|---|------|-------|
| 3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022                                    | 400  | 5,63  |
| 4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022                          | 400  | 5,63  |
| 5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022                              | 400  | 5,63  |
| 6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022               | 400  | 5,63  |
| 7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt                   | 1497 | 21,08 |
| 8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán đã được phê duyệt)                      | 200  | 2,82  |
| 9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2023  | 200  | 2,82  |
| 10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023                                   | 100  | 1,41  |
| 11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 | 100  | 1,41  |
| <b>Theo tiêu chí đánh giá</b>   |      |       |
| 1. Tính sẵn có  | 900  | 12,68 |
| 2. Tính kịp thời  | 600  | 8,45  |
| 3. Tính thuận tiện  | 900  | 12,68 |
| 4. Tính đầy đủ  | 3198 | 45,04 |
| 5. Tính tin cậy   | 431  | 6,07  |
| 6. Tính liên tục  | 165  | 2,32  |

Kết quả khảo sát POBI 2022 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

#### **Tính thuận tiện của tài liệu công khai**

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Tây Ninh, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Thư mục công khai ngân sách: có thư mục riêng, được phân chia cụ thể theo tài liệu hoặc theo năm và có nội dung cập nhật.
- Định dạng của tài liệu: Định dạng Microsoft word/excel.

#### **Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai**

- Sở Tài chính tỉnh Tây Ninh đã công khai 11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6

tháng đầu năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022, Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn, Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt), Kế hoạch Đầu tư công của tỉnh năm 2023, Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023, Báo cáo kết quả thực hiện các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.

### **Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai**

Trong số 8 tài liệu ngân sách công khai được chấm điểm kịp thời, có 8 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 11 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022, Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn, Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt).

### **Tính đầy đủ của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh: Báo cáo có kèm thuyết minh. Phản ánh đủ 13 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343 (từ biểu 33 đến biểu 45). Biểu Cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) trong báo cáo Dự toán NSNN trình HĐND tỉnh năm 2023 có phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343/2016/TT - BTC. Biểu 39/CK NSNN có phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho tất cả các lĩnh vực theo quy định (12 lĩnh vực chi đầu tư) theo quy định. Biểu 35/CK NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa, nhưng không chi tiết theo sắc thuế. Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh có đầy đủ ba biểu chi tiết về ngân sách cấp tỉnh (biểu số 38, 39 và 40/CK-NSNN). Báo cáo có chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo đơn vị sử dụng ngân sách tỉnh và huyện (biểu 44/CK-NSNN). Dự thảo không phản ánh dự toán cho các khoản thu chi các Quỹ Tài chính nhà nước ngoài ngân sách của địa phương.
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo có kèm thuyết minh. Báo cáo phản ánh bao nhiêu trên tổng số 13 biểu theo

hướng dẫn của Thông tư 343 (từ biểu 46 đến biểu 58). Biểu Cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) trong báo cáo Dự toán NSNN tỉnh năm 2023 được HĐND quyết định có phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn và các mục nhỏ quy định của Thông tư 343/2016/TT - BTC. Biểu 52/CK - NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho tất cả các lĩnh vực theo quy định (12 lĩnh vực chi đầu tư). Biểu 48/CK - NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và nhưng không chi tiết theo loại thuế. Dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 được HĐND tỉnh quyết định có đầy đủ ba biểu chi tiết về ngân sách cấp tỉnh (biểu số 51, 52 và 53/CK-NSNN). Biểu 57/CK-NSNN có chi tiết các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia cho ngân sách tỉnh và huyện. Báo cáo không phản ánh dự toán cho các Quỹ TCNN ngoài ngân sách của địa phương.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022: Báo cáo có được công khai kèm thuyết minh. Báo cáo có phản ánh đầy đủ 3 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Báo cáo có bao gồm thông tin so sánh với dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59 có phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022: Báo cáo có được công khai kèm thuyết minh. Báo cáo có phản ánh đầy đủ 3 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Báo cáo có bao gồm thông tin so sánh với dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59 có phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022: Báo cáo có được công khai kèm thuyết minh. Báo cáo có phản ánh đầy đủ 3 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Báo cáo có bao gồm thông tin so sánh với dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59 có phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022: Báo cáo có được công khai kèm thuyết minh. Báo cáo có phản ánh đầy đủ 3 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Báo cáo có bao gồm thông tin so sánh với dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59 có phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo không kèm thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 7 biểu (từ biểu 62 đến biểu 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu Quyết toán cân đối ngân sách (biểu 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 6 mục lớn và các mục nhỏ. Biểu 63 CK NSNN



phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và không chi tiết theo từng loại thuế. Báo cáo quyết toán NSNN năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn có phản ánh đầy đủ các biểu quyết toán chi theo quy định gồm 5 biểu (Biểu 64 đến biểu 68/CK-NSNN). Báo cáo phản ánh đầy đủ cả 3 biểu số 64, 65 và 66/CK-NSNN. Biểu 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 3 mục lớn và các mục nhỏ. Biểu số 68/CK-NSNN có đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện.

### **Tính tin cậy của các tài liệu được công khai**

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 27,3%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2021 của tỉnh là 5,8%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 1,6%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2021 của tỉnh là 9,6%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2021 của tỉnh là 6,1%.
- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2021 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là -6,1% (giảm 6,1%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này giảm thấp hơn so với mức giảm của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2021 (giảm -23,3%).
- Thay đổi chi thường xuyên hằng năm cho GDDT 2023 so với 2022 là -6,46% (giảm 6,46%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này giảm nhiều hơn so với mức giảm của thay đổi của tổng chi thường xuyên ngân sách tỉnh năm 2023 so với năm 2022 (giảm 0,12%).

### **Tính liên tục của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh (2019, 2020 và 2021) công khai trong ba năm liên tiếp.

### **Công khai các tài liệu được khuyến khích**

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Kết quả kiểm toán ngân sách nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2023-2025, Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.
- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2023, Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2021 hoặc 2022.

## **Sự tham gia của người dân**

- Trên cổng TTĐT của Sở Tài chính có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin, có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng TTĐT của Sở Tài chính và nhận được phản hồi sau 30 ngày (30/01/2023).
- UBND, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2023 trình HĐND tỉnh.
- Trên cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo).
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2022 nhưng không tải về được tài liệu.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị cử tri kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2022 nhưng không tải về được tài liệu.

## **Trách nhiệm giải trình**

- HĐND có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề, công khai báo cáo giám sát về ngân sách nhưng không tải về được tài liệu.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2023, báo cáo thẩm tra ngân sách Ban Kinh tế - Ngân Sách (bao gồm báo cáo thẩm tra quyết toán năm 2021 hoặc dự thảo dự toán năm 2023) nhưng không tải về được tài liệu.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh có thư mục hỏi đáp và có lịch sử hoạt động.
- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2023 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2022 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh còn sử dụng 2 kênh truyền thông khác (cổng TTĐT tỉnh Tây Ninh và cổng TTĐT của Sở Tài chính) để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2023 tới người dân.
- Trang web của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh có công khai báo cáo kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.

## 54. TỈNH THÁI BÌNH

| KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH THÁI BÌNH NĂM 2022 |  |                                  |                                  |
|--|--|----------------------------------|----------------------------------|
| MỨC ĐỘ MINH BẠCH<br>(CHỈ SỐ POBI 2022)                       |  | SỰ THAM GIA<br>CỦA NGƯỜI DÂN     | TRÁCH NHIỆM<br>GIẢI TRÌNH        |
| XẾP HẠNG<br><b>39</b>  | <b>8/11</b><br>Tài liệu bắt buộc được<br>công bố   | XẾP HẠNG<br><b>49</b>            | XẾP HẠNG<br><b>52</b>            |
| ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>72,03</b>                             | <b>6</b><br>Tài liệu được công bố<br>đúng hạn  | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>16,67</b> | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>18,75</b> |
| <b>MỨC ĐỘ<br/>CÔNG KHAI<br/>TƯƠNG ĐỐI<br/>ĐẦY ĐỦ</b>         | <b>1</b> tài liệu công bố<br>chậm, <b>0</b> tài liệu công bố<br>quá muộn hoặc không<br>rõ ngày công khai |                                  |                                  |

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2022, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

### Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy tỉnh Thái Bình đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Thái Bình đạt **72,09** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **39** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2022, **tăng 2 hạng** so với kết quả chấm POBI 2021.

### Kết quả chấm POBI 2022 tỉnh Thái Bình phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

| Mục   | Điểm POBI<br>chưa quy đổi <sup>54</sup> | Điểm POBI<br>2022 quy đổi |
|---|---|---------------------------|
| <b>A. Trụ cột sự tham gia</b>   | <b>100</b>                              | <b>1,41</b>               |
| <b>B. Trụ cột trách nhiệm giải trình</b>  | <b>150</b>                              | <b>2,11</b>               |
| <b>C. Trụ cột minh bạch ngân sách - điểm POBI 2022</b>                          | <b>5114</b>                             | <b>72,03</b>              |
| <b>Theo loại tài liệu</b>   |   |                           |
| 1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh | 966                                     | 13,61                     |
| 2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt          | 882                                     | 12,42                     |
| 3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022                        | 400                                     | 5,63                      |
| 4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022              | 400                                     | 5,63                      |

<sup>54</sup> Đã tính trọng số

|   |      |       |
|---|------|-------|
| 5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022                              | 400  | 5,63  |
| 6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022               | 400  | 5,63  |
| 7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt                   | 1366 | 19,24 |
| 8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán đã được phê duyệt)                      | 0    | 0,00  |
| 9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2023  | 0    | 0,00  |
| 10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023                                   | 100  | 1,41  |
| 11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 | 0    | 0,00  |
| <b>Theo tiêu chí đánh giá</b>   |      |       |
| 1. Tính sẵn có  | 600  | 8,45  |
| 2. Tính kịp thời  | 450  | 6,34  |
| 3. Tính thuận tiện  | 700  | 9,86  |
| 4. Tính đầy đủ  | 2798 | 39,41 |
| 5. Tính tin cậy   | 266  | 3,75  |
| 6. Tính liên tục  | 300  | 4,23  |

Kết quả khảo sát POBI 2022 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

#### **Tính thuận tiện của tài liệu công khai**

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Thái Bình, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính thành phố Thái Bình có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu, theo từng năm và có cập nhật nội dung.
- Các tài liệu đều được công khai bằng định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng.

#### **Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai**

- Sở Tài chính tỉnh Thái Bình đã công khai 8/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm

2022, Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn, Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023.

- 3 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt), Kế hoạch Đầu tư công của tỉnh năm 2023, Báo cáo kết quả thực hiện các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.

### **Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai**

Trong số 7 tài liệu ngân sách công khai được chấm điểm kịp thời, có 6 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 6 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định (04/01/2023), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022 (14/04/2022), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022 (01/07/2022), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022 (10/10/2022), Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022 (04/01/2023), Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn (06/01/2023).
- 1 tài liệu không được công khai kịp thời là: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh (20/12/2022).

### **Tính đầy đủ của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh: Báo cáo có kèm theo thuyết minh. Phản ánh 10/13 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343 (từ biểu 33 đến biểu 45), thiếu biểu 39, biểu 41, biểu 45. Phần chi tiết biểu 35 phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành nguồn thu nội địa và đã chi tiết theo sắc thuế. Chưa phản ánh dự toán cho các khoản thu chi các Quỹ Tài chính nhà nước ngoài ngân sách của địa phương.
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo không kèm theo thuyết minh. Phản ánh đủ 10/13 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343 (từ biểu 46 đến biểu 58), thiếu biểu 52, biểu 54, biểu 58. Phần chi tiết biểu 48 phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành nguồn thu nội địa và đã chi tiết theo sắc thuế. Chưa phản ánh dự toán cho các khoản thu chi các Quỹ Tài chính nhà nước ngoài ngân sách của địa phương.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022: Báo cáo có kèm theo thuyết minh. Phản ánh đủ 3/3 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343 (từ biểu 59 đến biểu 61). Báo cáo có bao gồm thông tin so sánh với dự toán được duyệt của

cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59 có phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022: Báo cáo có kèm theo thuyết minh. Phản ánh đủ 3/3 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343 (từ biểu 59 đến biểu 61). Báo cáo có bao gồm thông tin so sánh với dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59 có phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022: Báo cáo có kèm theo thuyết minh. Phản ánh đủ 3/3 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343 (từ biểu 59 đến biểu 61). Báo cáo có bao gồm thông tin so sánh với dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59 có phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022: Báo cáo có kèm theo thuyết minh. Phản ánh đủ 3/3 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343 (từ biểu 59 đến biểu 61). Báo cáo có bao gồm thông tin so sánh với dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59 có phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo có kèm theo thuyết minh. Phản ánh đủ 7/7 theo hướng dẫn của Thông tư 343 (từ biểu 62 đến biểu 68). Phần chi tiết biểu 63 phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành nguồn thu nội địa nhưng Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết chưa chi tiết theo sắc thuế.

### **Tính tin cậy của các tài liệu được công khai**

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 128,4%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2021 của tỉnh là 61%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 98,7%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2021 của tỉnh là 87,8%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2021 của tỉnh là -3,5%.
- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2021 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 3,13% (tăng 3,13%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này cao hơn so với mức tăng của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2021 (giảm 25%).
- Thay đổi giữa chi thường xuyên hàng năm cho GDĐT năm 2023 so với 2022 là -0,125% (giảm 0,125%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này thấp



hơn so với tổng chi thường xuyên ngân sách tỉnh năm 2023 so với 2022 là 2,6% (tăng 2,6%).

- Thay đổi giữa chi thường xuyên hàng năm cho Y tế và dân số năm 2023 so với 2022 là -0,121% (giảm 0,121%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này thấp hơn so với tổng chi thường xuyên ngân sách tỉnh năm 2023 so với 2022 là 2,6% (tăng 2,6%).

### **Tính liên tục của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh được công khai trong 5 năm liên tiếp (2019,2020,2021,2022,2023).
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt được công khai trong 5 năm liên tiếp (2019,2020,2021,2022,2023).
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh (2017, 2018, 2019, 2020 và 2021) được công khai trong 5 năm liên tiếp.

### **Công khai các tài liệu được khuyến khích**

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2023, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2023-2025.
- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Kết quả kiểm toán ngân sách nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021, Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2021 hoặc 2020, Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

### **Sự tham gia của người dân**

- Trên cổng TTĐT của Sở Tài chính có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin và có thể sử dụng được.
- Thời gian phản hồi/trả lời của Sở là sau 30 ngày hoặc không phản hồi.
- UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở tài chính tỉnh không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2023 trình HĐND tỉnh.
- Trên cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo).
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2022.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2022.



## **Trách nhiệm giải trình**

- HĐND có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề .
- HĐND không công khai báo cáo giám sát về ngân sách.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2023 (Kỳ họp tháng 12/2022).
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh (bao gồm báo cáo thẩm tra quyết toán năm 2021 hoặc dự thảo dự toán năm 2023).
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng).
- Trên cổng TTĐT của Sở tài chính tỉnh có thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng) nhưng không có lịch sử hoạt động.
- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2023 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2022 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh không sử dụng các kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2023 tới người dân.
- Trang web của UBND, HDND, Sở Tài chính tỉnh không công khai báo cáo kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc hoặc 2021.

## 55. TỈNH THÁI NGUYÊN

| KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH THÁI NGUYÊN NĂM 2022 |  |                               |                                 |
|--|--|-------------------------------|---------------------------------|
| MỨC ĐỘ MINH BẠCH<br>(CHỈ SỐ POBI 2022)                         |  | SỰ THAM GIA<br>CỦA NGƯỜI DÂN  | TRÁCH NHIỆM<br>GIẢI TRÌNH       |
| XẾP HẠNG<br><b>55</b>  | <b>6</b><br>tài liệu bắt buộc được<br>công bố  | XẾP HẠNG<br><b>21</b>         | XẾP HẠNG<br><b>61</b>           |
| ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>47,87</b>                               | <b>5</b><br>tài liệu được công bố<br>đúng hạn  | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>50</b> | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>6,25</b> |
| <b>MỨC ĐỘ<br/>CÔNG KHAI<br/>CHƯA ĐẦY<br/>ĐỦ</b>                | <b>0</b> tài liệu công bố chậm,<br><b>0</b> tài liệu công bố quá<br>muộn hoặc không rõ<br>ngày công khai |                               |                                 |

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2022, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

### Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy tỉnh Thái Nguyên đã công bố **CHƯA ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Thái Nguyên đạt **47,87** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **55** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2022, **giảm 35 hạng** so với kết quả chấm POBI 2021.

### Kết quả chấm POBI 2022 tỉnh Thái Nguyên phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

| Mục   | Điểm POBI<br>chưa quy đổi <sup>55</sup> | Điểm POBI<br>2022 quy đổi |
|---|---|---------------------------|
| <b>A. Trụ cột sự tham gia</b>   | <b>300</b>                              | <b>4,23</b>               |
| <b>B. Trụ cột trách nhiệm giải trình</b>  | <b>50</b>                               | <b>0,70</b>               |
| <b>C. Trụ cột minh bạch ngân sách - điểm POBI 2022</b>                          | <b>3399</b>                             | <b>47,87</b>              |
| <b>Theo loại tài liệu</b>   |   |                           |
| 1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh | 1233                                    | 17,37                     |
| 2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt          | 33                                      | 0,46                      |
| 3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022                        | 400                                     | 5,63                      |
| 4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022              | 400                                     | 5,63                      |

<sup>55</sup> Đã tính trọng số

|   |      |       |
|---|------|-------|
| 5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022                              | 400  | 5,63  |
| 6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022               | 400  | 5,63  |
| 7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt                   | 33   | 0,46  |
| 8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán đã được phê duyệt)                      | 0    | 0,00  |
| 9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2023  | 200  | 2,82  |
| 10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023                                   | 0    | 0,00  |
| 11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 | 0    | 0,00  |
| <b>Theo tiêu chí đánh giá</b>   |      |       |
| 1. Tính sẵn có  | 400  | 5,63  |
| 2. Tính kịp thời  | 300  | 4,23  |
| 3. Tính thuận tiện  | 700  | 9,86  |
| 4. Tính đầy đủ  | 1900 | 26,76 |
| 5. Tính tin cậy   | 0    | 0,00  |
| 6. Tính liên tục  | 99   | 1,39  |

Kết quả khảo sát POBI 2022 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

### **Tính thuận tiện của tài liệu công khai**

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Thái Nguyên nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu và có cập nhật nội dung
- Trong số các tài liệu được công khai, có 06 tài liệu được công bố bằng định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng đó là: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 2 (6 tháng đầu năm) năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 3 (9 tháng đầu năm) năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022, , Danh mục đầu tư dự án công năm 2023

### **Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai**

- Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên đã công khai 06/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 2 (6 tháng đầu năm) năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 3 (9 tháng đầu năm) năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022, , Danh mục đầu tư dự án công năm 2023.
- 05 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021, Báo cáo ngân sách nhà nước dành cho công dân năm 2023 (cho dự thảo trình/dự toán được duyệt), Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023, Báo cáo kết quả thực hiện các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.

### **Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai**

Trong số 05 tài liệu ngân sách công khai được chấm điểm kịp thời,

- 05 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh (12/2/2022), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2022 (15/4/2022), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 2 năm 2022 (15/7/2022), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 3 năm 2022 (14/10/2022), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022 (30/11/2022).

### **Tính đầy đủ của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm thuyết minh. Báo cáo này phản ánh đủ 13 biểu (từ Biểu 33 tới Biểu 45) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Biểu 39/CK-NSNN phản ánh toàn bộ các nội dung của các lĩnh vực chi đầu tư (12 lĩnh vực).
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/ 84 Chi số công khai ngân sách tỉnh POBI 2021 CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/ CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai không kèm với báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ biểu số 62 đến biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế (Biểu 63/CK-NSNN). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách của tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN).

#### **Tính tin cậy của các tài liệu được công khai**

- Các loại tài liệu chấm điểm về tính tin cậy không được công khai đầy đủ trên trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh, vậy tỉnh không được chấm điểm đối với tiêu chí này.

### **Tính liên tục của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh đều được công khai ít nhất một năm.

### **Công khai các tài liệu được khuyến khích**

- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh năm 2019 2020 hoặc 2021; Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2021 hoặc 2022; Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 3 năm 2023-2025 và Kế hoạch tài chính tỉnh 5 năm 2021-2025

### **Sự tham gia của người dân**

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin và email này có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng TTĐT của Sở Tài chính, tuy nhiên không nhận được phản hồi của Sở Tài Chính tỉnh.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh.
- Cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo).
- TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND và công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2022.

### **Trách nhiệm giải trình**

- Cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề; không công khai báo cáo giám sát về ngân sách.
- Cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai biên bản kỳ họp/ thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022 (kỳ họp tháng 12/2022).
- Cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng) và Sở Tài chính có công khai thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng) nhưng không có lịch sử hoạt động.
- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2023 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2023 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính TP không sử dụng 1-2 các kênh truyền thông khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2023 tới người dân.
- Trang web của Sở Tài chính không công khai báo cáo kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc năm 2021.



## 56. TỈNH THANH HÓA

| KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH THANH HOÁ NĂM 2022 |  |                               |                               |
|--|--|-------------------------------|-------------------------------|
| MỨC ĐỘ MINH BẠCH<br>(CHỈ SỐ POBI 2022)                       |  | SỰ THAM GIA<br>CỦA NGƯỜI DÂN  | TRÁCH NHIỆM<br>GIẢI TRÌNH     |
| XẾP HẠNG<br><b>62</b>  | <b>2/11</b><br>Tài liệu bắt buộc được<br>công bố   | XẾP HẠNG<br><b>21</b>         | XẾP HẠNG<br><b>19</b>         |
| ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>8,44</b>                              | <b>0</b><br>Tài liệu được công bố<br>đúng hạn  | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>50</b> | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>50</b> |
| <b>MỨC ĐỘ<br/>CÔNG KHAI<br/>ÍT</b>                           | <b>0</b> tài liệu công bố<br>chậm, <b>0</b> tài liệu công bố<br>quá muộn hoặc không<br>rõ ngày công khai |                               |                               |

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2022, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

### Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy tỉnh Thanh Hoá đã công bố **ÍT** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Thanh Hoá đạt **8,44** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **62** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2022, giảm **2** hạng so với kết quả chấm POBI 2021.

### Kết quả chấm POBI 2022 tỉnh Thanh Hoá phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

| Mục   | Điểm POBI<br>chưa quy đổi <sup>56</sup> | Điểm POBI<br>2022 quy đổi |
|---|---|---------------------------|
| <b>A. Trụ cột sự tham gia</b>   | <b>300</b>                              | <b>4,23</b>               |
| <b>B. Trụ cột trách nhiệm giải trình</b>  | <b>400</b>                              | <b>5,63</b>               |
| <b>C. Trụ cột minh bạch ngân sách - điểm POBI 2022</b>                          | <b>599</b>                              | <b>8,44</b>               |
| <b>Theo loại tài liệu</b>   |   |                           |
| 1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh | 33                                      | 0,46                      |
| 2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt          | 33                                      | 0,46                      |
| 3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022                        | 0                                       | 0,00                      |
| 4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022              | 0                                       | 0,00                      |

<sup>56</sup> Đã tính trọng số

|   |     |      |
|---|-----|------|
| 5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022                              | 0   | 0,00 |
| 6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022               | 0   | 0,00 |
| 7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt                   | 33  | 0,46 |
| 8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán đã được phê duyệt)                      | 0   | 0,00 |
| 9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2023  | 100 | 1,41 |
| 10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023                                   | 0   | 0,00 |
| 11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 | 100 | 1,41 |
| <b>Theo tiêu chí đánh giá</b>   |     |      |
| 1. Tính sẵn có  | 200 | 2,82 |
| 2. Tính kịp thời  | 0   | 0,00 |
| 3. Tính thuận tiện  | 300 | 4,23 |
| 4. Tính đầy đủ  | 0   | 0,00 |
| 5. Tính tin cậy   | 0   | 0,00 |
| 6. Tính liên tục  | 99  | 1,39 |

Kết quả khảo sát POBI 2022 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

### **Tính thuận tiện của tài liệu công khai**

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Thanh Hoá, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT sở Tài chính tỉnh Thanh Hoá có thư mục riêng về công khai ngân sách. Các mục được chia rõ ràng, sắp xếp theo từng năm và có nội dung cập nhật nhằm tạo thuận lợi cho việc truy cập và tìm kiếm các loại tài liệu.
- 1 tài liệu được công khai ở định dạng PDF nhưng dễ dàng đọc hoặc chuyển sang định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Báo cáo kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 và 2021.
- 1 tài liệu được công khai ở định dạng PDF dạng scan/file ảnh (khó/không thuận tiện chuyển sang định dạng word/excel), bao gồm: Danh mục dự án đầu tư công đã được quyết định đầu tư trên địa bàn tỉnh năm 2023.

### **Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai**

- Sở Tài chính tỉnh Thanh Hoá đã công khai 2/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Danh mục dự án đầu tư công đã được quyết định đầu tư trên địa bàn tỉnh năm 2023 và Báo cáo kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 và 2021.
- 9 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 của UBND tỉnh gửi các đại biểu HĐND cấp tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q1/2022 của tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách 06 tháng đầu năm 2022 của tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q3/2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022, Báo cáo quyết toán NSNN năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn, Báo cáo NSNN dành cho công dân năm 2023 của tỉnh và Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh.

### **Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai**

- Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, không có tài liệu được công khai kịp thời và không có tài liệu nào được công khai quá muộn hoặc không rõ ngày công khai.

### **Tính liên tục của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách trình HĐND tỉnh được công khai ít nhất một năm bất kì (công khai năm 2021, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt được công khai ít nhất 1 năm bất kì (công khai năm 2021) và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh được công khai ít nhất 1 năm bất kì (công khai năm 2020).

### **Công khai các tài liệu được khuyến khích**

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021 - 2025.
- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2023 của tỉnh, Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 của tỉnh, Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2021 hoặc 2022 và Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 3 năm 2023 - 2025.

### **Sự tham gia của người dân**

- Trên cổng TTĐT của sở Tài chính tỉnh có email để người dân liên hệ cung cấp thông tin và email này có thể sử dụng được.

- Thời gian phản hồi/trả lời email của sở Tài chính tỉnh là sau 30 ngày hoặc không phản hồi.
- UBND tỉnh, HĐND tỉnh và sở Tài chính tỉnh không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2023 trình HĐND tỉnh.
- Trên cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo góp ý/báo cáo tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2022.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2022.

### **Trách nhiệm giải trình**

- HĐND tỉnh có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề.
- HĐND tỉnh không công khai báo cáo giám sát về ngân sách.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2023.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách của HĐND tỉnh.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp nhưng không có lịch sử hoạt động.
- Trên cổng TTĐT của sở Tài chính tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp nhưng không có lịch sử hoạt động.
- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2023 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2022, sở Tài chính tỉnh không sử dụng kênh truyền thông khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán NSNN năm 2022 tới người dân.
- Trên cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và sở Tài chính tỉnh có công khai báo cáo kết quả thực hiện kết luận của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.

## 57. TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

| KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH THỪA THIÊN HUẾ<br>NĂM 2022 |  |                                  |                              |
|--|--|----------------------------------|------------------------------|
| MỨC ĐỘ MINH BẠCH<br>(CHỈ SỐ POBI 2022)                               |  | SỰ THAM GIA<br>CỦA NGƯỜI DÂN     | TRÁCH NHIỆM<br>GIẢI TRÌNH    |
| XẾP HẠNG<br><b>53</b>  | <b>7/11</b><br>Tài liệu bắt buộc được<br>công bố   | XẾP HẠNG<br><b>38</b>            | XẾP HẠNG<br><b>62</b>        |
| ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>51,73</b>                                     | <b>0</b><br>Tài liệu được công bố<br>đúng hạn  | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>33,33</b> | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>0</b> |
| <b>MỨC ĐỘ<br/>CÔNG KHAI<br/>TƯƠNG ĐỐI<br/>ĐẦY ĐỦ</b>                 | <b>4</b> tài liệu công bố<br>chậm, <b>2</b> tài liệu công bố<br>quá muộn hoặc không<br>rõ ngày công khai |                                  |                              |

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2022, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

### Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy tỉnh Thừa Thiên Huế đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Thừa Thiên Huế đạt **51,73** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **53** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2022, **tăng 4 hạng** so với kết quả chấm POBI 2021.

### Kết quả chấm POBI 2022 tỉnh Thừa Thiên Huế phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

| Mục  | Điểm POBI<br>chưa quy đổi <sup>57</sup> | Điểm POBI<br>2022 quy đổi |
|--|---|---------------------------|
| <b>A. Trụ cột sự tham gia</b>  | <b>200</b>                              | <b>2,82</b>               |
| <b>B. Trụ cột trách nhiệm giải trình</b>   | <b>0</b>                                | <b>0,00</b>               |
| <b>C. Trụ cột minh bạch ngân sách - điểm POBI 2022</b>                             | <b>3673</b>                             | <b>51,73</b>              |
| <b>Theo loại tài liệu</b>  |   |                           |
| 1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023<br>trình Hội đồng nhân dân tỉnh | 916                                     | 12,90                     |

<sup>57</sup> Đã tính trọng số

|   |      |       |
|---|------|-------|
| 2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt                      | 899  | 12,66 |
| 3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022                                    | 300  | 4,23  |
| 4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022                          | 300  | 4,23  |
| 5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022                              | 375  | 5,28  |
| 6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022               | 350  | 4,93  |
| 7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt                   | 33   | 0,46  |
| 8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán đã được phê duyệt)                      | 0    | 0,00  |
| 9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2023  | 200  | 2,82  |
| 10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023                                   | 0    | 0,00  |
| 11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 | 0    | 0,00  |
| <b>Theo tiêu chí đánh giá</b>   |      |       |
| 1. Tính sẵn có  | 500  | 7,04  |
| 2. Tính kịp thời  | 125  | 1,76  |
| 3. Tính thuận tiện  | 800  | 11,27 |
| 4. Tính đầy đủ  | 1882 | 26,51 |
| 5. Tính tin cậy   | 133  | 1,87  |
| 6. Tính liên tục  | 233  | 3,28  |

Kết quả khảo sát POBI 2022 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

#### **Tính thuận tiện của tài liệu công khai**

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính, HĐND và UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Thừa Thiên Huế có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo loại tài liệu và theo năm, được cập nhật thường xuyên.
- Trang TTĐT của HĐND tỉnh Thừa Thiên Huế có thư mục riêng về công khai tài liệu kỳ họp HĐND.

- Các tài liệu được công khai đều có định dạng excel, thuận tiện cho việc sử dụng (trừ Biểu số 45 và Biểu số 51 không có tệp excel, chỉ có tệp PDF dạng scan).

### **Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai**

- Sở Tài chính tỉnh Thừa Thiên Huế đã công khai 7/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022 và Kế hoạch Đầu tư công năm 2023.
- 4 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo ngân sách công dân năm 2023, Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023, và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.

### **Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai**

Trong số 6 tài liệu ngân sách công khai được chấm điểm kịp thời, không có tài liệu nào được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 6 tài liệu không được công khai kịp thời là: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022 và Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022.

### **Tính đầy đủ của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh có kèm theo thuyết minh, phản ánh 11/13 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343 (thiếu Biểu số 33 và Biểu số 44). Thuyết minh báo cáo có giải thích về ưu tiên cho ít nhất một chính sách chi cụ thể của địa phương kèm theo số liệu thuyết minh, không ưu tiên chi ngân sách cho y tế và an sinh xã hội/trợ cấp xã hội. Biểu số 33 trong báo cáo phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn, nhưng không chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 35 phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa nhưng không chi tiết theo loại thuế.
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt phản ánh 12/13 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343 (thiếu Biểu số 57). Biểu số 48



trong báo cáo phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa nhưng không chi tiết theo loại thuế.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022 không kèm theo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 3 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 4 mục lớn, nhưng không chi tiết các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022 không kèm theo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 3 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 4 mục lớn, nhưng không chi tiết các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022 có kèm theo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 3 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 4 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022 có kèm theo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 3 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 59 phản ánh đầy đủ 4 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

#### **Tính tin cậy của các tài liệu được công khai**

- Thay đổi giữa dự toán năm 2023 và dự toán năm 2022 của chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo là 2,6% (tăng 2,6%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023 so với năm 2022 (tăng 0,3%).
- Thay đổi giữa dự toán năm 2023 và dự toán năm 2022 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là -8,8% (giảm 8,8%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này giảm trong khi thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023 so với năm 2022 là 0,3% (tăng 0,3%).

#### **Tính liên tục của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh và Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt được công khai liên tục trong 5 năm 2019, 2020, 2021, 2022 và 2023.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt được công khai trong 3 năm 2017, 2018 và 2019.

### **Công khai các tài liệu được khuyến khích**

- Trong số các tài liệu khuyến khích công khai, tất cả các tài liệu đều không được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2023, Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021, Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2021 hoặc 2022, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 3 năm 2023-2025 và Kế hoạch tài chính tỉnh 5 năm 2021-2025.

### **Sự tham gia của người dân**

- Trên trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin và email này có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua email vào ngày 11/01/2023, tuy nhiên sau 30 ngày vẫn chưa nhận được phản hồi email từ Sở.
- UBND, HĐND và Sở Tài chính tỉnh không thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2023 trình HĐND tỉnh.
- Trên trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới các loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân.
- Trên trang TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2022, nhưng không công khai báo cáo góp ý/tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2022.

### **Trách nhiệm giải trình**

- HĐND tỉnh không công khai kế hoạch giám sát thường xuyên, chuyên đề và báo cáo giám sát về ngân sách, đồng thời không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2023 và báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.
- Trên trang TTĐT của HĐND và Sở Tài chính tỉnh không có thư mục hỏi đáp.
- Ngoài việc công khai dự toán ngân sách nhà nước của tỉnh năm 2023 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2022 thì UBND và Sở Tài chính tỉnh không sử dụng các kênh truyền thông khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách năm 2023 tới người dân.
- Trên trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh không công khai Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.

## 58. TỈNH TIỀN GIANG

| KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH TIỀN GIANG NĂM 2022 |   |                                  |                                 |
|---|---|----------------------------------|---------------------------------|
| MỨC ĐỘ MINH BẠCH<br>(CHỈ SỐ POBI 2022)                        |   | SỰ THAM GIA<br>CỦA NGƯỜI DÂN     | TRÁCH NHIỆM<br>GIẢI TRÌNH       |
| XẾP HẠNG<br><b>54</b>   | <b>6/11</b><br>tài liệu bắt buộc được<br>công bố  | XẾP HẠNG<br><b>38</b>            | XẾP HẠNG<br><b>29</b>           |
| ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>51,51</b>                              | <b>4</b><br>tài liệu được công bố<br>đúng hạn   | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>33,33</b> | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>37,5</b> |
| <b>MỨC ĐỘ<br/>CÔNG KHAI<br/>TƯƠNG ĐỐI<br/>ĐẦY ĐỦ</b>          | <b>1</b> tài liệu công bố chậm,<br>0 tài liệu công bố quá<br>muộn hoặc không rõ<br>ngày công khai |                                  |                                 |

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2022, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

### Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy tỉnh Tiền Giang đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Tiền Giang đạt **51,51** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **54** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2022, **tăng 4 hạng** so với kết quả chấm POBI 2021.

### Kết quả chấm POBI 2022 tỉnh Tiền Giang phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

| Mục   | Điểm POBI<br>chưa quy đổi <sup>58</sup> | Điểm POBI<br>2022 quy đổi |
|---|---|---------------------------|
| <b>A. Trụ cột sự tham gia</b>   | <b>200</b>                              | <b>2,82</b>               |
| <b>B. Trụ cột trách nhiệm giải trình</b>  | <b>300</b>                              | <b>4,23</b>               |
| <b>C. Trụ cột minh bạch ngân sách - điểm POBI 2022</b>                          | <b>3657</b>                             | <b>51,51</b>              |
| <b>Theo loại tài liệu</b>   |   |                           |
| 1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh | 0                                       | 0,00                      |
| 2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt          | 782                                     | 11,01                     |
| 3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022                        | 375                                     | 5,28                      |
| 4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022              | 400                                     | 5,63                      |

<sup>58</sup> Đã tính trọng số

|   |      |       |
|---|------|-------|
| 5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022                              | 400  | 5,63  |
| 6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022               | 0    | 0,00  |
| 7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt                   | 1400 | 19,72 |
| 8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán đã được phê duyệt)                      | 0    | 0,00  |
| 9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2023  | 100  | 1,41  |
| 10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023                                   | 0    | 0,00  |
| 11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 | 0    | 0,00  |
| <b>Theo tiêu chí đánh giá</b>   |      |       |
| 1. Tính sẵn có  | 450  | 6,34  |
| 2. Tính kịp thời  | 325  | 4,58  |
| 3. Tính thuận tiện  | 450  | 6,34  |
| 4. Tính đầy đủ  | 1966 | 27,69 |
| 5. Tính tin cậy   | 266  | 3,75  |
| 6. Tính liên tục  | 200  | 2,82  |

Kết quả khảo sát POBI 2022 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

### **Tính thuận tiện của tài liệu công khai**

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Tiền Giang nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Tiền Giang có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu và có cập nhật nội dung
- Trong số các tài liệu được công khai, có 04 tài liệu được công bố bằng định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng đó là: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 2 (6 tháng đầu năm) năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 3 (9 tháng đầu năm) năm 2022, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021. Có 02 tài liệu được công bố bằng định dạng PDF dạng scan/file ảnh, không thuận tiện trong việc chuyển sang định dạng word/excel, bao gồm: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định, Danh mục đầu tư dự án công năm 2023.

### **Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai**

- Sở Tài chính tỉnh Tiền Giang đã công khai 06/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 2 (6 tháng đầu năm) năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 3 (9 tháng đầu năm) năm 2022, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021, Danh mục đầu tư dự án công năm 2023.
- 05 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022, Báo cáo ngân sách nhà nước dành cho công dân năm 2023 (cho dự thảo trình/dự toán được duyệt), Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023, Báo cáo kết quả thực hiện các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.

### **Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai**

Trong số 06 tài liệu ngân sách được công khai

- 04 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định (30/12/2022), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 2 năm 2022 (26/4/2022), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 3 năm 2022 (12/10/2022), Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 (30/12/2022).
- 01 tài liệu công khai không kịp thời là: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2022 (26/4/2022)

### **Tính đầy đủ của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh đầy đủ 11/13 biểu (thiếu biểu 52 và biểu 54) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/ CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/ 84 Chỉ số công khai ngân sách tỉnh POBI 2021 CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/ CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai không kèm với báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ biểu số 62 đến biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế (Biểu 63/ CK-NSNN). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách của tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN).

### **Tính tin cậy của các tài liệu được công khai**

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 37.13%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2021 của tỉnh là -20.54%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 18.33%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2021 của tỉnh là 59.10%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2021 của tỉnh là 16.36%.
- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2021 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 196% (tăng 196%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2021 (tăng 0.6%).
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định là -0.9%. Thay đổi này là phù hợp.



Mức thay đổi này giảm thấp hơn so với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023 so với năm 2022 (5%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho y tế và dân số năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định là -4%. Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này giảm thấp hơn so với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023 so với năm 2022 (5%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

#### **Tính liên tục của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh đều được công khai năm năm liên tiếp (2019, 2020, 2021, 2022 và 2023)

#### **Công khai các tài liệu được khuyến khích**

- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh năm 2019-2020 hoặc 2021; Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2021 hoặc 2022; Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 3 năm 2023-2025 và Kế hoạch tài chính tỉnh 5 năm 2021-2025

#### **Sự tham gia của người dân**

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin và email này có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng TTĐT của Sở Tài chính, tuy nhiên không nhận được phản hồi của Sở Tài Chính tỉnh.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh.
- Cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo).
- TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND và công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2022.

#### **Trách nhiệm giải trình**

- Cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề; không công khai báo cáo giám sát về ngân sách.



- Cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai biên bản kỳ họp/ thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022 (kỳ họp tháng 12/2022).
- Cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh và Sở Tài chính có công khai thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng) và có lịch sử hoạt động.
- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2023 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2023 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính TP không sử dụng 1-2 các kênh truyền thông khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2023 tới người dân.
- Trang web của Sở Tài chính có công khai báo cáo kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc năm 2021.

## 59. TỈNH TRÀ VINH

| KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH TRÀ VINH NĂM 2022 |  |                                  |                                 |
|---|--|----------------------------------|---------------------------------|
| MỨC ĐỘ MINH BẠCH<br>(CHỈ SỐ POBI 2022)                      |  | SỰ THAM GIA<br>CỦA NGƯỜI DÂN     | TRÁCH NHIỆM<br>GIẢI TRÌNH       |
| XẾP HẠNG<br><b>3</b>  | <b>11/11</b><br>Tài liệu bắt buộc được<br>công bố  | XẾP HẠNG<br><b>49</b>            | XẾP HẠNG<br><b>29</b>           |
| ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>92,69</b>                            | <b>6</b><br>Tài liệu được công bố<br>đúng hạn  | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>16,67</b> | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>37,5</b> |
| <b>MỨC ĐỘ<br/>CÔNG KHAI<br/>ĐẦY ĐỦ</b>                      | <b>2</b> tài liệu công bố<br>chậm, <b>0</b> tài liệu công bố<br>quá muộn hoặc không<br>rõ ngày công khai |                                  |                                 |

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2022, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

### Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy tỉnh Trà Vinh đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Trà Vinh đạt **92,69** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **3** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2022, tăng **26 hạng** so với kết quả chấm POBI 2021.

### Kết quả chấm POBI 2022 tỉnh Trà Vinh phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

| Mục   | Điểm POBI<br>chưa quy đổi <sup>59</sup> | Điểm POBI<br>2022 quy đổi |
|---|---|---------------------------|
| <b>A. Trụ cột sự tham gia</b>   | <b>100</b>                              | <b>1,41</b>               |
| <b>B. Trụ cột trách nhiệm giải trình</b>  | <b>300</b>                              | <b>4,23</b>               |
| <b>C. Trụ cột minh bạch ngân sách - điểm POBI 2022</b>                          | <b>6581</b>                             | <b>92,69</b>              |
| <b>Theo loại tài liệu</b>   |   |                           |
| 1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh | 1500                                    | 21,13                     |
| 2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt          | 1200                                    | 16,90                     |
| 3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022                        | 400                                     | 5,63                      |
| 4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022              | 400                                     | 5,63                      |

<sup>59</sup> Đã tính trọng số

|   |      |       |
|---|------|-------|
| 5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022                              | 400  | 5,63  |
| 6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022               | 400  | 5,63  |
| 7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt                   | 1515 | 21,34 |
| 8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán đã được phê duyệt)                      | 166  | 2,34  |
| 9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2023  | 200  | 2,82  |
| 10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023                                   | 100  | 1,41  |
| 11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 | 100  | 1,41  |
| <b>Theo tiêu chí đánh giá</b>   |      |       |
| 1. Tính sẵn có  | 900  | 12,68 |
| 2. Tính kịp thời  | 516  | 7,27  |
| 3. Tính thuận tiện  | 800  | 11,27 |
| 4. Tính đầy đủ  | 3500 | 49,30 |
| 5. Tính tin cậy   | 565  | 7,96  |
| 6. Tính liên tục  | 300  | 4,23  |

Kết quả khảo sát POBI 2022 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

### **Tính thuận tiện của tài liệu công khai**

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Trà Vinh nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Thư mục công khai ngân sách: Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu và có cập nhật nội dung.
- Định dạng của tài liệu: Trên trang TTĐT của Sở Tài chính có 8 loại tài liệu được chấm điểm về định dạng tài liệu được công khai ở dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022; Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Kế hoạch Đầu tư công năm 2023.

### **Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai**

- Sở Tài chính tỉnh Trà Vinh đã công khai 11/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022; Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo ngân sách công dân năm 2023; Kế hoạch Đầu tư công năm 2023; Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023; Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.
- 0 loại tài liệu ngân sách không công khai.

### **Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai**

Trong số 8 tài liệu ngân sách công khai được chấm điểm kịp thời, có 6 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 6 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022; Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022.
- 2 tài liệu không được công khai kịp thời là: Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo ngân sách công dân năm 2023.

### **Tính đầy đủ của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm thuyết minh. Báo cáo này phản ánh 13/13 biểu (từ Biểu 33 tới Biểu 45) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Biểu 39/CK-NSNN phản ánh toàn bộ các nội dung của các lĩnh vực chi đầu tư (12 lĩnh vực). Báo cáo không phản ánh dự toán cho các khoản thu chi của các Quỹ Tài chính ngoài cân đối ngân sách của địa phương.

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh 13/13 biểu (từ Biểu 46 tới Biểu 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/ CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và không chi tiết theo loại thuế. Báo cáo không phản ánh dự toán cho các khoản thu chi của các Quỹ Tài chính ngoài cân đối ngân sách của địa phương.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343 (từ biểu 59 đến biểu 61). Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343 (từ biểu 59 đến biểu 61). Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 34 (từ biểu 59 đến biểu 61). Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343 (từ biểu 59 đến biểu 61). Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai kèm với báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ biểu số 62 đến biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/ CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và

các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ (Biểu 63/CK-NSNN). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách của tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN)

### **Tính tin cậy của các tài liệu được công khai**

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 63,59%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2021 của tỉnh là 2,92%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 12,85%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2021 của tỉnh là 12,84%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2021 của tỉnh là 9,97%.
- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2021 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 32,6% (tăng 32,6%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức giảm của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2021 (giảm 1,4%).
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định là 22,4%. Thay đổi này chưa là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023 so với năm 2022 (6,6%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho y tế và dân số năm 2022 đã được HĐND tỉnh quyết định là 22,4%. Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023 so với năm 2022 (6,6%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

### **Tính liên tục của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh (2017, 2018, 2019, 2020 và 2021) được công khai liên tục trong 5 năm liên tiếp 2019, 2020, 2021, 2022 và 2023.

## **Công khai các tài liệu được khuyến khích**

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: không có tài liệu.
- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2023, Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2020, 2021 hoặc 2022, Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2021 hoặc 2022; Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 3 năm 2023-2025 và Kế hoạch tài chính tỉnh 5 năm từ 2021-2025.

## **Sự tham gia của người dân**

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin và email này có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên công thông tin điện tử của Sở Tài chính, tuy nhiên nhóm không nhận được phản hồi.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình HĐND tỉnh.
- Cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo).
- Cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2022 và không công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2022.

## **Trách nhiệm giải trình**

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo giám sát về ngân sách.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2023 (kỳ họp tháng 12/2021).
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không có thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng).
- Trên cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng).



- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2023 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2022 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh không còn sử dụng các kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2023 tới người dân.
- Trên cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh có công khai báo cáo kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.

## 60. TỈNH TUYỀN QUANG

| KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH TUYỀN QUANG NĂM 2022 |  |                                  |                                  |
|--|--|----------------------------------|----------------------------------|
| MỨC ĐỘ MINH BẠCH<br>(CHỈ SỐ POBI 2022)                         |  | SỰ THAM GIA<br>CỦA NGƯỜI DÂN     | TRÁCH NHIỆM<br>GIẢI TRÌNH        |
| XẾP HẠNG<br><b>28</b>  | <b>8/11</b><br>Tài liệu bắt buộc được<br>công bố   | XẾP HẠNG<br><b>49</b>            | XẾP HẠNG<br><b>40</b>            |
| ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>78,46</b>                               | <b>6</b><br>Tài liệu được công bố<br>đúng hạn  | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>16,67</b> | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>31,25</b> |
| <b>MỨC ĐỘ<br/>CÔNG KHAI<br/>ĐẦY ĐỦ</b>                         | <b>1</b> tài liệu công bố chậm,<br><b>0</b> tài liệu công bố quá<br>muộn hoặc không rõ<br>ngày công khai |                                  |                                  |

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2022, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

### Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy tỉnh Tuyên Quang đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Tuyên Quang đạt **78,46** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **28** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2022, **tăng 2 hạng** so với kết quả chấm POBI 2021.

### Kết quả chấm POBI 2022 tỉnh Tuyên Quang phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

| Mục   | Điểm POBI<br>chưa quy đổi <sup>60</sup> | Điểm POBI<br>2022 quy đổi |
|---|---|---------------------------|
| <b>A. Trụ cột sự tham gia</b>   | <b>100</b>                              | <b>1,41</b>               |
| <b>B. Trụ cột trách nhiệm giải trình</b>  | <b>250</b>                              | <b>3,52</b>               |
| <b>C. Trụ cột minh bạch ngân sách - điểm POBI 2022</b>                          | <b>5571</b>                             | <b>78,46</b>              |
| <b>Theo loại tài liệu</b>   |   |                           |
| 1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh | 1032                                    | 14,54                     |
| 2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt          | 1032                                    | 14,54                     |
| 3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022                        | 375                                     | 5,28                      |
| 4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022              | 400                                     | 5,63                      |

<sup>60</sup> Đã tính trọng số

|   |      |       |
|---|------|-------|
| 5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022                              | 400  | 5,63  |
| 6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022               | 400  | 5,63  |
| 7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt                   | 1532 | 21,58 |
| 8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán đã được phê duyệt)                      | 0    | 0,00  |
| 9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2023  | 200  | 2,82  |
| 10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023                                   | 0    | 0,00  |
| 11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 | 0    | 0,00  |
| <b>Theo tiêu chí đánh giá</b>   |      |       |
| 1. Tính sẵn có  | 600  | 8,45  |
| 2. Tính kịp thời  | 475  | 6,69  |
| 3. Tính thuận tiện  | 800  | 11,27 |
| 4. Tính đầy đủ  | 2998 | 42,23 |
| 5. Tính tin cậy   | 432  | 6,08  |
| 6. Tính liên tục  | 266  | 3,75  |

Kết quả khảo sát POBI 2022 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

#### **Tính thuận tiện của tài liệu công khai**

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Tuyên Quang, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính thành phố Tuyên Quang có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu, theo từng năm và có cập nhật nội dung.
- Các tài liệu đều được công khai bằng định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng.

#### **Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai**

- Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang đã công khai 8/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm

2022, Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn, Kế hoạch Đầu tư công của tỉnh năm 2023

- 03 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt), Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023, Báo cáo kết quả thực hiện các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.

### **Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai**

Trong số 7 tài liệu ngân sách công khai được chấm điểm kịp thời, có 6 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 06 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh (07/12/2022), Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định (31/12/2022), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022 (06/07/2022), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022 (13/10/2022), Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022 (16/01/2023), Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn (31/12/2022).
- 01 tài liệu không được công khai kịp thời là: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022 (16/04/2022).

### **Tính đầy đủ của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh: Báo cáo không kèm theo thuyết minh. Phản ánh đủ 13/13 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343 (từ biểu 33 đến biểu 45). Phần chi tiết biểu 35 phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành nguồn thu nội địa nhưng Thu từ XSKT chưa chi tiết theo sắc thuế.
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo không kèm theo thuyết minh. Phản ánh đủ 13/13 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343 (từ biểu 46 đến biểu 58). Phần chi tiết biểu 48 phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành nguồn thu nội địa nhưng Thu từ XSKT chưa chi tiết theo sắc thuế. Chưa phản ánh dự toán cho các khoản thu chi các Quỹ Tài chính nhà nước ngoài ngân sách của địa phương.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022: Báo cáo có kèm theo thuyết minh. Phản ánh đủ 3/3 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343 (từ biểu 59 đến biểu 61). Báo cáo có bao gồm thông tin so sánh với dự toán được duyệt của

cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59 có phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022: Báo cáo có kèm theo thuyết minh. Phản ánh đủ 3/3 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343 (từ biểu 59 đến biểu 61). Báo cáo có bao gồm thông tin so sánh với dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59 có phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022: Báo cáo có kèm theo thuyết minh. Phản ánh đủ 3/3 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343 (từ biểu 59 đến biểu 61). Báo cáo có bao gồm thông tin so sánh với dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59 có phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022: Báo cáo có kèm theo thuyết minh. Phản ánh đủ 3/3 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343 (từ biểu 59 đến biểu 61). Báo cáo có bao gồm thông tin so sánh với dự toán được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59 có phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo có kèm theo thuyết minh. Phản ánh đủ 7/7 theo hướng dẫn của Thông tư 343 (từ biểu 62 đến biểu 68). Phần chi tiết biểu 63 phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành nguồn thu nội địa nhưng Thu từ XSKT chưa chi tiết theo sắc thuế.

### **Tính tin cậy của các tài liệu được công khai**

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 34,5%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2021 của tỉnh là 2,2%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 0,7%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2021 của tỉnh là 63,1%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2021 của tỉnh là -8,4%.
- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2021 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 6,7% (tăng 6,7%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2021 (giảm 9,76%).
- Thay đổi giữa chi thường xuyên hàng năm cho GDĐT năm 2023 so với 2022 là 9,4% (tăng 9,4%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng thấp

hơn so với tổng chi thường xuyên ngân sách tỉnh năm 2023 so với 2022 là 35,2% (tăng 35,2%).

- Thay đổi giữa chi thường xuyên hàng năm cho Y tế và dân số năm 2023 so với 2022 là -4,89% (giảm 4,89%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này thấp hơn so với tổng chi thường xuyên ngân sách tỉnh năm 2023 so với 2022 là 35,2% (tăng 35,2%).

#### **Tính liên tục của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh được công khai trong 3 năm liên tiếp (2020,2021,2022).
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt được công khai trong 5 năm liên tiếp (2019,2020,2021,2022,2023).
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh (2017, 2018, 2019, 2020 và 2021) được công khai trong 5 năm liên tiếp.

#### **Công khai các tài liệu được khuyến khích**

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2021.
- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2023, Kết quả kiểm toán ngân sách nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2023-2025, Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025

#### **Sự tham gia của người dân**

- Trên cổng TTĐT của Sở Tài chính có email để người dân liên hệ yêu cầu cung cấp thông tin và có thể sử dụng được.
- Thời gian phản hồi/trả lời của Sở là sau 30 ngày hoặc không phản hồi.
- UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở tài chính tỉnh không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2023 trình HĐND tỉnh.
- Trên cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo).
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2022.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2022.

## **Trách nhiệm giải trình**

- HĐND có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề .
- HĐND không công khai báo cáo giám sát về ngân sách.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2023 (Kỳ họp tháng 12/2022).
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh (bao gồm báo cáo thẩm tra quyết toán năm 2021 hoặc dự thảo dự toán năm 2023).
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng) nhưng không có lịch sử hoạt động.
- Trên cổng TTĐT của Sở tài chính tỉnh có thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng) và có lịch sử hoạt động.
- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2023 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2022 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh không sử dụng các kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2023 tới người dân.
- Trang web của UBND, HDND, Sở Tài chính tỉnh không công khai báo cáo kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc hoặc 2021.



## 61. TỈNH VĨNH LONG

| KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH VĨNH LONG NĂM 2022 |  |                               |                               |
|--|--|-------------------------------|-------------------------------|
| MỨC ĐỘ MINH BẠCH<br>(CHỈ SỐ POBI 2022)                       |  | SỰ THAM GIA<br>CỦA NGƯỜI DÂN  | TRÁCH NHIỆM<br>GIẢI TRÌNH     |
| XẾP HẠNG<br><b>4</b>   | <b>11/11</b><br>Tài liệu bắt buộc được<br>công bố  | XẾP HẠNG<br><b>21</b>         | XẾP HẠNG<br><b>1</b>          |
| ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>91,77</b>                             | <b>8</b><br>Tài liệu được công bố<br>đúng hạn  | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>50</b> | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>75</b> |
| <b>MỨC ĐỘ<br/>CÔNG KHAI<br/>ĐẦY ĐỦ</b>                       | <b>0</b> tài liệu công bố<br>chậm, <b>0</b> tài liệu công bố<br>quá muộn hoặc không<br>rõ ngày công khai |                               |                               |

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2022, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

### Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy tỉnh Vĩnh Long đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Vĩnh Long đạt **91,77** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **4** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2022, **không thay đổi về hạng** so với kết quả chấm POBI 2021.

### Kết quả chấm POBI 2022 tỉnh Vĩnh Long phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

| Mục   | Điểm POBI<br>chưa quy đổi <sup>61</sup> | Điểm POBI<br>2022 quy đổi |
|---|---|---------------------------|
| <b>A. Trụ cột sự tham gia</b>   | <b>300</b>                              | <b>4,23</b>               |
| <b>B. Trụ cột trách nhiệm giải trình</b>  | <b>600</b>                              | <b>8,45</b>               |
| <b>C. Trụ cột minh bạch ngân sách - điểm POBI 2022</b>                          | <b>6516</b>                             | <b>91,77</b>              |
| <b>Theo loại tài liệu</b>   |   |                           |
| 1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh | 1200                                    | 16,90                     |
| 2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt          | 1233                                    | 17,37                     |
| 3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022                        | 400                                     | 5,63                      |
| 4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022              | 400                                     | 5,63                      |

<sup>61</sup> Đã tính trọng số

|   |      |       |
|---|------|-------|
| 5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022                              | 400  | 5,63  |
| 6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022               | 400  | 5,63  |
| 7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt                   | 1633 | 23,00 |
| 8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán đã được phê duyệt)                      | 200  | 2,82  |
| 9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2023  | 200  | 2,82  |
| 10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023                                   | 50   | 0,70  |
| 11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 | 100  | 1,41  |
| <b>Theo tiêu chí đánh giá</b>   |      |       |
| 1. Tính sẵn có  | 850  | 11,97 |
| 2. Tính kịp thời  | 600  | 8,45  |
| 3. Tính thuận tiện  | 900  | 12,68 |
| 4. Tính đầy đủ  | 3300 | 46,48 |
| 5. Tính tin cậy   | 566  | 7,97  |
| 6. Tính liên tục  | 300  | 4,23  |

Kết quả khảo sát POBI 2022 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

### **Tính thuận tiện của tài liệu công khai**

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Vĩnh Long, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Thư mục công khai ngân sách: Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu, theo từng năm và có cập nhật nội dung.
- Định dạng của tài liệu: Trên website của Sở Tài chính tỉnh có 08/08 loại tài liệu được chấm điểm về định dạng tài liệu được công khai ở dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; và Kế hoạch Đầu tư công năm 2023.

### **Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai**

- Sở Tài chính tỉnh Vĩnh Long đã công khai 11/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo ngân sách công dân năm 2023; Kế hoạch Đầu tư công năm 2023; Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc năm 2023 và Báo cáo kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.

### **Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai**

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có 8 tài liệu được công khai kịp thời.  
Cụ thể:

- 8/8 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; và Báo cáo ngân sách công dân năm 2023.

### **Tính đầy đủ của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 39/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo sắc thuế. Báo cáo phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 44/CK-NSNN), mặc dù số dự toán chi là bằng không. Báo cáo cũng phản ánh dự toán cho các khoản thu chi các Quỹ Tài chính nhà nước ngoài ngân sách của địa phương.
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các

mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo sắc thuế. Báo cáo cũng phản ánh dự toán cho các khoản thu chi các Quỹ Tài chính nhà nước ngoài ngân sách của địa phương.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ Biểu số 62 đến Biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo sắc thuế (Biểu số 63/CK-NSNN). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có

đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN).

### **Tính tin cậy của các tài liệu được công khai**

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 110,9%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2021 của tỉnh là 1,8%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 1,1%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2021 của tỉnh là 2,1%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2021 của tỉnh là 1,6%.
- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2021 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 2,9% (tăng 2,9%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng thấp hơn so với mức tăng của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2021 (tăng 13,9%).
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên hàng năm cho giáo dục và đào tạo năm 2023 so với 2022 là 6,6% (tăng 6,6%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023 so với 2022 (tăng 4,8%).
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên hàng năm cho y tế và dân số năm 2023 so với 2022 là 1,5% (giảm 1,5%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên hàng năm cho y tế và dân số năm 2023 giảm trong khi mức thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023 so với 2022 tăng (tăng 4,8%).

### **Tính liên tục của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh (năm 2019, 2020, 2021, 2022, và 2023); Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt (năm 2019, 2020, 2021, 2022, và 2023) và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh (2017, 2018, 2019, 2020 và 2021) đều được công khai trong năm năm liên tiếp.

### **Công khai các tài liệu được khuyến khích**

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm (03/05 tài liệu): Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2022 của tỉnh; Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2021 hoặc 2022 và Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2023-2025.

- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm (02/5 tài liệu): Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020, 2021 và Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

### **Sự tham gia của người dân**

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục hỏi đáp, có email và có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính vào ngày 11/01/2023 nhưng sau 30 ngày vẫn chưa nhận được phản hồi.
- UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở tài chính tỉnh không thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2022 trình HĐND tỉnh.
- Trên cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh (Facebook, Zalo) để trao đổi với người dân.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh và báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2022.

### **Trách nhiệm giải trình**

- HĐND có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề và có công khai báo cáo giám sát về ngân sách.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh đã công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2023 và báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.
- Trên cổng TTĐT của HĐND và cổng TTĐT của Sở tài chính tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp và có lịch sử hoạt động.
- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2022 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh không sử dụng các kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2023 tới người dân.
- Trên web của UBND, HĐND, Sở Tài chính tỉnh có công khai kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.

## 62. TỈNH VĨNH PHÚC

| KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH VĨNH PHÚC NĂM 2022 |  |                                  |                                 |
|--|--|----------------------------------|---------------------------------|
| MỨC ĐỘ MINH BẠCH<br>(CHỈ SỐ POBI 2022)                       |  | SỰ THAM GIA<br>CỦA NGƯỜI DÂN     | TRÁCH NHIỆM<br>GIẢI TRÌNH       |
| XẾP HẠNG<br><b>30</b>  | <b>11/11</b><br>Tài liệu bắt buộc được<br>công bố  | XẾP HẠNG<br><b>49</b>            | XẾP HẠNG<br><b>29</b>           |
| ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>76,14</b>                             | <b>8</b><br>Tài liệu được công bố<br>đúng hạn  | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>16,67</b> | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>37,5</b> |
| <b>MỨC ĐỘ<br/>CÔNG KHAI<br/>ĐẦY ĐỦ</b>                       | <b>0</b> tài liệu công bố<br>chậm, <b>0</b> tài liệu công bố<br>quá muộn hoặc không<br>rõ ngày công khai |                                  |                                 |

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2022, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

### Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy tỉnh Vĩnh Phúc đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Vĩnh Phúc đạt **76,14** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **30** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2022, giảm **18** hạng so với kết quả chấm POBI 2021.

### Kết quả chấm POBI 2022 tỉnh Vĩnh Phúc phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

| Mục   | Điểm POBI<br>chưa quy đổi <sup>62</sup> | Điểm POBI<br>2022 quy đổi |
|---|---|---------------------------|
| <b>A. Trụ cột sự tham gia</b>   | <b>100</b>                              | <b>1,41</b>               |
| <b>B. Trụ cột trách nhiệm giải trình</b>  | <b>300</b>                              | <b>4,23</b>               |
| <b>C. Trụ cột minh bạch ngân sách - điểm POBI 2022</b>                          | <b>5406</b>                             | <b>76,14</b>              |
| <b>Theo loại tài liệu</b>   |   |                           |
| 1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh | 916                                     | 12,90                     |
| 2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt          | 916                                     | 12,90                     |
| 3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022                        | 400                                     | 5,63                      |
| 4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022              | 400                                     | 5,63                      |

<sup>62</sup> Đã tính trọng số



|   |      |       |
|---|------|-------|
| 5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022                              | 400  | 5,63  |
| 6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022               | 375  | 5,28  |
| 7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt                   | 1199 | 16,89 |
| 8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán đã được phê duyệt)                      | 200  | 2,82  |
| 9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2023  | 100  | 1,41  |
| 10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023                                   | 100  | 1,41  |
| 11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 | 100  | 1,41  |
| <b>Theo tiêu chí đánh giá</b>   |      |       |
| 1. Tính sẵn có  | 900  | 12,68 |
| 2. Tính kịp thời  | 600  | 8,45  |
| 3. Tính thuận tiện  | 500  | 7,04  |
| 4. Tính đầy đủ  | 2841 | 40,01 |
| 5. Tính tin cậy   | 265  | 3,73  |
| 6. Tính liên tục  | 300  | 4,23  |

Kết quả khảo sát POBI 2022 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

### **Tính thuận tiện của tài liệu công khai**

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Vĩnh Phúc, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT sở Tài chính tỉnh Vĩnh Phúc có thư mục riêng về công khai ngân sách. Các mục được chia rõ ràng, sắp xếp theo từng năm và có nội dung cập nhật nhằm tạo thuận lợi cho việc truy cập và tìm kiếm các loại tài liệu.
- 4 tài liệu được công khai ở định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q1/2022 của tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách 06 tháng đầu năm 2022 của tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q3/2022 và Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022
- 5 tài liệu được công khai ở định dạng PDF dạng scan/file ảnh (khó/không thuận tiện chuyển sang định dạng word/excel), bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 của UBND tỉnh gửi các đại biểu HĐND cấp tỉnh, Báo cáo dự

toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo quyết toán NSNN năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn, Danh mục dự án đầu tư công đã được quyết định đầu tư trên địa bàn tỉnh năm 2023 và Báo cáo kết quả thực hiện kết luận của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.

### **Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai**

- Sở Tài chính tỉnh Vĩnh Phúc đã công khai 11/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 của UBND tỉnh gửi các đại biểu HĐND cấp tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q1/2022 của tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách 06 tháng đầu năm 2022 của tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q3/2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022, Báo cáo quyết toán NSNN năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn, Báo cáo NSNN dành cho công dân năm 2023 của tỉnh, Danh mục dự án đầu tư công đã được quyết định đầu tư trên địa bàn tỉnh năm 2023, Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh và Báo cáo kết quả thực hiện kết luận của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.

### **Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai**

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có 8 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 8 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 của UBND tỉnh gửi các đại biểu HĐND cấp tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q1/2022 của tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách 06 tháng đầu năm 2022 của tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q3/2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022, Báo cáo quyết toán NSNN năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn và Báo cáo NSNN dành cho công dân năm 2023 của tỉnh.

### **Tính đầy đủ của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh 5/13 biểu (từ biểu 33 đến biểu 45, thiếu các biểu 37, 38, 39, 41, 42, 43, 44 và 45). Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn nhưng không chi tiết các mục nhỏ (mục A. Tổng nguồn thu NSDP thiếu mục Thu từ quỹ dự trữ tài chính và Thu kết dư; mục B. Tổng chi NSDP thiếu mục Chi tạo nguồn điều chỉnh tiền lương). Biểu số 35/CK-NSNN có phản ánh các nguồn thu nội địa

nhưng ít hơn 18 mục thu theo quy định cấu thành (thiếu mục Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước). Báo cáo không phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo đơn vị sử dụng ngân sách tỉnh và huyện (biểu số 44/CK-NSNN). Báo cáo không phản ánh dự toán cho các khoản thu chi các Quỹ Tài chính nhà nước ngoài ngân sách địa phương.

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu (từ biểu 46 đến biểu 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn nhưng không chi tiết các mục nhỏ (mục Tổng mức vay NSDP không ghi cụ thể theo quy định của Thông tư 343). Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Báo cáo có phản ánh chi tiết các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia cho ngân sách tỉnh và huyện (Biểu số 57/CK-NSNN).
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Báo cáo gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Báo cáo gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Báo cáo gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Báo cáo gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn nhưng không chi

tiết các mục nhỏ (mục A. Tổng nguồn thu NSNN trên địa bàn thiếu mục Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang; mục B. Tổng chi NSDP thiếu mục Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW sang NSDP).

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai không kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ biểu 62 đến biểu 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 06 mục lớn và các mục nhỏ. Biểu số 63/CK-NSNN phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế. Biểu số 65/CK-NSNN có phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN).

### **Tính tin cậy của các tài liệu được công khai**

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 133%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2021 của tỉnh là 14%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 19%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2021 của tỉnh là 73%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2021 của tỉnh là -5%.
- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2021 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 1,6% ( tăng 1,6%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2021 (giảm 26,3%).
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2023 được HĐND tỉnh quyết định so với năm 2022 là -10,8% (giảm 10,8%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng thấp hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên được HĐND tỉnh quyết định năm 2023 so với năm 2022 (giảm 4,7%).
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số của tỉnh năm 2023 được HĐND tỉnh quyết định so với năm 2022 là -92% (giảm 92%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng thấp hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên được HĐND tỉnh quyết định năm 2023 so với năm 2022 (giảm 4,7%).

### **Tính liên tục của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh (2019, 2020, 2021) được công khai trong năm năm liên tiếp.

### **Công khai các tài liệu được khuyến khích**

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2023 của tỉnh, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 3 năm 2023 - 2025 và Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021 - 2025.
- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 của tỉnh và Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2021 hoặc 2022.

### **Sự tham gia của người dân**

- Trên cổng TTĐT của sở Tài chính tỉnh có email để người dân liên hệ cung cấp thông tin và email này có thể sử dụng được.
- Thời gian phản hồi/trả lời email của sở Tài chính tỉnh là sau 30 ngày hoặc không phản hồi.
- UBND tỉnh, HĐND tỉnh và sở Tài chính tỉnh không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2023 trình HĐND tỉnh .
- Trên cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không có công khai báo cáo góp ý/báo cáo tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2022.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không có công khai báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2022.

### **Trách nhiệm giải trình**

- HĐND tỉnh có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề.
- HĐND tỉnh không công khai báo cáo giám sát về ngân sách.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2023.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách của HĐND tỉnh.

- Trên công TTĐT của HĐND tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp nhưng không có lịch sử hoạt động.
- Trên công TTĐT của sở Tài chính tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp nhưng không có lịch sử hoạt động.
- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2023 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2022, sở Tài chính tỉnh không sử dụng kênh truyền thông khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán NSNN năm 2022 tới người dân.
- Trên công TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và sở Tài chính tỉnh có công khai báo cáo kết quả thực hiện kết luận của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.

## 63. TỈNH YÊN BÁI

| KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH YÊN BÁI NĂM 2022 |  |                                  |                                 |
|--|--|----------------------------------|---------------------------------|
| MỨC ĐỘ MINH BẠCH<br>(CHỈ SỐ POBI 2022)                     |  | SỰ THAM GIA<br>CỦA NGƯỜI<br>DÂN  | TRÁCH NHIỆM<br>GIẢI TRÌNH       |
| XẾP HẠNG<br><b>7</b>                                       | <b>11/11</b><br>Tài liệu bắt buộc được<br>công bố  | XẾP HẠNG<br><b>49</b>            | XẾP HẠNG                        |
| ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>88,7</b>                            | <b>07</b><br>Tài liệu được công bố<br>đúng hạn   | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>16,67</b> | ĐIỂM XẾP<br>HẠNG<br><b>12,5</b> |
| <b>MỨC ĐỘ<br/>CÔNG KHAI<br/>ĐẦY ĐỦ</b>                     | <b>00</b> tài liệu công bố chậm,<br><b>01</b> tài liệu công bố quá<br>muộn hoặc không rõ<br>ngày công khai |                                  |                                 |

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2022, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

### Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy tỉnh Yên Bái đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Yên Bái đạt **88,7** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **7** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2022, **tăng 19 hạng** so với kết quả chấm POBI 2021.

### Kết quả chấm POBI 2022 tỉnh Yên Bái phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

| Mục   | Điểm POBI<br>chưa quy đổi <sup>63</sup> | Điểm POBI<br>2022 quy đổi |
|---|---|---------------------------|
| <b>A. Trụ cột sự tham gia</b>   | <b>100</b>                              | <b>1,41</b>               |
| <b>B. Trụ cột trách nhiệm giải trình</b>  | <b>100</b>                              | <b>1,41</b>               |
| <b>C. Trụ cột minh bạch ngân sách - điểm POBI 2022</b>                          | <b>6298</b>                             | <b>88,70</b>              |
| <b>Theo loại tài liệu</b>   |   |                           |
| 1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh | 1450                                    | 20,42                     |
| 2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt          | 1083                                    | 15,25                     |
| 3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022                        | 400                                     | 5,63                      |

<sup>63</sup> Đã tính trọng số



|   |      |       |
|---|------|-------|
| 4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022                          | 400  | 5,63  |
| 5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022                              | 400  | 5,63  |
| 6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022               | 400  | 5,63  |
| 7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt                   | 1532 | 21,58 |
| 8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán đã được phê duyệt)                      | 83   | 1,17  |
| 9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2023  | 150  | 2,11  |
| 10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023                                   | 100  | 1,41  |
| 11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 | 100  | 1,41  |
| <b>Theo tiêu chí đánh giá</b>   |      |       |
| 1. Tính sẵn có  | 850  | 11,97 |
| 2. Tính kịp thời  | 533  | 7,51  |
| 3. Tính thuận tiện  | 650  | 9,15  |
| 4. Tính đầy đủ  | 3500 | 49,30 |
| 5. Tính tin cậy   | 465  | 6,55  |
| 6. Tính liên tục  | 300  | 4,23  |

Kết quả khảo sát POBI 2022 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

#### **Tính thuận tiện của tài liệu công khai**

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính và UBND tỉnh Yên Bái, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Thư mục công khai ngân sách: Cổng TTĐT của Sở Tài chính có thư mục riêng về công khai ngân sách. Các tài liệu được phân chia cụ thể theo tài liệu hoặc theo năm và có nội dung mới được cập nhật. Website của HĐND tỉnh không có thư mục riêng về tài liệu kỳ họp của HĐND tỉnh.
- Định dạng của tài liệu: Các tài liệu đều được công khai dưới dạng Microsoft word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng.

#### **Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai**

- Sở Tài chính tỉnh Yên Bái đã công khai 11/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh; Báo cáo dự

toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022; Báo cáo ngân sách công dân năm 2023; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn; Kế hoạch Đầu tư công của tỉnh năm 2023; Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2023; và Báo cáo kết quả thực hiện các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2021.

### **Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai**

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có 06 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 06 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Quý 1 năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022 và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn.
- 01 tài liệu không được công khai kịp thời là: Báo cáo ngân sách công dân năm 2023.

### **Tính đầy đủ của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm thuyết minh. Báo cáo này phản ánh 13/13 biểu (từ Biểu 33 tới Biểu 45) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo các loại thuế. Biểu 39/CK-NSNN phản ánh toàn bộ các nội dung của các lĩnh vực chi đầu tư (12 lĩnh vực). Báo cáo không phản ánh dự toán cho các khoản chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo này phản ánh 13/13 biểu (từ Biểu 46 tới Biểu 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18

mục nhỏ) và chi tiết theo các loại thuế. Báo cáo không phản ánh dự toán cho các khoản chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh và phản ánh đầy đủ 03 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được phê duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh và phản ánh đầy đủ 03 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được phê duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh và phản ánh đầy đủ 03 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được phê duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh và phản ánh đầy đủ 03 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán được phê duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ Biểu số 62 đến Biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế (Biểu số 63/CK-NSNN). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo phản ánh đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện, trong đó

phản ánh chi tiết về quyết toán số vốn trong nước và số vốn ngoài nước cho từng chương trình mục tiêu (Biểu số 68/CK-NSNN).

### **Tính tin cậy của các tài liệu được công khai**

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 34%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2021 của tỉnh là 7,9%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 7,5%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2021 của tỉnh là 69,3%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2021 của tỉnh là -4,9%.
- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2021 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là -7% (giảm 7%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này giảm ít hơn so với mức giảm của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2021 (giảm 27%).
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên hàng năm cho giáo dục và đào tạo năm 2023 so với 2022 là -4,5% (giảm 4,5%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này giảm nhiều hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023 so với 2022 (tăng 5%).
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên hàng năm cho y tế và dân số năm 2023 so với 2022 là 14,7% (tăng 14,7%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng nhiều hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023 so với 2022 (tăng 5%).

### **Tính liên tục của tài liệu được công khai**

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh (2019, 2020 và 2021) đều được công khai trong năm năm liên tiếp.

### **Công khai các tài liệu được khuyến khích**

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2023, Kết quả kiểm toán ngân sách nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2023-2025.
- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2021 hoặc 2022 và Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

## **Sự tham gia của người dân**

- Trang TTĐT của Sở Tài chính không có thư mục hỏi đáp, nhưng có email và có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng TTĐT của Sở Tài chính vào ngày 11/01/2023, tuy nhiên nhóm không nhận được phản hồi.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh.
- Cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo).
- Cổng TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND và cũng không công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2022.

## **Trách nhiệm giải trình**

- HĐND tỉnh không có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề; không công khai báo cáo giám sát về ngân sách trên cổng TTĐT của HĐND và cũng không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2023 (kỳ họp tháng 12/2022).
- Cổng TTĐT của HĐND tỉnh không có công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh và Sở Tài chính đều không có công khai thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng).
- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2023 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2022 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh không còn sử dụng các kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2023 tới người dân.
- Trang web của Sở Tài chính có công khai báo cáo kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc năm 2021.

## PHẦN 4 PHỤ LỤC

### PHỤ LỤC 1: KHUNG PHÁP LÝ VỀ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

#### I. LUẬT NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 2015

Khung pháp lý cao nhất cho việc công khai thông tin NSNN là Luật NSNN năm 2015. Khoản 1, Điều 15, Luật NSNN 2015, quy định chi tiết các thông tin phải được công khai, nội dung, hình thức và thời điểm công khai các thông tin. Các tài liệu bắt buộc phải công bố công khai theo Luật NSNN 2015 bao gồm: (i) Dự toán ngân sách nhà nước trình Quốc hội, Hội đồng nhân dân; (ii) Dự toán ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền quyết định; (iii) Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách nhà nước; (iv) Quyết toán ngân sách nhà nước được Quốc hội, Hội đồng nhân dân phê chuẩn. Việc công khai được thực hiện theo quy định sau đây:

*Thứ nhất*, về nội dung công khai bao gồm: (i) Số liệu và báo cáo thuyết minh dự toán ngân sách nhà nước trình Quốc hội, Hội đồng nhân dân, (ii) Dự toán đã được cấp có thẩm quyền quyết định, (iii) Tình hình thực hiện ngân sách nhà nước và quyết toán ngân sách nhà nước; (iv) kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước; trừ số liệu chi tiết, báo cáo thuyết minh thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh, dự trữ quốc gia. Khoản 3, Điều 15 cũng nêu rõ nội dung công khai phải bảo đảm đầy đủ theo các chỉ tiêu, biểu mẫu do Bộ Tài chính quy định.

*Thứ hai*, về hình thức công khai, việc công khai ngân sách nhà nước được thực hiện bằng một hoặc một số hình thức: công bố tại kỳ họp, niêm yết tại trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị; phát hành ấn phẩm; thông báo bằng văn bản đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan; đưa lên trang thông tin điện tử; thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng.

*Thứ ba*, về thời điểm công khai: Báo cáo dự toán ngân sách nhà nước phải được công khai chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày Chính phủ gửi đại biểu Quốc hội, Ủy ban nhân dân gửi đại biểu Hội đồng nhân dân. Báo cáo dự toán ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền quyết định, báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê chuẩn, kết quả kiểm toán ngân sách nhà nước, kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước phải được công khai chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày văn bản được ban hành. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách nhà nước hằng quý, 06 tháng phải được công khai chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày kết thúc quý và 06 tháng. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách nhà nước hằng năm được công khai khi Chính phủ trình Quốc hội vào kỳ họp giữa năm sau.

#### II. THÔNG TƯ 343/2016/TT-BTC HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CÔNG KHAI NSNN

Việc công khai ngân sách tỉnh (ngân sách địa phương) và ngân sách cấp tỉnh được quy định tại các điều từ Điều 7 đến Điều 10 của Thông tư 343/2016/TT-BTC hướng dẫn thực hiện công khai NSNN. Bao gồm các thông tin về nội dung công khai, trách nhiệm công khai, hình thức công khai và thời điểm công khai đối với từng loại tài liệu ngân sách. Việc công khai được thực hiện theo các quy định sau đây:

*Thứ nhất*, về nội dung công khai bao gồm: (i) Công khai chỉ tiêu, biểu mẫu, thuyết minh làm căn cứ trình HĐND cấp tỉnh quyết định dự toán ngân sách tỉnh và phân bổ ngân sách cấp tỉnh (các biểu từ 33 đến biểu 45), (ii) Công khai số liệu dự toán ngân sách tỉnh và phân bổ ngân sách cấp tỉnh đã được HĐND quyết định (các biểu từ 46 đến biểu 58), (iii) Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách tỉnh (06 tháng, năm) đã được báo cáo UBND cấp tỉnh (các biểu từ 59 đến biểu 61), (iv) Công khai số liệu và thuyết minh quyết toán ngân sách tỉnh đã được HĐND cấp tỉnh phê chuẩn (các biểu từ 62 đến biểu 68).

*Thứ hai*, về trách nhiệm công khai, UBND cấp tỉnh thực hiện công khai hoặc giao Sở Tài chính thực hiện công khai các nội dung quy định. Đối với số liệu dự toán ngân sách tỉnh và phân bổ ngân sách cấp tỉnh và số liệu và thuyết minh quyết toán ngân sách tỉnh đã được HĐND cấp tỉnh phê chuẩn, UBND cấp tỉnh ban hành Quyết định công bố công khai ngân sách và các biểu mẫu theo quy định của Thông tư 343 (mẫu số 02/ QĐ-CKNS).

*Thứ ba*, về hình thức công khai: Việc công khai được thực hiện bằng một hoặc một số hình thức như: công bố tại kỳ họp, niêm yết tại trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị; phát hành ấn phẩm; thông báo bằng văn bản đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan; đưa lên trang thông tin điện tử; thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng; trong đó có hình thức bắt buộc là công bố trên Cổng/Trang thông tin điện tử của UBND tỉnh và Cổng/Trang thông tin điện tử của Sở Tài chính.

*Thứ tư*, về thời điểm công khai: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND cấp tỉnh phải được công khai chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày UBND cấp tỉnh gửi đại biểu HĐND cấp tỉnh. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND cấp tỉnh quyết định, quyết toán ngân sách tỉnh đã được HĐND cấp tỉnh phê chuẩn phải được công khai chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày văn bản được ban hành. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh hằng quý, 06 tháng phải được công khai chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày kết thúc quý và 06 tháng. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh hằng năm được công khai khi UBND cấp tỉnh trình HĐND dân cấp tỉnh.

### **III. CÁC QUY ĐỊNH CÔNG KHAI KHÁC**

Bên cạnh việc tuân thủ theo Luật NSNN năm 2015 thì các tài liệu ngân sách còn phải công khai theo một số các quy định của các luật khác như Luật Đầu tư công 2014, Luật Kiểm toán nhà nước 2015.

Điều 14 Luật Đầu tư công năm 2014 quy định về việc công khai minh bạch trong đầu tư công nêu rõ việc bắt buộc phải công bố công khai 10 loại tài liệu, trong đó các tài liệu có liên quan đến khoản mục ngân sách nhà nước như tài liệu về Danh mục dự án trên địa bàn, bao gồm quy mô, tổng mức đầu tư, thời gian, địa điểm; báo cáo đánh giá tác động tổng thể của dự án tới địa bàn đầu tư; Kế hoạch phân bổ vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm theo từng nguồn vốn, bao gồm danh mục dự án và mức vốn đầu tư công bố trí cho từng dự án.

Điều 50 và điều 51 Luật Kiểm toán nhà nước 2015 quy định rõ việc công khai các tài liệu về Báo cáo kiểm toán và Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán năm và báo cáo kết quả thực



hiện kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước. Theo đó, các tài liệu sau khi phát hành phải được công bố công khai, trừ những nội dung thuộc bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật. Tổng Kiểm toán Nhà nước tổ chức công khai báo cáo kiểm toán theo một trong các hình thức như họp báo, công bố trên công báo và phương tiện thông tin đại chúng, đăng tải trên trang thông tin điện tử và các ấn phẩm của Kiểm toán nhà nước và niêm yết tại trụ sở của đơn vị được kiểm toán.

Các tài liệu bắt buộc công bố công khai theo Luật Đầu tư công 2014, Luật Kiểm toán nhà nước năm 2015 được xếp vào nhóm các tài liệu khuyến khích các địa phương công khai, không đưa vào nhóm các tài liệu tính điểm POBI 2022.

## **PHỤ LỤC 2: PHƯƠNG PHÁP KHẢO SÁT POBI 2022**

POBI 2022 thực hiện khảo sát với 16 loại tài liệu ngân sách, trong đó có 11 tài liệu khảo sát để tính điểm POBI 2022 và 5 tài liệu khuyến khích công khai. Trong số 11 tài liệu khảo sát để tính điểm POBI 2022 có 7 loại tài liệu ngân sách bắt buộc phải công khai theo Luật NSNN 2015 và 4 tài liệu ngân sách cần phải công khai theo như thông lệ tốt của quốc tế.

Mức độ công khai, minh bạch ngân sách (tính là chỉ số công khai ngân sách POBI 2022) được xây dựng thông qua 6 tiêu chí là tính sẵn có, kịp thời, thuận tiện, đầy đủ, tin cậy và tính liên tục của các loại tài liệu ngân sách. Nội dung cụ thể của từng tiêu chí như sau:

*Tính sẵn có:* Tính sẵn có của các tài liệu ngân sách được xác định dựa trên việc công khai 10 tài liệu ngân sách trên cổng TTĐT của UBND tỉnh và/hoặc trang thông tin điện tử của Sở Tài chính, HĐND tỉnh, Sở KH&ĐT tỉnh và MTTQ tỉnh.

*Tính kịp thời (thời điểm công khai):* Tính kịp thời được xác định thông qua ngày công khai hoặc ngày đăng các tài liệu ngân sách trên cổng TTĐT của UBND tỉnh và/hoặc Sở Tài chính tỉnh.

*Tính thuận tiện:* Tính thuận tiện được xác định dựa trên định dạng tài liệu ngân sách được công khai trên cổng TTĐT. Tài liệu công khai được coi là thuận tiện khi cho phép người sử dụng/người đọc có thể dễ dàng tái sử dụng các thông tin cho công việc của họ.

*Tính đầy đủ:* Tính đầy đủ được xác định dựa trên việc công bố đầy đủ số lượng các bảng biểu và nội dung của một số bảng biểu theo quy định tại Thông tư 343 đối với từng loại tài liệu ngân sách.

*Tính tin cậy:* Khảo sát đánh giá khả năng dự báo chính xác của dự toán ngân sách năm 2021 so với thực tế (quyết toán ngân sách năm 2021) theo phương pháp phân tích ngân sách gọi tắt là PEFA thường được các tổ chức quốc tế và các nước đang áp dụng.

*Tính liên tục:* Tính liên tục, thường xuyên trong việc công bố các tài liệu ngân sách được xác định dựa trên việc công khai đầy đủ các loại tài liệu Báo cáo dự thảo dự toán trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự thảo dự toán đã được HĐND phê duyệt, và Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương trong ba năm gần nhất.

Tổng số câu hỏi khảo sát POBI 2022 có tính điểm bao gồm 101 câu hỏi. Số điểm tối đa cho mỗi câu hỏi là 100 điểm. Xếp hạng POBI 2022 về kết quả công khai minh bạch ngân sách của địa phương được thực hiện theo thang điểm với 4 mức. Mức A: Từ 75 - 100 điểm quy đổi, được hiểu là mức độ công khai ĐẦY ĐỦ. Mức B: Từ 50 - dưới 75 điểm quy đổi, được hiểu là mức độ công khai TƯƠNG ĐỐI. Mức C: Từ 25 - dưới 50 điểm quy đổi, được hiểu là mức độ công khai CHƯA ĐẦY ĐỦ. Mức D: Từ 0 - dưới 25 điểm quy đổi, được hiểu là mức độ công khai ÍT.

### **Trọng số khi tính điểm POBI 2022**

Theo chu trình ngân sách, Báo cáo tình hình thực hiện dự toán ngân sách Quý 1, 6 tháng, Quý 3 và cả năm 2022 chỉ được coi là loại tài liệu ngân sách. Vì vậy, để đảm bảo công bằng khi tính điểm, số điểm của các câu hỏi POBI 2022 cho Báo cáo 4 loại tài liệu này sẽ được tính bằng 50% tổng số điểm của từng câu hỏi.

### **Quy trình khảo sát POBI 2022**

Khảo sát POBI 2022 đã được thực hiện qua 3 vòng khảo sát như sau:

Vòng thứ nhất: Nhóm các đánh giá viên làm việc theo nhóm 2 người, tiến hành khảo sát độc lập POBI cho từng tỉnh, đưa ra các minh chứng. Sau đó, kết quả khảo sát vòng 1 được các đánh giá viên thực hiện so sánh, đối chiếu, kiểm tra lại kết quả. Kết quả khảo sát cuối cùng được thống nhất giữa hai đánh giá viên và được gửi tới cho nghiên cứu viên cao cấp.

Vòng thứ hai: Nhóm nghiên cứu viên cao cấp sẽ thực hiện kiểm tra, thẩm định lại kết quả khảo sát POBI vòng thứ nhất do các đánh giá viên thực hiện. Nếu có các sai khác giữa kết quả thẩm định của nghiên cứu viên cao cấp và kết quả khảo sát của các đánh giá viên thì kết quả chấm POBI sẽ được nhóm nghiên cứu kiểm tra, đối chiếu lại một lần nữa.

Vòng thứ ba: Kết quả khảo sát POBI sau khi được nghiên cứu viên cao cấp thẩm định và đồng ý sẽ được gửi cho các tỉnh để tham vấn và xác nhận lại. Kết quả khảo sát POBI cuối cùng là sự tổng hợp của ba vòng khảo sát trên.

**Liên minh Minh bạch Ngân sách (BTAP)** ra đời với mục đích tìm kiếm, thử nghiệm và thúc đẩy việc áp dụng các giải pháp hiệu quả hướng tới công khai minh bạch, trách nhiệm giải trình và sự tham gia của người dân trong quy trình ngân sách nhà nước tại Việt Nam, góp phần tạo ra những thay đổi tích cực để đảm bảo công bằng cho mọi người và sự phát triển chung của đất nước.

**Khảo sát Chỉ số Công khai Ngân sách tỉnh (POBI)** là khảo sát đầu tiên ở Việt Nam về mức độ công khai ngân sách tỉnh, do Liên minh Minh bạch Ngân sách (BTAP) chủ trì, Trung tâm Phát triển và Hội nhập (CDI) và Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chiến lược Việt Nam (VESS) thực hiện. Kết quả khảo sát là công cụ giúp các địa phương và cơ quan trung ương tham chiếu, đo lường mức độ công khai, minh bạch trong quản lý ngân sách nhà nước tại các tỉnh. POBI cũng là công cụ hỗ trợ Việt Nam thực hiện cải cách hành chính và tài khoá tốt hơn, góp phần hoàn thành mục tiêu phát triển bền vững SDG 16 về minh bạch, giải trình có sự tham gia của người dân.

## ẤN PHẨM ĐÃ CÔNG BỐ

